

GS.TS. TẠ NGỌC TẤN (Chủ biên)
GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ, PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG
ThS. LÊ ĐỨC THẮNG (Đồng chủ biên)

CƯỜNG LĨNH 2011

NHỮNG VẤN ĐỀ
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
QUA 10 NĂM THỰC HIỆN



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
TRẦN THỊ THANH PHIỆT
ThS. TRỊNH THỊ NGỌC QUỲNH
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO
Đọc sách mẫu: TRẦN THỊ THANH PHIỆT
TRỊNH THỊ NGỌC QUỲNH
BÍCH LIÊU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 2266-2021/CXBIPH/1-23/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 413-QĐ/NXBCTQG, ngày 29/6/2021.
Nộp lưu chiếu: tháng 7 năm 2021.
Mã ISBN: 978-604-57-6886-0.

CƯƠNG LĨNH 2011

**NHỮNG VẤN ĐỀ
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
QUA 10 NĂM THỰC HIỆN**

GS.TS. TẠ NGỌC TẤN (Chủ biên)
GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ, PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG
ThS. LÊ ĐỨC THẮNG (Đồng chủ biên)

CƯỜNG LĨNH 2011

**NHỮNG VẤN ĐỀ
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
QUA 10 NĂM THỰC HIỆN**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Mười năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011 trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, lại bị tác động của đại dịch Covid-19, tuy đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn, nhưng kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Nước ta đang tiến hành đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược có bước chuyển biến tích cực, đạt một số kết quả khích lệ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được xác lập đầy đủ theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập; giáo dục và đào tạo có bước đổi mới, đóng góp tích cực vào phát triển con người, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; kết cấu hạ tầng được xây dựng theo hướng đồng bộ với một số công trình hiện đại; các lĩnh vực văn hóa, xã hội được tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; an sinh xã hội, phúc lợi xã hội được bảo đảm; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng; quốc phòng, an ninh được tăng cường; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; vị thế và uy tín

quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao. Tuy nhiên, cùng với những thành tựu đạt được, kinh tế - xã hội nước ta vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước.

Để bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo về các vấn đề trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương xuất bản cuốn sách ***Cương lĩnh 2011: Những vấn đề lý luận và thực tiễn qua 10 năm thực hiện*** do GS.TS. Tạ Ngọc Tấn chủ biên, GS.TS. Phùng Hữu Phú, PGS.TS. Nguyễn Viết Thông, ThS. Lê Đức Thắng đồng chủ biên.

Nội dung cuốn sách tập trung nghiên cứu làm rõ: giá trị, sự vận dụng, phát triển những bài học kinh nghiệm lớn của Cương lĩnh năm 2011; những vấn đề chung về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; những vấn đề về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; những vấn đề về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng; đánh giá tổng quát về nhận thức lý luận và thực tiễn qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011; và đưa ra những đề xuất, kiến nghị.

Các nội dung đề cập trong cuốn sách là rất rộng lớn, lại có sự biến động liên tục trong thực tế, vì vậy nội dung cuốn sách khó tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót. Hội đồng Lý luận Trung ương và Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc về nội dung cuốn sách.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 01 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương I

GIÁ TRỊ VÀ SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM LỚN CỦA CƯƠNG LĨNH NĂM 2011

I. CƯƠNG LĨNH, GIÁ TRỊ CƯƠNG LĨNH NĂM 2011

1. Cương lĩnh - kim chỉ nam của các chính đảng

Cương lĩnh là văn bản kết tinh trí tuệ, phản ánh năng lực của một chính đảng. Theo đồng chí Nguyễn Phú Trọng: “Mỗi một chính đảng hoặc tổ chức chính trị, để có chính danh, định hướng hành động cho các thành viên của mình và tập hợp tổ chức quần chúng, thường cần phải có cương lĩnh hoặc những văn bản có tính cương lĩnh (như tuyên ngôn, tuyên bố, lời kêu gọi...), trong đó trình bày những quan điểm cơ bản về mục đích, đường lối, nhiệm vụ, cách thức hoạt động cho một giai đoạn lịch sử nhất định”¹. Xuất hiện trong những hoàn cảnh, điều kiện lịch sử khác nhau, với những mục đích chính trị cụ thể khác nhau, cương lĩnh chính trị của các chính đảng có những giá trị cụ thể khác nhau. Song nhìn một cách tổng

1. Nguyễn Phú Trọng: “Cương lĩnh chính trị - ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 02/2010.

quát, giá trị của một cương lĩnh chính trị, ở những mức độ khác nhau, tùy thuộc vào tính khoa học, tính khả thi, thường thể hiện trên 3 bình diện cơ bản:

Thứ nhất, cương lĩnh xác định mục tiêu chiến lược, tạo cơ sở thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng;

Thứ hai, cương lĩnh là ngọn cờ tập hợp, đoàn kết các lực lượng xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu thực hiện thành công mục tiêu, lý tưởng của Đảng;

Thứ ba, cương lĩnh là văn bản quan trọng, cao nhất của Đảng có giá trị định hướng, chỉ đạo chiến lược to lớn, toàn diện đối với sự nghiệp phát triển của một đất nước trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

Đảng Cộng sản là tổ chức chính trị của giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và đông đảo nhân dân lao động. Trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột vì mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, Đảng Cộng sản đặc biệt coi trọng việc xây dựng, thực hiện cương lĩnh chính trị.

Vào giữa thế kỷ XIX, khi phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản các nước phương Tây có những chuyển biến mới, C.Mác và người bạn thân thiết của ông - Ph.Ăngghen, nhận thức sâu sắc rằng: “Hiện nay đã đến lúc những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, ý đồ của mình và phải có một Tuyên ngôn của Đảng của mình để đáp lại một câu chuyện hoang đường về bóng ma cộng sản”¹. Hai ông đã dành tâm huyết, trí tuệ viết bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, năm 1848. Đây là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Liên đoàn những người cộng sản

1. Xem *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Marxist internet Archive.

do C.Mác sáng lập và cũng là cương lĩnh chính trị đầu tiên của những người cộng sản trên toàn thế giới. Bản Cương lĩnh này đã trình bày sáng tỏ mục tiêu, chương trình hành động của những người cộng sản; kêu gọi giai cấp vô sản toàn thế giới liên hiệp lại, đấu tranh lật đổ trật tự xã hội tư bản để xây dựng một trật tự xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa, một xã hội không còn áp bức, bóc lột, mọi người lao động được giải phóng, được tự do, bình đẳng. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trở thành ngọn cờ tư tưởng, chính trị của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế; trở thành tác phẩm bất hủ mà giá trị to lớn của nó còn mãi với thời gian.

Là người kế thừa, phát triển xuất sắc học thuyết của C.Mác trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin đặc biệt chú trọng công tác hoạch định đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản, nhất là xây dựng cương lĩnh. Người nhiều lần nhấn mạnh, không thể có một đảng xã hội chủ nghĩa vững mạnh nếu không có lý luận cách mạng để đoàn kết tất cả những người xã hội chủ nghĩa lại, Đảng Cộng sản lãnh đạo trước hết phải bằng cương lĩnh, đường lối; “Cương lĩnh là một bản tuyên ngôn vắn tắt, rõ ràng và chính xác nói lên *tất cả những điều mà đảng muốn đạt được và vì mục đích gì mà đảng đấu tranh*”¹. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng Bôn-sê-vích Nga tiến hành cuộc đấu tranh giành và xây dựng chính quyền cách mạng, V.I.Lênin đã dành công sức xây dựng nhiều văn bản có tính chất cương lĩnh, nổi bật là Luận cương tháng Tư (ngày 16 tháng 4 năm 1917) và Cương lĩnh về dân tộc. Những văn kiện tâm cương lĩnh

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.7, tr.203-204.

của V.I. Lênin có giá trị và tầm ảnh hưởng to lớn không chỉ đối với cách mạng Nga mà còn đối với phong trào cách mạng toàn thế giới.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà lãnh đạo thiên tài của Đảng ta từ rất sớm đã đặc biệt coi trọng công tác xây dựng và thực hiện cương lĩnh chính trị của Đảng (mà Người gọi là Đảng cương). Người xác định: “*Đảng cương* là một văn kiện nó quy định: tính chất của Đảng, mục đích đấu tranh và đường lối cách mạng của Đảng, phương pháp lãnh đạo cách mạng của Đảng”¹. Người nhấn mạnh: “*Đảng cương* là lý luận nền tảng, Đảng dùng để lãnh đạo cách mạng. Nó đảm bảo cho *chính trị thống nhất, tư tưởng thống nhất* của Đảng. Vì vậy, mỗi đảng viên nhất định phải thừa nhận và theo đúng Đảng cương. Nếu không vậy, thì tư tưởng rối loạn, ý kiến sẽ lung tung, Đảng sẽ yếu đuối, rời rạc, không làm gì được”².

Dưới ngọn cờ tư tưởng và sự lãnh đạo của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay luôn chú trọng xây dựng và lãnh đạo thực hiện các cương lĩnh chính trị phù hợp với điều kiện, yêu cầu của từng thời kỳ, giai đoạn cách mạng. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành 5 bản cương lĩnh:

- Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt (tháng 2 năm 1930);
- Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10 năm 1930);
- Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2 năm 1951);

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.282.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991);

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Mỗi cương lĩnh của Đảng được ban hành, thực hiện trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể và đều trở thành nền tảng tư tưởng, lý luận, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng, của cách mạng Việt Nam; trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối cho toàn Đảng, toàn dân đấu tranh, lao động, sáng tạo, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành những thắng lợi vĩ đại.

Cương lĩnh năm 2011 được xây dựng trên cơ sở tổng kết quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, trực tiếp là tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 25 năm công cuộc đổi mới, dự báo xu thế phát triển của thế giới, của đất nước, đề ra mục tiêu, mô hình, phương hướng và những định hướng lớn phát triển đất nước.

2. Bối cảnh thực hiện Cương lĩnh năm 2011

(1) Bối cảnh quốc tế, khu vực giai đoạn 2011-2020

Bối cảnh quốc tế, khu vực 10 năm qua cơ bản diễn ra như dự báo của Đại hội XI và Đại hội XII của Đảng, đồng thời có những diễn biến mới, trong đó nổi lên là:

Tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự

phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng... diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực.

Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân túy trong quan hệ quốc tế gia tăng. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới.

Sau cuộc khủng hoảng năm 2008, kinh tế thế giới phục hồi, nhưng chậm và không ổn định, do tác động của đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới lại lâm vào khủng hoảng và suy thoái trầm trọng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng quyết liệt. Những vấn đề toàn cầu như bảo vệ hòa bình, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục diễn biến phức tạp.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược

giữa một số nước lớn, gây ra nhiều bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt. ASEAN tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong lẫn bên ngoài.

(2) Bối cảnh trong nước giai đoạn 2011-2020

Sau 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để triển khai thực hiện Cương lĩnh năm 2011.

10 năm qua là thời kỳ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia ký kết và thực hiện những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới rất quan trọng, như CPTPP, EVFTA.

Kinh tế từng bước ra khỏi *khủng hoảng* và lấy lại đà tăng trưởng cao trong những năm 2014-2019, nhưng đến đầu năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng rơi xuống mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua. Kinh tế vĩ mô ổn định nhưng chưa vững chắc.

Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn tồn tại, đó là: tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn,

thách thức. Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

Tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, bất thường, ngày càng nghiêm trọng hơn.

Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới trong triển khai thực hiện Cương lĩnh năm 2011.

Thực tiễn 10 năm qua đã chứng minh tính đúng đắn và giá trị to lớn, toàn diện về tư tưởng, lý luận, thực tiễn của Cương lĩnh năm 2011.

3. Giá trị tư tưởng, lý luận của Cương lĩnh năm 2011

Thứ nhất, Cương lĩnh là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh năm 2011 được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, trong bối cảnh thế giới vừa trải qua cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu, phần lớn các quốc gia vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn do tác động nhiều mặt về kinh tế, xã hội sau khủng hoảng. Những nhận định của Cương lĩnh năm 2011 về tính chất của thế giới đương đại phản ánh xu thế vận động khách quan: “Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công... Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản”¹; “Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 69.

tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*¹.

Những nhận định của Cương lĩnh năm 2011 thể hiện niềm tin vững chắc của Đảng trên cơ sở khoa học, thực tiễn về mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Niềm tin của Đảng tạo thành niềm tin của đại đa số cán bộ, đảng viên, nhân dân; khắc phục cơ bản sự mơ hồ về sự thay đổi bản chất và tiền đề của chủ nghĩa tư bản, sự dao động, hoài nghi về tương lai của chủ nghĩa xã hội. Đây là cơ sở quan trọng góp phần củng cố sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận xã hội.

Cương lĩnh năm 2011 được bổ sung, phát triển trên cơ sở nghiên cứu lý luận với tư duy đổi mới và sự tổng kết thực tiễn đất nước qua hơn 20 năm đổi mới, thực tiễn thế giới với nhiều biến động, xu thế vận động mới đã làm sáng tỏ hơn những đặc trưng cơ bản của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, nhân dân ta phấn đấu xây dựng, những mục tiêu, phương hướng, những định hướng lớn trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống đất nước với tầm nhìn trung hạn, dài hạn. Cương lĩnh năm 2011 và những nghị quyết của Đảng từ Đại hội XI và Đại hội XII đến nay khẳng định sự vững vàng của Đảng, sự đúng đắn của đường lối đổi mới, thật sự trở thành ngọn cờ tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Một mặt, Cương lĩnh củng cố, tăng cường sức mạnh đoàn kết, quyết tâm chính trị, tinh thần lao động, sáng tạo của toàn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.69.

Đảng, toàn dân, mặt khác củng cố bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên, nhân dân trước những âm mưu, hành động xuyên tạc, kích động, chống phá chủ nghĩa xã hội, chống phá Đảng của các thế lực thù địch, phản động. Trận địa tư tưởng được giữ vững, sức mạnh tinh thần được tăng cường. Đó chính là cội nguồn và động lực tạo nên những thành tựu to lớn, toàn diện của đất nước trong 10 năm qua.

Thứ hai, Cương lĩnh là nền tảng lý luận để Đảng ta tiếp tục phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nhận thức về bối cảnh quốc tế trong thế giới đương đại, từ những dự báo, nhận định tổng quát, chính xác được trình bày trong Cương lĩnh, Đảng ta đã tiếp tục cập nhật những động thái, xu hướng, diễn biến mới ở khu vực, quốc tế, nhất là sự điều chỉnh chiến lược và sự cạnh tranh, đấu tranh quyết liệt giữa các nước lớn; sự liên kết, tập hợp lực lượng và hình thành những thể chế chính trị, kinh tế mới trên thế giới; sự xuất hiện, gia tăng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cường quyền áp đặt, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ...; sự gia tăng các thách thức an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống; sự phát triển của khoa học - công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư..., phân tích những tác động thuận, không thuận đến nước ta để chủ động ứng phó.

Trong những năm qua, tám đặc trưng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh năm 2011 đã định hướng và đặt cơ sở phương pháp luận để Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn nội hàm của từng đặc trưng và mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các đặc trưng. Nổi bật là nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vai trò làm chủ, quyền làm chủ của nhân dân; về vị trí trung tâm của kinh tế,

về tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, chú trọng chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế; về vai trò nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh của văn hóa, vai trò của con người vừa là mục tiêu, vừa là chủ thể, động lực phát triển của xã hội; về vai trò, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; về mối quan hệ giữa dân tộc và nhân loại, quốc gia và quốc tế. Đảng ta cũng nhận thức sâu sắc hơn thời cơ, thách thức đối với đất nước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời có cơ sở để tính toán các bước đi, thiết kế các hình thức tổ chức kinh tế, xã hội quá độ phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng giai đoạn.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh là định hướng quan trọng để Đảng, qua Đại hội XI, Đại hội XII và các hội nghị trung ương (đặc biệt là Hội nghị Trung ương 5, Hội nghị Trung ương 7 và Hội nghị Trung ương 8 khóa XII) tập trung nghiên cứu, cụ thể hóa mục tiêu, tiêu chí, chỉ tiêu phấn đấu qua các chiến lược phát triển 10 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, với tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI, phấn đấu đến năm 2030 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

10 năm qua, bám sát 8 phương hướng cơ bản nêu trong Cương lĩnh năm 2011, Đảng ta đã cụ thể hóa, bổ sung, làm sáng tỏ hơn phương hướng phát triển đất nước qua từng chặng đường. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tiếp cận theo tư duy mới gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng,

cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa rút ngắn, nhấn mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, chú trọng chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững. Nhận thức về kinh tế thị trường ngày càng được hoàn thiện theo hướng xây dựng nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập, không ngừng hoàn thiện thể chế, bảo đảm độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Phương hướng xây dựng văn hóa, con người; phát triển xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị... được cụ thể hóa, bổ sung về nhận thức, ngày càng hoàn thiện, phong phú hơn. Đặc biệt, quan hệ gắn bó giữa tám phương hướng cơ bản đã được Đảng nhận thức một cách khoa học theo tư duy tổng thể: “Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”¹.

Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh, trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt tám mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.17.

nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ¹. Đây là sự khái quát ở tầm lý luận những vấn đề cốt lõi phản ánh quy luật vận động của cách mạng Việt Nam thời kỳ đổi mới. Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh, trên cơ sở bám sát thực tiễn đổi mới, Đảng nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn ý nghĩa đặc biệt quan trọng của việc nhận thức, giải quyết các mối quan hệ lớn, đồng thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu mới. Đại hội XII của Đảng điều chỉnh quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” thành “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa” và bổ sung mối quan hệ “giữa nhà nước và thị trường”² (Hội nghị Trung ương 5 khóa XII bổ sung quan hệ này thành “giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”).

Thứ ba, Cương lĩnh là nền tảng lý luận để Đảng cụ thể hóa, từng bước hoàn thiện định hướng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trên cơ sở những định hướng lớn nêu trong Cương lĩnh năm 2011, qua 10 năm thực hiện, Đảng đã bổ sung, cụ thể hóa

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.72-73.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.17-18.

định hướng phát triển các lĩnh vực quan trọng của đời sống đất nước gắn với định hướng xây dựng Đảng, hệ thống chính trị.

Về kinh tế: xác định rõ hơn nội hàm, đặc trưng, cơ cấu, quan hệ bên trong và định hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khẳng định đó là một loại hình kinh tế thị trường phù hợp với điều kiện Việt Nam, vừa tuân thủ đầy đủ quy luật thị trường, vừa coi trọng, tăng cường các thành tố định hướng xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ quá trình phát triển, phù hợp với điều kiện đất nước trong từng giai đoạn. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thống nhất, bao gồm nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình sản xuất, kinh doanh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng. Nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả quan hệ Nhà nước, thị trường và xã hội; hình thành và vận hành đồng bộ các loại thị trường, các yếu tố thị trường, hướng tới phát triển kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành, phát triển gắn liền với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tư duy đổi mới, nổi bật là đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển từ phát triển theo chiều rộng dựa trên xuất khẩu tài nguyên thô và nguồn nhân lực giá rẻ sang kết hợp phát triển hợp lý chiều rộng và chiều sâu, chủ đạo là phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức, chú trọng năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ, sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng và nền quản trị tiên tiến. Cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế, cơ cấu ngành và cơ cấu doanh nghiệp, trọng tâm là

cơ cấu lại đầu tư, doanh nghiệp nhà nước, thị trường tài chính, tín dụng; huy động, phát huy mọi nguồn lực trong nước, ngoài nước; thực hiện 3 đột phá chiến lược về thể chế, nguồn nhân lực, hệ thống kết cấu hạ tầng; phát triển nhanh, bền vững; xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Về văn hóa, xã hội, con người: vai trò, đặc trưng, phương hướng phát triển của văn hóa, con người Việt Nam được xác định đầy đủ, rõ nét hơn. Văn hóa là mục tiêu, nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Xây dựng văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với những đặc trưng: dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học; chú trọng xây dựng môi trường văn hóa; phát triển toàn diện, hợp lý các lĩnh vực văn hóa; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; đột phá cơ chế, chính sách phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; làm cho văn hóa thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là chính trị, kinh tế - xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế. Con người là chủ thể, là trung tâm của chiến lược phát triển; phát triển toàn diện con người Việt Nam về tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn, thể chất, về đạo đức, nhân cách, lối sống với các đặc tính cơ bản yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người; mọi hoạt động văn hóa đều phải hướng tới xây dựng, phát triển con người, vì con người.

Những định hướng chính sách xã hội được xác định trong Cương lĩnh năm 2011 là cơ sở để Đảng tiếp tục hoàn thiện các định hướng phát triển an sinh xã hội, bảo đảm phúc lợi xã hội, xóa đói, giảm nghèo, cải cách tiền lương, giải quyết việc làm, thu nhập của người lao động; hoàn

thiện chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách dân số... từng bước bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ công dân. Phát triển định hướng của Cương lĩnh về xây dựng cộng đồng xã hội văn minh, Đại hội XII của Đảng đã đưa ra định hướng quản lý phát triển xã hội gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội nhằm từng bước kiến tạo một xã hội hài hòa, bền vững về cơ cấu xã hội, về lợi ích, về trình độ phát triển giữa các vùng miền, các lĩnh vực, các giai tầng, cộng đồng xã hội; khắc phục sự mất cân đối, sự phân hóa, phân tầng, bất bình đẳng xã hội, giải quyết các mâu thuẫn, xung đột, các tệ nạn, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Vấn đề quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ bền vững môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, từ những định hướng của Cương lĩnh đã được Đảng phát triển thành một nội dung quan trọng với những định hướng toàn diện trong Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

Về quốc phòng, an ninh: định hướng của Cương lĩnh là cơ sở quan trọng để Đảng lãnh đạo xây dựng, không ngừng hoàn thiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự Việt Nam, Chiến lược an ninh mạng quốc gia...: làm sâu sắc, đầy đủ hơn nội hàm “bảo vệ Tổ quốc”, quan hệ khăng khít giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa tăng cường quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Định hướng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân trên nền tảng “thế trận lòng dân”, định hướng xây dựng lực lượng vũ trang

cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại và phương lược bảo vệ Tổ quốc không ngừng được hoàn thiện, hình thành lý luận và khoa học quân sự, an ninh Việt Nam trong thời kỳ mới.

Về đối ngoại: quán triệt định hướng của Cương lĩnh: thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế..., Đảng chú trọng bám sát thực tiễn khu vực, thế giới, tăng cường nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng, phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh, phát triển lý luận ngoại giao làm cơ sở hoàn thiện đường lối đối ngoại đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, gắn lợi ích đất nước với lợi ích của cộng đồng khu vực, quốc tế trên cơ sở nêu cao ngọn cờ hòa bình, chính nghĩa, tôn trọng luật pháp quốc tế, xử lý đúng đắn vấn đề đối tượng, đối tác, mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác song phương, đa phương, chủ động tham gia xây dựng các định chế khu vực, quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Đó là những bước phát triển về lý luận ngoại giao trên nền tảng những định hướng có tính nguyên tắc của Cương lĩnh.

Về hệ thống chính trị và sự lãnh đạo của Đảng: trong 10 năm qua, tư tưởng, quan điểm chỉ đạo của Cương lĩnh là những định hướng có tính nguyên tắc, là cơ sở để Đảng làm sâu sắc, đầy đủ hơn nhận thức lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa, về đổi mới hệ thống chính trị, trọng tâm là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về bản chất, nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Gắn xây dựng Đảng với xây dựng hệ thống chính trị; gắn xây dựng với

chỉnh đốn Đảng. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức đi đôi với đấu tranh phòng ngừa, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp. Xây dựng, đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, khắc phục những biểu hiện hành chính hóa. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ đi đôi với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu... Các quan điểm nêu trong Cương lĩnh về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng được cụ thể hóa và phát triển rõ nét trong Hiến pháp năm 2013.

4. Giá trị thực tiễn của Cương lĩnh năm 2011

Cương lĩnh năm 2011 được bổ sung, phát triển trên cơ sở kế thừa những nội dung còn hợp lý của Cương lĩnh năm 1991, căn cứ vào thực tiễn đất nước. Cương lĩnh có giá trị chỉ đạo xây dựng các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch. Cương lĩnh đã định hướng giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn và đã từng bước được hiện thực hóa, tạo ra những thành tựu có thể đo đếm được trong đời sống đất nước.

Đối chiếu với 8 đặc trưng, 8 phương hướng cơ bản và những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống

chính trị được xác định trong Cương lĩnh năm 2011 cho thấy, sau 10 năm thực hiện, đất nước đã có những bước phát triển rõ rệt, đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Về kinh tế: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã định hình rõ nét và vận hành có hiệu quả với sự hình thành tương đối đồng bộ các loại thị trường, các yếu tố thị trường, sự đan xen các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh, trong đó kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể có những chuyển biến mới, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh. Trong thực tiễn xuất hiện những mô hình liên kết, đối tác giữa các hình thức sở hữu, các doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ gia đình, đối tác công - tư...; kinh tế hỗn hợp bước đầu được hình thành. Nâng cao khả năng hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Quan hệ Nhà nước, thị trường và xã hội, giữa tuân theo các quy luật thị trường với bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa được nhận thức đầy đủ hơn và được giải quyết tốt hơn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp tục được đẩy mạnh, nổi bật là triển khai tích cực đổi mới mô hình tăng trưởng, chú trọng nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất theo hướng hiện đại. Cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế, cơ cấu lại các ngành kinh tế, cơ cấu các doanh nghiệp trên cơ sở thực hiện các đột phá chiến lược, nhờ vậy, năng suất lao động, chất lượng phát triển, giá trị tăng thêm và năng lực cạnh tranh được cải thiện. Một số lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ chất lượng cao... phát triển, tạo diện mạo mới của nền kinh tế. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vĩ mô giữ được ổn định, tốc độ tăng trưởng được duy trì ở mức cao, tiềm lực

kinh tế đất nước được nâng lên, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo.

Về văn hóa, xã hội, con người: Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được xây dựng, có những bước phát triển. Giá trị văn hóa truyền thống và tài nguyên văn hóa được bảo tồn, phát huy, được quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Các lĩnh vực văn hóa khởi sắc: văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; báo chí, truyền thông phát triển mạnh; hệ thống giáo dục, đào tạo không ngừng hoàn thiện, quy mô mở rộng; khoa học, công nghệ từng bước phát huy vai trò là động lực then chốt của phát triển; thể dục, thể thao có nhiều tiến bộ. Hoạt động văn hóa sôi động; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, ở các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, xây dựng đô thị văn minh, xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình văn hóa... phát triển sâu rộng. Thiết chế văn hóa tiếp tục được tăng cường; giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa được mở rộng. Đời sống tinh thần của nhân dân được cải thiện. Văn hóa ngày càng khẳng định vai trò nền tảng tinh thần trong đời sống xã hội.

Chính sách xã hội được chăm lo. Xóa đói, giảm nghèo đạt thành tựu quan trọng. An sinh xã hội phát triển; phúc lợi xã hội được bảo đảm; chăm sóc người có công, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi... chuyển biến tích cực; các dịch vụ cơ bản và điều kiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản được cải thiện. Mức sống của nhân dân được nâng lên. Giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân có những chuyển biến mới cả về số lượng và chất lượng. Đoàn kết các dân tộc và thực hiện chính sách tôn giáo, tín ngưỡng có nhiều tiến bộ. Cộng đồng xã hội được củng cố;

ổn định, an toàn xã hội được bảo đảm; tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những thành quả quan trọng.

Sự tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ, công bằng xã hội đã tạo điều kiện để con người Việt Nam có bước phát triển mới theo hướng toàn diện. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam tăng đáng kể, xếp thứ hạng cao trong khối các nước có thu nhập trung bình. Quyền con người, quyền công dân được tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ. Nhiều giá trị truyền thống về đạo đức, nhân cách con người được kế thừa, phát huy; một số tố chất mới của con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế từng bước định hình.

Mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” từng bước được thực hiện phù hợp với điều kiện đất nước trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh, tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế không ngừng mở rộng.

Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân tiếp tục được củng cố; sự kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quan hệ hai chiều giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại được thực hiện có kết quả trong các chương trình, đề án, dự án, công trình, nhất là trên các địa bàn trọng điểm. Các khu vực phòng thủ được tăng cường; lực lượng quân đội, công an được quan tâm xây dựng, chất lượng huấn luyện, trang bị vũ khí, khí tài, trình độ, năng lực sẵn sàng chiến đấu không ngừng được nâng lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội,

giữ vững ổn định chính trị, xã hội và môi trường hòa bình cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Ngoại giao nhà nước, đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân được đẩy mạnh; sự phối hợp và hiệu quả được nâng lên. Quan hệ đối ngoại với các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, với các nước lớn, các nước láng giềng tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu; các vấn đề quốc tế phức tạp, nhạy cảm được xử lý tinh táo, đúng đắn, hiệu quả; chủ động tham gia xây dựng các định chế quốc tế, giải quyết các vấn đề khu vực, toàn cầu. Hợp tác và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện. Đã ký kết và tích cực thực hiện nhiều hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương, trong đó có những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA. Thu hút mạnh nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguồn vốn ODA. Những thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế góp phần quan trọng làm tăng thêm sức mạnh tổng hợp quốc gia, phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước.

Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh, đặc biệt trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai quyết liệt, có nhiều chuyển biến tích cực. Tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở được kiện toàn; chức năng, nhiệm vụ được xác định rõ ràng hơn; nội dung, phương thức hoạt động và sinh hoạt được tiếp tục đổi mới. Xây dựng Đảng được chú trọng cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức, đạo đức gắn với việc đổi mới công tác cán bộ, tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác dân vận, triển khai sâu rộng học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh, nêu cao trách nhiệm và vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, từ Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương đến cấp ủy cơ sở. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng từng bước được nâng lên. Công tác xây dựng Đảng được triển khai đồng thời với việc chỉnh đốn Đảng toàn diện, tập trung vào việc giải quyết những vấn đề cấp bách, đấu tranh ngăn chặn, từng bước đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, quyết liệt chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Vai trò lãnh đạo được giữ vững, uy tín của Đảng được nâng lên, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ được củng cố.

Công tác xây dựng Đảng được triển khai đồng bộ với xây dựng, đổi mới hệ thống chính trị, trọng tâm là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Công tác lập pháp có nhiều chuyển biến tích cực; cải cách hành chính, cải cách tư pháp được đẩy mạnh; sự phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp thu được kết quả bước đầu. Bộ máy nhà nước tiếp tục được sắp xếp lại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. Tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới, hướng về cơ sở, gần dân, thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, quản lý xã hội.

Thành quả xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị theo định hướng của Cương lĩnh là nhân tố hàng đầu bảo đảm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực to lớn cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Thực tiễn 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011 gắn với 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đã khẳng định sự nhất quán, tính đúng đắn của đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng, lãnh đạo, cũng như giá trị to lớn, bền vững của Cương lĩnh của Đảng. Nhiều tư tưởng, định hướng của Cương lĩnh đã được cụ thể hóa, bổ sung, phát triển về nhận thức lý luận và đã được hiện thực hóa.

Cương lĩnh năm 2011 đưa ra những tư tưởng chỉ đạo lớn, những định hướng tổng quát, cơ bản nhất với tầm nhìn rất xa. Tuy nhiên, để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, nhiều đột biến, tình hình đất nước đang và sẽ xuất hiện nhiều vấn đề rất mới về lý luận, thực tiễn phải giải đáp. Vấn đề đặt ra là phải giữ vững những nguyên tắc, định hướng căn bản của Cương lĩnh, đồng thời phải tiếp tục cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo các nguyên tắc, định hướng của Cương lĩnh trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn. Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc đã được nêu trong Cương lĩnh, nhất là mục tiêu, phương hướng, các tính chất đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội, là bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không đi chệch hướng. Mặt khác, không ngừng sáng tạo trong vận dụng các nguyên tắc, đưa ra các giải pháp, làm tốt công tác dự báo, nắm bắt đúng những xu thế phát triển mới của thời đại, nhận thức đúng những chuyển biến mới, những yêu cầu mới của thực tiễn đất nước là điều kiện để thực hiện thắng lợi Cương lĩnh của Đảng. Quá trình thực hiện Cương lĩnh cũng chính là quá trình

nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát hiện những vấn đề mới, tìm tòi những khả năng, nguồn lực mới để tiếp tục bổ sung, làm phong phú thêm nội dung của Cương lĩnh, mở ra những điều kiện mới để giúp cho việc thực hiện Cương lĩnh hiệu quả hơn. Kiên định và đổi mới sáng tạo chính là phương pháp biện chứng mácxít, là biện chứng Hồ Chí Minh trong thực hiện Cương lĩnh. Chỉ có suy nghĩ và hành động theo phép biện chứng đó thì Cương lĩnh mới thật sự trở thành ngọn cờ tư tưởng, lý luận, kim chỉ nam cho hành động cách mạng, có giá trị bền vững, lâu dài đối với toàn Đảng, toàn dân ta trên con đường đi tới một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

II. VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM LỚN ĐƯỢC ĐÚC KẾT TRONG CƯƠNG LĨNH NĂM 2011

Từ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam qua hơn 80 năm, kế thừa những bài học kinh nghiệm được tổng kết tại Đại hội VI và những bài học kinh nghiệm qua 10 năm, 15 năm, 20 năm, 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Cương lĩnh năm 2011 đã đúc kết 5 bài học kinh nghiệm lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam¹.

Những bài học kinh nghiệm lớn nêu trên là sự tổng kết nghiêm túc những nhân tố cơ bản nhất của thành công và của cả chưa thành công trong cách mạng Việt Nam qua nhiều thời kỳ. Những bài học kinh nghiệm lớn không chỉ là cơ sở giúp cho việc nhận thức, đánh giá sâu sắc, chuẩn xác những vấn đề cốt lõi, bản chất của thời kỳ cách mạng đã qua, mà quan trọng hơn, đó chính là những cảm nang không thể thiếu trong hành trang lý luận giúp Đảng vững vàng tiếp tục lãnh đạo đất nước trong những chặng đường cách mạng sắp tới.

Trong quá trình lãnh đạo tổ chức thực hiện Cương lĩnh năm 2011, Đảng luôn coi trọng kế thừa, vận dụng sáng tạo và phát triển những bài học kinh nghiệm lớn được đúc kết trong Cương lĩnh.

1. Vận dụng và phát triển bài học kinh nghiệm: nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

(1) Nhận thức sâu sắc quan hệ biện chứng: độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc, trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh, Đảng ta chú trọng lãnh đạo thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; quan tâm chỉ đạo kết hợp chặt chẽ vấn đề độc lập dân tộc

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.65-66.

với chủ nghĩa xã hội trong xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách, trong các lĩnh vực hoạt động. Hiến pháp năm 2013 - văn kiện pháp lý cao nhất thể chế hóa tinh thần của Cương lĩnh, đã khẳng định rõ sự thống nhất biện chứng, sự gắn bó chặt chẽ, sự nhất quán giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: “Điều 1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Điều 2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”¹.

Trong đường lối chung về xây dựng, phát triển đất nước, Đảng ta luôn nhấn mạnh, phải giữ vững độc lập, tự chủ về chính trị, về đường lối, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên quyết đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, cảnh báo nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong lãnh đạo kinh tế, tư tưởng chỉ đạo nhất quán của Đảng là xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; tôn trọng, tuân theo các quy luật thị trường, đồng thời phải bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo, đồng thời phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.8-9.

Trong lãnh đạo quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Đảng nhấn mạnh mục tiêu kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội: kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, gắn với bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa...; kết hợp chặt chẽ bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo vệ Tổ quốc từ xa, một cách chủ động, không để lâm vào tình thế bị động. Đảng chủ trương đẩy mạnh hoạt động đối ngoại; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển; bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia dân tộc trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế và nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi; hướng hoạt động đối ngoại phục vụ yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, đồng thời tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Việc quán triệt, vận dụng sáng tạo bài học nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nhân tố quan trọng bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc đi đúng hướng, thực hiện vững chắc, đạt được thành tựu quan trọng: độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững; đất nước tiếp tục đổi mới, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức.

(2) Chính trong quá trình vận dụng sáng tạo bài học nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thông qua các chủ trương, cơ chế, chính sách, Đảng đã cụ thể hóa, bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm nội dung của bài học.

Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội không chỉ gắn bó biện chứng trong quan điểm, mục tiêu mà bao quát, xuyên suốt trong nhận thức, hoạt động trên mọi lĩnh vực, mọi cấp, mọi ngành, địa bàn với những nội dung rất phong phú. Những bổ sung, phát triển nhận thức về bài học nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XI, Đại hội XII và các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, đặc biệt trong các văn kiện về công tác tư tưởng, lý luận, phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế...

Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, Đại hội XI rút ra 5 kinh nghiệm, trong đó nhấn mạnh: “trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, *phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*”¹.

Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, Đại hội XI rút ra bài học: “bảo đảm độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội...”².

Tại Đại hội XII, nhìn lại 30 năm đổi mới, Đảng đúc kết 5 bài học, trong đó, bài học đầu tiên là: “trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”³, đồng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.180, 95-96.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.69.

thời “phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ”¹. Kiên định, nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội là bài học kinh nghiệm nhất quán, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, phản ánh quy luật cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đây là bài học kinh nghiệm được đúc kết trên cơ sở nhận thức đúng đắn, kiên định, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam; là bài học kết tinh từ xương máu hy sinh, sự lao động phấn đấu không mệt mỏi trong suốt quá trình cách mạng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trên con đường đấu tranh giành độc lập, tự do, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

2. Vận dụng và phát triển bài học kinh nghiệm: sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

(1) Nhận thức sâu sắc vai trò to lớn, sức mạnh vĩ đại của nhân dân, trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, Đảng ta đặc biệt chú trọng lãnh đạo thể chế hóa và thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát huy vai trò là chủ, làm chủ của nhân dân, chăm lo các lợi ích chính đáng của nhân dân, cải thiện toàn diện đời sống của nhân dân.

Bài học về nhân dân và tư tưởng vì nhân dân của Cương lĩnh đã được Hiến pháp năm 2013 thể chế hóa, cụ thể hóa:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.69.

“Điều 2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Điều 3. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Điều 4. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”¹.

Từ Đại hội XI đến nay, vận dụng sáng tạo bài học kinh nghiệm về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Đảng đã tiến hành tổng kết để tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân; thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện Quy chế, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; ban hành, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quy định, chỉ thị, kết luận, quy trình... nhằm phát huy vai trò của nhân dân trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tham gia quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Quyền dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp và vai trò tự quản của nhân dân tiếp tục được hoàn thiện, đề cao.

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sđd*, tr.9-10.

Đảng thường xuyên coi trọng chăm lo các lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Nhiều nghị quyết về chính sách xã hội, an sinh xã hội, chính sách tiền lương, chăm sóc người có công với cách mạng, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số... được ban hành và tích cực triển khai. Đảng chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục thực hiện hiệu quả công cuộc xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết khó khăn ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân..., nhằm từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Bài học về nhân dân được quán triệt và tập trung thực hiện trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trách nhiệm với nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là một nội dung quan trọng trong xây dựng Đảng về đạo đức, trong giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phòng, chống tham nhũng, quan liêu, thái độ vô trách nhiệm, vô cảm, xa rời nhân dân và những hành vi sách nhiễu, vi phạm quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân là điểm nhấn trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong nội bộ.

Trên thực tế, những năm qua, trong lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng luôn đề cao mục tiêu củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những hành vi làm tổn hại đến niềm tin của nhân dân, xem sự vi phạm quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân là nguy cơ khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa, của Đảng.

(2) Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng đã bổ sung, phát triển nhiều nội dung bài học về nhân dân:

- Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong chiến lược phát triển.

- Coi trọng thể chế hóa và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, chăm lo nâng cao đời sống nhân dân; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Nhấn mạnh vai trò tiên phong, đại diện trung thành cho lợi ích của nhân dân lao động là một thành tố thuộc bản chất của Đảng; xem việc gắn bó mật thiết với nhân dân là một nguyên tắc quan trọng của Đảng. Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”.

Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, Đảng rút ra 5 kinh nghiệm, trong đó nhấn mạnh: “*phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm*”¹.

Trong 5 bài học chủ yếu đúc kết qua 10 năm thực hiện Chiến lược kinh tế - xã hội 2001-2010, Đảng ta chỉ rõ: “phát huy dân chủ, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc...,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.181.

huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước”¹.

Tổng kết 30 năm đổi mới, trong 5 bài học được đúc kết, Đảng nhấn mạnh bài học thứ hai: “đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”².

3. Vận dụng và phát triển bài học kinh nghiệm: không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

Từ thực tiễn phong phú và những bài học lịch sử quý báu về sức mạnh của đại đoàn kết, trong quá trình thực hiện Cương lĩnh năm 2011, Đảng đặc biệt chú trọng tăng cường củng cố, bồi đắp khối đại đoàn kết với nhiều cấp độ, phạm vi, trong đó đoàn kết toàn Đảng là nòng cốt, đoàn kết dân tộc là nền tảng, đoàn kết quốc tế là tổng thể.

(1) *Về đoàn kết toàn Đảng*: để giữ vững truyền thống đoàn kết quý báu của Đảng, vấn đề được Đảng quan tâm hàng đầu là củng cố, tăng cường, bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, quan điểm, các nguyên tắc của Đảng; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên; đấu tranh không khoan nhượng với những âm mưu, thủ đoạn kích động, chia rẽ nội bộ của các thế lực thù địch, phê phán, đấu tranh với các hành vi gây rối, làm tổn hại đoàn kết nội bộ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.95.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.69.

Đại hội XI, Đại hội XII của Đảng, các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ năm 2011 đến nay đã tập trung cụ thể hóa, tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, quán triệt và lãnh đạo tổ chức thực hiện trong toàn Đảng, toàn dân. Các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng, các phương thức giáo dục, tuyên truyền của Đảng... được bổ sung, thường xuyên kiểm tra thực hiện, góp phần quan trọng vào việc củng cố đoàn kết trong Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận quan trọng nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết trong toàn Đảng. Nổi bật là các văn kiện về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới; về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng; về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới...¹.

Đồng thời với chăm lo củng cố, tăng cường đoàn kết nội bộ, Đảng ta đã đấu tranh, ngăn ngừa các hành vi, biểu hiện lợi dụng phê bình “vu khống, bôi nhọ, chỉ trích, phê phán người khác với động cơ cá nhân không trong sáng”², nhất là

1. Tinh thần các văn kiện của Đảng thể hiện trong các “nghị quyết, chỉ thị, kết luận, thông báo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XII”, tài liệu của Văn phòng Trung ương Đảng, 2019.

2. Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (Nghị quyết số 04 ngày 30/10/2016) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

“Kích động tư tưởng bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối trong nội bộ. Lợi dụng và sử dụng các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội để nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân”¹. Các lực lượng làm công tác tư tưởng, lý luận, báo chí, văn hóa, văn nghệ, quốc phòng, an ninh tăng cường phối hợp, thường xuyên đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc, kích động, chia rẽ, các hoạt động móc nối, cài cắm, phá hoại nội bộ của các thế lực phản động, thù địch, bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong xã hội.

(2) *Về đoàn kết dân tộc*: vận dụng bài học đại đoàn kết, Đảng tiếp tục quan tâm lãnh đạo thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống của nhân dân, giải quyết quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp; xây dựng, phát huy vai trò giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân, lực lượng thanh, thiếu niên, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi... Thực hiện tốt hơn chính sách đối với người có công với cách mạng, thương binh, gia đình liệt sĩ. Tiếp tục hoàn thiện, thực hiện có kết quả chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng và chủ trương đoàn kết, phát huy vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Những năm qua, công tác dân vận, đặc biệt là công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, được tăng cường. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới

1. Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (Nghị quyết số 04 ngày 30/10/2016) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

nội dung, phương thức hoạt động, chú trọng công tác hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo, có nhiều sáng tạo trong tập hợp, đoàn kết nhân dân thông qua các phong trào thi đua yêu nước, nổi bật là phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế...

Chủ trương và những giải pháp toàn diện, đồng bộ của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội về đại đoàn kết toàn dân tộc đã góp phần tích cực củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo thành sức mạnh to lớn đưa đất nước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tiếp tục phát triển.

(3) *Về đoàn kết quốc tế*: kế thừa, vận dụng, phát triển bài học đoàn kết quốc tế được thể hiện nhất quán trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam, 10 năm thực hiện Cương lĩnh, Đảng đã lãnh đạo đẩy mạnh đồng bộ các hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân, thực hiện hiệu quả phương châm Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Trong bối cảnh mới, Đảng nhấn mạnh yêu cầu tăng cường đoàn kết quốc tế trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ giữa bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc và lợi ích chung của toàn nhân loại, vì mục tiêu hòa bình, tiến bộ xã hội, tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi; xử lý đúng đắn vấn đề đối tác, đối tượng; đoàn kết quốc tế để ổn định, phát triển đất nước, đồng thời tham gia có trách nhiệm vào việc giải quyết, bảo vệ những lợi ích chung của khu vực, quốc tế. Theo tinh thần đó, các quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng, các

nước lớn, các quốc gia có quan hệ truyền thống được mở rộng, đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả, nổi bật là sự tham gia chủ động, tích cực và những đóng góp quan trọng trong xây dựng Cộng đồng ASEAN. Tinh thần quốc tế trong sáng, đường lối đối ngoại, chính sách ngoại giao đúng đắn, những hoạt động đối ngoại chủ động, tích cực đã nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước.

Qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nhận thức về bài học đại đoàn kết được bổ sung, phát triển phong phú, sinh động, được tổ chức thực hiện có kết quả hơn. Nhân dịp kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã đúc kết những truyền thống vẻ vang của Đảng, làm sâu sắc hơn bài học về đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế: Đó là truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, luôn luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu. Đó là truyền thống đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí. Đó là truyền thống đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu nhân văn cao cả.

4. Vận dụng và phát triển bài học kinh nghiệm: kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc: cách mạng Việt Nam là một bộ phận không tách rời của cách mạng thế giới, trong quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã sớm và luôn luôn chú trọng kết hợp sức mạnh dân tộc

với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Từ năm 2011 đến nay, trong quá trình lãnh đạo toàn dân thực hiện Cương lĩnh, bài học quý báu này đã được vận dụng sáng tạo và phát triển lên một tầm cao mới.

(1) Phân tích tính chất và các xu thế vận động của thế giới đương đại, Đảng xác định: toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phổ biến; hòa bình, hợp tác, phát triển là một xu thế lớn; các quốc gia có trình độ phát triển, chế độ chính trị khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, tạo thành sự liên kết, phụ thuộc lẫn nhau và đan xen lợi ích chiến lược. Trong bối cảnh đó, vận dụng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, Đảng chủ trương gắn kết chặt chẽ hơn nữa, hiệu quả hơn nữa sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc với tham gia hội nhập quốc tế; kết hợp, phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế phù hợp với lợi ích dân tộc và xu thế phát triển của thế giới.

Về sức mạnh dân tộc, sức mạnh trong nước, Đảng chủ trương phát huy đồng bộ sức mạnh về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sức mạnh của Đảng, hệ thống chính trị, của toàn dân tộc, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, nâng cao tiềm lực vật chất, tinh thần, phát triển đất nước nhanh, bền vững¹. Đảng lãnh đạo hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ quản lý; thúc

1. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ quản lý, quản trị kinh tế, doanh nghiệp; từng bước đồng bộ hóa, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp, sản phẩm; phát động phong trào “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”...

Về sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc tế, Đảng chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, lấy hội nhập kinh tế làm trọng tâm, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, hướng nền kinh tế đất nước tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống nhân dân. Những năm qua, Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia các tổ chức, các diễn đàn quốc tế về các lĩnh vực, góp phần xây dựng, điều chỉnh các định chế khu vực, quốc tế, nhất là định chế đa phương; tham gia giải quyết những vấn đề quan tâm chung của cộng đồng thế giới; ký kết, tập trung thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút mạnh các nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn vốn ODA, đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài... Hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng làm tăng thêm sức mạnh nội lực của đất nước.

Việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế là sự nghiệp của toàn dân, trước hết là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, đồng thời là trách nhiệm của doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ trí thức; được xác định, quán triệt và thực hiện trong các

chủ trương, chính sách, các chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án phát triển của các cấp, các ngành, các địa phương.

(2) Trong bối cảnh mới, từ thực tế phong phú, sinh động của công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và quá trình hội nhập quốc tế, Đảng đã bổ sung, phát triển nhiều nhận thức, nội dung mới về bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại¹:

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại phải được thực hiện trên cơ sở thống nhất mục tiêu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc với xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển, với tăng cường hữu nghị, đoàn kết, hợp tác quốc tế; gắn lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc với lợi ích chung của cộng đồng khu vực, quốc tế vì hòa bình, tiến bộ, thịnh vượng, trong đó bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc là nguyên tắc hàng đầu. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phục vụ công cuộc đổi mới, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam, nâng cao uy tín, vị thế đất nước trên trường quốc tế.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại được thực hiện trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội; giữ vững độc lập, tự chủ về chính trị, đối ngoại, kinh tế, đồng thời tôn trọng luật pháp quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi.

1. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại được thực hiện trên cơ sở gắn kết nguồn lực nội sinh với nguồn lực ngoại sinh, trong đó nguồn lực nội sinh là quyết định, nguồn lực ngoại sinh là quan trọng; phát huy ý chí tự lực, tự cường, tinh thần tự lực cánh sinh, sức mạnh sáng tạo và tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng của con người, dân tộc Việt Nam.

5. Vận dụng và phát triển bài học kinh nghiệm: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam có sứ mệnh lãnh đạo Nhà nước, xã hội thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đất nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để hoàn thành trọng trách trước dân tộc, Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng là bài học quan trọng nhất trong các bài học kinh nghiệm lớn được đúc rút qua 90 năm Đảng ta lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Trong bối cảnh thế giới, khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp; tình hình đất nước đặt ra nhiều yêu cầu, thách thức mới khi kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đi vào chiều sâu, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; các thế lực thù địch, phản động gia tăng các hoạt động chống phá, Đảng đặc biệt coi trọng vận dụng, bổ sung, phát triển bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

(1) Kế thừa kinh nghiệm xây dựng Đảng đã tích lũy được trong suốt tiến trình cách mạng, nhất là trong thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới; căn cứ vào yêu cầu chính trị đặt ra

đối với Đảng trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, Đại hội XI, XII của Đảng đặc biệt nhấn mạnh vị trí, vai trò then chốt của xây dựng Đảng đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; xác định đầy đủ, toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng. Đại hội XI xác định 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp. Đại hội XII bổ sung, phát triển thành 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp bao quát toàn bộ những vấn đề cơ bản của xây dựng Đảng: (i) Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị; (ii) Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận; (iii) Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng; (iv) Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị; (v) Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên; (vi) Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; (vii) Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; (viii) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; (ix) Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; (x) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng¹. Đại hội XII cũng xác định “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng” là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong 6 nhiệm vụ trọng tâm của toàn nhiệm kỳ.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành và lãnh đạo thực hiện quyết liệt nhiều chủ trương, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong nội

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.199-214.

bộ; đổi mới mạnh mẽ tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược; quy định trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị; trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là của người đứng đầu, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng... Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo rà soát, bổ sung, xây dựng mới nhiều quy định, quy chế, quy trình về chức năng, nhiệm vụ, quan hệ công tác của các tổ chức đảng, cấp ủy đảng; về công tác cán bộ; về kiểm soát quyền lực; về đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; về kiểm tra, giám sát, kỷ luật... Quá trình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận, quy định, quy trình về xây dựng Đảng được tiến hành đồng thời với việc triển khai sâu rộng, thường xuyên, ngày càng thực chất việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng thật sự đóng vai trò then chốt, thành điểm nhấn trong đời sống chính trị đất nước suốt những năm tháng thực hiện Cương lĩnh năm 2011, nhất là từ sau Đại hội XII của Đảng, tạo những chuyển biến tích cực, quan trọng, củng cố niềm tin của nhân dân, của xã hội vào quyết tâm chính trị, sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết của Đảng.

(2) Qua quá trình vận dụng, thực hiện bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng, lý luận về xây dựng Đảng trong thời kỳ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa được phát triển, hoàn thiện với nhiều luận điểm mới. Chính những tri thức lý luận về xây dựng Đảng trong tình hình mới lại làm phong phú, sâu sắc

hơn bài học kinh nghiệm lớn về xây dựng Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

- Trong bối cảnh thế giới đầy biến động phức tạp, Đảng phải giữ vững bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng, khoa học; kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để hoạch định đường lối cách mạng đúng đắn. Phải “tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra”¹.

- Đảng nhận thức đầy đủ hơn quan hệ biện chứng giữa xây dựng Đảng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng là cơ bản, lâu dài, chỉnh đốn Đảng là thường xuyên, quan trọng. “Nói xây dựng Đảng không phải là cái gì trừu tượng, mà chính là xây dựng tổ chức, con người, cơ chế, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ trung tâm”². “Đảng ta kiên định chỉnh đốn để đổi mới, xây dựng, chứ không phải “đổi màu”, không làm thay đổi bản chất của một Đảng cách mạng chân chính”³.

- Đảng nhận thức sâu sắc hơn mối quan hệ giữa xây dựng Đảng trong sạch và xây dựng Đảng vững mạnh. Muốn Đảng vững mạnh, trước hết Đảng phải trong sạch, vì vậy đồng thời với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, phải đặc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.69.

2. Nguyễn Phú Trọng: Ý kiến phát biểu tại cuộc làm việc với cán bộ chủ chốt của Bộ Công Thương, ngày 11/7/2017. Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

3. Nguyễn Phú Trọng: “Khơi dòng sức mạnh nội sinh”, trả lời phỏng vấn Báo *Quân đội nhân dân* dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi - 2019. Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

biệt chú trọng xây dựng Đảng về đạo đức. Tổ chức đảng, các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên phải trong sáng về tư tưởng, trong sạch về đạo đức, lối sống. Phải nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, tệ quan liêu, sự tha hóa, thoái hóa của cán bộ, đảng viên.

- Kết hợp chặt chẽ xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện với triển khai đồng bộ, toàn diện công cuộc đổi mới, gắn xây dựng, chỉnh đốn Đảng với xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị, trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược và cán bộ ở cơ sở.

- Dựa chắc vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tạo môi trường, cơ chế, điều kiện phát huy tính tích cực chính trị - xã hội của nhân dân trong việc tham gia xây dựng đường lối, chính sách, trong kiểm tra, giám sát, xây dựng tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tổng kết 30 năm đổi mới, Đảng nhấn mạnh bài học về Đảng: “phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.70.

Một trong những nhân tố tạo nên những thành quả quan trọng trong quá trình thực hiện Cương lĩnh năm 2011 chính là Đảng đã vận dụng, phát triển sáng tạo những bài học kinh nghiệm lớn được đúc kết qua thực tiễn 90 năm cách mạng. Tuy nhiên 5 năm gần đây, tình hình thế giới, khu vực chuyển biến rất nhanh, có nhiều yếu tố đột biến; tình hình đất nước xuất hiện những yêu cầu, nhân tố mới. Trong điều kiện đó, việc vận dụng, phát triển các bài học kinh nghiệm lớn đúc kết trong Cương lĩnh năm 2011, đồng thời với những ưu điểm cũng bộc lộ những hạn chế, khuyết điểm cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn. Vẫn còn những nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa xã hội, về giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế; cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ còn diễn biến phức tạp... Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục phát huy ưu điểm, đồng thời kiên quyết khắc phục những hạn chế, yếu kém; kiên định những giá trị cốt lõi, bền vững, đồng thời phải không ngừng bổ sung, hoàn thiện những nhận thức mới trên cơ sở cập nhật, tổng kết thực tiễn và tiếp thu những tri thức lý luận mới, không bảo thủ, giáo điều, không cực đoan, duy ý chí.

Chương II

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA VỀ THỜI ĐẠI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

1. Nhận thức của Đảng ta về thời đại

Đảng ta luôn xác định nhận thức rõ bản chất, nội dung của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trong khi khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta nhận rõ tình hình phức tạp, quanh co và rất lâu dài của quá trình chuyển biến xã hội nên đã hướng vào đánh giá trực tiếp những động thái, đặc trưng, xu hướng và tính chất trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng năm 1991 đã nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật*

tiến hóa của lịch sử”¹. Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*”².

Sự vận động không ngừng của thế giới đương đại và giai đoạn hiện nay của thời đại với những diễn biến phức tạp và hàm chứa nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn cơ bản nổi bật hiện nay là:

Thứ nhất, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản diễn ra gay gắt. Đây là cách diễn đạt mới vì trước đây thường nói mâu thuẫn giữa “phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa”. Sở dĩ có cách diễn đạt mới này không chỉ vì không còn hai phe như trước, mà còn vì cách đề cập trước đây chỉ bó hẹp trong phạm vi mâu thuẫn giữa hai phe, chưa bao quát được cuộc chiến tranh giữa hai chiều hướng phát triển ngay trong lòng mỗi quốc gia cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Đây là mâu thuẫn cơ bản nhất, bởi sự vận động của mâu thuẫn này sẽ tác động nhiều mặt đến các mâu thuẫn khác.

Thứ hai, mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Hà Nội, 2010, P.I, tr.410.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.69.

càng sâu sắc. Chính từ mâu thuẫn này đã dẫn tới mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản tiếp tục phát triển. Hai mâu thuẫn này phản ánh chân thực, mô tả khách quan bức tranh toàn cảnh ở các nước tư bản phát triển khi nhiều tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh vì dân sinh, dân chủ; các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn luôn giành giật nhau gay gắt, nhiều khi gây ra các xung đột, chiến tranh kinh tế, thương mại khốc liệt.

Thứ ba, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển. Các nước tư bản phát triển thống nhất với nhau về bản chất chế độ và lợi ích giai cấp nhưng giữa các nước đó cũng có những mâu thuẫn khó khoan nhượng về lợi ích quốc gia, lợi ích của mỗi tập đoàn tư bản. Các nước tư bản phát triển đang bị cuốn vào cuộc cạnh tranh sống còn nhằm chiếm đoạt tài nguyên, năng lượng, nhân lực chất lượng cao và chiếm lĩnh các thị trường béo bở trên khắp các châu lục, khai thác mọi tiềm năng của các nước khác để tích lũy và xuất khẩu tư bản, gia tăng tối đa trên quy mô toàn cầu.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa các thế lực cường quyền, hiếu chiến muốn thống trị thế giới với nhân dân thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thế giới đang diễn ra quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, xâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau vô cùng phức tạp để thiết lập một trật tự thế giới mới. Trong bối cảnh đó, các thế lực hiếu chiến, cường quyền luôn thực hiện các chính sách áp đặt, gây ra các xung đột cục bộ, xung đột khu vực, xung đột biên giới, biển, đảo. Mâu thuẫn giữa các nước lớn cũng thường được giải quyết thông qua các cuộc chiến

tranh “mượn tay người” ở các điểm nóng; các cuộc chiến giành giật tài nguyên, chiến tranh thương mại. Tình hình đó làm cho nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới hết sức lo lắng và đề cao cảnh giác.

Thứ năm, mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển của loài người ngày càng tăng với tình trạng tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế - xã hội luôn có mối quan hệ khăng khít với môi trường và điều kiện thiên nhiên. Tài nguyên thiên nhiên và môi trường là cơ sở và nhân tố quan trọng cho sự phát triển. Nếu biết sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và các yếu tố địa lợi, kinh tế - xã hội sẽ tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển bền vững. Vậy nhưng hiện nay vấn đề sử dụng quá mức và thiếu trách nhiệm đã gây ra vấn nạn cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.

2. Nhận thức của Đảng ta về thời kỳ quá độ

Nhận thức của Đảng ta ngày càng sâu sắc, toàn diện và đầy đủ hơn về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có thể khái quát ở những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, Đảng ta đã nhận thức rõ hơn về tính chất đan xen, khó khăn, phức tạp, lâu dài của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực tế, đã có một thời gian dài, chúng ta nhận thức chưa đầy đủ, chưa thấy hết được những khó khăn, phức tạp của thời kỳ quá độ. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là từ sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, nhận thức về thời kỳ quá độ của Đảng còn bộc lộ sự nôn nóng, chủ quan, muốn tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, rút ngắn thời kỳ quá độ. Đến Cương lĩnh năm 1991 và đặc biệt là Cương lĩnh

năm 2011, bằng thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã khẳng định đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ lâu dài là một tất yếu khách quan.

Thứ hai, Đảng ta đã nhận thức đầy đủ, toàn diện những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. *Đặc điểm lớn nhất* được khẳng định là từ nền sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Hai là*, cách mạng khoa học và công nghệ tác động đến mọi mặt của đời sống quốc tế, đẩy mạnh xu thế toàn cầu hóa. Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề chung có tính chất toàn cầu, kinh tế tri thức ngày càng có vai trò nổi bật. *Ba là*, sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. *Bốn là*, nước ta bị các thế lực thù địch thực hiện bao vây, cấm vận thời kỳ đầu đổi mới; nhiều thế lực vẫn điên cuồng chống phá.

Thứ ba, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc những nội dung chủ yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. *Một là*, từng bước khắc phục sự đối lập cứng nhắc giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội. *Hai là*, tiếp tục khẳng định tính tất yếu phải tuân theo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. *Ba là*, xử lý quan hệ sở hữu dựa trên tiêu chuẩn, hiệu quả kinh tế và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. *Bốn là*, thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. *Năm là*, ngày càng đề cao vai trò sản xuất hàng hóa. *Sáu là*, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát

triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Thứ tư, nhận thức ngày càng đầy đủ hơn nhiệm vụ chủ yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. *Một là*, bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư và rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. *Hai là*, có chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. *Ba là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dựa trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tuy nhiên, nhận thức về thời đại, nhất là về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, còn nhiều vấn đề chưa rõ. Nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ vẫn là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa có còn chính xác không? Sau “bước đi ban đầu”, “chặng đường đầu”, “thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” là chặng gì? Bao giờ kết thúc thời kỳ quá độ, v.v..

II. NHẬN THỨC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Nhận thức về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Chủ nghĩa xã hội là gì và làm thế nào để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong từng quốc gia cụ thể đã và vẫn là

câu hỏi cần trả lời đúng đắn, đầy đủ, thuyết phục với các nước lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, trong đó có Việt Nam.

Lâu nay chúng ta hiểu quan niệm tổng quát về chủ nghĩa xã hội hay mô hình chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng bao gồm những đặc trưng. Với quan niệm như thế, nhận thức về mô hình xã hội chủ nghĩa ở nước ta có nhiều điểm đã rõ, nhưng cũng còn một số vấn đề chưa rõ.

Trước đổi mới, nước ta tiếp thu và vận dụng theo mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết. Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Đồng thời chỉ rõ: “Sau Đại hội này, với tinh thần cách mạng và khoa học, tiếp tục phát triển đường lối đã được xác định, Đảng ta cần xúc tiến xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ”¹. Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986-1991), Đại hội VII của Đảng (năm 1991) thông qua Cương lĩnh năm 1991 xác định: “*xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng* được sáng tỏ hơn. Đó là xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới* (khóa VI, VII, VIII, IX), *Sđd*, P.I, tr.38.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”¹.

Cương lĩnh năm 1991 đã xác định sáu đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là những nhận thức cơ bản, là những quan niệm tổng quát về xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ được xây dựng ở Việt Nam. Có thể nói 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội được nêu trong Cương lĩnh năm 1991 là những đặc trưng bản chất để nhận biết về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lịch sử, cụ thể của Việt Nam. Đây là lần đầu tiên trong Cương lĩnh của Đảng ta đã trả lời một cách có hệ thống câu hỏi chủ nghĩa xã hội là gì? Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là một xã hội như thế nào?

Các Đại hội Đảng tiếp theo (VIII, IX, X, XI), nhất là Đại hội X của Đảng (năm 2006) và Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đã tiếp tục phát triển nhận thức về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Đại hội X, tổng kết hơn 20 năm đổi mới, đã có nhận thức mới sâu sắc hơn về bản chất của chủ nghĩa xã hội với tám đặc trưng, đó là: “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, P.I, tr.370-371.

Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới”¹.

Kế thừa Đại hội X, Cương lĩnh năm 2011 xác định: “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới*”².

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh năm 2011 chỉ giữ nguyên đặc trưng “có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, bổ sung, hoàn thiện các đặc trưng khác và bổ sung hai đặc trưng rất quan trọng:

Một là, bổ sung đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây được hiểu là đặc trưng tổng quát phản ánh mục tiêu của xã hội mà nhân dân ta sẽ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.68.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.70.

xây dựng. “Nó có ý nghĩa là *nhận thức chung về chủ nghĩa xã hội*, là câu trả lời trực tiếp cho câu hỏi: Chủ nghĩa xã hội là gì? Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là một xã hội như thế nào?”¹.

Hai là, bổ sung đặc trưng chính trị rất quan trọng là: có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Cương lĩnh năm 2011 còn bổ sung, phát triển một số đặc trưng cho chính xác hơn: xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng “do nhân dân làm chủ” chứ không chỉ là “do nhân dân lao động làm chủ”; xác định rõ hơn đặc trưng về kinh tế: “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”; xác định rõ hơn đặc trưng về con người: “con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”; xác định rõ hơn đặc trưng về dân tộc: “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”; xác định rõ hơn đặc trưng về quan hệ quốc tế: “có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

Từ sau Đại hội XI của Đảng đến nay, Đại hội XII và các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị (gọi chung là nghị quyết của Trung ương) tuy không có nghị quyết chuyên đề nào bàn trực tiếp về các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhưng trong nhiều

1. TS. Đinh Thế Huynh - GS.TS. Phùng Hữu Phú - GS.TS. Lê Hữu Nghĩa - GS.TS. Vũ Văn Hiến - PGS.TS. Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên): *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.40.

ng nghị quyết đã tiếp tục cụ thể hóa các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng:

Một là, cụ thể hóa một bước đặc trưng về mục tiêu: Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị khóa XII xác định: đến năm 2030, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII xác định: đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, cụ thể hóa đặc trưng do nhân dân làm chủ: Nghị quyết Đại hội XII và một số nghị quyết trung ương đã chỉ rõ: “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân.

Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ

ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội. Đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các quy định, quy chế khác”¹.

Ba là, tiếp tục xác định rõ hơn đặc trưng kinh tế: tiếp tục phát triển nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”². Đề ra quan điểm: xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ giữa Nhà nước,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.169-170, 102.

thị trường và xã hội. Xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đã xác định rõ hơn việc đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu. Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các cấp, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển¹.

Bốn là, cụ thể hóa đặc trưng về văn hóa: Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã xác định: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc,

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.87, 88, 90.

nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Năm là, cụ thể hóa đặc trưng về con người. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc trưng cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Trung ương đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận như: Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Kết luận Hội nghị Trung ương 5 khóa XI về một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Văn kiện Đại hội XII có riêng mục VIII. Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, trong đó chỉ rõ: “Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng

xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội”¹.

Sáu là, cụ thể hóa và bổ sung đặc trưng về dân tộc: Đại hội XII đã xác định: Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển.

Bảy là, cụ thể hóa đặc trưng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đã ban hành nhiều nghị quyết về hệ thống chính trị: Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Kết luận Hội nghị Trung ương 5 khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.134-135.

“tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Văn kiện Đại hội XII có 2 mục lớn: mục XIV. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; mục XV. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Các nghị quyết trên đều đề cập đến xây dựng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, đề cập đến cả Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Tám là, cụ thể hóa đặc trưng về quan hệ quốc tế: Đại hội XII xác định: Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế... Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế¹.

Tuy nhiên, nhận thức về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam còn những nhận thức chưa rõ, những nhận thức còn khác nhau. Nổi lên là các vấn đề sau:

- Có nên gọi là mô hình chủ nghĩa xã hội không? Có thể hiểu mô hình chủ nghĩa xã hội bao gồm các đặc trưng của

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.32-35.

xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng không? Hiện nay vẫn còn ý kiến khác nhau.

- Mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam hay mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước đây, có mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết (gọi tắt là mô hình Xôviết). Hiện nay, trên thế giới đang tồn tại một số mô hình: mô hình chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, mô hình chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI xuất hiện ở một nước ở Mỹ - Latinh... Có ý kiến cho rằng nên dùng khái niệm mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam (tương đồng với khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam), nhưng cũng có ý kiến cho rằng nên dùng khái niệm mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta hoặc ở Việt Nam.

- Cương lĩnh mới phác thảo ra các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta sẽ xây dựng, nhưng nội hàm các đặc trưng là gì và cụ thể hóa cho từng giai đoạn như thế nào vẫn chưa được làm rõ.

Nhìn chung, các văn kiện của Đảng đã khẳng định: Nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng rõ hơn. Đồng thời cũng chỉ rõ: “Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ”¹...

Những vấn đề đặt ra về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011 có một số vấn đề đặt ra về mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.67.

Cương lĩnh năm 2011 nêu tám đặc trưng: Đặc trưng thứ nhất nói về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội; đặc trưng thứ hai nói về địa vị của nhân dân; đặc trưng thứ ba nói về kinh tế; đặc trưng thứ tư nói về văn hóa; đặc trưng thứ năm nói về con người; đặc trưng thứ sáu nói về các dân tộc; đặc trưng thứ bảy nói về Nhà nước; đặc trưng thứ tám nói về quan hệ với các nước trên thế giới. Ở đây có một số vấn đề đặt ra:

Thứ nhất, tám đặc trưng nêu trên đã bao quát đầy đủ các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng chưa? Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, có bốn lĩnh vực chủ yếu của một xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội (bao gồm cả môi trường). Hiện nay các nước đều nhấn mạnh đến vấn đề môi trường (Trung Quốc xác định xã hội “ngũ vị nhất thể”: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường).

Thứ hai, Cương lĩnh năm 2011 đề cập đến đặc trưng về kinh tế: Có nên kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Vấn đề thế nào là lực lượng sản xuất hiện đại, nhất là quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp chưa được nhận thức rõ.

Thứ ba, Cương lĩnh năm 2011 đề cập đến các dân tộc, nhưng vấn đề bao quát hơn là xây dựng quan hệ xã hội hài hòa.

Thứ tư, Cương lĩnh năm 2011 đề cập đến Nhà nước, nhưng vấn đề bao quát hơn là hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội) và Đảng không chỉ lãnh đạo Nhà nước mà còn lãnh đạo toàn xã hội.

Thứ năm, Cương lĩnh năm 2011 xác định đặc trưng về văn hóa và đặc trưng về con người. Về thực chất, nội dung cốt lõi của văn hóa là xây dựng con người. Hai vấn đề này quan hệ chặt chẽ với nhau, có nên chia thành hai đặc trưng không?

Thứ sáu, nội hàm của các đặc trưng đó là gì đến nay vẫn chưa được xác định rõ.

Đặc trưng thứ nhất đề cập đến mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, cũng tức là đề cập đến bản chất của chủ nghĩa xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đến nay nội hàm và tiêu chí của từng mục tiêu trong mục tiêu chung chưa được xác định rõ.

Cương lĩnh năm 2011 xác định: Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mới đây, Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII xác định: đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề đặt ra là: (1) Mối quan hệ giữa mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ với mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng như thế nào; (2) Nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội là gì, trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã là nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội chưa?; (3) Mục tiêu của từng giai đoạn là gì?

Thứ bảy, các đặc trưng đó thể hiện trong từng giai đoạn để quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn chưa được nghiên cứu, hình dung trên những nét tổng quát nhất.

Thứ tám, các khái niệm nước công nghiệp theo hướng hiện đại, nước công nghiệp hiện đại, nước đang phát triển, nước phát triển... cũng chưa có nhận thức đầy đủ.

2. Nhận thức về phương hướng cơ bản trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Cương lĩnh năm 1991 xác định bảy phương hướng. Sau 20 năm thực hiện, Cương lĩnh năm 2011 đề ra tám phương hướng cơ bản xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011 đã có những phát triển mới về lý luận:

(1) Về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

Đó là nhận thức về đổi mới mô hình tăng trưởng, theo

hướng phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững; cơ cấu lại nền kinh tế với 3 đột phá chiến lược: hoàn thiện thể chế kinh tế; phát triển nguồn nhân lực và xây dựng kết cấu hạ tầng cho sự phát triển.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo. Nhiệm kỳ Đại hội XII, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành nhiều nghị quyết, tiếp tục cụ thể hóa các nhận thức mới, quan điểm về thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

(2) Về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nội dung các quan điểm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong Cương lĩnh năm 2011 đã được cụ thể hóa và có bước phát triển trong các văn kiện Đại hội XI, Đại hội XII, các nghị quyết về kinh tế trong Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII.

Nhận thức mới về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện trong các điểm: (1) Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; (2) Nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; (3) Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển; là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; (4) Quan điểm mới về kinh tế tư nhân, nêu rõ kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền

kinh tế; (5) Khẳng định các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển, phù hợp với cơ chế thị trường.

(3) Về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Về văn hóa, con người:

Cụ thể hóa và phát triển nhận thức lý luận về văn hóa, con người nêu trong Cương lĩnh năm 2011, Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa văn hóa và con người, trong đó “phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa”, đồng thời yêu cầu: “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”.

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện* phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển”¹. Để thực hiện yêu cầu ấy, cần phải: “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”². Đồng thời, tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phù hợp với yêu cầu, điều kiện của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.126, 126-127.

Về nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội:

Đó là sự tiếp tục thực hiện kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội.

(4) Về bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

Đại hội XII đã khẳng định củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta; cùng với phát triển kinh tế, xây dựng Đảng, phát triển văn hóa, con người là 4 nhiệm vụ trụ cột trong công cuộc đổi mới. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được xác định một cách toàn diện, cả phương diện tự nhiên - lịch sử và chính trị - xã hội trong chính thể thống nhất, đó là "... bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội"¹. Đại hội đặt ra yêu cầu có kế sách phòng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.147-148.

chống các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, khắc phục các yếu tố tác động tiêu cực đến sự nghiệp củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới. Nghị quyết xác định bảo đảm trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ quan trọng bảo đảm an ninh quốc gia, tạo môi trường thuận lợi để phát triển bền vững đất nước.

(5) Về thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Đại hội XI bên cạnh việc khẳng định tính nhất quán của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đã bổ sung quan điểm về “hội nhập quốc tế” và là “thành viên có trách nhiệm” trong cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực đối ngoại. Đại hội XI đã nêu định hướng giải quyết các vấn đề tồn tại về biên giới lãnh thổ...

Đại hội XII bổ sung một số điểm mới trong quan điểm, đường lối và thực hiện chính sách đối ngoại. Nhấn mạnh tầm quan trọng của lĩnh vực này, khi lần đầu tiên nhiệm vụ đối ngoại nằm trong các thành tố của chủ đề Đại hội, khi nêu mục tiêu “bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định”. Về mục tiêu đối ngoại, Đại hội xác định “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi. Phương châm chỉ đạo các hoạt động đối ngoại “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”, nhấn mạnh tính chất hai mặt, đan xen và theo đó là sự linh hoạt trong quan hệ đối ngoại.

(6) Về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

Về dân chủ: Đại hội XI và Đại hội XII đã xác định nền dân chủ mà chúng ta xây dựng, phát triển và hoàn thiện là một tổng thể bao gồm các quyền, các thể chế và cơ chế chính trị được bảo đảm về mặt pháp lý. Với tư cách là các thể chế và cơ chế chính trị, dân chủ được thể hiện trong hoạt động của hệ thống chính trị, trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa luôn gắn liền với vấn đề tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền. Trong mối quan hệ với văn hóa, đó là sự khẳng định: Dân chủ phải trở thành văn hóa, văn minh của xã hội xã hội chủ nghĩa... Dân chủ được đặt lại đúng vị trí hơn trong mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Về vai trò của dân chủ trong Đảng với phát huy dân chủ, Đại hội XII khẳng định coi trọng mở rộng dân chủ trực tiếp trong xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền, khắc phục tình trạng Đảng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc bao biện làm thay chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành của chính quyền.

Về thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất:

Trong lĩnh vực đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, Hiến pháp năm 2013 và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cụ thể hóa nhiều nhận thức mới về lý luận. Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung, làm rõ vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong khoản 1 và 2, Điều 9. Các quy định của Bộ Chính trị khóa XI (Quy định 217 và Quy định 218) về giám sát,

phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã bổ sung và khẳng định rõ hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xã hội và trong công tác xây dựng Đảng. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2015 là bước tiếp theo cụ thể hóa quan điểm của Cương lĩnh năm 2011 về phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục nêu rõ những quan điểm, chính sách của Đảng đối với các giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội; đồng bào các dân tộc, các tôn giáo... Về công tác Mặt trận, Đại hội xác định chủ trương: “Tiếp tục tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của *Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân*”¹, và chỉ rõ “Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”².

(7) Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Đại hội XI của Đảng đã tiếp tục làm sâu sắc thêm nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với sự bổ sung về sự kiểm soát quyền lực. Đại hội đã xác định:

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.166.

“... quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp...”¹. Đại hội cũng xác định rõ hơn nhiệm vụ thể chế hóa các quan điểm của Đảng, khi đặt vấn đề: “Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung *Hiến pháp năm 1992* (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) phù hợp với tình hình mới”². Để thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 2013, xác định các nguyên tắc tổ chức, quyền lực đầy đủ, rõ ràng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành nhiều nghị quyết liên quan đến tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng pháp luật..., nhằm tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

(8) Về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Trong công tác xây dựng Đảng, nhận thức và đánh giá về mức độ nguy hại của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ngày càng đầy đủ và rõ hơn, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã chỉ ra sự nguy hại của tình trạng suy thoái này, dẫn đến sự “mất còn của Đảng, của chế độ”. Các nội dung khác của công tác xây dựng Đảng đều được bổ sung,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.52, 249.

phát triển và nhấn mạnh hơn, như: (1) Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị; (2) Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận; (3) Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng; (4) Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị; (5) Xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên; (6) Về công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ; (7) Về đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; (8) Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; (9) Về trách nhiệm nêu gương, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương...

Mặc dù có những phát triển trên, nhưng đến nay nội hàm của từng phương hướng chưa được xác định rõ, nhất là lộ trình thực hiện các phương hướng ấy như thế nào cho phù hợp với từng chặng đường (hay giai đoạn) 5 năm, 10 năm chưa được xác định rõ ràng.

Những vấn đề đặt ra:

Về lý luận và thực tiễn, nhận thức và thực hiện các phương hướng cơ bản, 10 năm qua xuất hiện các vấn đề cần tập trung giải quyết như sau:

Một là, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đó là việc cụ thể hóa những nội dung cơ bản, động lực chủ yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn phát triển mới, nhất là mối quan hệ giữa đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường. Tiếp đến là sự xác định tiêu chí của một nước công nghiệp hiện đại; các bước đi trong phát triển kinh tế; các “mũi nhọn”, “trọng tâm, trọng điểm” phát triển công nghiệp (bao gồm cả yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư); các hướng ưu tiên trong xây dựng

hệ thống kết cấu hạ tầng, bảo đảm sự kết nối giữa các phương thức vận tải cũng như chất lượng cung cấp dịch vụ khu đô thị... Trong tổ chức, chỉ đạo thực tiễn, nghiên cứu, làm rõ các nguyên nhân có thời gian tốc độ tăng trưởng kinh tế không cao, nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

Hai là, về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đó là các vấn đề về vận dụng các quy luật chung của thị trường trong nền kinh tế; mối quan hệ giữa áp dụng nhiều hơn, đầy đủ hơn những quy luật, những giá trị chung của thể chế kinh tế thị trường với định hướng phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững và bao trùm. Về xác định nội hàm của khái niệm kinh tế nhà nước thực sự khoa học, có sức thuyết phục để tạo sự thống nhất trong nhận thức và phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, sự công bằng trong phát triển kinh tế. Vấn đề về các giải pháp hữu hiệu để chống chủ nghĩa thực dụng, lợi ích nhóm có hại trong nền kinh tế nhiều thành phần, thể chế kinh tế thị trường đầy đủ và hội nhập, ngăn chặn sự xâm lấn của chủ nghĩa tư bản thân hữu.

Ba là, về phát triển văn hóa, xã hội và con người, phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Đó là yêu cầu làm rõ hơn nội dung, cơ chế và hệ quả tác động qua lại giữa văn hóa với đời sống kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề về xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế; những chuẩn giá trị văn hóa và con người mà chúng ta cần xây dựng; về hạn chế và các giải pháp khắc phục những tác động tiêu cực đến văn hóa, xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Vấn đề định hướng phát triển, triết lý của nền giáo dục và đào tạo Việt Nam, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo được sự đồng thuận xã hội trong lĩnh vực này. Vấn đề nghiên cứu, làm rõ hơn các yêu cầu và tiêu chí bảo đảm giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong lĩnh vực phân phối và thực hiện chính sách xã hội là vấn đề bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động và các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế, khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo, hướng dẫn, hỗ trợ người nghèo vươn lên và phấn đấu trở thành khá giả...

Bốn là, những vấn đề đặt ra trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đó là nhận thức về mối quan hệ của Chiến lược quốc phòng, an ninh với kinh tế và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; mối quan hệ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong điều kiện mới. Xuất hiện các vấn đề về dự báo đúng những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến an ninh tư tưởng, trật tự, an toàn xã hội trong điều kiện mới; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trật tự an toàn xã hội, đấu tranh với các loại tội phạm mới xuất hiện từ hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Các vấn đề về tổ chức và quản lý việc quân đội, công an làm kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, những vấn đề đặt ra trong hoạt động đối ngoại.

Đó là việc cụ thể hóa quan điểm “hoạt động đối ngoại cần phục vụ tốt lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, góp phần xử lý hài hòa giữa lợi ích an ninh, phát triển”; các vấn đề về lựa chọn chính sách tối ưu với các đối tác, tạo khuôn khổ ổn định, lâu dài và ngày càng đi vào chiều sâu quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng chung biên giới. Nghiên cứu đáp ứng yêu cầu thích nghi của hoạt động đối ngoại với sự đa dạng về đối tác trong bối cảnh hội nhập, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại, với sự phát triển của các lực lượng tham gia hoạt động đối ngoại, “quyền chủ động” của các bộ chức năng, các hình thức mới, như “gọi trực tiếp” (direct-dial diplomacy)... đang phát triển mạnh và trở nên phổ biến hiện nay.

Sáu là, những vấn đề đặt ra trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trước hết là làm rõ các nội dung, tiêu chí thực hiện dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp một cách hiệu quả, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân và sự lãnh đạo, định hướng của Đảng, nhất là trong các lĩnh vực bầu cử, bãi miễn đại biểu dân cử, lấy phiếu tín nhiệm, trưng cầu ý dân, tự do báo chí, quyền biểu tình... Vấn đề khắc phục tính hình thức; tình trạng người dân thờ ơ, tham gia chưa đông, chưa tiêu biểu và thực chất trong các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Trong xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất và thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, vấn đề lớn nổi lên là khắc phục tình trạng hình thức, hành chính hóa trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, bao gồm cả việc giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng. Vấn đề đặt ra cần giải quyết để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động hiệu quả là mô hình tổ chức, tính

độc lập tương đối, phương thức hoạt động và quyền tự chủ về kinh phí. Cần nhắc với đề xuất chuyển quyền quyết định chi ngân sách cho hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên thuộc về Quốc hội, không phụ thuộc vào cơ quan nhà nước các cấp như hiện nay.

Bảy là, những vấn đề đặt ra trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trong lĩnh vực nhận thức lý luận, vấn đề nổi lên là phương thức lãnh đạo của Đảng với Nhà nước, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước theo pháp luật của Nhà nước pháp quyền; phân biệt rõ việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng với việc chấp hành pháp luật trong hoạt động quản lý; tính chất pháp quyền trong quản lý nhà nước.

Vấn đề cụ thể hóa, thiết kế phương thức hoạt động của Nhà nước, bảo đảm sự độc lập giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp và sự kiểm soát lẫn nhau giữa các quyền và các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, gắn với kiểm soát quyền lực nhà nước của người dân và của xã hội. Cụ thể hóa mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội để phát huy vai trò của các tổ chức xã hội cũng như tạo sự năng động, sáng tạo trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Tám là, những vấn đề đặt ra trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Vấn đề hàng đầu là tăng cường công tác tư tưởng của Đảng, giữ vững nền tảng tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của Đảng. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng, bao trùm, xuyên suốt toàn bộ công tác xây dựng Đảng,

quyết định sự tồn tại, phát triển của Đảng và thắng lợi của cách mạng. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị trong Đảng và xã hội đang là một nguy cơ lớn không chỉ tác động đến mục tiêu chính trị của Đảng mà còn suy giảm năng lực lãnh đạo, uy tín của Đảng trong nhân dân.

Vấn đề kiên định nguyên tắc tập trung dân chủ với thực hiện dân chủ trong Đảng cần tập trung giải quyết để nâng cao sức mạnh, sức hấp dẫn của Đảng, đồng thời bảo đảm dân chủ trong xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh là vấn đề có tính cấp thiết cần giải quyết để khắc phục sự yếu kém của tổ chức đảng ở cơ sở. Khắc phục có hiệu quả tình trạng nhiều tổ chức đảng ở cơ sở không có khả năng lãnh đạo nhiệm vụ chính trị; tuổi đảng bình quân ngày càng tăng; rất khó khăn trong phát triển đảng viên mới do thiếu nguồn.

Trong công tác xây dựng Đảng có vấn đề về xây dựng cơ chế huy động nhân dân, cán bộ, đảng viên ở cơ sở, báo chí tham gia đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Vấn đề đồng bộ giữa đổi mới thể chế chính trị với đổi mới thể chế kinh tế, trong đó tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, thực hiện có hiệu quả, thực chất mối quan hệ hữu cơ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, một yêu cầu vừa cơ bản, lâu dài, vừa có tính cấp thiết trong xây dựng Đảng hiện nay.

3. Về các mối quan hệ lớn

Cương lĩnh năm 1991 chưa nêu các mối quan hệ lớn. Cương lĩnh năm 2011 xác định phải đặc biệt chú trọng nắm

vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

Đại hội XII của Đảng điều chỉnh mối quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” bằng mối quan hệ “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa” và bổ sung mối quan hệ “giữa Nhà nước và thị trường”; Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII đã phát triển thành mối quan hệ “giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”.

3.1. Nhận thức về các mối quan hệ lớn

(1) Mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển

Đảng ta nhận thức về đổi mới, ổn định, phát triển và mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định, phát triển ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn. Đã coi trọng hơn việc giải quyết đồng bộ cả ba thành tố: đổi mới, ổn định, phát triển và được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với nhau. Nhận thức và giải quyết mối quan hệ này được xác định theo nguyên tắc: Đổi mới là động lực, là phương thức - Ổn định là điều kiện - Phát triển là mục tiêu. Phải lấy mục tiêu để định hướng đổi mới và ổn định. Trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, Đảng ta nhận thức quá trình đổi mới - ổn định - phát triển đất nước không chỉ phụ

thuộc vào điều kiện, tiềm lực nội tại của đất nước, mà còn phụ thuộc vào điều kiện, xu thế phát triển của thế giới, vào mối quan hệ quốc tế của Việt Nam.

Tuy nhiên, nhận thức và quan niệm về ổn định vẫn mang nhiều tính chất “ổn định tĩnh”, vẫn mang nặng tính hành chính, quan liêu, áp đặt. Tư duy về phát triển hiện đại, về mô hình phát triển hiện đại chưa được nghiên cứu sâu, có hệ thống để làm cơ sở cho việc tiến hành xây dựng và đổi mới mô hình phát triển trên thực tiễn.

(2) Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

Đảng ta đã có nhận thức ngày càng rõ hơn về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Đại hội VI của Đảng mới xác định phải đổi mới từ kinh tế đến đổi mới chính trị. Đại hội VII chủ trương đổi mới kinh tế đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Đại hội VIII xác định: “Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị”¹. Đến Đại hội XI, Đại hội XII nhấn mạnh đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế, tập trung đổi mới đồng bộ thể chế kinh tế và thể chế chính trị nhằm tạo ra sự nhịp nhàng, ăn khớp, làm điều kiện, tiền đề, thúc đẩy nhau phát triển.

Nội hàm của đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị và mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ngày càng được nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn. Không còn tư duy tuyệt đối hóa, xơ cứng, máy móc và siêu hình, nhấn mạnh một chiều về vai trò của đổi mới kinh tế hoặc đổi mới

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.14.

chính trị; tư duy, nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ngày càng đầy đủ hơn, phù hợp với thực tiễn sống động của đời sống kinh tế và đời sống xã hội, mang “hơi thở” của cuộc sống.

Tuy nhiên, nhận thức mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị còn chậm, thậm chí còn có biểu hiện của sự trì trệ ở một số lĩnh vực, khía cạnh, dẫn đến hạn chế sự phát triển đột phá; tính sáng tạo trong việc nhận thức quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị chưa cao. Vẫn còn những biểu hiện thiếu quan điểm khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể trong việc nhận thức mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Đôi khi còn có biểu hiện chính trị hóa một số vấn đề kinh tế cụ thể.

(3) Mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa

Nhận rõ thực chất mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa là mối quan hệ giữa chủ quan và khách quan. Các quy luật của kinh tế thị trường (quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh...) là khách quan. Định hướng xã hội chủ nghĩa là chủ quan, nhưng không phải là chủ quan duy ý chí hay giáo điều máy móc. Định hướng xã hội chủ nghĩa là chủ quan dựa trên cơ sở vận dụng các quy luật khách quan của kinh tế thị trường. Nói rộng ra, đó là mối quan hệ giữa hai bộ phận cốt lõi của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, và cũng chính là hai bộ phận cốt lõi của một hình thái kinh tế - xã hội ra đời ở giai đoạn đầu. Các quy luật của kinh tế thị trường và tính định hướng xã hội chủ nghĩa phải là những thuộc tính

bản chất, những yếu tố nội tại bền vững trong mô hình kinh tế tổng quát ở nước ta, không thể coi nhẹ yếu tố nào. Trong đó, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phải được quán triệt khi vận hành các quy luật, nguyên tắc của thị trường. Ngược lại, khi vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường không được tách rời biệt lập với việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường là thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là mô hình kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và sự dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh; phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo mức đóng góp lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; Nhà nước quản lý phát huy mặt tích cực, hạn chế, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế¹.

Tuy nhiên, từ thực tiễn vận động của nền kinh tế cho thấy, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, ngoài các quy luật đặc trưng của kinh tế thị

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.204-206.

trường (quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung - cầu, quy luật lưu thông tiền tệ...), ít ra còn có các quy luật chung rất quan trọng đang hoạt động chi phối sự vận động của mọi nền kinh tế của các quốc gia (bao gồm cả Việt Nam), như: quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất; quy luật tái sản xuất mở rộng, ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất. Vì thế, nếu chỉ xác định: "... nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường" là chưa đầy đủ.

(4) Mỗi quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa

Nhận thức của Đảng ta về mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, có những bước tiến, thể hiện ở những nhận thức cụ thể sau:

Đại hội XI và XII của Đảng khẳng định, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam: "có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật..."¹.

Cơ chế quản lý kinh tế đã không ngừng được đổi mới, từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đến cơ chế quản lý kinh tế gắn với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; vận động theo cơ chế thị

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.25.

trường có sự quản lý của Nhà nước góp phần giải phóng và phát huy các tiềm năng trong xã hội. Đại hội XII đã khẳng định: “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển*”¹. Đây là sự phát triển mới về nhận thức của Đảng, trong đó xác định rõ nội hàm nước công nghiệp hiện đại thông qua những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế, của xã hội và những tiêu chí phản ánh về chất lượng môi trường.

Chế độ phân phối đã có sự phát triển mới. Đại hội XII xác định: Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và công cụ, chính sách để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, đến nay, chưa làm rõ nội hàm của mối quan hệ này. Trong quan hệ sản xuất, vấn đề quan trọng là vấn đề chế độ sở hữu, nhất là sở hữu đất đai còn nhiều ý kiến khác nhau.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.90.

Việc vận dụng vào từng giai đoạn cách mạng ra sao chưa được xác định.

(5) Mối quan hệ Nhà nước, thị trường và xã hội

Trên cơ sở kế thừa và phát triển nhận thức về mối quan hệ này, Đại hội XII đã chỉ rõ: “Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực Nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”. Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII, Đảng ta đã nêu yêu cầu: Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường.

Tuy nhiên, xung quanh nhận thức về mối quan hệ này cũng còn nhiều điểm cần được làm rõ như: cơ sở khoa học và thực tiễn của mối quan hệ Nhà nước, thị trường và xã hội; xác định vai trò, chức năng các thành tố và quan hệ giữa chúng không chỉ phù hợp với kinh tế thị trường, mà còn phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường trong từng giai đoạn; kinh tế nhà nước hay Nhà nước là chủ đạo? Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng? Kinh tế nhà nước dẫn dắt hay kinh tế tư nhân dẫn dắt sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

(6) Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội luôn rõ ràng, nhất quán và xuyên suốt. Điều này được thể hiện ở tầm quan trọng và nội dung của mối quan hệ này được phát triển hơn và được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần trong Cương lĩnh năm 2011, trong các văn kiện của Đại hội XI, Đại hội XII và một số nghị quyết trung ương.

Thứ nhất, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là một trong các mối quan hệ lớn được đặt ra cần nắm vững và giải quyết trong quá trình thực hiện các phương hướng phát triển cơ bản nhằm thực hiện thành công các mục tiêu được đặt ra trong Cương lĩnh năm 2011: “... *kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta* là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. *Từ nay đến giữa thế kỷ XXI*, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹.

Thứ hai, Cương lĩnh năm 2011 đã phát triển quan điểm: “Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội” trong Cương lĩnh năm 1991 thành “kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách”²;

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.25, 80.

phát triển chủ trương “Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động” trong Cương lĩnh năm 1991 thành “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững”¹ và phát triển chủ trương “thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội” trong Cương lĩnh năm 1991 thành “hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội”².

Thứ ba, quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững cũng như bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng đòi hỏi phải có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững, có khả năng huy động các nguồn lực vật chất cho việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Ngược lại, không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững nếu trong xã hội không có sự công bằng nhất định, đa số dân chúng sống nghèo khổ, thấp kém về trí tuệ, ốm yếu về thể chất, và một bộ phận đáng kể lao động lâm vào cảnh thất nghiệp, nghèo đói, bị đẩy ra ngoài lề xã hội.

Thứ tư, quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cụ thể: Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.80.

chung của thế giới (phát triển bền vững và bao trùm), góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn quan điểm về phát triển bền vững, phát triển bao trùm hiện đang được thảo luận nhiều trên thế giới cũng như tính xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường mà Việt Nam đang xây dựng và phát triển.

Tuy nhiên, chưa xác định đầy đủ nội hàm của mối quan hệ này, làm thế nào để giải quyết tốt mối quan hệ này không rõ. Vận dụng mối quan hệ này vào từng giai đoạn cách mạng ra sao chưa được xác định rõ.

(7) Mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Đảng ta chỉ rõ: Dựng nước đi đôi với giữ nước. Bảo vệ là điều kiện để xây dựng; xây dựng tạo sức mạnh để bảo vệ, trong bảo vệ có xây dựng, trong xây dựng có bảo vệ, phòng ngừa nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ không chỉ là phòng ngừa mà trước hết phải xây dựng tiềm lực đất nước mạnh lên về mọi mặt. Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo. Khắc phục triệt để những sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế và quốc phòng, an ninh tại các địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nên tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.

Tuy nhiên, nhận thức về mối quan hệ còn nhiều điểm chưa rõ. Kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa thế nào; nội dung, biện pháp xây dựng “thế trận lòng dân” chưa được xác định rõ. Việc vận dụng vào từng giai đoạn, từng địa bàn, lĩnh vực chưa cụ thể.

(8) Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

Trong Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, Đảng ta đã chỉ rõ mục tiêu của hội nhập quốc tế phải: “củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo toàn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”.

Nhận thức của Đảng ngày càng sáng rõ quá trình hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh nên hội nhập quốc tế càng mở rộng và đi vào chiều sâu, càng phải kiên quyết bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế chính là xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu; hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; các bước đi trong hội nhập quốc tế cần được dự liệu đúng đắn phù hợp với điều kiện thực tế ở bên ngoài và nguồn lực bên trong của đất nước.

Đảng ta coi quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là tất yếu khách quan, nảy sinh và ngày càng sâu đậm trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước và mở cửa hội nhập với thế giới. Đó là mối quan hệ biện chứng tác động qua

lại lẫn nhau, tạo tiền đề, điều kiện cho nhau, phát huy lẫn nhau, vừa thống nhất, thúc đẩy nhau nhưng nếu không xử lý tốt có thể tác động làm hạn chế, kìm hãm lẫn nhau trong việc bảo đảm lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Tuy nhiên, nhận thức về độc lập, tự chủ cũng chưa đầy đủ, thống nhất. Mối lo trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng có giữ được độc lập, tự chủ không. Độc lập, tự chủ về đường lối hay độc lập, tự chủ những vấn đề gì. Hội nhập các lĩnh vực nhạy cảm như chính trị, quốc phòng, an ninh như thế nào. Chưa cụ thể mối quan hệ này vào từng giai đoạn cách mạng.

(9) Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ

Nhận thức sâu sắc hơn và đầy đủ hơn về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước là nhân dân. Quyền lực của Đảng cũng như quyền lực nhà nước đều bắt nguồn, ra đời, tồn tại và phát triển từ quyền lực của nhân dân. Nhà nước quản lý trong mối quan hệ với Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Nhận thức rõ hơn và đầy đủ hơn về vị trí, vai trò của các chủ thể trong mối quan hệ. Đảng giữ vị trí, vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Thước đo hiệu quả lãnh đạo của Đảng thể hiện ở kết quả phát huy vai trò của Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ nhiều hay ít. Nhà nước là công cụ thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân, phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Nhân dân làm chủ bằng Nhà nước và bằng các tổ chức chính trị, tổ chức

chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của mình và bằng các quyền dân chủ trực tiếp cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định.

Tuy nhiên, chưa có sự nhận thức thống nhất và rõ ràng giữa Đảng cầm quyền và Đảng lãnh đạo. Nguyên tắc “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” được ghi nhận trong Cương lĩnh và trong Hiến pháp năm 2013, nhìn chung chưa được nhận thức sâu sắc, đầy đủ, còn có sự khác nhau và lúng túng trong thực tiễn tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước; trong hoạt động lập pháp để thể chế hóa nguyên tắc này.

3.2. Kết quả thực hiện các mối quan hệ lớn

(1) Đảng và Nhà nước đã chú trọng hơn trong ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp có khả năng “tích hợp” được vai trò của cả ba nhân tố đổi mới, ổn định và phát triển. Giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển được đặt trọng tâm vào nhân tố con người với tư cách vừa là chủ thể, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cả đổi mới, ổn định và phát triển. Vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước không ngừng được đổi mới và nâng cao hơn. Đây là một trong những nhân tố trọng yếu nhất bảo đảm cho quá trình đổi mới, ổn định và phát triển đất nước đạt được những thành tựu quan trọng.

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển được giải quyết tương đối toàn diện, nhưng chưa coi trọng đúng mức tính đồng bộ giữa các yếu tố nói trên trong tổng thể, và giữa các lĩnh vực cụ thể (kinh tế, chính trị, xã

hội, văn hóa, hội nhập quốc tế...), giữa các vùng, miền, địa phương. Đổi mới, ổn định và phát triển chưa thật sự được gắn kết chặt chẽ với nhau; có những nơi, những lúc quá chú trọng phát triển kinh tế, mất dân chủ đã không chú trọng đúng mức đến bảo đảm ổn định xã hội.

(2) Tư duy mới về kinh tế và chính trị đã làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế và đời sống chính trị, tạo ra bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế và sự ổn định về chính trị của đất nước.

Trong đổi mới kinh tế, Đại hội XII đánh giá: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên. Môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện, bình đẳng và thông thoáng hơn. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội. Việc huy động và phân bổ các nguồn lực gắn với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã từng bước phù hợp với cơ chế thị trường; hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Đường lối đổi mới kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan của thực tiễn đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất xã hội, thúc đẩy kinh tế của nước ta tăng trưởng vượt bậc, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Nhờ vậy, sau 35 năm đổi mới chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, trở thành nước có thu nhập trung bình; hội nhập

manh mẽ vào kinh tế khu vực và thế giới, tạo thế và lực mới cho nền kinh tế.

Trong đổi mới chính trị, Đại hội XII đánh giá: Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu, nhiệm vụ mới. Chúc năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh phù hợp hơn. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đã ban hành nhiều quy chế, quy định, quy trình công tác để thực hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện. Chính phủ và các bộ tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô và năng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt kết quả tích cực. Quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực kinh tế và chính trị được phát huy tốt hơn.

Tuy nhiên, đổi mới chính trị vẫn còn chậm hơn so với đổi mới kinh tế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, vẫn còn nhiều chính sách chưa phù hợp với cuộc sống,

gây cản trở sự phát triển kinh tế; tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân vẫn tồn tại, có nơi, có lúc diễn biến phức tạp, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội có xu hướng hành chính hóa và bộ máy công kênh; đổi mới trong bản thân lĩnh vực chính trị cũng còn những hạn chế.

(3) Mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa được giải quyết, đạt kết quả bước đầu. Từng bước thể chế hóa thành hệ thống chính sách phát triển lực lượng sản xuất, giải phóng sức sản xuất, giải phóng các nguồn lực, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong hoàn thiện quan hệ sản xuất, đã phát triển các hình thức sở hữu đa dạng, hoàn thiện bước đầu thể chế về phân phối dựa trên nguyên tắc thị trường, đổi mới cơ bản cơ chế quản lý đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước, thừa nhận kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng. Việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất bước đầu được chú ý trong xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện quan hệ sản xuất trong những năm vừa qua vừa chưa bắt nhịp được với tốc độ phát triển của lực lượng sản xuất, vừa chấp vá, thiếu đầy đủ trong nội dung của quan hệ sản xuất. Tư duy về hiện thực hóa yêu cầu quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất chưa trở thành thường xuyên trong xây dựng và hoạch định, tổ chức thực hiện chính sách phát triển. Tiềm lực khoa học - công nghệ chưa được khơi dậy và phát huy tốt, sự kết nối giữa nghiên cứu và triển khai chưa hiệu quả.

(4) Việc thực hiện mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản

xuất xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta đã cụ thể hóa kịp thời vào các văn kiện, thể chế trong suốt thời kỳ từ đổi mới đến nay, mà đặc biệt là sau năm 2011. Nhờ vậy, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể; quan hệ sản xuất thay đổi cơ bản so với trước đổi mới và ngày càng hoàn thiện, phù hợp hơn với sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam được cải thiện trên nhiều mặt. Tỷ lệ biết chữ của dân số tăng từ 87,3% năm 1989 lên 95,1% năm 2017. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (có bằng cấp, chứng chỉ) tăng từ 10,3% năm 2000 lên 21,4% năm 2017. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng dần qua các năm, từ 65,5 tuổi năm 1993 lên 73,5 tuổi năm 2017. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế đã có sự dịch chuyển theo hướng tích cực, tỷ trọng lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm liên tục từ 62,2% năm 2000 xuống còn 38,1% năm 2018. Tỷ trọng lao động làm việc trong các doanh nghiệp chế biến, chế tạo có công nghệ cao tăng từ 13,8% năm 2010 lên 20,3% năm 2017.

Môi trường đầu tư liên tục được cải thiện đã thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư cho phát triển. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2018 gấp 2,2 lần tổng vốn đầu tư năm 2010. Tính chung cả giai đoạn 2011-2018 tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 10.630,8 nghìn tỷ đồng, bằng 32,4% GDP.

Khoa học và công nghệ đã có sự phát triển đáng kể cả về năng lực và khả năng ứng dụng vào thực tiễn; đã hình thành hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ bao quát trên nhiều lĩnh vực.

Với việc giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, sau 35 năm đổi mới Việt Nam

đã đạt được những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu với trên 80% dân số sống ở nông thôn, Việt Nam đã xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo lập môi trường thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội cho phát triển.

Các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển tích cực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, giảm dần khu vực nông nghiệp, tăng khu vực dịch vụ và công nghiệp.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thời gian qua, trong nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, xuất hiện những mâu thuẫn mới, sự không phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, làm cản trở sự phát triển của cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, đó là:

Chưa bảo đảm được sự tương thích trong xây dựng, hoàn thiện giữa các mặt của quan hệ sản xuất, vẫn tập trung để thay đổi chế độ sở hữu hơn là đổi mới về quan hệ quản lý. Việc quản lý, khai thác, sử dụng, phát huy các nguồn lực của nền kinh tế còn hạn chế, bất cập; chậm chạp trong việc thay đổi thể chế làm kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung còn thấp, cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo còn bất hợp lý; kết nối cung cầu trên thị trường lao động còn nhiều bất cập. Năng suất lao động thấp xa so với các nước trong khu vực. Việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên chưa hiệu quả, còn lãng phí, hủy hoại môi trường. Cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn lạc hậu, thiếu đồng bộ; quản lý, khai thác và

sử dụng kết cấu hạ tầng còn bất cập. Khoa học và công nghệ chưa tương xứng với vai trò là động lực then chốt và nền tảng cho quá trình phát triển đất nước. Mức độ sẵn sàng trong áp dụng công nghệ và khả năng tiếp nhận công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam còn thấp. Tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Trình độ công nghệ lạc hậu, chậm được đổi mới; chất lượng sản phẩm, năng suất lao động ngành công nghiệp còn thấp. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước chưa được thể hiện rõ nét, không tương xứng với nguồn lực đang nắm giữ. Khu vực kinh tế tư nhân chưa thực sự là động lực phát triển quan trọng của nền kinh tế. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa tạo được hành lang pháp lý thuận lợi cho sự vận hành của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập quốc tế. Chế độ phân phối đổi mới chậm, còn nhiều bất hợp lý, chưa thực sự bình đẳng; chính sách tiền lương chưa tạo được động lực thu hút và sử dụng người tài.

(5) Việc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội đạt kết quả bước đầu.

Nhà nước đã chú ý đến vai trò “bà đỡ” cho thị trường hình thành và phát triển. Hình thành thể chế về chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước đã dần hạn chế tối đa mệnh lệnh hành chính để các hoạt động của thị trường diễn ra chủ yếu theo sự hướng dẫn của các quy luật thị trường, bảo đảm nguyên tắc thị trường “tự điều chỉnh”; thể chế định giá, nhất là giá cả hàng hóa, dịch vụ, đã được tự do hóa. Vai trò, chức năng của thị trường ngày càng được coi trọng, thể hiện rõ nét ở những điểm: thị trường đã thực sự từng bước là căn cứ để Nhà nước định hướng phát triển kinh tế thông qua các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch...; thị trường/doanh

nghiệp ngoài nhà nước tham gia cung ứng các dịch vụ xã hội; thị trường là căn cứ để tạo một khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, nhất quán, minh bạch và vững chắc; thị trường tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế, góp phần tạo ra sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế. Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Khu vực tư nhân có sự phát triển mạnh trong các lĩnh vực pháp luật không cấm, và tham gia cung ứng dịch vụ công. Phát triển các doanh nghiệp xã hội và các hội tự quản. Có sự gắn bó hơn giữa Nhà nước, thị trường và xã hội ngay trong quá trình xây dựng và thực thi chủ trương, chính sách.

Bên cạnh đó, việc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội ở nước ta còn nhiều vướng mắc, bất cập, còn lẫn lộn vai trò giữa Nhà nước và thị trường. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế còn thấp. Kinh tế nhà nước cũng đã bộc lộ hạn chế, bất cập, tập trung vào các vấn đề như: việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản; phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước... Còn tình trạng thiếu bình đẳng, hạn chế tính cạnh tranh và làm suy giảm năng lực kinh doanh của cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước. Chưa thực sự tôn trọng vai trò, chức năng của thị trường, chưa thực sự coi thị trường là một thực thể khách quan, các yếu tố thị trường, các loại thị trường trong nền kinh tế chậm được đồng bộ hoá. Vấn đề cạnh tranh, chống độc quyền và phát triển kinh tế tư nhân chưa có được môi trường thuận lợi. Nhận thức và hoạt động của các tổ chức xã hội còn một số hạn chế. Chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức xã hội không rõ ràng. Việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân

còn có những hạn chế, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có mặt còn hình thức...

(6) Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội đã được tích cực triển khai trên thực tế thông qua việc ban hành và thực hiện các luật, chiến lược, kế hoạch, chương trình và chính sách phát triển về văn hóa; xóa đói, giảm nghèo; giảm bất bình đẳng; tạo việc làm; trao quyền cho phụ nữ; phát triển con người và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo... Cùng với quá trình tăng trưởng của nền kinh tế, Việt Nam đã có nhiều bước phát triển mới, xét trên tất cả các khía cạnh, từ phát triển văn hóa; xóa đói, giảm nghèo; giảm bất bình đẳng; tạo thêm việc làm mới; trao quyền cho phụ nữ; phát triển con người và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

Hàng nghìn di tích văn hóa được trùng tu, tôn tạo; hàng trăm lễ hội truyền thống được phục hồi; nhiều làn điệu dân ca, các huyền thoại, truyền thuyết, các bộ sử thi... di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được công nhận ở cấp quốc gia, quốc tế và thực tế đã trở thành những di sản chung của văn hóa nhân loại. Văn hóa truyền thống, văn hóa của các dân tộc thiểu số được chú trọng, đầu tư phát triển, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo tồn, khẳng định giá trị, bản sắc của văn hóa Việt Nam. Đời sống văn hóa tinh thần, quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân cũng được khôi phục, tôn trọng. Một số mô hình, thiết chế, phong trào văn hóa (như phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa) đã được thiết lập, triển khai sâu rộng và đem lại nhiều kết quả tích cực. Bên cạnh đó, Việt Nam chủ trương xây dựng một thị trường văn hóa nhân văn, hiện đại trên cơ sở phát triển ngành công nghiệp văn hóa. Kinh tế tăng trưởng liên tục

giúp Việt Nam từ chỗ là một nước kém phát triển trở thành một nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp. Mức độ bất bình đẳng tính theo hệ số Gini dựa trên chi tiêu có xu hướng giảm. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm được giữ ở mức thấp và cũng có xu hướng giảm dần, đồng thời với việc nhiều việc làm mới được tạo ra. Bình đẳng giới ở Việt Nam cũng ngày càng tiến bộ và được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực từ chính trị cho tới kinh doanh và văn hoá - xã hội với tỷ lệ phụ nữ tham gia Quốc hội, các cấp chính quyền và kinh doanh cao. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã liên tục có sự cải thiện cùng với tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông cao và tỷ lệ lao động qua đào tạo liên tục gia tăng. Chỉ số sáng tạo liên tục tăng đã giúp cho nền kinh tế vươn lên nhóm nửa trên bảng xếp hạng toàn cầu.

Tuy nhiên, việc giải quyết mối quan hệ này vẫn còn một số hạn chế, bất cập như: *Thứ nhất*, mặc dù liên tục tăng trưởng nhưng tỷ lệ tăng trưởng chưa ổn định và chưa cao, đủ để tạo ra sự đột phá trong phát triển của nền kinh tế; hiệu quả sử dụng các nguồn lực, nhất là nguồn lực nhà nước chưa cao. *Thứ hai*, bất bình đẳng thu nhập đạt mức cao và có xu hướng gia tăng giữa nhóm người giàu nhất và thấp nhất cũng như giữa thành thị và nông thôn. Thêm vào đó, bất bình đẳng cũng cao hơn ở những tỉnh có mức thu nhập thấp. *Thứ ba*, tỷ lệ nghèo tính theo cách tiếp cận đa chiều vẫn ở mức cao, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. *Thứ tư*, số việc làm mới được tạo ra trong nền kinh tế tuy vẫn tăng nhưng đang có xu hướng chậm dần; tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm được duy trì ổn định ở mức thấp nhưng việc làm nhìn chung vẫn chưa bền vững khi khá nhiều công việc chưa mang tính lâu dài với năng suất và mức

thu nhập còn thấp, còn có chênh lệch về thù lao giữa nam và nữ đối với cùng một loại công việc như nhau. Phụ nữ vẫn tập trung nhiều trong các ngành nghề ở khu vực phi chính thức, có thu nhập thấp, môi trường làm việc chưa bảo đảm và thiếu ổn định. *Thứ năm*, khả năng tiếp cận giáo dục đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa vẫn còn một số khó khăn, hạn chế nhất định; tình trạng bạo lực học đường vẫn thường xuyên xảy ra; thiếu hụt lao động có tay nghề cao và tồn tại sự chênh lệch ngày càng lớn giữa lao động nam và lao động nữ về tiếp cận đào tạo nghề ở một số nhóm dân tộc thiểu số; chất lượng giáo dục đại học chưa đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi cao của nền kinh tế...

(7) Chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong thực hiện mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ý thức về kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ngày càng được nâng cao. Kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược này được tiến hành đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trong tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, còn có biểu hiện nhận thức chưa đầy đủ, toàn diện và sâu sắc về kết hợp giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở một bộ phận cán bộ, quần chúng nhân dân. Việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ, chưa đạt hiệu quả cao.

(8) Việc xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đã thu được những thắng lợi

ấn tượng. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã khẳng định “Thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, trong thời gian qua, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững”¹.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế về chính trị của nước ta trong thời gian qua đã đạt được những thành quả tốt đẹp. Chúng ta đã đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất: chủ động tham gia phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Hội nhập quốc tế về chính trị được thực hiện tương đối nhanh, sâu rộng và thực chất cả trong kênh song phương và đa phương. Hội nhập song phương tạo tiền đề để Việt Nam phát huy vai trò trên diễn đàn đa phương, qua đó tạo thuận lợi cho quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng hơn. Hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu đã góp phần cải thiện đáng kể tiềm lực trong nước, nâng cao vị thế địa chiến lược của Việt Nam tại khu vực Đông Nam Á, Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương và trên phạm vi toàn cầu. Từ một quốc gia hội nhập sau, Việt Nam đã trở thành nhân tố tích cực tham gia tiến trình hội nhập khu vực, chủ động đề xuất các sáng kiến, thúc đẩy các liên kết. Việt Nam cũng tích cực hội nhập sâu rộng vào trật tự kinh tế, chính trị toàn cầu, trở thành thành viên có trách nhiệm và uy tín trên cộng đồng quốc tế.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.151.

Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Chúng ta đã xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư quốc tế, mở rộng thị trường, khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến; khai thác hiệu quả các thỏa thuận được ký kết, đặc biệt là các khu vực mậu dịch tự do song phương và đa phương. Thành công của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài rõ nhất là đã hình thành các cụm sản xuất và phát triển các ngành sản xuất có trình độ công nghệ tiên tiến. Theo Tổng cục Thống kê, tới năm 2018, số vốn đầu tư đã đăng ký vào Việt Nam đạt gần 400 tỷ USD và Việt Nam được xếp vào nhóm 15 quốc gia thu hút vốn FDI hàng đầu thế giới. Hiện nay cộng đồng tài trợ quốc tế hoạt động thường xuyên ở nước ta đã lên tới hơn 50 nhà tài trợ, bao gồm 28 nhà tài trợ song phương và hơn 20 nhà tài trợ đa phương. Ngoài ra, nước ta còn nhận được vốn ODA từ hơn 600 tổ chức phi Chính phủ quốc tế. Thành công của hội nhập kinh tế quốc tế góp phần tăng cường nguồn lực, tạo điều kiện vật chất - kỹ thuật thuận lợi cho việc bảo vệ độc lập, tự chủ của đất nước, tạo nền tảng để hội nhập về chính trị và hội nhập các lĩnh vực khác. Kinh tế đất nước phát triển, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên là nhân tố quan trọng để giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước.

Hội nhập quốc tế trên lĩnh vực văn hóa - xã hội của nước ta với cộng đồng thế giới đã được đẩy mạnh, đa dạng về hình thức, phương thức, đối tác và có chuyển biến về chất lượng. Việt Nam đã ký hơn 100 thỏa thuận, điều ước quốc tế song phương có nội dung văn hóa. Hội nhập văn hóa - xã hội đi vào chiều sâu đã thu hút bạn bè quốc tế đến với Việt Nam ngày một nhiều hơn.

Hội nhập trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh là một trong những nhiệm vụ quan trọng để phục vụ và hỗ trợ cho chính sách chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện của Đảng và Nhà nước ta, vừa phục vụ cho sự nghiệp phát triển của đất nước, vừa bảo vệ độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia trong bối cảnh môi trường quốc phòng - an ninh trên thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp. Việt Nam đã từng bước mở rộng hợp tác quốc phòng - an ninh với các nước lớn và các nước trong khu vực, đã có quan hệ quốc phòng chính thức với gần 70 nước, đặt văn phòng tùy viên quân sự tại hơn 30 nước và có hơn 40 nước có văn phòng tùy viên quân sự tại Việt Nam. Việt Nam cũng đã tham gia tích cực vào các diễn đàn an ninh - quốc phòng khu vực và từng bước tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế về an ninh - quân sự toàn cầu.

Tuy nhiên, việc xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế còn có lúc lúng túng. Chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng chưa cao.

(9) Về giải quyết mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Với những tư duy chính trị - pháp lý mới của Cương lĩnh năm 2011 và Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên bộ máy nhà nước có sự phân công quyền lực nhà nước một cách mạch lạc giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và kiểm soát quyền lực trở thành một nguyên tắc Hiến định. Đến nay, bộ máy nhà nước được xây dựng và hoàn thiện thêm một bước theo tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được Hiến pháp năm 2013, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 giao cho một nhiệm vụ, quyền hạn mới là giám sát, phản biện xã hội. Với nhiệm vụ và quyền hạn mới này đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng chính sách, pháp luật, chiến lược, đề án, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các địa phương.

Tuy nhiên, quyền lực chính trị của Đảng cả trong điều lệ của Đảng, và cả trong pháp luật của Nhà nước chưa được thể chế hóa, minh bạch, chặt chẽ, nhất là quyền và trách nhiệm của tổ chức đảng và cá nhân đứng đầu tổ chức đảng. Vì thế, cá nhân có trọng trách của Đảng và Nhà nước ở các cấp, các ngành có điều kiện thao túng quyền lực. Không ít người đã lợi dụng quy trình, thủ tục và tập thể cấp ủy để hợp thức hóa ý muốn cá nhân của mình.

Cơ chế nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước; cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp bao gồm cả cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong của mỗi quyền (tự kiểm soát mình) và cơ chế bảo vệ Hiến pháp theo luật định, đến nay chưa ra đời đầy đủ và chưa hoàn thiện.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa thực sự trở thành động lực của sự phát triển. Nhiều quyền dân chủ trực tiếp của công dân được Hiến pháp ghi nhận đến nay chưa được thể chế hóa. Các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp còn mang nặng tính hình thức.

Tóm lại, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Cương lĩnh năm 2011 đã khái quát thành 8 mối quan hệ lớn. Đại hội XII và một số nghị quyết trung ương khóa XII đã

hoàn chỉnh và phát triển thành 9 mối quan hệ lớn. Đây là bước tiến về tư duy lý luận của Đảng ta.

Nhận thức về nội hàm, nội dung của từng chủ thể trong từng mối quan hệ cũng như sự tác động tương hỗ, biện chứng của các chủ thể đó được thể hiện ngày càng rõ.

Việc giải quyết đúng đắn các mối quan hệ lớn đã tạo ra cho đất nước ta có được sự phát triển đi đúng mục tiêu, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chưa bao giờ đất nước ta lại có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

Chín mối quan hệ là chỉnh thể thống nhất, đã được thể hiện khá rõ trong tư duy lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, trong đường lối, chính sách cụ thể. Mặt khác khi thực hiện các mối quan hệ đã có sự nhận thức và hành động đúng khi giải quyết những mặt đối lập trong sự thống nhất, nên hạn chế được những thiếu sót, hạn chế, sai lầm lớn.

Tuy nhiên, nhận thức và triển khai thực hiện của từng mối quan hệ cũng như tổng thể các mối quan hệ với 8 đặc trưng, 8 phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội như trong Cương lĩnh năm 2011 đã nêu có lúc, có nơi còn lúng túng, chưa rõ. Sự quán triệt 9 mối quan hệ cơ bản, quan trọng này trong cán bộ, đảng viên chưa thật sự đầy đủ, đúng tâm, nên cán bộ, đảng viên, nhân dân chưa quan tâm đến vị trí, vai trò, tầm quan trọng của 9 mối quan hệ này. Nhiều nội dung cụ thể, nội hàm của các mối quan hệ chưa được làm rõ hơn, sâu sắc hơn về lý luận, thậm chí mới dừng lại ở mức chung chung, mang tính phương pháp luận. Nhất là do chưa thật sự làm rõ được tính quy luật trong một số mối quan hệ, tính đặc thù và tính phổ biến ở Việt Nam, nên đã ảnh hưởng đến

việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cũng như việc ban hành những chính sách cụ thể trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Còn chậm hoặc chưa cụ thể hóa những biện pháp, cách thức giải quyết một số mối quan hệ cũng như quan hệ nội tại của 9 mối quan hệ này.

Chương III

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Về nhận thức

Cương lĩnh năm 2011 xác định “Phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”¹. Như vậy, nếu ở Cương lĩnh năm 1991, Đảng ta mới chỉ thừa nhận kinh tế hàng hóa, vận động theo cơ chế thị trường, thì Cương lĩnh năm 2011 xác định nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một bước tiến quan trọng trong nhận thức, quan điểm kinh tế của Đảng.

10 năm qua, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được bổ sung, phát triển, ngày càng hoàn thiện hơn.

Đại hội XI của Đảng xác định hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đột phá chiến lược, là tiền đề quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.73.

đưa ra nhiều quan điểm mới, nội dung mới so với Đại hội X, cụ thể hơn so với Cương lĩnh năm 1991. Một số nội dung chính là: Đại hội xác định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa “là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”¹. Khẳng định quan điểm tiếp tục phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, Đảng chủ trương phải cụ thể hơn “bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, ...hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước,...”², “Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh”³, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế “có quyền và nghĩa vụ như nhau trong sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước”⁴. Tiếp tục khẳng định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng chủ trương phải đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp nhà nước tập trung vào một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; đồng thời, phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân; khuyến khích phát triển

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.205-208.

các loại hình doanh nghiệp sở hữu hỗn hợp như công ty cổ phần, công ty hợp doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên,...

Đại hội đề ra nhiệm vụ phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. “Đổi mới, hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, về ký kết, thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp; không hình sự hóa các tranh chấp dân sự trong hoạt động kinh tế. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước”¹. Đồng thời, phát triển đồng bộ, đa dạng, ngày càng văn minh, hiện đại các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường tài chính, thị trường đất đai, bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ, thị trường lao động. Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường cũng có những nhận thức, quan điểm mới, rõ hơn. Đó là nền kinh tế thị trường “có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”²; kinh tế nhiều thành phần với “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo”, “khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”³, “phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách”⁴; phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Vai trò, phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước cũng có những

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.210, 205-206.

nhận thức, quan điểm mới. Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế để ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập môi trường kinh doanh, các yếu tố thị trường và các loại thị trường, phát huy mặt tích cực, hạn chế, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế.

Đại hội XII và Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đưa ra quan điểm rõ ràng và đầy đủ nhất (cho đến hiện nay) về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam “là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹. Nhận thức, quan điểm mới cần được nhấn mạnh là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng, hoàn thiện cần phải “theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế”² trên thế giới và định hướng xã hội chủ nghĩa phải “phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”³ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.102, 104, 102.

Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường thể hiện ở vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; ở mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; ở quan hệ sở hữu, phương thức tổ chức quản lý, quan hệ phân phối để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, ngăn ngừa, giảm thiểu các khuyết tật, tác động tự phát của cơ chế thị trường, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế trong từng giai đoạn; thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia và hưởng thụ thành quả phát triển.

Đại hội XII chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế bảo vệ “quyền tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân...; Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt”¹; “khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh. Có chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”², và nhấn mạnh “bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà pháp luật không cấm;... tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước, và độc quyền doanh nghiệp kiểm soát độc quyền kinh doanh”³. Đối với doanh nghiệp nhà nước, Đảng chủ trương “tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.102, 104-105.

Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; sớm xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, Ủy ban nhân dân đối với vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước”¹. Đối với lĩnh vực dịch vụ công, chủ trương chuyển các đơn vị sự nghiệp công sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự, tài chính và thực hiện xã hội hóa, thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực dịch vụ công. Vai trò của kinh tế tư nhân được nâng lên, được xác định là “một động lực quan trọng của nền kinh tế”² và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh mẽ ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế. Đối với thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, Đảng chủ trương “chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với doanh nghiệp trong nước”³.

Về phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, Đảng chủ trương: “Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường”⁴; mở rộng cơ chế đấu thầu, đấu giá, thẩm định giá; bảo đảm tính đúng, tính đủ, công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu, không lồng ghép chính sách xã hội trong giá. Đối với thị trường tài chính, phải “phát triển thị trường mua bán nợ, thị trường các công cụ phái sinh, cho thuê tài sản”⁵. Để phát triển

1, 2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.105-110.

thị trường khoa học - công nghệ, phải có cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp, đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Về vai trò, mối quan hệ giữa thị trường, Nhà nước và xã hội, Đảng chủ trương phải xem xét phù hợp với thông lệ, nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế: “Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế”¹. Lần đầu tiên (tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa), Đảng chủ trương phải xác định rõ: vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường”. Đối với hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng chủ trương “đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể... gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập và tự chủ”² và “tận dụng cơ hội và phòng ngừa, giảm thiểu các thách thức do tranh chấp quốc tế”³.

10 năm qua, nhận thức của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã có những phát triển mới cả về nội dung và

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.25-26, 111.

phương thức thực hiện; phù hợp với cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế; gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển đất nước nhanh, bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao trong từng doanh nghiệp, từng ngành, lĩnh vực; cơ cấu lại đầu tư, hệ thống thị trường, cơ cấu lại các doanh nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động từ những ngành, lĩnh vực có năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp sang những ngành, lĩnh vực có năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và thế giới.

Tập trung phát triển những ngành công nghiệp có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; có khả năng tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp cơ khí, điện tử, hoá chất, công nghiệp năng lượng tái tạo, sản xuất vật liệu mới, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp quốc phòng, an ninh, công nghiệp hỗ trợ; từng bước phát triển công nghiệp sinh học, công nghiệp văn hoá, công nghiệp môi trường.

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, có giá trị gia tăng, chất lượng sản

phẩm cao, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý. Có chính sách tích tụ, tập trung ruộng đất thích hợp, hiệu quả, thu hút mạnh các nguồn đầu tư phát triển nông nghiệp, từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở nông thôn.

Phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, nhất là các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistic, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất khác. Đổi mới, hoàn thiện thể chế để phát triển các dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hoá, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm. Phát triển mạnh hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước, tham gia vào mạng phân phối toàn cầu. Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch tầm cỡ khu vực và quốc tế.

Phát triển mạnh kinh tế biển: công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí; đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá; kinh tế hàng hải (đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển, dịch vụ cảng biển); du lịch biển đảo; phát triển năng lượng tái tạo và các khu kinh tế ven biển. Có cơ chế thu hút mạnh các nguồn lực để phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững.

Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại, trọng tâm là

hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hạ tầng thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hiện đại.

Tuy nhiên, đến nay, vẫn còn nhiều vấn đề về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được làm rõ, như vai trò và định hướng phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về vai trò của các thành phần kinh tế. Những vấn đề về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế cũng còn chưa được xác định rõ.

2. Về thực tiễn

Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013 và nhiều luật trong lĩnh vực kinh tế¹. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn với luật pháp, chuẩn mực, thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đất nước và thực hiện các cam kết quốc tế. Môi trường đầu tư, kinh doanh được hoàn thiện, bình đẳng và thông thoáng hơn. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành, có nhiều đặc điểm của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập. Cụ thể là:

1. Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28/11/2013, và nhiều luật kinh tế như Luật Đất đai năm 2013, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014,...

- Chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế; các loại hình doanh nghiệp phát triển đa dạng. Các quyền và nghĩa vụ về tài sản được thể chế hóa tương đối đầy đủ. Việc đổi mới, sắp xếp, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh; kinh tế tập thể được đổi mới; kinh tế tư nhân ngày càng được coi trọng, có bước phát triển nhanh; thu hút đầu tư nước ngoài đạt kết quả tích cực. Quy mô, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên.

Quy mô nền kinh tế tăng mạnh, năm 2018 đạt khoảng 245 tỷ USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Năm 2018, tỷ trọng các khu vực công nghiệp, dịch vụ là 85,4%, nông nghiệp là 14,6%. Năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế tăng lên. Năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 4,35%/năm, giai đoạn 2016-2018 tăng 5,62%/năm. Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tỷ trọng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2015 là 33,5%/năm, giai đoạn 2016-2018 là 42,18%/năm¹.

- Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và thế giới. Hầu hết các loại giá hàng hóa, dịch vụ được xác lập theo cơ chế thị trường; giá các hàng hóa, dịch vụ công (y tế, giáo dục, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường,...) cũng từng bước chuyển sang cơ chế thị trường; giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quy định ngày càng thu hẹp. Các thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường tài chính, thị trường khoa học - công nghệ, thị trường bất động sản, thị trường lao động đã hình thành, quy mô ngày càng tăng, vận hành ngày càng thông suốt, phương thức giao dịch ngày càng hiện đại.

1. Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Trong những năm vừa qua, thị trường tài chính phát triển nhanh cả về chiều rộng và chiều sâu, cơ cấu ngày càng hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu kiềm chế lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, cung ứng vốn cho nền kinh tế. Ngân hàng và các tổ chức tín dụng cung ứng gần 90% tổng lượng vốn cho nền kinh tế. Thị trường chứng khoán phát triển nhanh (hiện nay, có 02 sàn giao dịch, hơn 700 công ty niêm yết, hàng trăm công ty môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ). Năm 2018, quy mô thị trường đã vượt tổng lượng GDP của nền kinh tế (trong đó, giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu khoảng 75% GDP, thị trường trái phiếu chính phủ khoảng 27% GDP, trái phiếu doanh nghiệp khoảng 7% GDP)¹.

- Hội nhập quốc tế về kinh tế được chủ động, tích cực thúc đẩy, có bước phát triển mạnh mẽ. Trong 10 năm gần đây, Việt Nam đã ký kết và đang đàm phán đi tới ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với nhiều đối tác kinh tế lớn. Tính chung, đến nay, Việt Nam đã ký kết trên 90 hiệp định thương mại, 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 hiệp định chống đánh thuế hai lần với các nước, các nền kinh tế trên thế giới; tham gia vào nhiều tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, thương mại khu vực và thế giới. Đến nay, Việt Nam có quan hệ thương mại hàng hóa với hơn 230 nước và vùng lãnh thổ. Năm 2019, kim ngạch xuất, nhập khẩu của Việt Nam đạt hơn 517 tỷ USD, gần gấp hai lần GDP. Đến năm 2018, Việt Nam đã thu hút được 25.524 dự án đầu tư nước ngoài, với số vốn đăng ký là hơn 320 tỷ USD (đã giải ngân hơn 170 tỷ USD) từ 126 quốc gia và vùng lãnh thổ.

1. Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Năm 2018, khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng góp 25% tổng vốn đầu tư xã hội, 20% GDP, 72% kim ngạch xuất khẩu, tạo việc làm cho hơn 3,5 triệu lao động làm việc trực tiếp và hơn 5 triệu lao động làm việc gián tiếp¹...

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Cơ cấu lại đầu tư đã chuyển căn bản từ kế hoạch đầu tư công hàng năm sang kế hoạch đầu tư công trung hạn. Tình trạng đầu tư dàn trải, nợ đọng xây dựng cơ bản giảm xuống. Các dự án trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ. Thị trường tài chính được cơ cấu lại hợp lý hơn giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn, giữa các thị trường cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Quy mô thị trường chứng khoán tăng nhanh. Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu có kết quả tích cực, bảo đảm an toàn hệ thống. Cơ cấu lại, thoái vốn, cổ phần hoá, đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Các ngành, lĩnh vực kinh tế đều được cơ cấu lại, có bước phát triển tích cực. Tăng trưởng kinh tế đã giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô, tăng vốn đầu tư. Công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo ngày càng khẳng định vai trò dẫn dắt và động lực tăng trưởng. Nông nghiệp phát triển ổn định, từng bước chuyển đổi cơ cấu sản xuất; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Các ngành dịch vụ phát triển

1. Nguồn: Tổng cục Thống kê.

nhanh, đa dạng, chất lượng và năng lực cạnh tranh nâng lên. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông, logistic, tài chính, ngân hàng, vận tải, thương mại, thương mại điện tử, khoa học công nghệ, tư vấn pháp lý... đều phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Hệ thống kết cấu hạ tầng như các công trình giao thông quan trọng, các tuyến đường cao tốc, cảng hàng không, cảng biển được đầu tư xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng; hạ tầng năng lượng, thủy lợi được đầu tư xây dựng, nâng cấp; hạ tầng thông tin, truyền thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại; hạ tầng đô thị, nhất là ở các đô thị lớn, như các trục giao thông chính, các đường vành đai, đường sắt đô thị, đường tàu điện ngầm, hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải... được tập trung đầu tư, phát triển.

Tuy nhiên, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hoàn thiện, tổ chức thực hiện chưa nghiêm, hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thật sự thông thoáng, còn nhiều “điểm nghẽn”, trở ngại do sự chồng chéo, mâu thuẫn trong luật pháp, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; các thủ tục hành chính phiền hà, “lợi ích nhóm” và sự nhũng nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức... gây rất nhiều khó khăn, làm mất thời cơ, thời gian, tiền bạc của doanh nghiệp và người dân.

Huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực còn chưa theo cơ chế thị trường, kém hiệu quả, thất thoát, lãng phí còn lớn, nhất là trong một số công trình, dự án trọng điểm quốc gia. Chưa hình thành, phát triển được những ngành công nghiệp mũi nhọn, thực sự là nền tảng thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế đất nước. Kinh tế nhà nước chưa thể hiện được vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể phát triển chậm, kinh tế tư nhân chưa

trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thiếu liên kết, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước. Hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết. Sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội còn chưa chặt chẽ.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá thực hiện còn chậm, kết quả đạt được còn hạn chế. Thoái vốn, cổ phần hoá, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước chưa đạt mục tiêu đề ra. Đầu tư công còn dàn trải, tình trạng kéo dài, đội vốn, chất lượng thấp, tham nhũng, lãng phí chưa được khắc phục. Giải quyết nợ xấu và những yếu kém trong hệ thống ngân hàng thương mại còn chậm. Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước còn chậm chuyển biến, nợ công còn cao; hiệu lực, hiệu quả quản lý thu, chi ngân sách, tài sản công... chưa cao. Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ chưa tạo được chuyển biến căn bản. Nông nghiệp phổ biến còn là sản xuất nhỏ, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, bấp bênh, thiếu ổn định. Nhiều ngành công nghiệp có trình độ công nghệ thấp so với thế giới; tỷ lệ nội địa hoá còn thấp, tỷ lệ gia công, lắp ráp còn cao; tham gia vào chuỗi giá trị ở những phân khúc công nghệ và giá trị gia tăng thấp. Khu vực dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Các dịch vụ công nghệ cao phát triển còn chậm, chi phí logistic cao hơn mức trung bình thế giới. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thiếu tính kết nối, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Mục tiêu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không thực hiện được.

Nguy cơ tụt hậu về kinh tế, rơi vào bẫy thu nhập trung bình, “chưa giàu đã già” vẫn tồn tại.

3. Những vấn đề đặt ra

(1) Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù quan điểm phát triển nền kinh tế thị trường đã được Đảng, Nhà nước khẳng định từ nhiều năm, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được bổ sung, phát triển, ngày càng hoàn thiện hơn, nhận được sự đồng tình, thống nhất cao trong Đảng và xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số người, trong đó có cả cán bộ, đảng viên, trí thức, cho rằng không thể có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc ghép “đuôi” định hướng xã hội chủ nghĩa vào nền kinh tế thị trường là chủ quan, khiên cưỡng; định hướng xã hội chủ nghĩa mâu thuẫn với bản chất của kinh tế thị trường, làm triệt tiêu động lực phát triển của kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường hay các quy luật của nền kinh tế thị trường. Bởi vậy, tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo cơ sở khoa học cho sự thống nhất nhận thức trong Đảng và trong xã hội về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là rất quan trọng.

(2) Vấn đề xác định đúng và phát huy đầy đủ vai trò, vị trí các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, vị trí then chốt của doanh nghiệp nhà nước. Nhận thức, quan điểm của Đảng

hiện nay là: trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhà nước được xác định giữ vai trò chủ đạo, doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt, là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. Tuy nhiên, xung quanh những vấn đề này vẫn còn nhiều nội dung phải được tiếp tục đặt ra xem xét, như: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt, nhưng khái niệm kinh tế nhà nước chưa thống nhất, thế nào là chủ đạo, thế nào là then chốt chưa được làm rõ, còn nhiều cách hiểu, nhiều quan điểm khác nhau. Khi kinh tế nhà nước được xác định là giữ vai trò chủ đạo, doanh nghiệp nhà nước được xác định giữ vai trò then chốt thì các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế còn có thể thật sự bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh với nhau không?

Trong nhiều năm qua, các nguồn lực kinh tế của Nhà nước (đất đai, tài nguyên, các nguồn vốn, tài sản của Nhà nước) phân bổ, sử dụng không hiệu quả, tham nhũng, lãng phí rất lớn; doanh nghiệp nhà nước được đầu tư lớn, được hưởng nhiều ưu đãi, nắm giữ những nguồn lực và tài sản lớn, nhưng kinh doanh hiệu quả thấp, kết quả đạt được không tương xứng với tiềm năng và tài sản mà doanh nghiệp nắm giữ, thậm chí thua lỗ, phá sản, thất thoát lớn tài sản nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được cổ phần hóa và vốn đầu tư cho phát triển kinh tế của Nhà nước sẽ chiếm tỷ trọng ngày càng giảm trong tổng đầu tư xã hội thì kinh tế nhà nước sẽ thực hiện vai trò chủ đạo của mình như thế nào đối với cả nền kinh tế?

- Về vai trò nền tảng của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung trước đây, chỉ có hai thành phần kinh tế là kinh tế quốc doanh và

kinh tế tập thể tồn tại dưới hình thức các hợp tác xã. Khi đất nước đổi mới, tổ chức và hoạt động của cả doanh nghiệp nhà nước và các hợp tác xã đều được đổi mới. Hợp tác xã được tổ chức lại trên cơ sở liên kết tự nguyện của những chủ thể kinh tế độc lập, tự chủ, mà phần lớn là các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ, để làm các dịch vụ hỗ trợ, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh tế này. Các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ, độc lập, tự chủ là cơ sở cho sự ra đời, tồn tại của các hợp tác xã, quyết định chức năng, phương thức hoạt động của các hợp tác xã. Sở hữu tập thể của các hợp tác xã chỉ là một tỷ lệ nhỏ so với sở hữu của các tổ chức thành viên của hợp tác xã. Với kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế tập thể như vậy thì có thể trở thành nền tảng của nền kinh tế được không? Thế nào là nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân?

- Về vai trò của kinh tế tư nhân. Từ khi đất nước đổi mới, vai trò của kinh tế tư nhân ngày càng được nhận thức đúng, được đánh giá cao. Kinh tế tư nhân từ chỗ được thừa nhận là cần thiết, được tồn tại lâu dài, sau đó được xác định là một trong những động lực của nền kinh tế, rồi là một động lực quan trọng của nền kinh tế; được tạo điều kiện, khuyến khích phát triển ở mọi ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm và hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh. Tuy nhiên, xác định như vậy đã đúng vai trò của kinh tế tư nhân chưa, nếu chỉ là một động lực quan trọng của nền kinh tế thì còn có động lực nào lớn hơn, quan trọng hơn kinh tế tư nhân không? Nhiều ý kiến cho rằng kinh tế tư nhân phải là nguồn lực và động lực quan trọng nhất; đồng thời, có vấn đề khác cũng được đặt ra là nếu kinh tế tư nhân là nguồn lực và động

lực quan trọng nhất thì có ảnh hưởng gì tới định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường không?

(3) Một số vấn đề nhận thức về đặc trưng và cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế.

- Vấn đề xác định đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế là thế nào? Bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước là thế nào? Cần phải xây dựng hệ tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Vấn đề sở hữu đất đai trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Quan điểm hiện nay ở nước ta là đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Do đất đai thuộc sở hữu toàn dân nên không phải là hàng hóa, không được mua bán, lưu thông trên thị trường. Tuy nhiên, đất đai lại được Nhà nước giao cho các chủ thể khác nhau. Người được giao đất có rất nhiều quyền: quyền sử dụng, chuyển nhượng cho người khác, thế chấp để vay vốn ở ngân hàng, tổ chức tín dụng,... nên tuy đất không phải là hàng hóa, không được mua bán, nhưng quyền sử dụng đất lại được thừa nhận là hàng hóa, được mua bán. Trong thực tế, việc mua bán đất diễn ra rất phổ biến, không kiểm soát được. Mặt khác, Nhà nước là người đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý đất thì vừa có tình trạng lạm quyền thu hồi đất, giao đất trái pháp luật để vụ lợi, vừa có tình trạng thiếu trách nhiệm, để đất bị xâm lấn, chiếm đoạt, gây thất thoát lớn tài sản của Nhà nước, tạo nên bức xúc xã hội, sự bất bình của nhân dân.

- Về xác định vai trò, chức năng, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa: Trong những năm qua, nhận thức về vai trò, mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường đã có bước tiến lớn, ngày càng phù hợp hơn với yêu cầu, thông lệ của nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, thực tế, tình trạng Nhà nước làm thay thị trường, thu hẹp vai trò của cơ chế thị trường và chưa thực hiện tốt chức năng khắc phục những khiếm khuyết của cơ chế thị trường vẫn còn tồn tại ở nhiều lĩnh vực. Cùng với vai trò của Nhà nước và thị trường, Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nêu ra vai trò của xã hội, yêu cầu cần xác định rõ: “vai trò, chức năng, mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với cơ chế thị trường”.

- Vấn đề xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh chủ động, tích cực hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng: Hội nhập, Việt Nam có điều kiện để phát triển, nhưng đồng thời cũng chịu ảnh hưởng lớn từ những biến động tài chính, tiền tệ, thị trường nước ngoài. Doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu mà vai trò chi phối thuộc về các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới. Nước ta phải điều chỉnh luật pháp, chính sách phù hợp với các cam kết quốc tế... Trong bối cảnh đó, hiểu nền kinh tế độc lập, tự chủ là thế nào để thống nhất nhận thức và có cơ sở, căn cứ để đánh giá và để định hướng chính sách kinh tế của đất nước.

(4) Vấn đề huy động, phân bổ hợp lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và phát triển doanh nghiệp Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

- Về vấn đề huy động, phân bổ hợp lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực: Trong những năm vừa qua, việc huy động,

phân bổ và sử dụng các nguồn lực còn chưa hiệu quả, lãng phí, thất thoát lớn¹. Việc sử dụng các nguồn lực bên ngoài cũng chưa thực sự có hiệu quả². Điều này ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế đất nước (cả tốc độ và chất lượng phát triển), gây bức xúc xã hội. Việc huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực là vấn đề lớn phải giải quyết.

- Vấn đề phát triển doanh nghiệp Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ: Doanh nghiệp là lực lượng nòng cốt, chủ lực phát triển kinh tế đất nước. Nhưng ở nước ta, số lượng doanh nghiệp còn ít, quy mô doanh nghiệp nhỏ, trình độ công nghệ và hiệu quả hoạt động nhìn chung

1. Đất nông nghiệp giao cho hộ sử dụng manh mún, phân tán, năng suất, hiệu quả thấp; đất ở nhiều nông, lâm trường bị xâm lấn, mua bán trái phép; nhiều diện tích đất Nhà nước giao cho các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng không đúng mục đích, cho thuê, chuyển nhượng trái phép. Tài nguyên khoáng sản quản lý lỏng lẻo; cấp phép khai thác không qua đấu thầu, đấu giá công khai, minh bạch và khai thác trái phép diễn ra ở nhiều nơi. Vốn nhà nước đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí lớn, hiệu quả thấp. Khoa học công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực là những nguồn lực quan trọng nhất, mặc dù phát triển các lĩnh vực này đã được xem là quốc sách hàng đầu để phát triển đất nước, nhưng còn nhiều hạn chế, yếu kém ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế đất nước.

2. Nhiều dự án đầu tư nước ngoài có công nghệ trung bình, gia công, lắp ráp, không liên kết với doanh nghiệp trong nước, thu hút doanh nghiệp trong nước tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Nhiều nguồn vốn ODA vay ưu đãi, vốn vay thương mại và phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ cấp cho các địa phương, các ngành, các doanh nghiệp nhà nước sử dụng hiệu quả thấp, thất thoát, lãng phí lớn.

còn thấp¹. Doanh nghiệp nhà nước đang trong quá trình cơ cấu lại, số lượng ngày càng giảm, việc đổi mới cơ chế quản lý, khắc phục những hạn chế, yếu kém còn chậm. Doanh nghiệp tư nhân có tới 97-98% là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn hoạt động phần lớn là vốn vay ngân hàng trong nước với lãi suất cao (gấp 2-3 lần ngân hàng nước ngoài), công nghệ lạc hậu 2-3 thế hệ so với doanh nghiệp các nước trên thế giới, hiệu quả thấp². Hiện nay, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 70% giá trị sản xuất công nghiệp, 72% kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu. Làm thế nào để phát triển doanh nghiệp Việt Nam thật sự trở thành lực lượng chủ lực, nòng cốt phát triển và hội nhập quốc tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là vấn đề rất lớn, cần phải được giải quyết.

(5) Vấn đề cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sức ép cạnh tranh với nhiều đối thủ lớn, trên quy mô toàn cầu và

1. Là nước có dân số gần 100 triệu người, nhưng năm 2016 mới có 505.059 doanh nghiệp các loại (các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, các ngành, các địa phương). Trong đó, có hơn 70% doanh nghiệp có dưới 10 lao động (238.139 doanh nghiệp có dưới 5 lao động, 116.274 doanh nghiệp có từ 5-9 lao động); về vốn, có 30% doanh nghiệp có vốn dưới 1 tỷ đồng (110.834 doanh nghiệp), 62% doanh nghiệp có vốn dưới 5 tỷ đồng (313.867 doanh nghiệp), 76% có vốn dưới 10 tỷ đồng (383.640 doanh nghiệp).

2. Tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp năm 2016 là 3,99; trong đó, của các doanh nghiệp nhà nước là 6,62, của doanh nghiệp ngoài nhà nước là 1,88, của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 6,68 (Các số liệu về doanh nghiệp lấy theo Niên giám Thống kê năm 2017, tr.285, 339, 363, 409).

chịu tác động lớn từ những biến động kinh tế trong khu vực và trên thế giới là những thách thức lớn. Thách thức sẽ còn lớn hơn trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Chỉ có nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế mới vượt qua được những thách thức này. Tuy nhiên, năng suất lao động của Việt Nam hiện nay còn thấp¹. Hiệu quả đầu tư thấp, chuyển biến chậm².

Cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng thực hiện chậm, kết quả đạt được hạn chế³. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1. Các số liệu về doanh nghiệp lấy theo Niên giám Thống kê năm 2017, tr.285. Năm 2016, năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 29,38% của thế giới, 60,68% của những nước có thu nhập trung bình thấp, 7% của Xingapo, 14,13% của Hàn Quốc, 17,64% của Malaixia, 36,51% của Thái Lan, 39% của Trung Quốc.

2. Theo Báo cáo chuyên đề của Ban Kinh tế Trung ương “Vấn đề phát triển bền vững trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế”, tháng 01/2018 (hệ số ICOR giai đoạn 2011-2015 là 6,25, giai đoạn 2016-2018 là 6,17, trong khi của Malaixia là 5,4, Indônêxia là 4,64, của Philippin là 4,1). Doanh nghiệp nhà nước phải cần đến 2,55 đồng vốn mới tạo ra được 1 đồng doanh thu (trong khi doanh nghiệp FDI chỉ cần 1,36 đồng vốn tạo ra được 1 đồng doanh thu).

3. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chưa khắc phục được những hạn chế, yếu kém kéo dài nhiều năm để nâng cao hiệu quả hoạt động. Cơ cấu lại đầu tư, mà trọng tâm là đầu tư công, chưa khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí lớn, hiệu quả đầu tư cải thiện chậm. Cơ cấu lại thị trường tài chính, mà trọng tâm là các tổ chức tài chính, chưa xử lý xong những ngân hàng thương mại yếu kém, chưa giải quyết được khối nợ xấu lớn trong các ngân hàng, chưa hạ thấp được lãi suất cho vay. Chuyển kinh tế sang phát triển theo chiều sâu dựa trên ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao còn chậm.

không đạt mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguy cơ tụt hậu không chỉ so với các nước tiên tiến trên thế giới, mà ngay cả với các nước trong khu vực; nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình, “chưa giàu đã già” là rất đáng lo ngại. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới làm cho điều này trở thành thách thức lớn hơn. Vấn đề đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cơ cấu lại, đổi mới của mô hình tăng trưởng kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế là vấn đề đặt ra đòi hỏi cấp bách phải giải quyết.

Đến nay, chưa xác định được tiêu chí của nước công nghiệp hóa. Chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm cần thiết cho từng giai đoạn, có quá nhiều mũi nhọn, dẫn đến đầu tư dàn trải. Lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa rõ ràng, cụ thể.

(6) Vấn đề đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước.

- Trước hết, Nhà nước cần phải tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thật sự là nền kinh tế thị trường hiện đại, phát triển nhanh, bền vững. Mặc dù hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là đột phá chiến lược, nhưng hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, chồng chéo, thiếu ổn định, không dự báo trước được sự thay đổi. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần phải tiếp tục là đột phá chiến lược, tập trung thực hiện trong những năm tới.

- Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao chất lượng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và việc sử dụng các nguồn lực kinh tế của Nhà nước.

- Đổi mới, xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ công chức nhà nước tinh gọn; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, thông minh đang trở thành yêu cầu cấp bách.

II. VỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM

1. Về nhận thức

Cương lĩnh năm 1991 xác định một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Cương lĩnh năm 2011 xác định: “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu*

hiện phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Văn kiện Đại hội XI, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI và Văn kiện Đại hội XII có những đổi mới nhận thức về văn hóa:

Một là, nhận thức sâu sắc và toàn diện về vị trí, vai trò, chức năng xã hội của văn hóa, vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước” và “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội...”. “Văn hóa với tư cách là nguồn lực, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc”. Văn kiện của Đảng nêu rõ: chăm lo đến văn hóa là chăm lo cho đời sống tinh thần, cho nền tảng xã hội. Phát triển kinh tế không thể thiếu vắng chăm lo phát triển văn hóa. Vì vậy, phải giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa. Xây dựng và phát triển văn hóa nhằm vào mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương,... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng bảo đảm cho sự phát triển của đất nước. Văn hóa không chỉ có chức năng nhận thức, giáo dục, đáp ứng nhu cầu tinh thần mà còn có chức năng kinh tế, là nguồn lực nội sinh để phát triển kinh tế - xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr.75-76.

Hai là, đổi mới nhận thức, xác định rõ về mô hình, đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam cần xây dựng trong thời kỳ mới, đó là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đó là nền văn hóa có tính dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học. Làm rõ nội hàm của tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ trong nội dung tư tưởng mà còn cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được hun đúc nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng - xã - Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống,... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo. Đồng thời xây dựng và bảo vệ bản sắc dân tộc nhưng không quên mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ của các dân tộc khác, những giá trị văn hóa nhân loại; giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ.

Ba là, tư duy mới về tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam. Đảng ta đã khẳng định: nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng

đồng các dân tộc Việt Nam. Sự thống nhất ở đây thể hiện sự thống nhất về hệ tư tưởng, thống nhất về thể chế và thiết chế để quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa. Sự đa dạng của văn hóa Việt Nam biểu hiện sự phong phú, những giá trị và sắc thái riêng của 54 dân tộc sống trên đất nước ta. Các giá trị đó thống nhất, bổ sung và làm phong phú nền văn hóa Việt Nam.

Bốn là, đổi mới tư duy về mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế và văn hóa với chính trị. Đảng ta đã khẳng định: Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Phát triển đồng bộ và toàn vẹn cả ba lĩnh vực trên là điều kiện bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Làm rõ nội hàm văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, nhấn mạnh phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, gắn kết đầy đủ yếu tố văn hóa, xã hội, con người và phát triển kinh tế; chỉ rõ nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong Đảng, trong từng doanh nghiệp, doanh nhân... văn hóa trong các cơ quan nhà nước, trong đoàn thể.

Năm là, nhận thức mới về các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của văn hóa một cách toàn diện, có hệ thống và sâu sắc hơn liên quan chặt chẽ đến đời sống văn hóa tinh thần của xã hội. Đó là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống nhằm hướng tới xây dựng và phát triển con người Việt Nam; lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học; lĩnh vực văn học, nghệ thuật; lĩnh vực thông tin đại chúng; lĩnh vực bảo tồn, phát huy di sản văn hóa; xây dựng thể chế và thiết chế văn hóa... Trong đó lĩnh vực xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống, phát triển con người được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Tư duy mới này khắc

phục tư duy cũ nhìn nhận văn hóa một cách phiến diện, thiên lệch vai trò văn hóa trong sự phát triển đất nước.

Sáu là, khẳng định văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo. Văn hóa chính là thành quả sáng tạo của con người, của dân tộc. Đồng thời văn hóa chính là môi trường nuôi dưỡng, dẫn dắt không ngừng hoàn thiện bản lĩnh, trí tuệ, cốt cách của con người Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước cần tạo cơ hội, điều kiện và môi trường thuận lợi để huy động mọi nguồn lực trong nhân dân, tạo điều kiện để mọi người dân Việt Nam đều tham dự xây dựng và phát triển văn hóa nước nhà. Xác định văn hóa là một mặt trận giống như các mặt trận chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Mặt trận này cũng phải do chính nhân dân tổ chức thực hiện. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng. Sự nghiệp cách mạng đó là của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ tri thức giữ vai trò quan trọng.

Bảy là, đổi mới tư duy về phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa cho phù hợp với thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Là lực lượng duy nhất lãnh đạo đất nước, Đảng có trọng trách lãnh đạo xây dựng, phát huy sức mạnh văn hóa. Đường lối đúng đắn của Đảng, sự tiên phong, gương mẫu của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị là nhân tố quan trọng đối với việc phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa.

Tám là, tư duy mới về văn hóa đối ngoại. Tích cực và chủ động mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa. Đây là yêu cầu tất yếu khách quan và cấp thiết khi mà nước ta ngày càng hội

nhập sâu rộng vào mọi tiến trình của đời sống quốc tế. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đem đến những giá trị văn hóa của các dân tộc, quốc gia khác hàng ngày, hàng giờ tiến vào môi trường xã hội nước ta và ngược lại, văn hóa Việt Nam cũng tràn vào các nước. Chính sự tích cực, chủ động mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa, giúp Đảng, Nhà nước chủ động trong đường lối, chính sách, lựa chọn, tiếp thu, học tập kinh nghiệm hay về chính sách văn hóa. Đồng thời, cũng là cơ hội để truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, tăng cường “sức mạnh mềm” của quốc gia.

Tuy nhiên, chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chưa thấy hết vai trò của văn hóa với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm là động lực của phát triển.

2. Về thực tiễn

Qua 10 năm tổ chức thực hiện xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng.

Văn hóa tiếp tục được phát triển đa dạng, phong phú, bản sắc văn hóa dân tộc được phát huy; vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội ngày càng thể hiện rõ, vị trí của văn hóa trong kinh tế và văn hóa trong chính trị ngày càng được coi trọng và thể hiện sức mạnh của mình.

Sự gắn kết văn hóa với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh đối ngoại đã góp phần giữ vững ổn định chính trị và tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người

đã được quan tâm, kết hợp ngay trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được triển khai rộng rãi, đã khơi dậy nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng, đời sống tinh thần và trình độ hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên.

Các vấn đề về chuẩn mực giá trị con người Việt Nam hiện đại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đã được đặt ra và tích cực tổ chức nghiên cứu. Bước đầu đã hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, kỷ cương, kỷ luật, dân chủ, chủ động sáng tạo và khát vọng vươn lên. Phong trào quốc gia khởi nghiệp đã và đang thu hút đông đảo các giới tham gia, nhất là giới trẻ, thể hiện khát vọng làm giàu chính đáng cho bản thân, cho đất nước. Nhiều tấm gương về tính sáng tạo, sự thông minh của người Việt Nam được thể hiện trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Việc hình thành giá trị mới về con người trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đang là xu thế phát triển mới ở Việt Nam.

Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, của từng vùng, miền được kế thừa, giá trị di sản văn hóa dân tộc được coi trọng và khôi phục. Nhiều di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO tôn vinh là di sản văn hóa đại diện của nhân loại. Công tác sưu tầm, bảo quản, tu bổ, đào tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc đạt nhiều thành tựu. Nhiều công trình văn hóa, tượng đài lớn, khu di tích được xây dựng đã góp phần quan trọng giáo dục tinh thần yêu nước, tinh thần cách mạng đối với nhân dân ta, nhất là thế hệ trẻ, đáp ứng nhu cầu tâm linh, hưởng thụ và sáng tạo văn hóa đa dạng của nhân dân. Việc xây dựng môi trường văn hóa đã được

chú trọng hơn trước. Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng mở rộng và có kết quả, được sự hưởng ứng rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, có tác động tích cực trong việc huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa.

Công tác truyền bá các giá trị văn hóa, nghệ thuật, và thưởng thức các giá trị đó trong nhân dân được đẩy mạnh. Lĩnh vực văn học, nghệ thuật có bước phát triển. Truyền thông đại chúng phát triển nhanh cả về loại hình, quy mô, lực lượng, phương tiện kỹ thuật và ảnh hưởng xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân¹. Quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ, quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân được khẳng định.

Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc, được mở rộng, phát triển theo chiều sâu, góp phần giới thiệu, quảng bá, tôn vinh văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Các hoạt động văn hóa đối ngoại, thông tin đối ngoại có bước phát triển mới, nhất là các chương trình phát thanh và truyền hình Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức các tuần lễ văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức các tuần lễ văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; giao lưu hợp tác trong biểu diễn nghệ thuật, điện ảnh, sân khấu, thể thao được tăng cường.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế và thiết chế văn hóa được chú trọng và đạt được nhiều kết quả. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường. Nhà nước đã sửa đổi và ban hành mới các luật để điều chỉnh các hoạt động văn

1. Theo số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến năm 2019, cả nước có 857 cơ quan báo, tạp chí; 67 đài phát thanh, truyền hình trung ương và địa phương. Số trang điện tử được cấp phép là 1.510; số mạng xã hội trong nước được cấp phép là 228.

hóa như Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Di sản văn hóa, Luật Quảng cáo, Luật An ninh mạng... Chính phủ cũng đã ban hành hàng loạt chính sách, chiến lược như Chiến lược văn hóa đến năm 2020 (ban hành năm 2009); Chiến lược phát triển thể dục - thể thao Việt Nam đến năm 2020 (ban hành năm 2011); Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020 (ban hành năm 2011); Chiến lược phát triển gia đình đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (ban hành năm 2012)...

Đảng ta đã chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với văn hoá. Đảng và Nhà nước đã bám sát vào thực tiễn đổi mới của đất nước, kịp thời đề ra những chủ trương, giải pháp đúng đắn để giải phóng sức sáng tạo của nhân dân, tạo mọi điều kiện để nhân dân có cơ hội thuận lợi tham gia quá trình xây dựng, phát triển văn hoá dân tộc và hưởng thụ thành quả đó.

“Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa xây dựng con người”¹.

Những năm gần đây, việc xây dựng văn hoá trong chính trị, trong Đảng được quan tâm đặc biệt thông qua việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.124.

biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, nhất là đấu tranh chống tham nhũng đã đạt được kết quả quan trọng, đem lại niềm tin đối với nhân dân.

Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo đã có nhiều chuyển biến, chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo được quan tâm... Phương châm học đi đôi với hành, nhà trường kết hợp với gia đình và xã hội, lý luận gắn với thực tiễn cuộc sống được coi trọng. Hệ thống chương trình giáo dục được đổi mới; phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực được chú trọng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được đẩy mạnh. Hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học được tăng cường. Nhiều cơ sở đào tạo đã quan tâm tiếp cận chương trình theo chuẩn quốc tế, công bố chuẩn đầu ra.

Đã có bước chuyển tích cực từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả; đào tạo và nghiên cứu khoa học ở nhiều trường đại học đã gắn hơn với đòi hỏi thực tiễn và chuẩn mực thế giới. Hệ thống giáo dục đã chuyển dịch theo hướng linh hoạt, liên thông, mở giữa các bậc học, cấp học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục và đào tạo; tiếp tục phát triển các trường ngoài công lập. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách. Đã có một số giải pháp phát huy mặt tích cực, hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong giáo dục và đào tạo. Trong 5 năm 2016-2020, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo bình quân đạt khoảng 20%/năm trong tổng chi ngân sách. Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm bảo đảm bình đẳng hơn về cơ hội học tập...

Đã ban hành các văn bản, quy định luật pháp khuyến khích việc thu hút các tổ chức quốc tế, tổ chức giáo dục nước ngoài, các nhà khoa học, giáo dục tham gia vào đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

Hệ thống pháp luật, chính sách phát triển khoa học và công nghệ ngày càng hoàn thiện, quản lý nhà nước từng bước được đổi mới. Đến nay Quốc hội đã ban hành 8 đạo luật chuyên ngành, đặc biệt là Luật Khoa học và Công nghệ được Quốc hội khoá XIII thông qua. Nhiều nội dung về khoa học, công nghệ được đề cập trong Nghị quyết Đại hội XI, Đại hội XII, nhất là Nghị quyết số 20 ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 và các văn bản pháp lý khác đã tạo môi trường, điều kiện thúc đẩy môi trường sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phát triển.

Tiềm lực khoa học quốc gia ngày càng được nâng lên, hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành tiếp tục được đầu tư. Hạ tầng nghiên cứu trong một số lĩnh vực trọng điểm được tăng cường. Đến đầu năm 2019, cả nước có hơn 63.000 cán bộ nghiên cứu và phát triển (R&D), 3.590 tổ chức đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, 13 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và 8 khu công nghệ thông tin tập trung. Đầu tư tài chính từ xã hội và doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ được cải thiện theo hướng tích cực.

Khoa học và công nghệ đã đạt được một số thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và

sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đất nước. Kết quả nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn đã đóng góp quan trọng cho tổng kết 30 năm đổi mới và xây dựng văn kiện các kỳ Đại hội Đảng, cung cấp luận cứ cho việc xác định mô hình và hoàn thiện hơn thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong khoa học tự nhiên, đã có một số nghiên cứu cơ bản có giá trị, một số lĩnh vực có thể mạnh như toán, vật lý lý thuyết đạt thứ hạng cao trong ASEAN. Khoa học ứng dụng có khả năng thiết kế, chế tạo thành công nhiều công nghệ, thiết bị nội địa theo tiêu chuẩn quốc tế, năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ mới, công nghệ cao trong một số ngành được nâng lên. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển sôi động. Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam năm 2017 tăng 12 bậc, năm 2018 tăng tiếp 2 bậc, xếp thứ 45/126 quốc gia, năm 2019 xếp thứ 42/129 quốc gia.

Đã có nhiều chuyển biến tích cực trong hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác với hơn 70 quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế và khu vực; là thành viên của hơn 100 tổ chức quốc tế và khu vực; ký kết và thực hiện hơn 80 hiệp định, thỏa thuận hợp tác cấp chính phủ và ngành. Cơ chế, chính sách thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp về khoa học cho đất nước tiếp tục hoàn thiện.

Kết quả tổ chức thực hiện về xây dựng con người Việt Nam được thể hiện rõ: Bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, kỷ cương, kỷ luật, dân chủ, chủ động sáng tạo

và khát vọng vươn lên. Phong trào quốc gia khởi nghiệp đã và đang thu hút đông đảo các giới tham gia, nhất là giới trẻ thể hiện khát vọng làm giàu chính đáng cho bản thân, cho đất nước. Nhiều tấm gương về tính sáng tạo, trí thông minh của người Việt Nam được thể hiện và đang được phát triển trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc hình thành giá trị mới về con người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế đang là xu thế phát triển rõ ở Việt Nam.

Nhiều chỉ số phát triển con người Việt Nam như tuổi thọ, cơ cấu dân số, nguồn lực con người, xóa đói, giảm nghèo chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên.

Tuy nhiên, thành quả trong lĩnh vực văn hoá chưa tương xứng, chưa đủ tầm vóc để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hoá lành mạnh, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống. Thành quả đó cũng chưa tương xứng và chưa vững chắc với tiềm năng và nguồn lực vốn có của dân tộc.

Lĩnh vực xây dựng con người còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Tiêu cực xã hội và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xa rời dân, vô cảm trước những đề nghị chính đáng của dân, mất dân chủ là nghiêm trọng, đáng lo ngại. Điều đó cho thấy văn hoá chưa điều chỉnh mạnh mẽ được nhận thức, tư tưởng, tình cảm, những quan hệ đạo đức, lối sống, nếp sống của con người.

Sự phát triển văn hoá chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, chưa thật gắn bó với công tác xây dựng,

chỉnh đốn Đảng. Còn lúng túng trong quan niệm và chỉ đạo kinh tế trong văn hoá và văn hoá trong kinh tế nên ảnh hưởng đến nội tại của văn hoá. Văn hoá chưa thực sự là nguồn lực nội sinh để phát triển bền vững đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước thì rất đúng, song trong thực tiễn, vì các chỉ tiêu lợi nhuận trong hoạt động kinh tế nên chưa quán triệt đầy đủ thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách cụ thể, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục, giải quyết các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người.

Đời sống văn hoá tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu, hình thức; khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị còn lớn; khoảng cách đó còn biểu hiện rõ nét trong các tầng lớp nhân dân.

Môi trường văn hoá còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong, mỹ tục. Lúng túng trong chỉ đạo xây dựng con người văn hoá và môi trường văn hoá. Việc đấu tranh “xây” và “chống” trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường văn hoá chưa rõ. Phong trào xây dựng “gia đình văn hoá”, “làng văn hoá”, “cụm dân cư tiên tiến”, “công sở văn minh”, “nhà văn hoá” thôn, bản, nhiều nơi thiếu thực chất, hình thức, chạy theo thành tích nên chưa đáng tin cậy và tạo ra được môi trường văn hoá, bảo đảm sự phát triển của con người, của xã hội.

Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá đạt hiệu quả chưa cao. Bên cạnh những hiệu quả về bảo vệ, phát huy các di sản được thế giới công nhận, di sản cấp quốc gia, song cũng không ít di sản văn hoá bị ngang nhiên xâm hại. Một số

lễ hội, thủ tục lễ hội truyền thống được phục hồi, song đã gây ra “hội chứng” lễ hội, nạn “bội thực” về lễ hội, tục lệ. Một số lễ hội, tục lệ xa rời với mục đích văn hoá, mang tính thương mại; có tục lệ còn gây phản cảm, phi văn hoá.

Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch, khoa học, gây lãng phí lớn nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hoá, xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa làm tốt chức năng định hướng dư luận và xây dựng con người. Trong sự yếu kém chung của đời sống văn hoá, đáng quan tâm là những mặt nổi lên, như chậm trễ, lúng túng về cả lý luận và thực tiễn trong các lĩnh vực giáo dục, khoa học, văn học nghệ thuật, báo chí. Thậm chí còn hữu khuynh trong cuộc đấu tranh tư tưởng trong lý luận, phê bình và sáng tác trước những tác động ngày càng phức tạp của quá trình hội nhập kinh tế và giao lưu văn hoá. Trong lĩnh vực báo chí, bên cạnh những đóng góp ngày càng đặc lực vào sự nghiệp đổi mới, chống tham nhũng, mở rộng dân chủ, nâng cao dân trí, vẫn còn những thiếu sót, khuyết điểm trong một số cơ quan báo chí chậm được khắc phục. Bệnh “thương mại hoá” không coi trọng đúng mức yêu cầu định hướng xã hội thông qua các nhân tố tích cực, tiên tiến, trong khi đưa quá nhiều tin về mặt trái của xã hội, về văn hoá, lối sống tiêu dùng của nước ngoài thiếu lựa chọn.

Công tác lãnh đạo và quản lý văn hoá còn chậm đổi mới. Đội ngũ cán bộ, lãnh đạo quản lý văn hoá các cấp chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ. Các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hoá còn hạn chế. Hệ thống thiết chế văn hoá và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho văn hoá còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp.

Hợp tác quốc tế về văn hoá đạt một số kết quả, song ảnh hưởng của văn hoá Việt Nam ở nước ngoài chưa nhiều, chưa đủ tầm. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hoá nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hoá của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ.

Hệ thống giáo dục hiện nay vẫn trong tình trạng phân tán, nhiều chủ thể quản lý, việc phân cấp trong quản lý chưa triệt để, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa toàn diện, khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân chậm triển khai. Việc xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời còn nhiều bất cập cả về nhận thức và triển khai thực hiện.

Trên thực tế, chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước. Kỹ năng thực hành và năng lực ngoại ngữ của người lao động Việt Nam còn hạn chế. Việc ban hành các chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới còn chậm so với yêu cầu đổi mới giáo dục. Vấn đề đổi mới đánh giá, thi ở các cấp học và trình độ đào tạo chưa căn bản. Hệ thống đánh giá kết quả giáo dục vẫn chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quốc tế.

Chậm đổi mới phương pháp dạy học, chưa chú trọng đúng mức tới giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên. Nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy ở nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa được hiện đại hoá, còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành. Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục quốc dân còn chậm, còn có một số vấn đề chưa hợp lý và thiếu đồng bộ. Công tác phân luồng và hướng nghiệp cho học sinh còn bất cập.

Cơ sở vật chất, điều kiện học ở nhiều nơi còn nhiều thiếu thốn, chưa đồng bộ, nhất là vùng sâu, vùng xa. Chất lượng

giáo dục ở vùng cao, vùng sâu còn thấp. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có bước phát triển, nhưng nhìn tổng thể, chất lượng vẫn còn hạn chế, cơ cấu không hợp lý. Đầu tư cho giáo dục chưa tương xứng với yêu cầu phát triển. Công tác quản lý cơ sở giáo dục của nước ngoài, cơ sở liên kết quốc tế về giáo dục còn nhiều bất cập.

Chậm cụ thể hoá và triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, định hướng quan trọng của Đảng, Nhà nước về phát triển và ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào thực tiễn. Nhận thức của nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương, doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của khoa học - công nghệ còn nhiều bất cập. Khoa học xã hội và nhân văn ở một số nơi vẫn còn bị coi nhẹ. Năng lực hấp thụ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu, còn khoảng cách không nhỏ so với các nước trong nhóm dẫn đầu của khu vực. Tư duy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có bước phát triển, song chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập.

Nhân tố con người và điều kiện hoạt động khoa học chưa được nhận thức đầy đủ và đầu tư tương xứng. Các trường đại học chưa là chủ thể mạnh trong nghiên cứu, thiếu các tập thể khoa học mạnh, các chuyên gia đầu ngành có khả năng dẫn dắt các hướng nghiên cứu mới hoặc chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ quốc gia ở trình độ quốc tế. Chính sách thu hút nhân tài trong lĩnh vực khoa học - công nghệ chưa thực sự hiệu quả. Hợp tác quốc tế chưa thực sự đi vào chiều sâu, thiếu trọng tâm, chưa chú trọng đến chuyển giao, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho hoạt động khoa học và công nghệ còn thiếu và chưa đồng bộ.

Một số chỉ tiêu lớn về khoa học và công nghệ chưa đạt được mục tiêu đặt ra, như mục tiêu đến năm 2020, khoa học và công nghệ đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; năng suất lao động trong nhiều ngành kinh tế của Việt Nam còn rất thấp; tác động của khoa học, công nghệ đối với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế.

3. Những vấn đề đặt ra

(1) Nghị quyết Trung ương 9 khoá XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã xác định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hoá phải đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Văn hoá là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Quan điểm, đường hướng Nghị quyết của Đảng đã nêu rõ, vấn đề đặt ra là phải tiếp tục đào sâu nghiên cứu, làm rõ nội hàm của từng vấn đề, mối quan hệ biện chứng giữa đời sống kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện đất nước đang tiếp tục đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Mặt khác, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình toàn cầu hoá đang đặt ra nhiều vấn đề cốt lõi như hệ giá trị, sự đa dạng văn hoá, sự bảo tồn văn hoá dân tộc, thị trường văn hoá với phát triển công nghiệp hoá, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh.

Những vấn đề này đã và đang được tiếp tục nghiên cứu và có những thành quả nhất định về lý luận. Song còn nhiều vấn đề vẫn còn chưa “chín” nên việc tham mưu cho Đảng và Nhà nước về chính sách còn hạn chế.

(2) Vấn đề nghiên cứu xây dựng văn hoá trong chính trị và văn hoá trong kinh tế đã được đặt ra, nhất là trong 10 năm gần đây, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã nêu rõ quan điểm này. Xuất phát từ quan điểm văn hoá trong chính trị là các giá trị văn hoá làm nền tảng cho chế độ chính trị, thẩm thấu, lan toả vào trong mục tiêu chính trị, tổ chức bộ máy chính trị, thể chế và hoạt động chính trị, nguồn lực và nhân cách của con người chính trị, tạo thành tổng thể môi trường văn hoá chính trị. Vấn đề đặt ra cần làm rõ vai trò của *các thành tố văn hoá trong cấu trúc của văn hoá tinh thần tham gia vào đời sống chính trị*, trong đó nhấn mạnh chức năng tư tưởng - chính trị của các loại hình văn hoá và hoạt động văn hoá nhằm bảo vệ thành quả chính trị, bảo vệ chế độ chính trị Việt Nam. Nhấn mạnh văn hoá là mục tiêu, vừa là động lực, là nguồn lực để bảo vệ chế độ chính trị. Văn hoá là *sức mạnh*, là *quyền lực mềm* của chính trị.

Trong thực tiễn, việc xây dựng văn hoá trong chính trị chưa thực sự được quan tâm, chậm cụ thể hoá văn hoá trong Đảng, các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị xã hội. Văn hoá Đảng được tổ chức nghiên cứu, hội thảo rầm rộ một thời gian, nhưng sau đó không thấy nhắc đến, kết luận là gì?

Việc xây dựng và phát triển văn hoá còn chưa gắn kết với việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Cụ thể hoá sự gắn kết văn hoá với chính trị, với xây dựng Đảng còn chậm và thiếu cụ thể, do đó việc triển khai trong hoạt động thực tế còn rất hạn chế.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ từ Trung ương đến địa phương về xây dựng văn hoá chính trị chưa thường xuyên, đồng bộ. Công tác giáo dục tư tưởng lý luận, đạo đức, lối sống và xây dựng văn hoá trong Đảng nhiều nơi còn coi nhẹ. Vì vậy, tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn có xu hướng gia tăng. Chống quan liêu, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền... những năm gần đây đã có nhiều giải pháp, chế tài, quy định và có những kết quả quan trọng, song vẫn còn là vấn đề bức xúc ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng, giảm lòng tin của nhân dân.

Văn hoá trong kinh tế: Nhận thức là các giá trị văn hoá làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, thấm thấu, lan toả vào mục tiêu và hoạt động kinh tế. Song cần phải phát triển quan niệm về văn hoá trong kinh tế một cách toàn diện và sâu sắc hơn. Văn hoá trong kinh tế không chỉ là giá trị chuẩn mực định hướng cho sự phát triển kinh tế theo chân - thiện - mỹ mà còn cần phát huy vai trò của thành tố văn hoá như di sản văn hoá, văn học, nghệ thuật, truyền thông đại chúng, du lịch, dịch vụ, phát triển các ngành công nghiệp văn hoá - nguồn lực quan trọng để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Vì vậy, văn hoá không chỉ là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, là động lực mà còn là nguồn lực trực tiếp để phát triển kinh tế - xã hội. Không chỉ nâng cao nhận thức, mở rộng tầm nhìn về vai trò, vị thế của văn hoá trong kinh tế, mà còn là cơ sở để các cơ quan lãnh đạo nhà nước hoạch định các chính sách kinh tế trong văn hoá phù hợp với chức năng kinh tế của văn hoá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Trong hoạt động thực tiễn hiện nay, các hoạt động kinh tế chưa có sự gắn kết chặt chẽ với văn hoá. Trong thiết kế vĩ mô, hệ thống pháp luật và chính sách kinh tế và văn hoá chưa thấy thực sự quan tâm đến sự gắn kết này. Tình trạng đối lập giữa văn hoá và kinh tế còn chậm được khắc phục. Nhiều chương trình, dự án kinh tế lớn chưa quan tâm đúng mức tới nhân tố văn hoá và hiệu quả văn hoá. Nhiều cấp uỷ, cơ quan quản lý nhà nước ở cấp bộ, ngành, địa phương cũng chưa thực sự quan tâm đến nhân tố văn hoá trong kinh tế. Sức ép tăng trưởng kinh tế và chạy theo lợi nhuận, dẫn tới nhiều khu đô thị, khu công nghiệp được xây dựng thiếu quy hoạch đồng bộ, hoặc có quy hoạch nhưng không thực hiện xây dựng các khu vui chơi, giải trí công cộng, thậm chí không xây dựng cả trường học công lập. Nhiều khu công nghiệp tập trung chưa quan tâm đến sinh hoạt văn hoá của người lao động, đến chăm lo con người như nhà trẻ, trạm y tế, nhà ở cho công nhân.

(3) Xây dựng con người và hệ giá trị chuẩn con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế chưa được áp dụng trong cuộc sống. Sau nhiều nghiên cứu về con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người trong giai đoạn mới... chúng ta đã đạt được một số kết quả, nhưng chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế - xã hội. Một số vấn đề lý luận về con người, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam chậm được đúc kết, kết luận rõ ràng để đưa vào cuộc sống. Nghị quyết Trung ương 9 khoá XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014) đã đặt ra mục tiêu “Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hoá và con người Việt Nam”. Đại hội XII xác định nhiệm vụ “đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam

thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế”¹. Tuy nhiên, đây là một vấn đề khó, phức tạp, đòi hỏi sự đóng góp hỗ trợ của nhiều người, sự cân nhắc xem xét ở nhiều khía cạnh khác nhau. Đây là việc làm cấp thiết với mục tiêu là cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn phục vụ cho việc hoạch định chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước nhằm thực hiện bằng được yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, và cũng là vấn đề bức thiết đặt ra trong thực tiễn cuộc sống của xã hội ta hiện nay.

Thứ nhất, cần tránh những định kiến về văn hoá, cần khai thác tính đa dạng của văn hoá². Thực tế, kinh nghiệm của thế giới và của 54 dân tộc Việt Nam cho thấy “không có văn hoá cao thấp, hơn kém mà chỉ có sự khác biệt”. Văn hoá là đa dạng, tránh định kiến về văn hoá và sự áp đặt do những định kiến của những người hoạch định chính sách, người cầm quyền áp đặt.

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng ở nước ta thì du lịch văn hoá là một tiềm năng lớn để phát triển du lịch. Với sự đa dạng về thiên nhiên, khí hậu, tộc người là một lợi thế mà không nhiều nước có được. Vì vậy, văn hoá cần được coi trọng một cách đúng đắn vị trí, động lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, 2016, tr.126-127.

2. Hội đồng Lý luận Trung ương - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Văn hóa và phát triển - những vấn đề của Việt Nam và kinh nghiệm của thế giới”*, Hà Nội, tr.114-115.

của nó trong cuộc sống. Cần có tầm nhìn cho văn hoá để tránh làm tổn hại, mai một các giá trị văn hoá của dân tộc.

Thứ hai, lĩnh vực xây dựng, phát triển văn hoá, con người đã được Đảng quan tâm cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước. Vì vậy, đã có nhiều nghị quyết đúng đắn, xác thực. Song việc cụ thể hoá Nghị quyết về xây dựng, phát triển văn hoá, con người chậm được cụ thể hoá. Nhiều cấp uỷ còn coi nhẹ lĩnh vực này, chưa phát huy được nguồn lực văn hoá. Mặt khác, việc đầu tư cho phát triển văn hoá, con người còn nhiều hạn chế. Việc lãnh đạo, chỉ đạo ở nhiều cấp uỷ còn buông lỏng, khoán trắng cho đội ngũ cán bộ chuyên môn, nhưng đội ngũ cán bộ chuyên môn về văn hoá chưa được đào tạo, bồi dưỡng, bố trí hợp lý nên hiệu quả thấp, kể cả cán bộ cấp chiến lược phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực quan trọng này.

Thứ ba, nước ta ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng. Chúng ta đã có những thành công nhất định trong hội nhập quốc tế về văn hoá. Song cần chống cả 2 khuynh hướng “tả” và “hữu” về hội nhập văn hoá. Hiện nay “sự du nhập từ nhiều nguồn, nhiều kênh, các sản phẩm văn hoá đủ loại, trong đó có cả những sản phẩm độc hại, đã tác động đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là lớp trẻ, dẫn đến tình trạng lệch chuẩn, lạc chuẩn và đảo lộn hệ giá trị văn hoá, con người”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2015, tr.103.

III. VỀ XÃ HỘI

1. Về nhận thức

Cương lĩnh năm 1991 đã nêu lên phương hướng về vấn đề xã hội: Xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người. Phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Cương lĩnh nêu rõ định hướng: Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phương hướng lớn của chính sách xã hội là phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất với đời sống tinh thần, giữa đáp ứng nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài, giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội.

Cương lĩnh năm 2011 cùng với Nghị quyết Đại hội XI của Đảng tiếp tục làm rõ hơn nhận thức, quan điểm về các vấn đề xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội. Cương lĩnh năm 2011 nêu: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; trong đó con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội; thực hiện tiến bộ

và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội. Cương lĩnh chỉ rõ phải: Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi... Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Theo tinh thần của Cương lĩnh, Đại hội XI chủ trương phát triển toàn diện, mạnh mẽ các lĩnh vực xã hội hài hòa với phát triển kinh tế.

Để cụ thể hóa nội dung Cương lĩnh năm 2011 và Văn kiện Đại hội XI, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, trong đó nêu lên các quan điểm tập trung cao cho chính sách an sinh xã hội và chính sách người có công: (i) Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; (ii) Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của đất nước trong từng thời kỳ; ưu tiên người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số; (iii) Hệ

thống an sinh xã hội phải đa dạng, toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thế hệ và giữa các thế hệ; bảo đảm bền vững, công bằng; (iv) Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia. Đồng thời tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh; (v) Tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Những quan điểm này thể hiện bước phát triển mới nhận thức về chính sách xã hội, coi đây là trách nhiệm, nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa công tác đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện chính sách người có công.

Đại hội XII của Đảng đã có bước phát triển mới nhận thức về phát triển xã hội và giải quyết vấn đề xã hội. Lần đầu tiên trong văn kiện của Đảng chính thức đề cập đến vấn đề quản lý phát triển xã hội, gắn quản lý phát triển xã hội với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Đại hội XII chỉ rõ phải: Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc; bảo đảm sự hài hòa về lợi ích, về quan hệ xã hội, quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khắc phục xu hướng gia tăng phân hoá giàu - nghèo. Kịp thời kiểm soát và xử lý các rủi ro,

mâu thuẫn, xung đột xã hội... Nghị quyết Đại hội XII xác định: Quản lý tốt sự phát triển xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; thực hiện tốt chính sách với người có công; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng môi trường sống lành mạnh, văn minh, an toàn.

Những bước tiến về nhận thức, quan điểm, chủ trương trong lĩnh vực phát triển xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội trong 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, nhất là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011 thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

- Chuyển từ giải quyết các vấn đề xã hội theo quan điểm của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang xây dựng và thực hiện các chính sách xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước thích ứng với thể chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển.

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội. Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu các lĩnh vực xã hội.

- Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, đồng thời thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo bền vững.

- Xây dựng và phát triển hệ thống an sinh xã hội đồng bộ, đa dạng và hiệu quả.

- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để quản lý phát triển xã hội.

- Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện các chính sách xã hội; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân tham gia.

Tuy nhiên, nhận thức về quản lý phát triển xã hội và quản trị xã hội chưa đủ rõ. Chưa nhận thức đầy đủ mặt trái của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế đối với vấn đề xã hội, ổn định xã hội trong quá trình phát triển. Chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của hệ thống chính trị và của cộng đồng trong quản lý phát triển xã hội.

2. Về thực tiễn

(1) Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật

Trong quá trình đổi mới, nhất là trong 10 năm qua, hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các vấn đề xã hội đã từng bước được hoàn thiện. Ở cấp độ pháp lý cao nhất, Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34), Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội (Điều 59). Các vấn đề xã hội cụ thể cũng được đề cập trong một số điều của Hiến pháp năm 2013.

Hệ thống luật pháp cũng được hoàn thiện với nhiều luật và văn bản dưới luật được ban hành trong từng lĩnh vực cụ thể, nhất là vấn đề bảo đảm an sinh xã hội, lao động việc làm,

xóa đói, giảm nghèo¹. Hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách ngày càng hoàn chỉnh đã góp phần quan trọng vào việc phát triển các lĩnh vực xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội ngày càng tốt hơn.

(2) Về bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội

Trong quá trình đổi mới và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước coi bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là một nhiệm vụ trọng yếu, theo hướng xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, ngày càng rộng mở và hiệu quả để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, nhất là nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo.

Với nhận thức rõ ràng, kinh tế thị trường có những tác động rất tích cực và cơ bản đối với phát triển các lĩnh vực xã

1. Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Bộ luật Lao động năm 2012; Luật Việc làm năm 2013, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 và Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015; Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 chỉ đạo áp dụng chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều cho giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 100/2015/QH13 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 bao gồm hai chương trình là giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về tăng cường thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội cùng các văn bản quy phạm pháp luật quy định các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; Chính phủ ban hành Đề án đổi mới và phát triển hệ thống chính sách trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020. Các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục, đào tạo và dạy nghề đều có nội dung hoàn thiện các cơ chế, chính sách về các vấn đề xã hội...

hội, bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, như đòi hỏi nâng cao trách nhiệm và kích thích tính tích cực của các chủ thể, của mọi cá nhân vươn lên, thúc đẩy huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của xã hội cho phát triển kinh tế và xã hội...; đồng thời kinh tế thị trường cũng có những hạn chế, “khuyết tật” tác động tiêu cực đến phát triển các lĩnh vực xã hội, phát triển con người, như có thể dẫn đến sự phân bố nguồn lực cho phát triển không đều giữa các vùng, nhất là đối với các vùng có điều kiện khó khăn, dẫn đến sự chênh lệch giàu nghèo lớn giữa các vùng, các đối tượng... Điều này đòi hỏi vai trò chủ đạo của Nhà nước trong việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội phù hợp và hiệu quả để khắc phục các “khuyết tật” của kinh tế thị trường.

Với tầm quan trọng đó, hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội được xây dựng theo định hướng sau:

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội hợp lý, hiệu quả, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội phải kết hợp đồng bộ cả ba chức năng: *phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro và khắc phục rủi ro*. Góp phần bảo đảm công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội; kích thích tính tích cực xã hội, một mặt có thể chống tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước và xã hội, mặt khác, có thể khắc phục tư tưởng mạnh ai nấy lo, “đèn nhà ai nhà nấy rạng”; hướng tới một xã hội nhân ái, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tạo động lực cho sự phát triển bền vững.

- Hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội được xây dựng và phát triển trên nguyên tắc kết hợp có hiệu quả vai trò chủ đạo của Nhà nước gắn với xã hội hóa cao, huy động mọi lực lượng - nguồn lực của xã hội, nâng cao trách nhiệm

và năng lực tự an sinh của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng; vừa trợ giúp kịp thời, hiệu quả trong việc bảo đảm mức sống tối thiểu của người dân, thúc đẩy xóa đói, giảm nghèo, đồng thời tạo điều kiện để mỗi người dân, gia đình và cộng đồng phát triển, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

- Xây dựng một hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đa dạng, đa tầng, linh hoạt, bền vững và ngày càng mở rộng, có thể hỗ trợ lẫn nhau; công bằng về trách nhiệm và lợi ích, chia sẻ rủi ro, hướng tới bao phủ toàn dân, tập trung hỗ trợ cho những người nghèo, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, những đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội từng bước được nâng cao và hoàn thiện phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của đất nước, đồng thời tiếp cận với các tiêu chí quốc tế; tăng cường hợp tác quốc tế về an sinh xã hội.

Với định hướng trên, hệ thống an sinh xã hội được chú trọng xây dựng với các thành tố (trụ cột) cơ bản sau: (i) Giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động tích cực; (ii) Phát triển hệ thống bảo hiểm đa dạng, đa tầng; (iii) Thực hiện có hiệu quả hệ thống trợ giúp xã hội; (iv) Xây dựng và thực hiện các chính sách đối với người có công và gia đình có công với nước; (v) Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội và phúc lợi xã hội hiệu quả, bền vững.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống các chính sách ngày càng hoàn thiện và đồng bộ hơn, cùng với nguồn lực không ngừng tăng lên của Nhà nước và huy động từ xã hội, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội ngày càng được bảo đảm tốt hơn,

góp phần quan trọng vào xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thể hiện trên các mặt chủ yếu sau:

Một là, coi trọng và đẩy mạnh giải quyết việc làm, phát triển thị trường lao động, coi đây là giải pháp quan trọng, chủ động và tích cực hàng đầu trong việc bảo đảm an sinh xã hội. Đã ban hành và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, xây dựng quỹ quốc gia về việc làm, nhiều tỉnh cũng xây dựng quỹ việc làm, với nhiều chính sách trợ giúp thiết thực. Cùng với sự phát triển của các doanh nghiệp, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, mỗi năm đã tạo được bình quân hơn 1,6 triệu việc làm mới cho người lao động (riêng năm 2017 tạo được hơn 1,62 triệu việc làm), trong đó mỗi năm đưa hơn 100 nghìn lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài. Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị giảm từ 6,42% (năm 2000) xuống còn khoảng 2,33% năm 2020, tăng thời gian sử dụng lao động ở nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân.

Hai là, bảo hiểm xã hội là một trong những trụ cột quan trọng nhất của hệ thống an sinh xã hội, đặt trọng tâm là mở rộng sự bao phủ của hệ thống bảo hiểm xã hội đến mọi người lao động, theo cả 2 nhóm chính sách lớn là bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện. Hệ thống bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được chú trọng phát triển đã có bước phát triển mạnh hơn với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, đa dạng hơn.

Bảo hiểm xã hội được triển khai với 3 loại hình là: bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp.

Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng từ 7,8 triệu người năm 2010 lên hơn 14,5 triệu người năm 2018. Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ 7,2 triệu người năm 2010 lên 12,6 triệu người năm 2018¹.

Bảo hiểm y tế được đẩy mạnh phát triển. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 13,4% dân số năm 2000 lên 59,1% năm 2012, 82,1% năm 2016 lên 86,9% năm 2018 và 89,3% năm 2019. Đến năm 2020 đạt khoảng 90% dân số tham gia, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Trong đó đã thực hiện chính sách bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em đến 6 tuổi, một số đối tượng chính sách, người nghèo và hỗ trợ 70% phí bảo hiểm y tế cho các hộ cận nghèo,... Hằng năm, ngân sách bố trí khoảng 9.000 tỷ đồng để mua thẻ bảo hiểm y tế cho khoảng trên 14 triệu đối tượng (người nghèo, người dân tộc thiểu số và nhân dân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, hải đảo) và hỗ trợ một phần chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng khác.

Ba là, hệ thống trợ giúp xã hội được hoàn thiện hơn theo hướng tiếp cận mới: coi đầu tư trợ giúp xã hội là đầu tư cho tăng trưởng bền vững và giải quyết vấn đề công bằng xã hội; kết hợp hiệu quả vai trò của Nhà nước với vai trò của xã hội, thích ứng với cơ chế thị trường và từng bước hội nhập quốc tế, tính đến các rủi ro từ thị trường, xã hội và thiên nhiên; lấy con người là trung tâm, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời, hiệu quả. Xây dựng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo phương pháp tiếp cận đa chiều hướng tới mức sống tối thiểu trong từng giai đoạn, chăm sóc sức khỏe toàn diện và các nhu cầu cơ bản tối thiểu khác của nhóm dân cư dễ bị tổn thương. Các chính sách trợ giúp xã hội thường

1. Nguồn: Tổng cục Thống kê.

xuyên và đột xuất được thực hiện rộng hơn về quy mô và đối tượng thụ hưởng, với mức trợ giúp ngày càng tăng (như người cao tuổi, người không còn sức lao động, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, những cá nhân, gia đình gặp rủi ro bất thường do thiên tai, bệnh tật và những lý do bất khả kháng khác).

Mức trợ cấp xã hội đã tăng 1,5 lần so với giai đoạn trước. Đối tượng được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội được quan tâm mở rộng. Năm năm vừa qua, các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập đã có sự phát triển nhất định nhằm đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội trong phạm vi cả nước¹.

Nhiều mô hình trung tâm công tác xã hội đã vận hành hiệu quả tại các địa phương (như Quảng Ninh, Đà Nẵng, Bến Tre, Long An, Thanh Hóa, Thành phố Hồ Chí Minh...).

Bốn là, các chính sách ưu đãi đối với người có công không ngừng được hoàn thiện và nâng cao hơn về chế độ thụ hưởng. Cả nước hiện có khoảng gần 9 triệu người có công (chiếm khoảng gần 10% dân số); gần 1,5 triệu người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng của Nhà nước. Đến nay, hơn 96% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân cư cùng địa bàn. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Cả nước hiện có 418 cơ sở trợ giúp xã hội gồm 195 cơ sở công lập và 223 cơ sở ngoài công lập nuôi dưỡng, chăm sóc hơn 41.450 đối tượng, trong đó số đối tượng bị khuyết tật, tâm thần chiếm 45,6%, trẻ mồ côi và bị bỏ rơi chiếm 19,3%. Các cơ sở đã cung cấp các dịch vụ trợ giúp xã hội cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng có nhu cầu bao gồm chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng, dạy văn hóa, dạy nghề và cung ứng các dịch vụ công tác xã hội.

và các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức và cộng đồng xã hội tích cực hưởng ứng, trở thành nét đẹp truyền thống của dân tộc.

Năm là, các phúc lợi xã hội và hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản tiếp tục được phát triển và mở rộng, nhất là về chăm sóc sức khoẻ, giáo dục và đào tạo, văn hoá, thông tin, cung cấp điện, nước sinh hoạt, nhà ở cho người nghèo...; có cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chất lượng các dịch vụ có nhiều mặt được cải thiện. Việt Nam được Liên hợp quốc công nhận là một trong các quốc gia đi đầu trong việc thực hiện mục tiêu Thiên niên kỷ, đã hoàn thành hầu hết và cơ bản các chỉ tiêu, đặc biệt là chỉ tiêu giảm nghèo.

Mặc dù đạt được những kết quả quan trọng nêu trên, song công tác bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm:

Nhận thức và ý thức của các cấp lãnh đạo và của toàn xã hội về bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội vẫn còn có những hạn chế, chưa coi đó là một yếu tố - một động lực góp phần quan trọng vào phát triển nhanh - bền vững; tâm lý ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước của một số lãnh đạo ở một số địa phương và những đối tượng được thụ hưởng còn khá nặng nề. Công tác lãnh đạo, quản lý chưa được quan tâm đúng mức, còn những yếu kém, hiệu lực, hiệu quả chưa cao, còn để xảy ra không ít tiêu cực; hệ thống cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, còn chồng chéo, chậm được bổ sung và hoàn thiện đồng bộ, thiếu sự liên kết - lồng ghép.

Vấn đề giải quyết việc làm vẫn còn nhiều bất cập. Tình trạng thiếu việc làm còn nhiều, cả ở nông thôn và thành thị; lực lượng lao động trong các khu vực phi chính thức còn lớn.

Việc bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cho dân cư và lao động ở khu vực phi chính thức còn nhiều khó khăn, bất cập.

Hiện nay, các chỉ tiêu về tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp thành thị đạt thấp hơn mức đặt ra trong Nghị quyết. Tuy nhiên, chỉ tiêu về tỷ lệ việc làm trong nông nghiệp vẫn còn cao, không đạt mục tiêu vào năm 2015 và khó đạt được mục tiêu vào năm 2020 theo Nghị quyết.

Chưa hình thành được hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội rộng khắp (mức độ bao phủ còn hẹp); chưa huy động được sự tham gia rộng lớn của xã hội vào phát triển hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; thiếu những cơ chế chủ động, tích cực thích ứng với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, làm chỗ dựa vững chắc cho mọi người dân, trước hết là những người nghèo, hộ nghèo nâng cao năng lực tự an sinh, tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

Các hình thức bảo hiểm chậm được phát triển và mở rộng¹. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội chưa cao; các hình thức bảo hiểm còn mang nặng tính chất bao cấp, hỗ trợ

1. Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2016 lại giảm so với năm 2015 do số cán bộ không chuyên trách cấp xã trước đây tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện nay chuyển sang bảo hiểm xã hội bắt buộc và một bộ phận người hết tuổi lao động đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu để hưởng lương hưu ngay. Các chỉ tiêu này thấp hơn nhiều so với mục tiêu Nghị quyết đặt ra, so với mục tiêu đề ra cho năm 2015 mới chỉ đạt gần 73% và so với mục tiêu năm 2020 mới đạt 45%.

Số lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong 5 năm qua tăng gần 2,8 triệu người, đạt 11,061 triệu người, bằng 20,5% lực lượng lao động. Việc thực hiện mục tiêu đến năm 2020 có khoảng 35% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp là rất khó khăn, mới chỉ đạt mức đề ra năm 2015 và bằng 57% mục tiêu năm 2020.

của Nhà nước, tính bền vững chưa cao, chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu đa dạng của người dân. Hệ thống kết cấu hạ tầng, hệ thống cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản còn nhiều bất cập, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa; chất lượng nhìn chung còn thấp.

Nguồn lực cho an sinh xã hội và phúc lợi xã hội còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước. Theo đánh giá của UNDP, mới chỉ có khoảng hơn 56% dân số Việt Nam được hưởng hỗ trợ an sinh xã hội chính thức. Đời sống vật chất, tinh thần của đối tượng bảo trợ xã hội vẫn còn rất nhiều khó khăn do chế độ, chính sách về nuôi dưỡng, chăm sóc quá thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Phương thức đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội trong nhiều lĩnh vực và dịch vụ còn mang nặng tính bao cấp bình quân, không điều kiện, mức trợ cấp thấp; việc xác định đối tượng được thụ hưởng còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng bỏ sót hoặc nhầm đối tượng... Vì vậy hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội còn những hạn chế, phát triển chưa bền vững.

Hệ thống các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế có mức độ bền vững chưa cao, nhất là xét về trung và dài hạn.

3. Những vấn đề đặt ra

(1) Nhận thức và ý thức của các cấp lãnh đạo và của toàn xã hội về các vấn đề xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội đang đặt ra những vấn đề sau:

Cần phải nhận thức rõ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của các vấn đề xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội một cách có hệ thống, đồng bộ, làm nổi bật vai trò quan trọng của việc giải quyết các vấn đề xã hội trong quá trình phát triển

bền vững, “phát triển bao trùm”. Chính sách xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội phải hướng tới bảo đảm các quyền cơ bản của người dân, được Hiến pháp năm 2013 công nhận và từng bước phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Phát triển xã hội được thực hiện trên 3 nội dung cơ bản: (i) nâng cao năng lực vốn con người; (ii) cải thiện môi trường hoạt động của con người thông qua phát triển các chính sách lao động, việc làm, tiền lương, dân số, y tế, giáo dục, kết cấu hạ tầng xã hội; (iii) bảo đảm an sinh xã hội thông qua hệ thống các chính sách, bảo đảm an ninh, an toàn xã hội của cá nhân và cộng đồng, tăng cường bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội và giảm nghèo.

Nhận thức về giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội không chỉ nhấn mạnh ở định hướng chung là kết hợp chặt chẽ, hợp lý trong từng bước, từng chính sách phát triển kinh tế, mà cần phải đề ra được các cơ chế, lộ trình và kế hoạch cụ thể đối với từng giai đoạn, từng thời kỳ, có các chỉ tiêu để kiểm chứng, đánh giá.

Cần nhận thức sâu sắc và đầy đủ các tác động tích cực và tiêu cực của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đến các vấn đề xã hội, nhận thức thấu đáo và vận dụng có hiệu quả các quy luật của kinh tế thị trường, cơ chế thị trường vào quá trình quản lý phát triển xã hội, để từ đó đề ra được các cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả.

Cần nhận thức rõ và xác định phù hợp, hiệu quả hơn về mối quan hệ giữa vị trí, vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong phát triển xã hội. Trong bối cảnh kinh tế thị trường ngày càng phát triển, vai trò của Nhà nước và vai trò của các đối tác xã hội trong phát triển xã hội cũng thay đổi. Phải kết hợp đồng bộ, phù hợp vai trò của Nhà nước, vai trò

của thị trường và vai trò của các đối tác xã hội trong phát triển các vấn đề xã hội.

Phải khắc phục tình trạng tư duy bao cấp, y dựa vào Nhà nước vẫn còn khá nặng nề, mặt khác lại có biểu hiện “buông thả” cho cơ chế thị trường; chưa coi các chính sách xã hội và giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội là một yếu tố - một động lực góp phần quan trọng vào phát triển nhanh và bền vững. Cần nhận thức và chế định rõ hơn vai trò giám sát xã hội của các tổ chức xã hội ngay từ khi thiết kế, thực hiện và đánh giá chính sách, nhằm bảo đảm sự kết hợp hài hòa các chính sách kinh tế và các chính sách xã hội.

(2) Đang đặt ra yêu cầu xây dựng một mô hình xã hội tổng quát, thích ứng với sự phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế, trong đó các vấn đề xã hội được nhận diện và xử lý theo quan điểm phát triển.

Chúng ta chưa xây dựng được một mô hình xã hội tổng quát với các quan điểm mới về cơ cấu xã hội, sự biến đổi xã hội cùng với phân tầng xã hội, an sinh xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, trong xu thế vận động, biến đổi của những tầng lớp xã hội.

Cần phải có nhận thức lý luận đầy đủ, rõ ràng về quá trình biến đổi *cấu trúc xã hội hiện thực tương ứng* với sự vận động và tái cấu trúc nền kinh tế. Chính sách phát triển xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội trong nhiều vấn đề phải dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ và khách quan về cơ cấu xã hội, những nhu cầu, nguyện vọng, vai trò và lợi ích của các giai tầng và nhóm xã hội.

(3) Phương thức giải quyết các vấn đề xã hội không chỉ được chế định mang tính vĩ mô, mà phải được cụ thể hóa thật rõ theo từng cấp quản lý, nhất là cấp cơ sở. Cần nhận thức

đầy đủ vai trò và sử dụng hợp lý các hình thức và công cụ can thiệp, hỗ trợ quá trình phát triển xã hội, khắc phục tình trạng còn mang nặng tính hành chính, làm hạn chế hiệu quả của chính sách và gây lãng phí nguồn lực của xã hội. Các vấn đề xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau, vì thế khi giải quyết các vấn đề xã hội, bên cạnh việc xác định tính độc lập tương đối trong nội dung của từng chính sách, chủ trương, chương trình... đòi hỏi phải lồng ghép giữa các chính sách với nhau, vừa hỗ trợ, vừa sử dụng kết quả lẫn nhau giữa các chủ trương, chính sách, chương trình, dự án phát triển xã hội.

(4) Cần phải tính đến một cách toàn diện các hệ quả xã hội khi thiết kế các chính sách kinh tế, thực hiện các chương trình và dự án kinh tế, ảnh hưởng đến bảo đảm mục tiêu xã hội. Khắc phục tình trạng không ít các hệ lụy xã hội do các chính sách kinh tế chưa được tính đến hoặc giải quyết thiếu thỏa đáng trong quá trình thiết kế, thực hiện và đánh giá. Khi thiết kế và thực thi các chính sách kinh tế cần hạn chế phát sinh các vấn đề xã hội, dự báo các hệ lụy xã hội để có giải pháp xử lý thỏa đáng.

(5) Coi công bằng trong hưởng thụ các dịch vụ xã hội, đặc biệt là trong thụ hưởng các dịch vụ cơ bản thiết yếu, trong đó có những chính sách hỗ trợ phù hợp cho những đối tượng, những vùng còn khó khăn. Sự gắn kết giữa quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ là vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng xã hội hiện đại.

Cần khắc phục những bất cập, trùng chéo, thiếu sự liên kết - lồng ghép trong hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách về các vấn đề xã hội, nhất là về an sinh xã hội. Điều chỉnh định hướng thiết kế các chính sách xã hội mang nhiều

tính bao cấp, cơ chế “xin cho”, thường nhìn nhận người dân chỉ như “đối tượng thụ hưởng”, sang việc hướng tới nâng cao năng lực nội sinh, tự an sinh, khơi dậy và phát huy đầy đủ năng lực tự vươn lên của người dân, để bảo đảm phát triển bền vững.

(6) Hoàn thiện cơ chế, chính sách để tăng hơn nữa nguồn lực của Nhà nước và của xã hội dành cho thực hiện các chính sách xã hội. Phải hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, khắc phục tình trạng bị thất thoát, lãng phí. Triệt để chống tình trạng trục lợi, tiêu cực trong thực hiện các chính sách xã hội.

IV. VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Về nhận thức

Kế thừa, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh năm 2011 của Đảng đã khẳng định: “Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”¹.

Trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ chung nhất của quốc phòng, an ninh như vậy, Cương lĩnh năm 2011 còn cụ thể hóa với những nội dung hết sức rõ ràng như sau:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.81-82.

Thứ nhất, xác định rõ trách nhiệm và lực lượng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh: “Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh”¹.

Thứ hai, chỉ rõ những yếu tố và cách thức triển khai để tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh của đất nước: “Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn”².

Thứ ba, xây dựng lực lượng, tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ: “Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu... Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.82, 82.

vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại”¹.

Thứ tư, xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang: “Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh”².

Trong 10 năm qua, nhận thức về quốc phòng, an ninh có những bước phát triển mới:

(1) Nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Đảng có sự đổi mới và ngày càng hoàn thiện.

Trên cơ sở xác định nhất quán về nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu của quốc phòng, an ninh là bảo vệ Tổ quốc, nhận thức của Đảng ta ngày càng phát triển, đáp ứng tình hình mới.

Trong Cương lĩnh năm 1991, Đảng ta chỉ rõ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh một cách toàn diện: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”³.

Đến Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và sau đó là Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn: Nhiệm vụ quốc phòng,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.82-83, 83.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.51, tr.142.

an ninh không chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, mà còn bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ nền văn hóa, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến Đại hội XI của Đảng đã đưa vấn đề “giữ vững chủ quyền biển đảo” và “ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống” vào nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, đồng thời nhấn mạnh “an ninh chủ động”.

Đại hội XII của Đảng đã nâng tầm nhận thức, coi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh còn là: “Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng”¹.

Nếu như trong Cương lĩnh năm 2011 chủ trương “kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế” thì Văn kiện Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh thêm: “Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến”².

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.148, 149.

(2) Phát triển nhận thức về tăng cường sức mạnh cho việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Nhận thức của Đảng ngày càng rõ hơn về sức mạnh và lực lượng để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đó là sức mạnh cả khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh tổng hợp của đất nước về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, trong đó lực lượng vũ trang là nòng cốt. Để tăng cường sức mạnh cho lực lượng vũ trang thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta chủ trương: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân”¹.

(3) Xác định ngày càng rõ hơn các nhiệm vụ cụ thể về quốc phòng, an ninh.

Nhận thức của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đã ngày càng sâu sắc, toàn diện, đồng bộ, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của toàn Đảng, toàn dân, tất cả các ngành, các lĩnh vực, lực lượng vũ trang và các địa phương, đơn vị. Trong quá trình đổi mới, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, nhất là tranh chấp chủ quyền biển, đảo, biên giới và các thủ đoạn chống phá mới của thế lực thù địch, nhận thức của Đảng đã kịp thời được bổ sung, phát triển. Đảng đã nhận thức đầy đủ, rõ ràng, cụ thể hơn về nội dung,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.149.

phương thức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, coi đó là những hoạt động thường xuyên để bảo vệ Tổ quốc. Đảng chỉ rõ, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng lớn mạnh, sẵn sàng đấu tranh với các thế lực thù địch trong các tình huống: xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, biên giới, gây rối, biểu tình, bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, lật đổ, ly khai; đấu tranh thường xuyên chống các tư tưởng, hành động sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

(4) Nhận thức về đối tác, đối tượng là tư duy mới có tính đột phá.

Cùng với việc xác định phương thức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh phi vũ trang và đấu tranh vũ trang, kết hợp xây dựng với bảo vệ, lấy xây dựng để bảo vệ; nhận thức của Đảng về đối tác, đối tượng có bước phát triển mới, có cách nhìn biện chứng. Việc chuyển từ tư duy bạn, thù sang tư duy đối tác, đối tượng trên cơ sở lợi ích quốc gia, dân tộc là bước đột phá, thấy rõ sự đan xen, chuyển hóa giữa đối tượng, đối tác, xác định lấy đối tác làm cơ sở để thiết lập quan hệ quốc tế rộng rãi, đồng thời đấu tranh với đối tượng, với mặt đối tượng.

Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI chỉ rõ: Để phát huy thuận lợi, hạn chế thách thức, cần có cách nhìn mới và thống nhất về đối tác, đối tượng. Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta. Bất kể thế lực thù địch nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh của chúng ta.

(5) *Cụ thể hóa về vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với việc thực thi nhiệm vụ.*

Để tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại cho lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhân tố quan trọng hàng đầu để lực lượng vũ trang thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính là phải tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, Đảng chủ trương tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật ngày càng tiên tiến, hiện đại cho lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Tuy nhiên, nhận thức chung về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chưa thật sâu sắc, cụ thể, chưa gắn với nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. Nhận thức của một số cán bộ các cấp, các ngành về nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân; về xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thế trận an ninh nhân dân; về xây dựng “thế trận lòng dân”; về đấu tranh trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa; về đấu tranh ngăn ngừa “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ: chưa thật sâu sắc, đầy đủ. Chưa phân định rõ nội dung đấu tranh bảo vệ an ninh phi truyền thống và đấu tranh trên mạng xã hội.

Bên cạnh đó, nhận thức và dự báo về những biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường trên thế giới và khu vực,

tác động trực tiếp đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chưa thật rõ. Nhận thức về những diễn biến phức tạp và nguy cơ trên Biển Đông chưa thật sâu sắc và có lúc, có nơi chưa đưa ra được những dự báo chuẩn xác.

2. Về thực tiễn

Đảng, Nhà nước ta đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh một cách toàn diện, kiên quyết và đạt được những thành tựu quan trọng, thể hiện trên một số nội dung chính sau:

(1) Thành tựu cơ bản, bao trùm là việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện Cương lĩnh năm 2011 và các nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, chúng ta đã đạt nhiều thắng lợi quan trọng. Đó là việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng đất nước. Tiềm lực chính trị, kinh tế cũng như tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước được nâng lên. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố; thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân thêm bền vững, sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc được tăng cường. An ninh quốc gia, sự ổn định chính trị, xã hội được giữ vững.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đã tham mưu cho Đảng, Nhà nước lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối đối nội, đối ngoại hài hòa, chủ động triển khai lực lượng, phương tiện, biện pháp đấu tranh và đấu tranh có hiệu quả đối với các hoạt

động xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đã kịp thời ngăn chặn, vô hiệu hóa nhiều âm mưu, hoạt động gây rối, gây bạo loạn, phá hoại, khủng bố. Chúng ta đã chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp, bảo vệ được chủ quyền biển, đảo, vùng trời. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, quốc phòng và an ninh, các sự kiện chính trị, văn hóa của đất nước, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

(2) Ban hành nhiều chủ trương, chính sách để triển khai nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Thiết thực triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Cương lĩnh năm 2011 đề ra, tiếp theo Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX, Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xác định toàn diện các vấn đề cơ bản đáp ứng tình hình mới. Nghị quyết đã mở ra bước đột phá mới trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Cùng với hai nghị quyết rất quan trọng đó, một số chiến lược về quốc phòng, quân sự, chiến lược an ninh, chiến lược bảo vệ biên giới và nhiều chủ trương, giải pháp trong các chiến lược đó tiếp tục được cụ thể hóa và hoàn thiện. Đó là cơ sở quan trọng để các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng các chương trình hành động cụ thể để thực hiện nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ gắn với các hoạt động trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Từ đó đã xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các nhiệm vụ

quốc phòng, an ninh tại các vùng chiến lược Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, các thành phố lớn, các địa bàn chiến lược, các vùng kinh tế trọng điểm, các khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp.

(3) Về xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Đảng ta luôn xác định việc xây dựng lực lượng vũ trang là một trong những nội dung quan trọng của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đặt nó trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân dựa vào sức mạnh tổng hợp của chế độ ta; xây dựng một cách toàn diện và có trọng điểm các yếu tố để tạo thành sức mạnh chiến đấu tổng lực bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh do Cương lĩnh năm 2011 đề ra là “Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu”, thành tựu nổi bật trong những năm qua là: sức mạnh tổng hợp, khả năng chiến đấu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được chú trọng xây dựng và từng bước nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Lực lượng vũ trang đã nâng cao tinh thần chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu; các quân chủng, binh chủng trong Quân đội và các lực lượng trọng yếu của Công an đã được củng cố, tăng cường; các vũ khí, khí tài được nâng cấp và trang bị tốt hơn; một số quân chủng, binh chủng của Quân đội và một số lực lượng tinh nhuệ của Công an đã phát triển theo hướng chính quy, tinh nhuệ và đi thẳng tới hiện đại. Đời sống vật chất, tinh thần

của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang được quan tâm và cải thiện đáng kể. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân tiếp tục giữ vững và phát huy phẩm chất cao đẹp của đội quân cách mạng, đoàn kết, nhất trí cao trong nội bộ, gắn bó máu thịt với nhân dân, có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế cao cả, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đang thực hiện sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị, mạnh về bản lĩnh chiến đấu, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chức trách. Với đội ngũ của lực lượng vũ trang hùng hậu, được trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật đúng mức, phù hợp với tình hình và nghệ thuật quân sự Việt Nam, các lực lượng vũ trang của ta có đầy đủ khả năng làm tròn nhiệm vụ được giao phó.

Nhìn một cách tổng quát, việc xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã quán triệt phương hướng, mục tiêu, nguyên tắc và định hướng chính sách về quốc phòng - an ninh mà Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng đã xác định. Đảng ta luôn xuất phát từ tình hình thực tế của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phát huy truyền thống độc lập tự chủ, sáng tạo để xác định các chủ trương, biện pháp đúng đắn về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Bởi vậy, lực lượng vũ trang nhân dân của chúng ta đã không ngừng lớn mạnh, đủ sức để hoàn thành mọi nhiệm vụ.

(4) Phương thức tiến hành các nhiệm vụ mới về quốc phòng, an ninh.

Trong những năm qua đã xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp mới đặt ra đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đòi hỏi phải có những phương thức đấu tranh, tác chiến phù hợp. Đó

là những biểu hiện mới của các thế lực thù địch thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”; các hoạt động phá hoại, gây rối, bạo loạn, lật đổ; các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; gia tăng các loại tội phạm mới; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cụ thể là đấu tranh với các đối tượng trên, chúng ta đã cơ bản nắm bắt, đánh giá đúng tình hình, dự báo tương đối chính xác về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Đã vận dụng đúng các quan điểm chỉ đạo của Đảng, hướng dẫn của Chính phủ, xử lý đúng và hiệu quả từng vấn đề cụ thể, xử lý phù hợp mối quan hệ đối tác, đối tượng. Phương thức đấu tranh khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, linh hoạt. Đã có những chủ trương và giải pháp phòng, chống các thủ đoạn xâm phạm chủ quyền quốc gia và âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng chiêu bài dân quyền, dân chủ, tôn giáo, kích động chủ nghĩa yêu nước cực đoan... để chống phá Đảng, Nhà nước. Đã xử trí tương đối hiệu quả, kịp thời các tình huống quốc phòng, an ninh trên không, trên biển, biên giới, nội địa để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn không để xảy ra bạo loạn lật đổ, bạo loạn vũ trang, xung đột vũ trang. Đã có những nỗ lực và đạt được hiệu quả trong việc ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; chống âm mưu “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, đòi đa nguyên đa đảng. Kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên đã góp phần quan trọng trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm trật tự, an ninh xã hội, giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước.

(5) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang

Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh năm 2011, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã được bổ sung, hoàn thiện, bảo đảm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đảng luôn nắm vững quyền lãnh đạo cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức đối với sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Mọi hoạt động, mọi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào, ở đâu, bất kỳ cấp nào cũng đều đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ, tuyệt đối của Đảng. Đảng bộ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng trong các lực lượng vũ trang được nâng lên. Các tổ chức cơ sở đảng được xây dựng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Các cấp ủy được xây dựng, kiện toàn, có năng lực lãnh đạo toàn diện. Đã xây dựng được hệ thống tổ chức bộ máy công tác đảng, công tác chính trị có số lượng hợp lý và chất lượng cao, đã ban hành các nghị quyết mới về Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược an ninh quốc gia và các chiến lược khác.

Quán triệt các chủ trương của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang, Nhà nước đã sửa đổi, bổ sung các luật về bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị định về xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Nhà nước đã bảo đảm ngân sách cho quốc phòng, an ninh, cho các hoạt động của

lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Trong những năm qua, cơ chế lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang được hoàn thiện và vận dụng hiệu quả trong thực tiễn. Vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước từ Trung ương đến các bộ, ban, ngành và các địa phương đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được phát huy hiệu quả và luôn là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh còn một số hạn chế, khuyết điểm: Việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, có lúc, có nơi chưa thật đầy đủ, sâu sắc; cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh chưa thật hoàn thiện. Nhân tố chính trị, tinh thần, thế trận lòng dân chưa được chú trọng đúng mức. Xây dựng khu kinh tế - quốc phòng - an ninh có nơi chưa đạt hiệu quả cao; kết hợp giữa nhiệm vụ quốc phòng với an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh với đối ngoại chưa thật hài hòa, còn thiếu đồng bộ, cơ chế kiểm tra, giám sát, nội dung kết hợp chưa thật cụ thể, rõ ràng, xử lý sai phạm thiếu kiên quyết.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh đã được tăng cường một bước nhưng vẫn còn có mặt hạn chế, việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang bị phương tiện, nâng cao chất lượng vũ khí cho lực lượng vũ trang mặc dù đã được quan tâm đặc biệt nhưng thực sự còn có mặt hạn chế so với đòi hỏi của yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Chưa phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của nhân dân để thực thi nhiệm vụ. Sự phối hợp

giữa các ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác bảo đảm an ninh trật tự chưa thường xuyên. Sự phối hợp giữa xây dựng nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân chưa thật chặt chẽ, vẫn còn thiếu cơ chế và giải pháp cụ thể. Công tác nghiên cứu dự báo và tham mưu chiến lược còn hạn chế, đánh giá dự báo tình hình có mặt chưa cụ thể, kịp thời. Chỉ đạo điều hành có lúc, có nơi chưa thật tập trung, kiên quyết. Xác định và xử lý đối tượng, đối tác trong một số trường hợp chưa thật linh hoạt.

3. Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đã được Cương lĩnh năm 2011 và các văn kiện, nghị quyết của Đảng đặt ra hết sức rõ ràng, chuẩn xác nhưng khó khăn nhất trong việc thực hiện lại là nắm bắt và giải quyết các tình huống diễn ra trên thực tế.

Căn cứ vào tình hình chung có thể dự báo một số tình huống như: (1) “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn chính trị, “cách mạng màu” phát triển thành bạo loạn vũ trang, can thiệp quân sự, lật đổ; (2) Xâm phạm chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc, xâm chiếm biển, đảo, biên giới bằng các biện pháp phi vũ trang hoặc vũ trang với những mức độ khác nhau; (3) Chiến tranh biển, đảo, biên giới; (4) Chiến tranh trên vùng trời; (5) Chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng; (6) Các tình huống an ninh phi truyền thống; (7) Chiến tranh công nghệ cao; (8) Chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Các tình huống như vậy có thể xảy ra trong một hoặc một vài tình huống, đòi hỏi phải tiếp tục tính đến các giải pháp cụ thể khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được triển khai như thế nào trong khi phải thực hiện thật tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế.

Đảng ta chỉ rõ, trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ với nhau. Bảo đảm về quốc phòng, an ninh là điều kiện tốt cho phát triển kinh tế và phát triển kinh tế sẽ là cơ sở vững chắc cho việc tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Hiện nay chúng ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đặt ra những vấn đề mới, yêu cầu mới. Việc điều chỉnh luật pháp của nước ta sao cho tương thích với luật pháp và thông lệ quốc tế; việc thực hiện những cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, việc thu hút đầu tư nước ngoài ngày càng mạnh mẽ đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến vấn đề quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy khi triển khai đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và cụ thể hóa là phát triển kinh tế và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đặt ra nhiều vấn đề phức tạp cần được quan tâm đúng mức và xử lý kịp thời.

Thứ ba, việc ứng phó với chiến tranh công nghệ cao và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đang trở thành vấn đề nổi cộm.

Trong các cuộc chiến tranh trên thế giới vừa qua như ở Irac, Cosovo, Afghanistan, Syria, vũ khí công nghệ cao ngày càng được sử dụng phổ biến. Các cuộc chiến tranh tiếp theo

trên thế giới chắc chắn vũ khí công nghệ cao sẽ được tiếp tục triển khai. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm xuất hiện các công nghệ mới được ứng dụng vào mục đích quân sự như trí tuệ nhân tạo, robot hóa, công nghệ hóa sinh làm cho các loại vũ khí mới xuất hiện với tính năng, tác dụng vô cùng nguy hại, khó lường. Với sự xuất hiện và tham gia chiến tranh của nhiều binh chủng, lực lượng mới làm cục diện chiến trường thay đổi, chiến trường không giới hạn, không phân biệt rõ hậu phương, tiền tuyến, thời gian chiến tranh, tiêu thụ nhiều khí tài, vật chất, tổn thất sẽ vô cùng lớn. Những loại vũ khí công nghệ mới có tác động gây hậu quả không hề thua kém các loại vũ khí hạt nhân nhưng chưa có bất cứ giải pháp nào để kiểm soát. Chiến tranh kiểu mới, chiến tranh công nghệ cao cũng làm gia tăng sự chênh lệch về sức mạnh quân sự giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển.

Khi tiến hành chiến tranh xâm lược, các thế lực hiếu chiến sẽ sử dụng, phát huy ưu thế chiến tranh công nghệ cao, vận dụng kinh nghiệm các hình thức chiến tranh “phi quy ước”, kết hợp tấn công quân sự với chính trị, kinh tế, ngoại giao, bao vây, cấm vận; kết hợp tiến công từ bên ngoài với gây rối loạn bên trong; bạo loạn lật đổ kết hợp can thiệp quân sự từ bên ngoài. Tình thế như vậy sẽ tác động rất lớn, mạnh mẽ, nhiều mặt đến quốc phòng, an ninh; từ tư duy, tổ chức lực lượng, vũ khí sử dụng để chống trả, đến nghệ thuật quân sự, phương thức tác chiến. Cần nắm bắt, nghiên cứu toàn diện mới có thể đối phó với chiến tranh kiểu mới này.

Ứng phó với an ninh phi truyền thống cũng là vấn đề cần được đặc biệt quan tâm. An ninh phi truyền thống là một loại hình an ninh xuyên quốc gia do những yếu tố phi chính trị và phi quân sự gây ra, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định,

phát triển và an ninh của mỗi nước, của khu vực và toàn cầu. Đó là những vấn đề đang nổi lên hiện nay như: cạn kiệt tài nguyên, bùng nổ dân số, môi trường sinh thái suy kiệt, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, an ninh công nghệ cao, xung đột tôn giáo, dân tộc, nghèo đói, bệnh tật, tội phạm rửa tiền... Quá trình toàn cầu hóa càng phát triển thì an ninh phi truyền thống càng lan rộng và đậm nét hơn.

Thứ tư, xác định đối tác, đối tượng, đồng minh.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, việc xác định đối tác, đối tượng, đồng minh là vấn đề cơ bản hàng đầu nhưng lại rất khó khăn, nhất là tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến, chuyển hóa phức tạp hiện nay. Câu hỏi đặt ra cần xác định là: Ai là đối tượng trong tác chiến, có thể sẽ đánh ta, ai là đồng minh của ta khi xảy ra tình huống chiến tranh? Nếu xác định sai dẫn đến chuẩn bị sai, đối sách sai, có thể đưa đất nước vào thế bất ngờ, bị động và sẽ bị tổn thất lớn. Thực tiễn xử lý mối quan hệ đối tác, đối tượng thường nảy sinh vấn đề phức tạp. Có chỉ đích danh đối tượng cụ thể hay không? Trong đối tượng, đâu là đối tượng cơ bản, lâu dài, trực tiếp, nguy hiểm nhất. Đó là vấn đề cần biết rõ, nắm chắc, không thể mơ hồ, mất cảnh giác nhưng cũng không để ảnh hưởng đến đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế, quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện.

Thứ năm, vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Biển, đảo là bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, là môi trường đầy tiềm năng bảo đảm cho sự phát triển kinh tế và giao thông quốc tế; có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Lãnh thổ Việt Nam gồm vùng đất liền, vùng trời, vùng biển, thềm lục địa, đảo, quần đảo, bãi đá ngầm thuộc

chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán. Biển Đông của nước ta là khu vực có vị trí chiến lược rất quan trọng về quốc phòng, an ninh và kinh tế; là một trong những tuyến hàng hải huyết mạch và nhộn nhịp nhất thế giới; là khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên, nguồn lợi thủy sản dồi dào, tiềm năng du lịch phong phú. Do có vị trí đặc biệt như vậy, Biển Đông đang trở thành mục tiêu chú ý của nhiều nước lớn, là một trong những điểm nóng nhất trên thế giới hiện nay. Biển Đông nằm trọn trong “chiến lược Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương” của Mỹ và chiến lược “Vành đai và con đường” của Trung Quốc. Các nước khác như Nga, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ... vì các lợi ích, mục tiêu kinh tế, chính trị khác nhau, đã và đang tìm mọi cách can thiệp, tham gia sâu vào địa bàn chiến lược này, khiến tình hình Biển Đông vốn đã phức tạp, càng trở nên phức tạp hơn và không loại trừ khả năng diễn ra xung đột vì những lợi ích khác nhau giữa các nước với nhau và giữa một vài nước với nước ta. An ninh chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông bị đe dọa và đặt ra vấn đề hết sức bức thiết đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của chúng ta.

V. VỀ ĐỐI NGOẠI

1. Về nhận thức

Cương lĩnh năm 1991 đã nêu rõ: “Mục tiêu chính sách đối ngoại là tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.144.

Cương lĩnh năm 2011 đã xác định rõ và cụ thể nhiệm vụ đối ngoại là: “Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Hợp tác bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh”¹.

Như vậy, Cương lĩnh năm 2011 của Đảng đã xác định một cách cơ bản, toàn diện nhiệm vụ đối ngoại từ nguyên tắc, mục tiêu, phương châm và định hướng lớn cũng như những nội dung cụ thể.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr.83-84.

Mười năm qua, nhận thức về đối ngoại có bước phát triển:

(1) Nhận thức về tính chất của thời đại, về thế giới và khu vực ngày càng rõ hơn và đầy đủ hơn, là cơ sở quan trọng để xác định nhiệm vụ đối ngoại

Thứ nhất, nhận thức về thời đại.

Thời đại hiện nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, bắt đầu từ Cách mạng Tháng Mười. Đây là một thời đại lịch sử dài, phải trải qua nhiều thời kỳ, giai đoạn với những tính chất và nội dung các xu hướng, các mâu thuẫn cũng như những vấn đề chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội không giống nhau. Thế giới có nhiều chiều thay đổi nhưng thời đại theo nghĩa rộng không thay đổi. Chính sự nhất quán và nhìn xa, trông rộng như vậy giúp chúng ta xác định rõ hướng đi đúng quy luật phát triển của xã hội loài người. Trên cơ sở kiên định và nhất quán nhận định về thời đại với quá trình lịch sử lâu dài, Đảng ta rất mềm dẻo và thực tế nêu bật tính chất của giai đoạn hiện nay của thời đại, khẳng định tình hình thế giới tuy có những diễn biến phức tạp, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại gặp rất nhiều khó khăn nhưng sẽ đứng vững và phát triển.

Thứ hai, nhận thức về tình hình thế giới.

Nhận thức về tình hình thế giới và khu vực luôn đổi mới và thực tế hơn theo từng thời điểm 5 năm hoặc 10 năm. Tùy từng thời gian, Đảng ta nhấn mạnh những đặc điểm nổi bật của thế giới cũng như khu vực về chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội; về những vấn đề toàn cầu, những xu hướng vận động của thế giới, về sự bùng phát của cuộc cách mạng công nghệ, về toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, về hòa bình, vừa hợp tác, vừa đấu tranh... Tất cả những nhận định nhạy bén và

xác đáng đó là cơ sở khoa học, thực tiễn để Đảng ta xác định nhiệm vụ đối ngoại theo từng mốc thời gian cụ thể.

(2) Về nội dung của nhiệm vụ đối ngoại

Thứ nhất, nhận thức và đi tới xác định ngày càng cụ thể những nội dung của nhiệm vụ đối ngoại. Văn kiện Đại hội XI của Đảng nêu rõ: “Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới”¹.

Thứ hai, quan điểm nhất quán và xuyên suốt của Đảng ta là triển khai thực hiện nhiệm vụ đối ngoại để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đối ngoại để phục vụ đối nội. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy các quan hệ kinh tế, tăng cường hợp tác kinh tế đối ngoại để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ ba, xác định rõ mục tiêu tối thượng và mục tiêu hàng đầu của nhiệm vụ đối ngoại. Nhận thức của Đảng ngày càng rõ hơn và sâu sắc hơn mục tiêu tối thượng khi thực hiện nhiệm vụ đối ngoại là lợi ích quốc gia, dân tộc, mục tiêu phát triển được đặt lên hàng đầu; vai trò của nhiệm vụ đối ngoại với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc được đặc biệt coi trọng. Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định: “Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.236.

nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹.

Thứ tư, đẩy mạnh quan hệ đối ngoại theo cả chiều rộng và chiều sâu. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và đưa các mối quan hệ hợp tác vào chiều sâu, mỗi bước mở rộng quan hệ hợp tác đều nhằm củng cố thực lực trong nước và bảo vệ vững chắc chế độ của nước ta. Vì vậy, Đảng ta xác định một cách cụ thể, xác thực trong nhiệm vụ đối ngoại: “Chú trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng, thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn, đối tác quan trọng. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh. Mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân”².

(3) Về phương châm và định hướng trong quá trình triển khai nhiệm vụ đối ngoại

Thứ nhất, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Từ việc coi “đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại”, đã từng bước chuyển sang định hướng đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ. Từ chủ trương “muốn là bạn” đến “sẵn sàng là bạn”, “là bạn,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.153, 154.

là đối tác tin cậy”, “là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”: Đa dạng hóa, đa phương hóa, đan xen lợi ích với các đối tác giúp cho việc tăng cường độc lập, tự chủ thông qua sự gia tăng tùy thuộc lẫn nhau giữa nước ta và các nước; về mặt kinh tế, giúp ta tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác nhất định. Về chính trị, đa dạng hóa và đa phương hóa giúp ta tránh bị lôi kéo, ép buộc trong quan hệ với các nước khác. Chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và mọi vùng lãnh thổ trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị - xã hội.

Thứ hai, nhận thức mới về “đối tác, đối tượng”. Đảng ta đổi mới nhận thức một cách rõ ràng, chuyển cách nhìn biện chứng và thực tế, chuyển từ tư duy bạn, thù sang tư duy đối tác và đối tượng trên cơ sở lợi ích quốc gia, dân tộc trong từng hoàn cảnh cụ thể; thấy rõ sự đan xen, chuyển hóa giữa đối tượng, đối tác; xác định lấy đối tác làm cơ sở để thiết lập quan hệ quốc tế rộng rãi; đồng thời đấu tranh với đối tượng, với mặt đối tượng. Phương châm “đối tác - đối tượng” thể hiện tư duy mềm dẻo, là cơ sở để xử lý một cách hiệu quả các quan hệ lợi ích đa chiều, chằng chịt và phức tạp hiện nay trên trường quốc tế. Đây cũng là một định hướng quan trọng để nhiệm vụ đối ngoại gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, hợp tác và đấu tranh. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về thời đại và tình hình thế giới, khu vực, Đảng ta xác định phương châm và định hướng cho nhiệm vụ đối ngoại là hợp tác và đấu tranh. Dòng chủ lưu trong giai đoạn hiện nay của thời đại là hòa bình, hợp tác và phát triển. Hợp tác đồng thời phải đi đôi với đấu tranh, cạnh tranh để bảo vệ lợi ích

chính đáng của quốc gia; đồng thời đấu tranh, cạnh tranh để hợp tác, không dẫn tới đối đầu.

Thứ tư, kiên quyết, kiên trì. Đây cũng là một trong những phương châm, định hướng quan trọng mà Đảng ta lần đầu tiên chỉ rõ trong Đại hội XII: "... kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa"¹.

Lịch sử cho thấy, giữa các quốc gia láng giềng thường có những mâu thuẫn, xung đột về lợi ích hoặc tranh chấp lãnh thổ do lịch sử để lại. Giải quyết các vấn đề đó phải có sự nỗ lực và thiện chí của tất cả các bên liên quan bằng nhiều phương án, giải pháp và nhất là không thể ngày một, ngày hai đã có thể ổn thỏa nên nhất định phải kiên quyết, kiên trì. Đây cũng là vấn đề mang tính nguyên tắc đặt ra đối với nhiệm vụ đối ngoại là "giữ vững môi trường hòa bình" và "bảo vệ vững chắc Tổ quốc". Nếu giữ vững được môi trường hòa bình thì chúng ta sẽ thêm bạn, bớt thù, đóng góp trực tiếp vào việc bảo vệ Tổ quốc từ xa và giữ nước từ khi nước chưa lâm nguy.

(4) Về hội nhập quốc tế

Thứ nhất, quan điểm về hội nhập quốc tế.

Hội nhập quốc tế là nội dung rất quan trọng của nhiệm vụ đối ngoại. Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: "Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế"². Đảng ta coi hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.33, 154.

của cả hệ thống chính trị. Hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập các lĩnh vực khác từng bước mở rộng, nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng, thực hiện các chuẩn mực chung bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

Thứ hai, về hình thức và nội dung hội nhập quốc tế.

Nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn các đặc điểm của môi trường quốc tế cũng như các hệ thống công cụ, quyền lực được sử dụng để chi phối, kiểm soát trong quá trình hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế không giới hạn trong một phạm vi và một lĩnh vực nào của đời sống quốc tế mà nó lan tỏa ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Tham gia vào mọi mặt đời sống quan hệ quốc tế là phải tham gia vào các quá trình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Hội nhập quốc tế vừa là đòi hỏi khách quan của thời cuộc nói chung, vừa là nhu cầu nội tại của mỗi nước, trong đó có nước ta.

Thứ ba, giữ vững độc lập tự chủ trong hội nhập.

Trong quá trình hội nhập quốc tế vấn đề bức thiết đặt ra là phải giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước, phải xử lý tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế phải được nhận thức ngày càng rõ. Đây là mối quan hệ cơ bản, đa diện, đa chiều trong khi tình hình thế giới diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, nước ta lại hội nhập ngày càng rộng, càng sâu vào các lĩnh vực của đời sống quốc tế. Việc ký kết và thực hiện hàng loạt những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới càng đòi hỏi việc giải quyết, xử lý mối quan hệ này một cách bài bản, linh hoạt và hiệu quả.

Tuy nhiên, hạn chế rõ nét nhất là việc cụ thể hóa, xác định rõ nội dung, tiêu chí của các định hướng lớn mà các Đại hội Đảng và các nghị quyết Trung ương vạch ra; chưa làm tốt công tác phân tích, dự báo tình hình thế giới, khu vực, sự thăng trầm trong đời sống chính trị, kinh tế quốc tế, sự chuyển dịch quyền lực và các tương tác của các trung tâm quyền lực ảnh hưởng tới nhiệm vụ đối ngoại, từ đó chưa có sự chuẩn bị cho các chủ trương, chính sách để đón nhận những thời cơ và vượt qua những thách thức do tình hình quốc tế tác động.

Trong khi nhận thức rõ và coi vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc là tối thượng nhưng quá trình cụ thể hóa chưa rõ về nội hàm, tầm quan trọng và nhân tố ảnh hưởng tích cực, tiêu cực đến lợi ích quốc gia - dân tộc, từ đó chưa nhận thức rõ những vấn đề đặt ra và cách giải quyết vấn đề này. Việc nghiên cứu mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và bảo vệ, giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia còn hạn chế. Cụ thể hơn như việc chủ động và tích cực hội nhập quốc tế thế nào là vừa, mức độ nông, sâu thế nào cũng chưa xác định được. Nhận thức về đối tượng, đối tác chưa thật sâu sắc.

2. Về thực tiễn

(1) Bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa

Đã mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia; phá vỡ thế bao vây, cấm vận thời kỳ đầu khi thực hiện Cương lĩnh năm 1991; bình thường hóa, thiết lập quan hệ ổn định, lâu dài với các nước; tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, tranh thủ yếu tố thuận lợi của môi trường

quốc tế để phát triển; độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với việc phối hợp triển khai nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, công tác đối ngoại đã tham gia tích cực vào việc giữ vững và xây dựng đường biên giới trên bộ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với các nước láng giềng; kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích của đất nước trên Biển Đông, không để các tranh chấp leo thang thành các xung đột. Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, chúng ta đã đấu tranh kiên quyết trong vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, kịp thời xử lý các khía cạnh đối ngoại phức tạp, góp phần bảo đảm ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

(2) Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu

Đã mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị, tiếp tục từng bước đưa quan hệ với các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, ổn định hơn. Đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 187/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, có quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 10 nước. Về đối ngoại Đảng, đã thiết lập quan hệ với 254 chính đảng ở 114 quốc gia trên toàn thế giới. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp ngày càng tích cực, có trách nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới, phát huy vai trò tích cực trong Cộng đồng ASEAN; đã nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên các diễn đàn đa phương. Việt Nam đã đóng góp vai trò quan trọng trong hợp tác ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Nhật Bản,

ASEAN - Hàn Quốc. Thông qua khuôn khổ hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, Việt Nam đóng vai trò cầu nối giữa các đối tác, đưa hoạt động của khuôn khổ hợp tác này đi vào chiều sâu, thực chất.

(3) Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước láng giềng

Quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam và Lào tiếp tục được củng cố và có những bước phát triển, ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, thiết thực. Quan hệ Việt Nam và Campuchia được củng cố và tăng cường về nhiều mặt. Quan hệ với Trung Quốc có những bước phát triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Trong bối cảnh tình hình Biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, chúng ta đã xử lý thỏa đáng các vấn đề nảy sinh, kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích của đất nước; đồng thời kiên trì giữ vững môi trường hòa bình và ổn định, kiên trì quan hệ hữu nghị với nhân dân Trung Quốc; kiên trì chủ trương giải quyết những bất đồng bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc và Luật Biển năm 1982..., kiên trì tôn trọng thỏa thuận giữa ASEAN và Trung Quốc về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC), nỗ lực cùng các nước liên quan xây dựng Bộ quy tắc ứng xử (COC) có hiệu lực hơn trong việc quản lý tranh chấp và ngăn ngừa xung đột trên Biển Đông. Những chủ trương và giải pháp của Đảng, Nhà nước ta được nhân dân đồng tình và dư luận quốc tế ủng hộ.

(4) Triển khai có hiệu quả những quan hệ cơ bản khác

Chúng ta đã chủ động tham gia vào việc liên kết khu vực Đông Á, thúc đẩy việc hình thành Cộng đồng kinh tế Đông Á, hướng Đông Á trở thành một cộng đồng mới, có quan hệ hài

hòa với các nước và khu vực khác. Tích cực tham gia và đóng góp hiệu quả cho việc hình thành Cộng đồng ASEAN, tạo dựng một hình ảnh Việt Nam là thành viên tích cực trong nhận thức của các nước ASEAN và cộng đồng quốc tế. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Hoa Kỳ, đưa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không ngừng tiến triển; quan hệ kinh tế phát triển nhanh, quan hệ an ninh, quân sự từng bước được thiết lập; hợp tác khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế không ngừng mở rộng. Đưa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga đi vào hoạt động thực chất, hiệu quả, cùng có lợi; củng cố chặt chẽ, hợp tác quốc phòng, an ninh với Nga, đưa Nga trở thành đối tác kinh tế thương mại quan trọng của Việt Nam; phát triển hiệu quả mối quan hệ hợp tác về dầu khí, khoa học kỹ thuật. Thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng với Nhật Bản bằng những hành động cụ thể, chú trọng đặc biệt vai trò của Nhật Bản trong đầu tư và chuyển giao công nghệ cho Việt Nam. Tăng cường hợp tác với Ấn Độ, đưa quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước đi vào chiều sâu, thúc đẩy hợp tác về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa... Thúc đẩy hợp tác với EU, chủ động tham gia hợp tác với EU trong khuôn khổ diễn đàn hợp tác Á - Âu, thực hiện vai trò cầu nối giữa EU với ASEAN, thúc đẩy ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU. Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các định chế đa phương quốc tế như IMF, WB, WTO, Liên hợp quốc và các tổ chức thành viên để nâng cao vị thế quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.

(5) Về hội nhập quốc tế

Chúng ta đã đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược quan trọng với sự

phát triển và an ninh của đất nước, đưa các quan hệ đã xác lập vào thực chất, hiệu quả. Chủ động, tích cực tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến, khai thác hiệu quả các thỏa thuận đã được ký kết, đặc biệt là các khu vực mậu dịch tự do. Việc thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế đã góp phần thiết thực cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu được đẩy mạnh, tăng cường cả về chiều rộng và chiều sâu đã góp phần cải thiện đáng kể tiềm lực trong nước, nâng cao vị thế địa chiến lược của Việt Nam tại khu vực Đông Nam Á, Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương và trên phạm vi toàn cầu. Từ một quốc gia hội nhập sau, Việt Nam đã trở thành một quốc gia tích cực tham gia tiến trình hội nhập quốc tế, chủ động đề xuất sáng kiến, thúc đẩy các liên kết. Việt Nam cũng chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng vào trật tự kinh tế, chính trị toàn cầu, trở thành thành viên có trách nhiệm và uy tín trong cộng đồng quốc tế.

Hội nhập quốc tế là một trong những lĩnh vực của công tác đối ngoại được thực hiện tương đối nhanh, sâu rộng và thực chất. Thành công của hội nhập kinh tế tạo nền tảng để hội nhập chính trị. Đến lượt mình, kết quả của hội nhập chính trị sẽ thúc đẩy hội nhập kinh tế và hội nhập các lĩnh vực khác. Hội nhập trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh là một trong những nhiệm vụ quan trọng vừa để phục vụ và hỗ trợ cho các chính sách hội nhập toàn diện của Đảng và

Nhà nước ta, vừa để phục vụ cho sự phát triển của các ngành liên quan trong bối cảnh môi trường an ninh - quốc phòng trên thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp. Việt Nam đã từng bước tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế về an ninh - quân sự trong khu vực và trên toàn cầu.

Hội nhập trên lĩnh vực văn hóa - xã hội của nước ta với cộng đồng thế giới đã được đẩy mạnh, đa dạng về hình thức, phương thức, đối tác, đi vào chiều sâu thực chất và có chuyển biến về chất lượng, thu hút bạn bè quốc tế đối với Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Điều đó đưa tới việc hình thành nhiều dự án, nhiều công trình văn hóa ngay tại Việt Nam với quy mô ngày càng được mở rộng, tạo điều kiện để nhân dân ta có cơ hội tiếp cận và thưởng thức những giá trị văn hóa tiêu biểu của thế giới, từ đó thúc đẩy tiềm năng sáng tạo của nhân dân và khuyến khích giao lưu với cộng đồng quốc tế.

Thành công của hội nhập quốc tế trong những năm qua, nhất là trong 10 năm qua đã tạo ra những cơ hội, những tiền đề để chúng ta giữ vững độc lập, tự chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Hội nhập quốc tế đã trở thành một trong những động lực quan trọng để chúng ta phát triển đất nước, tăng cường nguồn lực cho phát triển, củng cố độc lập, tự chủ.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, chúng ta còn có một số hạn chế, bất cập. Đó là chưa khai thác và phát huy hiệu quả quan hệ lợi ích đan xen, ổn định với các đối tác quan trọng. Việc xử lý mối quan hệ đối tác, đối tượng còn gặp nhiều trở ngại và khó khăn vì liên quan đến quan hệ quốc tế, lợi ích tổng thể của quốc gia, dân tộc; trong một số trường hợp giải quyết chưa thật tốt. Chưa có giải pháp đồng bộ, hiệu quả để hạn chế tác động tiêu cực trong quá trình mở

rộng quan hệ quốc tế. Có lúc, có nơi còn lúng túng, bị động trước những hành động của một số nước lớn. Công tác thông tin đối ngoại còn hạn chế, dự báo và xử lý một số vấn đề, diễn biến trên thế giới, trong khu vực còn chậm, thiếu chủ động, hiệu quả chưa cao. Việc triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết về đối ngoại và thực hiện các thỏa thuận quốc tế chưa thật hiệu quả, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của đất nước trong thực hiện nhiệm vụ đối ngoại.

Hội nhập quốc tế đã được triển khai mạnh mẽ nhưng chưa thực sự gắn kết giữa các lĩnh vực, đồng thời cũng chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu nâng cao hiệu quả phát triển bền vững, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; chưa được tiến hành đồng bộ với quá trình gia tăng liên kết giữa các vùng, miền trong cả nước; cơ chế chỉ đạo, điều hành, giám sát và phối hợp quá trình hội nhập quốc tế giữa Trung ương và địa phương, giữa các bộ, ban, ngành còn nhiều bất cập.

3. Những vấn đề đặt ra

Hiện nay và trong thời gian tới, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, tác động nhiều mặt đến môi trường đối ngoại của Việt Nam, đặt ra một số vấn đề hệ trọng cần được nhận biết đầy đủ và giải quyết tốt.

(1) Việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc gặp nhiều trở ngại hơn do sự phức tạp của các lợi ích đan xen trong cộng đồng quốc tế

Lợi ích quốc gia - dân tộc bao gồm rất nhiều yếu tố: Lợi ích chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, hòa bình hợp tác, phát triển là xu thế chung, các quốc gia lớn hay nhỏ, mạnh hay

yếu, có chế độ chính trị - xã hội khác nhau đều chấp nhận cùng chung sống. Sự phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia ngày càng tăng lên, tất cả các nước đều chịu ràng buộc bởi luật chơi chung, mỗi quốc gia không còn là một cá thể riêng biệt mà phải gắn bó với nhau trong các mối quan hệ, liên kết, hợp tác và cả cạnh tranh, xung đột do sự đan xen cùng chiều và khác biệt về lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong quan hệ phức tạp đó, quyết định và hành động của một quốc gia này, dù chỉ mang tính chất nội bộ, có khi cũng tạo ra các hậu quả trực tiếp và gián tiếp đến lợi ích của các quốc gia khác. Việc quốc gia nào đó kiên quyết theo đuổi lợi ích vị kỷ của mình sẽ dẫn tới căng thẳng, đối đầu.

Trong các quan hệ đối ngoại hiện nay, có những quốc gia rất đồng thuận, cùng chiều với nhau trong mục tiêu và lợi ích chính trị, nhưng lại có mâu thuẫn trong lợi ích kinh tế hoặc va chạm về biên giới, lãnh thổ. Ngược lại, có nhiều trường hợp hợp tác với nhau rất chặt chẽ, sâu rộng về kinh tế, khoa học kỹ thuật nhưng lại có những xung đột về ý thức chính trị hoặc về văn hóa. Cả lý luận và thực tiễn cho thấy đây là vấn đề đang đặt ra đối với nhiều nước, trong đó có nước ta không phải là ngoại lệ.

(2) Vấn đề cân bằng quan hệ và “chọn bên” trong quan hệ với các nước lớn

Đây là vấn đề rất phức tạp, tế nhị, là thách thức lớn nhất đối với nước ta trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại. Cạnh tranh và cọ sát chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là Mỹ - Trung sẽ rất gay gắt, liên tục về mức độ và toàn diện trên các lĩnh vực. Trong sự cạnh tranh quyết liệt đó, chạy đua vũ trang trong tâm khu vực và cả trên toàn thế giới đang được đẩy lên, Chiến tranh lạnh kiểu mới như đang lấp ló

xuất hiện. Điều này khiến cho bài toán cân bằng của Việt Nam với các nước lớn sẽ khó khăn hơn, nguy cơ rơi vào thế mắc kẹt trong cạnh tranh chiến lược cao hơn trước, việc khai thác hiệu quả giá trị địa chiến lược để phục vụ lợi ích quốc gia - dân tộc sẽ gặp nhiều khó khăn. Việc “chọn bên” trong những tình huống nhất định từ tranh chấp Mỹ - Trung cũng là vấn đề lớn và khó. Cách hành xử của Việt Nam nếu không thận trọng sẽ gây hiểu lầm chiến lược, ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại và lợi ích căn cốt của chúng ta.

(3) Nhiều khó khăn, vướng mắc khi đẩy mạnh quan hệ quốc tế sâu rộng nhưng phải bảo đảm độc lập tự chủ và bảo vệ chế độ của chúng ta

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu bất di, bất dịch được xác định trong nhiệm vụ đối ngoại. Hiện nay về cơ bản Việt Nam đã tham gia đầy đủ các tầng nấc trong quan hệ quốc tế, đã triển khai mạnh mẽ liên kết với các đối tác song phương, đa phương, khu vực và toàn cầu trong các lĩnh vực kinh tế và nhiều phương diện đời sống xã hội. Để thực hiện các cam kết theo thông lệ quốc tế, chúng ta phải chấp nhận những giới hạn nhất định trong việc tự chủ về chính sách đối nội và đối ngoại, nhiều khi phải điều chỉnh luật, chính sách cho phù hợp. Việc tham gia vào các tổ chức quốc tế và khu vực cũng như triển khai các hiệp định hợp tác, các cam kết quốc tế đem lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phát triển vị thế quốc gia, nhưng cũng đưa tới sự ràng buộc trong cách ứng xử của ta. Vấn đề thu hút đầu tư nước ngoài cũng có nhiều vấn đề đáng báo động. Đó là, có nhiều dự án đầu tư với công nghệ lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, chậm trễ, lừa đảo, làm thoái hóa một bộ phận cán bộ. Đã vậy, nhiều khi đầu tư từ

bên ngoài lại bóp nghẹt các doanh nghiệp trong nước, gặp hiện tượng ta thua ngay trên sân nhà. Có thể thấy các mặt trái tác động từ bên ngoài đi liền với nhịp độ tăng cường quan hệ sâu rộng có thể làm tăng nguy cơ các thế lực thù địch lợi dụng tình hình đó để tác động vào nước ta, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

(4) Việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ của Việt Nam đang gặp những xu hướng bất lợi nổi lên như chủ nghĩa bảo hộ, sự suy giảm chủ nghĩa đa phương và làm chậm tiến trình toàn cầu hóa

Đối với các nước đang phát triển như nước ta hiện nay, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã phát triển và chủ nghĩa đa phương với hệ thống các luật pháp quốc tế được hình thành là nền tảng quan trọng để mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập, phát triển và tránh được sự lôi kéo, ràng buộc của các nước lớn. Tuy nhiên, hiện nay trên thế giới đang xuất hiện một số biểu hiện bất lợi mới như chủ nghĩa dân túy, bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chính trị cường quyền, chiến lược của một số nước lớn được điều chỉnh, làm thay đổi trật tự thế giới, âm mưu xâm phạm chủ quyền biên giới, biển, đảo... đang nổi lên ngày càng mạnh. Tất cả những vấn đề trên đặt ra đối với nước ta một cách trực tiếp và nổi cộm.

(5) Yêu cầu nâng tầm nội lực để tiếp thu và tận dụng nguồn lực đang ngày càng tăng lên trong khi khả năng của chúng ta còn hạn chế

Nội lực là vấn đề quan trọng hàng đầu, quyết định chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đối ngoại. Để phát triển nội lực, nâng cao vị thế của đất nước và năng lực triển

khai công tác đối ngoại, vấn đề mới đặt ra là tận dụng hiệu quả các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA có nhiều nội dung và yêu cầu chưa hề có trong tiền lệ, đòi hỏi chúng ta phải có sự chuẩn bị hết sức tích cực trong nội bộ, từ các ngành, các cấp ở Trung ương đến các địa phương, đơn vị, các doanh nghiệp. Chỉ có sự chuẩn bị thật thấu đáo mới có thể tận dụng tối đa lợi ích từ những FTA này, giảm thiểu những mặt trái, nâng cao năng lực hội nhập của đất nước.

Những biểu hiện khác đang gia tăng mạnh mẽ trên thế giới như cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo, phát triển không gian mạng, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang làm xuất hiện những thời cơ mới và thách thức mới đối với mọi nước nói chung và nước ta nói riêng. Do đó, cần nhận thức đúng tình hình để tập hợp lực lượng, nâng tầm năng lực tổng thể của đất nước mới có thể tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, làm tròn nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới.

Chương IV

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

I. PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Về nhận thức

Khi ban hành Cương lĩnh năm 1991, do bối cảnh và điều kiện lúc đó, nhận thức của Đảng về dân chủ còn ở mức độ chung, thể hiện qua các điểm sau: Về làm chủ xã hội, Cương lĩnh giới hạn trong “nhân dân lao động”. Khẳng định toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân; dân chủ gắn liền với công bằng xã hội, được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Khẳng định dân chủ trực tiếp và diễn đạt về dân chủ đại diện là “thực hiện thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra”. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Nhà nước là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân quản lý xã hội. Xác định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng

và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đến Cương lĩnh năm 2011 và các văn kiện của Đại hội XI dựa trên tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, nhận thức về dân chủ được thể hiện đầy đủ hơn, trong hệ thống những quan điểm lý luận về dân chủ, vừa có tính nguyên tắc chung, vừa có tính thực tiễn ở tầm chủ trương, chính sách cụ thể trong các điểm chính như sau:

Một là, dân chủ được xác định là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội.

Cương lĩnh năm 2011 xác định: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực”¹. Phát huy dân chủ là một trong 8 phương hướng cơ bản xây dựng đất nước. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, vấn đề dân chủ được xác định rõ trong các nhiệm vụ “xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất”; “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”.

Hai là, nền dân chủ mà chúng ta xây dựng, phát triển và hoàn thiện là một tổng thể bao gồm các quyền, các thể chế và cơ chế chính trị được bảo đảm về mặt pháp lý.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.84-85.

Cương lĩnh năm 2011 ghi rõ: “Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”¹.

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. “Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân”.

Ba là, với tư cách là các thể chế và cơ chế chính trị, dân chủ được thể hiện trong hoạt động của hệ thống chính trị, trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện”². Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 được thông qua tại Đại hội XI đã xác định: “Nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước”³.

Bốn là, dân chủ xã hội chủ nghĩa luôn gắn liền với vấn đề tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền.

Cương lĩnh năm 2011 và các văn kiện của Đại hội XI đều đề cập tới Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với bản chất và nguyên tắc tổ chức là một nhà nước dân chủ: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.85, 85, 100.

thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”¹.

Năm là, khẳng định vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phân biệt rõ hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc và vai trò của các đoàn thể nhân dân.

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước... Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội*”². Cương lĩnh xác định chỉ có Mặt trận Tổ quốc là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, thay vì coi cả Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đều là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.85, 86-87.

Sáu là, về dân chủ và văn hóa, Cương lĩnh năm 2011 đặt vấn đề dân chủ phải trở thành văn hóa, văn minh của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “*Xây dựng nên văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ... Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh...*”¹.

Bảy là, khẳng định vai trò của Đảng và dân chủ trong Đảng với phát huy dân chủ.

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định quan điểm: Đảng lãnh đạo thực hiện dân chủ, bảo đảm dân chủ trong sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và gương mẫu thực hành dân chủ. “Trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền và có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước”². Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã cụ thể hóa quan điểm của Cương lĩnh, xác định các nhiệm vụ: “Hoàn thiện nội dung và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, gắn quyền hạn với trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng lãnh đạo của các cấp ủy đảng; tăng cường dân chủ trong Đảng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân là nội dung quan trọng của đổi mới chính trị phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới kinh tế. Coi trọng mở rộng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.75-76, 144.

dân chủ trực tiếp trong xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền, khắc phục tình trạng Đảng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc bao biện làm thay chức năng, nhiệm vụ quản lý điều hành của chính quyền”¹. Đối với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, Cương lĩnh khẳng định: “Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội”².

Đại hội XII đã có những bước phát triển mới về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hành quyền làm chủ của nhân dân.

Một là, nhấn mạnh yêu cầu cần thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ.

Nghị quyết Đại hội XII khẳng định: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến... Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện”³.

Hai là, nhấn mạnh hơn việc coi trọng thực hiện quyền con người, quyền công dân và đạo đức xã hội.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.144-145, 87.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.169.

Đại hội XII xác định: “Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân”¹.

Ba là, xác định chủ trương thực hiện dân chủ trong Đảng, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đại hội XII khẳng định: “Để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân...”²; “... thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội”³.

Để thực hiện dân chủ một cách toàn diện, Nghị quyết đã xác định khi xây dựng các quyết sách cần “bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân”⁴.

Bốn là, nhấn mạnh nhiệm vụ cần thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đại hội XII nhấn mạnh: “Đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.169, 169, 170, 169.

về việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các quy định, quy chế khác”¹.

Những bước phát triển mới trong nhận thức và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa trong 10 năm qua đã mang lại những xu hướng mới, tích cực trong phát huy dân chủ trong Đảng và xã hội, đồng thời cũng đặt ra một số vấn đề cần giải quyết để thực hiện có hiệu quả những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng về lĩnh vực này trong thời gian tới.

Tuy nhiên, nhận thức về dân chủ còn những hạn chế, bất cập.

Một là, nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn nhiều hạn chế.

Nhận thức chung về dân chủ xã hội chủ nghĩa theo nghĩa đầy đủ của nó trong xã hội còn chưa thực sự rõ ràng và chưa có sự thống nhất. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, dân chủ và pháp luật còn tồn tại ở không ít người. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và Nhà nước vẫn còn bị hiểu sai lệch, biến thành tập trung quan liêu hoặc dân chủ vô tổ chức...

Hai là, nghiên cứu lý luận và lý giải về bản chất của dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ và hệ thống.

Chưa lý giải và làm sáng tỏ nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra; chưa đạt được kết quả có tính đột phá cho quá trình đổi mới, xây dựng và phát triển dân chủ. Trên thực tế còn có

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.170.

những nhận thức phiến diện, không đầy đủ, không đúng về dân chủ, chưa coi dân chủ là những giá trị to lớn; chưa nhận thức rõ và đầy đủ về dân chủ với những giá trị và lợi ích cơ bản về quyền con người, quyền công dân được thể chế hóa bằng thể chế và các thiết chế nhà nước và xã hội, gắn liền với trình độ phát triển của xã hội. Chưa thấy rõ đó là những giá trị và lợi ích được tạo lập trên thực tế bởi mối quan hệ bình đẳng và cộng đồng trách nhiệm giữa Nhà nước và công dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ba là, chưa có nhận thức đúng và thực hiện tốt dân chủ nội bộ trong Đảng cầm quyền - hạt nhân của việc thực hiện dân chủ ngoài xã hội.

Dân chủ trong xã hội phụ thuộc nhiều vào dân chủ trong Đảng, cụ thể, trực tiếp là tổ chức đảng ở cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương. Tuy nhiên, dân chủ trong Đảng còn nhiều hạn chế. Về thực chất, chưa có các giải pháp phù hợp để huy động nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Quy định số 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú đã mang tính hình thức từ lâu, nhưng không được chú ý bổ sung, sửa đổi. Trong điều kiện bùng nổ các phương tiện thông tin, trình độ chính trị, nhận thức của cán bộ, đảng viên, mặt bằng dân trí ngày càng cao, việc phát huy dân chủ trong Đảng gắn với sự tham gia xây dựng Đảng của nhân dân có vai trò rất quan trọng, nhưng tiếc là không được quan tâm đúng mức, không nâng cao được tính thiết thực, hiệu quả, ảnh hưởng đến công tác xây dựng Đảng và phát huy dân chủ trong xã hội.

2. Về thực tiễn

(1) Thực hành dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định các quan điểm về dân chủ xã hội chủ nghĩa của Đảng.

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước” (Điều 6). “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 69). “Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín” (Điều 7). Nội dung quy định hình thức dân chủ đại diện thông qua Quốc hội trong Hiến pháp đã bảo đảm về quyền dân chủ đại diện của mỗi người dân, thông qua tự do bầu cử, lựa chọn những người có đủ đức, đủ tài, xứng đáng làm đại diện cho ý chí của mình.

Về dân chủ đại diện ở các cấp, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên” (Điều 113). Hội đồng nhân dân thực hiện hai loại chức năng là “quyết định” và “giám sát”: “quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân”.

Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện nhiều đổi mới trong nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội,

Hội đồng nhân dân, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng và quyền lực nhà nước cao nhất của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các địa phương. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay công việc của Quốc hội, Hội đồng nhân dân; đã xây dựng các quy trình đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong việc thông qua các quyết định quan trọng của đất nước và quyền quyết định của Quốc hội...; đã quan tâm nâng cao chất lượng các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, gắn trách nhiệm phục vụ, tận tụy và giữ mối liên hệ chặt chẽ với cử tri.

Có bước đổi mới trong thực hiện dân chủ đại diện qua đổi mới các quy định về bầu cử. Việc tổ chức bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp từng bước được đổi mới, đem lại kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc phát huy dân chủ, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các quy định pháp luật về quyền bầu cử, ứng cử của công dân, các nguyên tắc bầu cử, số lượng cử tri tham gia bầu cử và tỷ lệ số phiếu trúng cử của các đại biểu thể hiện chế độ bầu cử ở Việt Nam là chế độ bầu cử dân chủ.

Thực hiện dân chủ trực tiếp qua bãi nhiệm đại biểu dân cử. Thực hiện Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, đã có đại biểu Quốc hội không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân bị cử tri bãi nhiệm. Việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 cũng đã được thực hiện ở một số nơi. Trong nhiệm kỳ khóa XIV của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội đã thực hiện quy trình miễn nhiệm đại biểu Quốc hội không còn đủ tín nhiệm theo quy định của pháp luật.

Đã thông qua Luật trưng cầu ý dân, một hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp điển hình. Triển khai thực hiện

Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, Quốc hội đã thông qua Luật Trưng cầu ý dân số 96/2015/QH13, có hiệu lực từ ngày 01/07/2016, trong đó quy định rõ những vấn đề quan trọng của đất nước cần được đưa ra trưng cầu ý dân. Dù chưa tổ chức được cuộc trưng cầu ý dân nào, việc ban hành Luật Trưng cầu ý dân là bước thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 và tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Đẩy mạnh thực hiện dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Đó là sự tiếp tục thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; hoàn thiện hơn cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm thực hiện dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Nhiều nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp được cụ thể hóa, như “chủ trương và mức đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật” (Điều 10).

(2) Thực hiện dân chủ trong các lĩnh vực chủ yếu

- Dân chủ trong kinh tế

Đường lối xây dựng và phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* đã mở ra khoảng không rộng lớn cho việc thực hành và phát huy dân chủ trong kinh tế. Các chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đa dạng hóa hình thức sở hữu, phát triển nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh hoạt động theo pháp luật, bình đẳng trước pháp luật... đã đặt

đúng vị trí làm chủ của người sản xuất, kinh doanh trong hoạt động kinh tế.

Thể chế hóa chủ trương đó, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp mới, xây dựng mới hoặc sửa đổi nhiều đạo luật về kinh tế để tạo hành lang pháp lý cho sự vận hành của nền kinh tế và cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, như Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Hợp tác xã, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Phá sản... Nhờ đó người dân đã có quyền được tự do kinh doanh, quyền làm chủ trong lao động sản xuất, quyền sở hữu tài sản, quyền được làm những gì mà pháp luật không cấm.

Người dân cũng có quyền tham gia xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước; tham gia quản lý và giám sát các hoạt động kinh tế của bộ máy nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã. Người lao động có quyền được hưởng thụ một cách bình đẳng những thành quả kinh tế của đất nước. Tinh thần dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động kinh tế ngày càng thể hiện rõ. Tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh của người dân ngày càng được phát huy, cùng với Nhà nước giải quyết các vấn đề về công ăn việc làm, đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, nâng cao chất lượng cuộc sống, xóa đói, giảm nghèo.

- Dân chủ trong chính trị

Dân chủ trong chính trị có bước tiến nổi bật trong đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết Trung ương 6 (Nghị quyết số 18-NQ/TW) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả với những

nội dung và giải pháp thực hiện rất mạnh mẽ. Đã tiến hành đổi mới, chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, tập trung vào phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Bí thư, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương... Dân chủ trong Đảng ngày một nâng cao.

Trong Đảng, đã thực hiện bầu cử có số dư; ban hành Quy chế chất vấn trong Đảng; quy chế hóa hoạt động của cơ quan lãnh đạo các cấp, góp phần đưa sự lãnh đạo của Đảng ngày càng vào nền nếp, dân chủ tốt hơn. Sự tham gia của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên vào việc hoạch định, triển khai đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng ngày càng rộng rãi và có hiệu quả. Sinh hoạt dân chủ trong nội bộ Đảng có bước tiến rõ rệt. Những bước tiến đó đã có tác động mạnh mẽ đến việc phát huy dân chủ trong xã hội.

Đã tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, đã có nhiều sửa đổi, bổ sung mới liên quan đến quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân. Đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thành phần kinh tế; quyền công dân và quyền con người... Hoạt động của Quốc hội ngày càng dân chủ với việc đổi mới và tăng cường hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại các phiên họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các

Ủy ban của Quốc hội. Đã tổ chức lấy phiếu tín nhiệm các chức danh do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn; cải tiến việc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân, bầu cử có số dư; tăng cường sự đóng góp ý kiến của nhân dân vào các dự án luật, các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hoạt động của Chính phủ ngày càng đảm bảo và phát huy tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân, khi nhấn mạnh thêm vai trò “phục vụ” của Chính phủ và chính quyền nhân dân các cấp. Chương trình cải cách tư pháp đạt một số kết quả bước đầu. Các ngành tòa án, kiểm sát cũng có nhiều đổi mới theo hướng phát huy dân chủ của công dân, tăng cường vai trò của luật sư và tranh tụng tại tòa án để hạn chế bớt các án oan, sai. Đã cải cách một bước nền hành chính quốc gia trên cả bốn phương diện: thể chế hành chính, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và tài chính công để giảm bớt phiền hà cho người dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh, đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng và cụ thể hóa các chức năng của tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp. Hàng loạt các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ra đời đã đáp ứng nhu cầu đa dạng, phong phú của nhân dân về tập hợp quần chúng theo giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, học vấn, quê hương, tâm linh... Việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây

dựng Đảng, xây dựng chính quyền đã phát huy vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

- Dân chủ trong văn hóa - xã hội

Nhà nước bảo đảm cho nhân dân các quyền cơ bản như quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do sáng tạo, quyền đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; quyền thảo luận và biểu quyết những vấn đề quan trọng trong xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Nhân dân có quyền thảo luận và giám sát các dự án về an sinh xã hội, về xóa đói, giảm nghèo, về hỗ trợ do thiên tai... Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII khẳng định sự tồn tại và vai trò của mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội không chỉ là bước tiến trong nhận thức mà còn là điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ trong xã hội.

Để tạo hành lang pháp lý cho phát huy dân chủ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, Nhà nước đã ban hành, sửa chữa, bổ sung các luật, như Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng... Nhờ đó đã phát huy được quyền làm chủ của nhân dân trong sinh hoạt văn hóa tinh thần, trong hoạt động xã hội, tạo điều kiện cho nhân dân được hưởng thụ những thành quả của văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Trong hoạt động lý luận khoa học, môi trường dân chủ có bước tiến, tạo điều kiện cho các nhà khoa học tự do tư tưởng, tranh luận, thảo luận, phát huy tính sáng tạo của mình, phản biện, đóng góp vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vào các chương trình, dự án kinh tế - xã hội của Trung ương và địa phương.

Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện dân chủ còn những hạn chế, khuyết điểm.

Một là, về thực hiện dân chủ đại diện: Việc bảo đảm quyền của cử tri trong việc bầu cử chưa thực chất. Hệ quả tất yếu là chưa thực sự phát huy được tinh thần, trách nhiệm của cử tri trong việc thực hiện nghĩa vụ công dân trong bầu cử. Sự quan tâm của một bộ phận dân chúng đối với các hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân chưa cao, có người coi việc đi bầu cử chỉ như là một “nghĩa vụ” chính trị, làm cho xong chứ chưa quan tâm tới việc tìm hiểu đầy đủ về các ứng cử viên mà họ sẽ bầu, cũng như chưa quan tâm đến kết quả bầu cử.

Theo các quy định hiện hành, khả năng quyết định của cử tri thông qua bầu cử không lớn. Số lượng các ứng cử viên được giới thiệu để bầu vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân còn ít so với số đại biểu cần lựa chọn, nên khả năng để cử tri lựa chọn là không nhiều. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử, “một người, một phiếu, một giá trị” trên thực tế chưa thực sự hợp lý, dẫn đến quyền được đại diện của cử tri các tỉnh, thành phố (tương tự như vậy là các địa phương) không bình đẳng trong bầu cử¹. Còn tình trạng bầu hộ, bầu

1. Trong đợt bầu cử Quốc hội năm 2016, Thành phố Hồ Chí Minh có 6.105.800 người, được bầu 26 đại biểu (234.838 dân/đại biểu); Thanh Hóa có 3.680.400 người, được bầu 17 đại biểu (216.494 dân/đại biểu). Trong khi đó, Lai Châu có 319.900 người bầu 6 đại biểu (53.317 dân/đại biểu); Bắc Kạn 301.500 người bầu 6 đại biểu (50.250 dân/đại biểu). Như vậy, tỷ lệ đại diện của Bắc Kạn cao gấp gần 2,5 lần so với Thành phố Hồ Chí Minh, điều đó có nghĩa là giá trị một phiếu bầu của cử tri ở Bắc Kạn tham gia bầu cử Quốc hội cao gấp 2,5 lần so với giá trị phiếu bầu của cử tri ở Thành phố Hồ Chí Minh.

thay khiến cho kết quả bầu cử không phản ánh đúng nguyện vọng cũng như thực chất trình độ, năng lực, bản lĩnh của các ứng cử viên, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Quyền của cử tri trong giới thiệu, đưa ra ý kiến về người ứng cử còn hạn chế. Với cơ chế hiệp thương, giới thiệu đại biểu như hiện nay, người dân không có quyền được giới thiệu thêm đại biểu, pháp luật cũng không có cơ chế để người dân giới thiệu thêm người ứng cử... Cử tri nơi bầu ra đại biểu không có quyền đề nghị bãi nhiệm đại biểu Quốc hội. Các quy định của Hiến pháp và pháp luật hiện hành về việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chưa được quy định đầy đủ. Điều đó cũng có nghĩa là nhân dân (cử tri) “mất đi quyền lực trực tiếp” đề nghị bãi nhiệm đại biểu Quốc hội.

Hai là, về thực hiện dân chủ trực tiếp: Quốc hội đã thông qua Luật Trưng cầu ý dân năm 2015. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Nhà nước ta chưa tiến hành cuộc trưng cầu ý dân nào, nên các quy định của Hiến pháp về vấn đề này chưa được thực hiện trong thực tế.

Trong thực hiện dân chủ trực tiếp ở cơ sở, chưa có quy định cụ thể về chủ thể có thẩm quyền đề xuất những nội dung đưa ra nhân dân bàn và quyết định trực tiếp. Vì vậy, chưa phát huy được vai trò của người dân và các chủ thể khác trong việc đề xuất những nội dung đưa ra nhân dân bàn và quyết định trực tiếp. Tương tự như vậy, chưa có quy định cụ thể về chủ thể có quyền đề xuất việc bãi nhiệm tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn. Việc bãi nhiệm tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn chưa được công khai rộng rãi trong nhân dân.

Ở một số địa phương, quyền làm chủ của nhân dân trên một số lĩnh vực còn bị vi phạm. Việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức. Dân chủ quá trốn, dân chủ cực đoan cùng sự độc đoán, chuyên quyền vẫn diễn ra ở một số nơi, một số lĩnh vực. Mặt khác, chưa làm rõ trách nhiệm và hình thức xử lý đối với các hành động làm trái quy định của Pháp lệnh, không thực hiện, trốn tránh việc thực hiện các nội dung để nhân dân bàn, quyết định hoặc lấy ý kiến... Chưa có chế tài xử phạt, đặc biệt đối với người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm thực hiện Pháp lệnh này trong các cơ quan chính quyền có liên quan.

Dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức. Tình trạng thiếu dân chủ trong Đảng thường đi đôi với việc lãnh đạo, quản lý độc đoán, chuyên quyền, thậm chí gia trưởng. Ngược lại, có tình trạng dân chủ không đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít; chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước không nghiêm. Còn nhiều vi phạm trong việc thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và tổ chức đảng, chính quyền quy định chưa rõ ràng, thực hiện chưa nghiêm dẫn đến tình trạng “tranh công đổ lỗi”, thành tích thì cá nhân nhận về mình, khuyết điểm thì đổ cho tập thể...

3. Những vấn đề đặt ra

(1) Những vấn đề đặt ra trong nhận thức và nghiên cứu lý luận

- Trong điều kiện một Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền, không đa nguyên chính trị đa đảng đối lập, cần làm rõ về lý luận và thực tiễn cơ chế tối ưu để phát huy được dân

chủ thực sự đối với nhân dân, giữ vững được sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên không rơi vào tình trạng suy thoái, biến chất, xa rời quần chúng; cũng như tạo được sự giám sát, phản biện từ phía xã hội đối với hoạt động của các tổ chức đảng, chính quyền nhà nước; sự tham gia góp ý về xây dựng Đảng của nhân dân.

- Để có dân chủ rộng rãi trong Đảng, điều cốt yếu là nhận thức đúng đắn và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời thực hiện và phát huy các quyền của mọi đảng viên được quyền bàn bạc, thảo luận và quyết định mọi công việc của Đảng. Đảng phải khuyến khích thảo luận, tranh luận với những ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau để đi đến thống nhất về quan điểm...

- Để phát huy dân chủ trong sự lãnh đạo của Đảng với Nhà nước và xã hội đòi hỏi sự lãnh đạo phải được thực hiện bằng phương pháp dân chủ và trên cơ sở dân chủ. Từ đó xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng, từng thành tố trong hệ thống chính trị, xây dựng quy chế phối hợp hoạt động cũng như trách nhiệm thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, các biện pháp chế tài cần thiết... để hoạt động của cả hệ thống đi vào nền nếp. Xác định rõ chức năng để xây dựng một cách hợp lý các tổ chức đảng trong các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị kinh tế, xã hội... Nghiên cứu để cụ thể hóa mối quan hệ đã được xác định: Nhà nước - thị trường - xã hội.

- Để xây dựng và đẩy mạnh hoạt động của các mô hình tự quản trong các cộng đồng dân cư ở cơ sở (thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố), hoạt động trên cơ sở hương ước, quy ước,

không trái pháp luật; coi trọng vai trò của già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong cộng đồng. Nghiên cứu để phát huy vai trò của thiết chế xã hội dân sự định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng xã hội thực sự dân chủ, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường và bổ khuyết những giới hạn của nhà nước trong quản lý xã hội. Cần dựa trên cơ sở khoa học, có sức thuyết phục để khắc phục nhận thức sai lệch về vấn đề “xã hội dân sự” và phê phán làm rõ bản chất phản động của các âm mưu lợi dụng vấn đề xã hội dân sự chống phá chế độ ta của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị ở trong và ngoài nước. Nghiên cứu vấn đề xã hội dân sự hiện nay là để tạo sự thống nhất về nhận thức trong nội bộ, phản bác lại quan điểm sai trái, thù địch và để vận dụng những yếu tố hợp lý để phát huy dân chủ trong xã hội.

(2) Những vấn đề đặt ra trong tổ chức thực hiện

- Về dân chủ đại diện:

Về bầu cử, là hoàn thiện các quy định của pháp luật, bảo đảm thực hiện quyền bầu cử, ứng cử, bãi nhiệm đại biểu dân chủ thực sự dân chủ theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Cần tiếp tục đổi mới, cụ thể hóa một số quy định trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân liên quan đến việc thực hiện quyền bầu cử của cử tri; tăng cường cơ hội để cử tri lựa chọn, có quyền quyết định thực chất đến khả năng trúng cử của các ứng cử viên, thông qua việc nâng số lượng người ứng cử ở các đơn vị bầu cử, không chỉ giới hạn một số lượng hạn chế như hiện nay. Quy định lại việc phân bổ số lượng đại biểu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng giảm số lượng đại biểu do Trung ương cử về, tăng số lượng đại biểu được bầu

dựa trên dân số của các tỉnh, thành phố. Quy định chế tài đối với việc bầu hộ, bầu thay trong các cuộc bầu cử, như xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền hoặc lao động công ích... như một số nước đã làm¹.

Về bãi miễn đại biểu dân cử là việc tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 về việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Cần sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về trình tự, thể thức tiến hành bãi nhiệm đại biểu dân cử trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu dân cử do “không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”...

Về lấy phiếu tín nhiệm, là đổi mới nội dung và phương thức lấy phiếu tín nhiệm, đảm bảo sự hợp lý, để nhận được sự đồng thuận cao hơn trong xã hội. Có thể cho thí điểm hình thức tổ chức hội nghị toàn thể cử tri lấy phiếu tín nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cùng với việc lấy phiếu tín nhiệm trong Quốc hội, trong Hội đồng nhân dân, để làm cơ sở xem xét trách nhiệm của một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong bộ máy nhà nước ở cơ sở và ở chính quyền một số loại hình đô thị, nơi đòi hỏi phát huy tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân của những cán bộ này. Công khai kết quả lấy phiếu tín nhiệm các đồng chí cán bộ cao cấp của Đảng trong nội bộ Đảng (đến chi bộ).

- *Về dân chủ trực tiếp*:

Về trưng cầu ý dân: Luật Trưng cầu ý dân ra đời là một bước tiến đặc biệt quan trọng, thể chế hóa chủ trương, đường

1. Pháp luật ở một số nước trên thế giới, như Australia, New Zealand đã quy định như vậy.

lối của Đảng, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân; vấn đề là tuyên truyền về luật và tổ chức thực hiện luật, trước hết là tổ chức trưng cầu ý dân về một số vấn đề dân sự, môi trường... đang nổi lên và được xã hội quan tâm.

Vấn đề đáng quan tâm là tình trạng người dân thờ ơ với các hoạt động chung ở cơ sở. Thực tế ở nhiều địa phương, người dân, đặc biệt là giới trẻ, thụ động và không mong muốn tham gia tích cực vào các hoạt động cũng như công tác quản lý ở địa phương.

Cơ chế và khả năng giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước còn rất hạn chế. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vẫn chưa có khả năng thực hiện toàn diện những nhiệm vụ mà các văn bản pháp luật đã trao cho họ, nhất là phản biện các chủ trương, chính sách và giám sát thực hiện chính sách, bao gồm cả việc huy động nhân dân tham gia chất vấn, giám sát cán bộ địa phương. Hiện chưa có cơ chế rõ ràng để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện quyền kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

II. ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Về nhận thức

Sự hình thành và phát triển tư duy lý luận của Đảng về hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị bắt nguồn từ thực tiễn đổi mới của Việt Nam, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh hoa văn hóa nhân loại.

Từ Đại hội VI đến nay, Đảng ta đã từng bước nêu ra những quan điểm mới, đúng đắn, phù hợp hơn về hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị¹. Thuật ngữ “Hệ thống chính trị” được sử dụng thay thế cho thuật ngữ “Hệ thống chuyên chính vô sản” từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3/1989). Cương lĩnh năm 1991 đã nêu rõ: “Hệ thống chính trị nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội phải được tổ chức thành một cơ chế năng động - cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ...”². Về chức năng chủ yếu của hệ thống chính trị Cương lĩnh nêu rõ: Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn tới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Cương lĩnh năm 2011 của Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị, đồng thời chỉ rõ hơn những nhận thức mới: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa*

1. Trong hơn 30 năm đổi mới, trong các Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh năm 2011, trong các Nghị quyết của các Đại hội Đảng đều thể hiện tầm quan trọng và nội dung cơ bản về xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị. Đồng thời để cụ thể hóa, Ban Chấp hành Trung ương các khóa đã ban hành những Nghị quyết chuyên về đổi mới hệ thống chính trị, như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.50, tr.232.

là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước... Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”¹. “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân,..., do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”². “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân;... tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước,... tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước*”³. “*Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc... Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội... Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật*”⁴.

Mục tiêu của đổi mới hệ thống chính trị là thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giữ vững

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.84-85, 85, 86, 88-89.

định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới hệ thống chính trị phải được triển khai đồng bộ về hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của cả hệ thống chính trị và từng tổ chức thành viên, nhất là xây dựng Nhà nước pháp quyền và đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng với hệ thống chính trị, trọng tâm là đối với nhà nước.

Nhận thức rõ hơn phải đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị. Bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Đã nhận thức ngày càng đúng đắn hơn mối quan hệ giữa đổi mới hệ thống chính trị với *đổi mới kinh tế*; mối quan hệ giữa đổi mới hệ thống chính trị với giữ vững ổn định chính trị; mối quan hệ giữa đổi mới *hệ thống chính trị* với đổi mới *từng tổ chức* cấu thành là Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cũng như đổi mới *mối quan hệ* giữa các bộ phận cấu thành hệ thống theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị gắn với xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Nhận thức rõ hơn yêu cầu phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là vai trò lãnh đạo của Đảng và hoạt động của Nhà nước gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị và của từng tổ chức thành viên (đây là cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, ngày 25/10/2017 ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả).

Về bản chất, vai trò, cấu trúc, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống chính trị:

Hệ thống chính trị là một hình thức tổ chức thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân. Về thực chất, hệ thống chính trị không có quyền lực tự thân, quyền lực của hệ thống đó bắt nguồn từ quyền lực của nhân dân, từ sự ủy quyền của nhân dân, theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹. Hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay bao gồm: Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong đó *mỗi một tổ chức tùy thuộc vào vai trò, vị trí, chức năng của mình mà được nhân dân (hoặc một bộ phận nhân dân) ủy quyền thực hiện những nhiệm vụ nhất định:*

Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội; quyết định đường lối chính trị cho sự phát triển của đất nước; quyết định những vấn đề liên quan đến vận mệnh quốc gia. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về sự lãnh đạo của mình, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Nhà nước là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhà nước thực hiện quyền lực do nhân dân “ủy thác” thông qua Hiến pháp và pháp luật; thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng thành luật pháp để quản lý xã hội, đất nước phát triển.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.6, tr.232.

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho ý chí và lợi ích của các tầng lớp nhân dân, tham gia ý kiến vào các quyết định của Đảng, Nhà nước, đồng thời thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát, phản biện đối với hoạt động của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện quyền lực của nhân dân.

Về thực chất, hệ thống chính trị là một hình thức tổ chức thực hành dân chủ, đồng thời duy trì kỷ cương xã hội. Mỗi một tổ chức trong hệ thống vừa là một hình thức thực hành dân chủ, tổ chức các quá trình dân chủ, vừa là công cụ bảo đảm dân chủ và giữ vững kỷ cương trong xã hội, một trường học dân chủ để giáo dục ý thức dân chủ, nâng cao năng lực làm chủ của nhân dân.

Hệ thống chính trị hiện nay, một mặt, kế thừa và phát triển các yếu tố hợp lý về tổ chức và hoạt động của hệ thống chuyên chính vô sản trong các giai đoạn trước Đổi mới; mặt khác, được xây dựng dựa trên những cơ sở kinh tế, cơ sở xã hội mới, thể hiện bản chất của quá trình chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó đã có những thay đổi cơ bản về chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động. Hệ thống chính trị nước ta hiện nay có *các chức năng cơ bản* sau đây:

Chức năng tổ chức thực hiện quyền lực nhân dân (thực hiện quyền quyết định đường lối chính trị đối với sự phát triển của đất nước, trong điều hành và quản lý đất nước, quyền giám sát quá trình thực thi quyền lực được nhân dân ủy quyền).

Chức năng xây dựng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc (xây dựng một xã hội đồng thuận, hài hòa và đoàn kết).

Chức năng tổ chức thực thi dân chủ và đảm bảo dân chủ (lãnh đạo tổ chức và hướng dẫn các quá trình dân chủ; giáo dục, nâng cao năng lực thực hành dân chủ cho các tầng lớp nhân dân).

Chức năng giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh trấn áp các lực lượng thù địch trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Các chức năng của hệ thống chính trị được xác lập với các nội dung mới trên cơ sở các thay đổi của cơ chế kinh tế - xã hội trong quá trình đổi mới đất nước. Ứng với 4 chức năng này là một hệ thống các nhiệm vụ đang được đặt ra trước toàn bộ hệ thống chính trị với các yêu cầu đổi mới về chính trị, kinh tế, xã hội trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tính chất, đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta được quy định bởi 4 cơ sở nền tảng sau đây:

- Cơ sở chính trị của hệ thống chính trị nước ta là chế độ chính trị với một Đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Cơ sở kinh tế của hệ thống chính trị là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Cơ sở xã hội của hệ thống chính trị được xác định bởi khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mà nền tảng là liên minh giai cấp giữa công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức. Hệ thống chính trị nước ta vừa là hình thức tổ chức chính trị nhằm thực hiện quyền lực của nhân dân, vừa là hình thức tổ chức đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân.

- Cơ sở tư tưởng của hệ thống chính trị: Nền tảng tư tưởng của chế độ chính trị và hệ thống chính trị Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy những giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc, tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại; nên dân chủ và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Sự thống nhất về cơ sở chính trị và tư tưởng, sự phát triển cơ sở kinh tế và xã hội vừa đảm bảo tính định hướng chính trị, vừa đảm bảo tính năng động và khả năng thích ứng của hệ thống chính trị trong sự vận động phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

Về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

Mối quan hệ giữa các *thiết chế* trong hệ thống chính trị được nhận thức và xác định ngày càng phù hợp và toàn diện hơn, góp phần quan trọng vào việc tiếp tục đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, thể hiện trên các phương diện sau:

Các mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đây là mối quan hệ giữa Đảng với vai trò là lực lượng lãnh đạo đối với toàn bộ hệ thống chính trị và các tổ chức thành viên. Tính chất của các quan hệ này được xác định bởi nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.

Các mối quan hệ này được xác định không chỉ bởi địa vị lãnh đạo mà còn bởi địa vị thành viên của Đảng trong hệ thống chính trị. Địa vị thành viên của Đảng trong hệ thống chính trị bao hàm ý nghĩa Đảng tôn trọng và đề cao vị trí, vai

trò và phát huy tính chủ động, sáng tạo của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Một mặt, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng điều lệ, tôn chỉ, mục đích của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng là một điều kiện đảm bảo cho Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức và hoạt động đúng đường lối chính trị của Đảng. Trên cơ sở sự lãnh đạo chính trị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tích cực chủ động thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của mình theo Hiến pháp và pháp luật.

Mặt khác, Đảng tôn trọng ý chí, lợi ích của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tự đặt mình dưới sự kiểm tra, giám sát của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị và của nhân dân, thực hiện sự lãnh đạo của mình thông qua các phương pháp dân chủ và trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Quan hệ của Nhà nước đối với Đảng cầm quyền là quan hệ đặc biệt giữa hai chủ thể chủ chốt trong hệ thống chính trị được nhân dân ủy quyền bằng những con đường và phương thức khác nhau, nhưng đều cùng mục đích là bảo đảm “tất cả quyền lực thuộc về nhân dân” để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đảng là chủ thể được nhân dân thừa nhận vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội (thông qua Hiến pháp - Điều 4); còn Nhà nước là công cụ của nhân dân, được nhân dân ủy quyền bằng con đường bầu cử và Hiến pháp để thực hiện quyền lực của mình. Quan hệ của Nhà nước đối với Đảng cầm quyền là quan hệ vừa mang tính phụ thuộc, vừa mang tính độc lập. Tính phụ thuộc trong quan hệ giữa Nhà nước với Đảng được

xác định bởi vai trò lãnh đạo và địa vị cầm quyền của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Tính độc lập của Nhà nước trong quan hệ với Đảng cầm quyền được xác định trên các phương diện: *Thứ nhất*, Nhà nước là một tổ chức công quyền, là một hình thức tổ chức quyền lực của nhân dân, do nhân dân tổ chức nên. *Thứ hai*, quyền lực của Đảng và quyền lực của nhà nước là hai hình thức quyền lực chính trị khác nhau, tuy gắn bó hữu cơ với nhau. Quyền lực nhà nước do bộ máy nhà nước thực hiện trên cơ sở phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Đảng cầm quyền thực hiện vai trò lãnh đạo Nhà nước (định hướng chính trị cho tổ chức và hoạt động của Nhà nước, lãnh đạo công tác cán bộ và kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước ở các cấp, các ngành...) phải là nhân tố - điều kiện để nhà nước thực hiện đúng định chế “của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”.

Mối quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: một mặt, là quan hệ giữa hai đối tượng đều cùng chịu sự lãnh đạo chính trị của một Đảng cầm quyền. Mặt khác, quan hệ chính trị giữa Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội là quan hệ bình đẳng giữa các chủ thể ở cùng một cấp độ, cùng một mục tiêu chung. Sự bình đẳng trong các quan hệ với Nhà nước tạo ra khả năng để các tổ chức chính trị - xã hội hợp tác với Nhà nước trong việc xây dựng nền chính trị vững mạnh, dân chủ và các quan hệ chính trị - xã hội mới trong sự phát triển đất nước. Nhưng cả Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chịu sự quản lý của Nhà nước.

Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên:

Mặt trận Tổ quốc là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tổ chức thành viên, cá nhân trong các giai tầng xã hội; là tổ chức mang tính quần chúng rộng rãi của các tầng lớp nhân dân trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài, cùng hướng vào mục tiêu xây dựng Tổ quốc Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là những quan hệ bình đẳng trong tư cách là thành viên thuộc hệ thống chính trị. Phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với tính chất, vị trí, vai trò và chức năng của mỗi tổ chức, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các hội viên mình.

Tuy nhiên, nhận thức lý luận về bản chất của hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị, về Đảng cầm quyền, về xây dựng Nhà nước pháp quyền đối với hệ thống chính trị... còn hạn chế, chưa đầy đủ và hệ thống, chưa lý giải và làm sáng tỏ nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra; chưa đạt được nhiều kết quả có giá trị định hướng, mang tính đột phá cho quá trình đổi mới hệ thống chính trị, thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau:

(1) Nhận thức về hệ thống chính trị, về bản chất, chức năng, nhiệm vụ, cấu trúc tổ chức, cơ chế vận hành hệ thống chính trị, phương thức, cơ chế hoạt động của các thành viên có những mặt chưa thật rõ, chưa thống nhất, nhất là trước yêu cầu và trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, xã hội công dân, phát triển thể chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

(2) Chưa nghiên cứu sâu và làm rõ một cách có hệ thống về đổi mới phương thức lãnh đạo - cầm quyền của Đảng đối

với Nhà nước và đối với các thành viên khác của hệ thống chính trị trong mọi cấp độ tổ chức của hệ thống chính trị. Trong các văn kiện của Đảng khẳng định “Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận”, nhưng nội dung “Đảng... là thành viên... Mặt trận” chưa được giải thích rõ. Mỗi quan hệ “kép” của Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là thành viên của Mặt trận Tổ quốc chưa được luận giải và nhận thức thật đầy đủ và rõ. Tương tự, cơ chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc, của các tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động của Nhà nước; nội dung và cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” còn những điểm chưa được nhận thức đầy đủ, chưa phân định thật rõ chức năng lãnh đạo với chức năng quản lý nên vẫn còn sự chồng chéo giữa hai hệ thống thiết chế Đảng và Nhà nước ở các cấp trong nhiều lĩnh vực, thể hiện định hướng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên còn có những lúng túng.

(3) Đổi mới chính trị và đổi mới kinh tế chưa thật đồng bộ, phù hợp. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế tạo ra cơ sở kinh tế - xã hội và những xung lực mới cho sự phát triển, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu mới đối với hệ thống chính trị. Tuy nhiên, một mặt, chúng ta chưa nắm bắt đầy đủ các quy luật của thị trường cũng như yêu cầu và tác động của kinh tế thị trường đối với tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị; mặt khác, chưa thấy hết vai trò thúc đẩy của hệ thống chính trị trong xây dựng và phát triển thể chế kinh tế mới. Do đó, chưa xác định thật rõ và hợp lý vai trò, chức năng, phạm vi, giới hạn hoạt động phù hợp của từng thiết chế trong hệ thống

chính trị, trong mối quan hệ với kinh tế thị trường và xã hội nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hành quyền dân chủ rộng rãi của nhân dân.

(4) Nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng của các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị còn những điểm chưa được làm rõ. Trong thực tế, các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động với hai chức năng chủ yếu: *Một là*, tham gia cùng với Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị thực hiện các nhiệm vụ chính trị liên quan đến “quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, quyền dân chủ của nhân dân”. *Hai là*, các tổ chức này hoạt động với những nội dung mang tính chất kinh tế - xã hội theo cơ chế tự chủ và tự quản theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, theo điều lệ của từng tổ chức. Việc chưa nhận thức và phân định rõ hai loại chức năng này đã dẫn đến việc xác định cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động và mối quan hệ với hệ thống cơ quan nhà nước từ Trung ương xuống cơ sở còn nhiều điểm chưa phù hợp, chồng chéo, bị hành chính hóa. Tham gia là thành viên trong Mặt trận Tổ quốc, ngoài các tổ chức chính trị - xã hội được xác định chính thức là thành viên của hệ thống chính trị, còn nhiều tổ chức khác không được chính thức coi là thành viên của hệ thống chính trị. Như vậy, chưa xác định thật rõ tiêu chí và nội dung quy định vị trí, vai trò của một tổ chức như thế nào theo đúng bản chất và chức năng để được chính thức là thành viên của hệ thống chính trị, dù đã là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Về thực tiễn

Hệ thống chính trị ở nước ta từng bước được đổi mới thích ứng với nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế; đẩy mạnh thực hành dân chủ bằng cách *nâng cao dân trí*,

bảo đảm dân quyền, chăm lo phát triển dân sinh; thực hiện công bằng xã hội, bình đẳng - tương trợ - đoàn kết - hợp tác cùng phát triển của các dân tộc ở nước ta. Hệ thống chính trị được đổi mới theo hướng dân chủ - pháp quyền - của dân, do dân và vì dân.

Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức thành viên thuộc hệ thống chính trị được xác định ngày càng rõ hơn và từng bước được thể chế hóa thành các quy định của pháp luật. Những quan điểm cơ bản của Đảng về hệ thống chính trị, đặc biệt là vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được chế định rõ trong Hiến pháp năm 2013, khẳng định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Các hiến định này đã và sẽ được cụ thể hóa trong các luật về tổ chức và hoạt động của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị.

Tổ chức bộ máy và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị đã từng bước được đổi mới ngày càng phù hợp hơn với vị trí, vai trò, chức năng của cả hệ thống và mỗi tổ chức thành viên nhằm thích ứng với quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý, phù hợp hơn với vị trí, vai trò, chức năng của cả hệ thống và của mỗi tổ chức thành viên.

Bộ máy tổ chức và mối quan hệ của Đảng với các thiết chế trong hệ thống chính trị đã có sự đổi mới hợp lý hơn qua các kỳ đại hội, nhằm đáp ứng yêu cầu, chức năng và nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng. Mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước có những đổi mới, thể hiện tập trung ở việc từng bước phân

định rõ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước; từng bước đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước theo ba hướng chủ yếu: (i) Lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành pháp luật, chủ trương, chính sách của Nhà nước và tổ chức thực hiện thông qua bộ máy nhà nước; (ii) Lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (iii) Lãnh đạo kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội được cải tiến theo hướng thực hiện và mở rộng dân chủ trong quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân. Từng bước phân định rõ hơn nội dung và cơ chế lãnh đạo của các cấp ủy đảng với bộ máy nhà nước các cấp và với các tổ chức chính trị - xã hội; từng bước đề cao tính tự chủ và trách nhiệm của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền theo luật định.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo các nguyên tắc pháp quyền từng bước được xây dựng và hoàn thiện. Hiến pháp năm 2013 đã hiến định rõ và đồng bộ hơn về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các hiến định này đã từng bước được cụ thể trong các luật và nghị định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cũng có những bước đổi mới, sắp xếp lại. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ngày càng phát huy tốt hơn chức năng của mình, nâng cao hơn tính chủ động, sáng tạo, đổi mới phương thức hoạt động,

đa dạng hóa các hình thức tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, góp phần quan trọng vào việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ và đồng thuận xã hội.

Tuy nhiên, thực tế đổi mới hệ thống chính trị còn những hạn chế, khuyết điểm.

Thứ nhất, đổi mới hệ thống chính trị có phần lúng túng, có mặt còn chậm, chưa theo kịp và đáp ứng tốt yêu cầu của những bước phát triển kinh tế - xã hội. Một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức tổ chức, hoạt động giữa các cơ quan của Đảng, Nhà nước với các tổ chức - đoàn thể nhân dân chưa được quy định cụ thể và còn nhiều chồng chéo, bất hợp lý, trùng lặp. Sự phân công và phối hợp về mặt chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị ở các cấp còn nhiều bất hợp lý làm cho tổ chức bộ máy ngày càng phình to, biên chế ngày càng tăng lên (nhất là ở các cấp cơ sở), nhưng chất lượng và hiệu quả hoạt động còn nhiều hạn chế; tình trạng xa dân, quan liêu, tham nhũng, những nhiễu, vi phạm đạo đức làm giảm sút nghiêm trọng lòng tin của dân.

Thứ hai, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, từng cấp, từng ngành chưa được chế định đồng bộ, chặt chẽ, vừa có tình trạng tập trung quá mức ở cấp Trung ương, duy trì cơ chế “xin - cho”, vừa có những biểu hiện phân tán, cục bộ, cát cứ ở các ngành, các cấp địa phương, làm cho tổ chức, bộ máy vận hành kém hiệu lực và hiệu quả. Tính pháp quyền trong tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị và các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa được đề cao đúng mức, còn có những hạn chế.

Thứ ba, mô hình tổ chức, cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của cả hệ thống chính trị và của từng

tổ chức thành viên chậm đổi mới, còn nhiều bất cập; thể chế hoạt động của một số thiết chế trong hệ thống chính trị còn chưa hoàn thiện; các mối quan hệ và cơ chế công tác giữa Đảng với Nhà nước, giữa Đảng, Nhà nước với Mặt trận và các đoàn thể ở các cấp còn có những nội dung chưa được thể chế hóa đầy đủ và đồng bộ. Tổ chức - bộ máy rất công kênh, trùng lặp cả theo chiều ngang và trong hệ thống dọc, nhiều tầng nấc, bất hợp lý, kém hiệu quả; gây phiền hà, chậm trễ công việc, phát sinh nhiều biểu hiện tiêu cực; có phần rập khuôn về mô hình, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động (Trung ương tổ chức thế nào thì địa phương cũng tổ chức gần như vậy); tính tự chủ, tự quản và tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình chưa cao. Đổi mới tổ chức, bộ máy chưa gắn với việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, với việc xác định biên chế, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Số lượng cán bộ, công chức, nhất là số lượng hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước ở xã, phường, thị trấn tăng nhanh.

Thứ tư, mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chậm được đổi mới. Tổ chức, bộ máy, nhân sự của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố, cơ sở còn lớn; cơ chế hoạt động có tình trạng nhà nước hóa về tổ chức và kinh phí, hành chính hóa về phương thức hoạt động; cán bộ đoàn thể làm việc gần như công chức nhà nước, ở nhiều nơi thiếu gắn bó mật thiết với quần chúng, còn xa dân, chưa thực hiện tốt nhiệm vụ đại diện cho ý chí, nguyện vọng của quần chúng. Còn thiếu những cơ chế, chính sách, giải pháp hữu hiệu cũng như những điều kiện để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy tính chủ động, tự chủ trong

tổ chức và hoạt động. Chậm thể chế hóa và thực hiện một cách thực chất cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc đối với hoạt động của các tổ chức Đảng, các cơ quan nhà nước. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên hiệu quả chưa cao. Mặt khác, do nhận thức lý luận chưa thật rõ và đầy đủ về bản chất và chức năng của hệ thống chính trị, cho nên trên thực tế trong hoạt động có xu hướng “chính trị hóa” cả những những nhiệm vụ mang tính chất tự chủ - tự quản thuần túy về kinh tế - xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Thứ năm, hệ thống chính trị đổi mới chưa đồng bộ. Năng lực và hiệu quả hoạt động chưa ngang tầm nhiệm vụ, chưa đáp ứng đầy đủ và có hiệu quả cao các yêu cầu của công cuộc đổi mới, chưa theo kịp những biến đổi của kinh tế - xã hội. Chưa tạo được đột phá để đổi mới và phát triển hệ thống chính trị đồng bộ và tương thích với đổi mới kinh tế; chưa phát huy được cao sức mạnh toàn dân trong xây dựng thể chế dân chủ, đấu tranh đẩy lùi quan liêu, tham nhũng, xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Niềm tin của nhân dân vào tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị có lúc, có nơi, có mặt bị xói mòn một cách đáng lo ngại do tình trạng quyền lực bị tha hóa, tình trạng quan liêu, tham nhũng, những nhiều, lãng phí, vô cảm chưa được khắc phục một cách hữu hiệu, có mặt còn trầm trọng hơn. Sự gắn bó giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể với nhân dân có lúc, có nơi bị suy yếu và diễn biến phức tạp.

Thứ sáu, hệ thống kiểm soát quyền lực chưa được chế định cụ thể, còn bộc lộ nhiều hạn chế. Còn thiếu những thiết chế, cơ chế, quy định cụ thể để thực thi có hiệu quả việc phối hợp

thực hiện và kiểm soát quyền lực, ngăn chặn sự tha hóa quyền lực. Còn nhiều hạn chế và bất cập trong việc xác lập cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật. Dân chủ trong hệ thống chính trị cũng như trong từng tổ chức còn những bất cập, đồng thời tình trạng không tuân thủ pháp luật, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm ở các cấp không phải là cá biệt. Chưa phát huy được cao sức mạnh toàn dân trong xây dựng thể chế dân chủ, đấu tranh đẩy lùi quan liêu, tham nhũng, xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

3. Những vấn đề đặt ra

Trước yêu cầu của giai đoạn mới, hệ thống chính trị nước ta đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, xử lý. Đó là:

Thứ nhất, nhận thức về hệ thống chính trị, nhất là bản chất, chức năng, nhiệm vụ, cấu trúc của các tổ chức, các mối quan hệ, cơ chế vận hành hệ thống chính trị; tiêu chí, phương thức, cơ chế hoạt động của các thành viên trong điều kiện mới có những mặt chưa thật rõ, chưa thống nhất, chưa theo kịp những vận động và yêu cầu của đời sống kinh tế - xã hội, cần phải được làm rõ hơn.

Thứ hai, cần nghiên cứu sâu hơn, hệ thống hơn lý luận về hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị trước yêu cầu của giai đoạn mới, để tạo bước đột phá thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới hệ thống chính trị trong thực tiễn, nhất là đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, mô hình tổ chức và phương thức vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động tham gia quản lý nhà nước của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Thứ ba, cần thực hiện đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp hơn nữa với đổi mới kinh tế, nhất là đổi mới về tổ chức, thể chế, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị đáp ứng với yêu cầu của đổi mới thể chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

Thứ tư, phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, giữa Đảng, Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, thể chế hóa đầy đủ và đồng bộ về chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm, cũng như cơ chế và phương thức hoạt động.

Thứ năm, phải hoàn thiện cơ chế, quy chế, quy định cụ thể để thực thi có hiệu quả việc phối hợp thực hiện và kiểm soát quyền lực. Nâng cao vị trí, vai trò, trách nhiệm của cơ quan kiểm tra của Đảng tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ. Cần xác lập cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, cơ chế ngăn chặn và xử lý những hành vi vi hiến, vi phạm pháp luật, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Thứ sáu, phải kiên quyết cải cách tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (vốn đang còn nhiều bất hợp lý, ngày càng phình to, biên chế ngày càng tăng lên rất lớn, nhưng chất lượng và hiệu quả hoạt động thấp; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, tình trạng xa dân, quan liêu, tham nhũng, làm giảm sút nghiêm trọng lòng tin của dân).

Thứ bảy, phải hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải pháp hữu hiệu cũng như những điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát huy tính chủ động - tự chủ trong tổ chức và hoạt động, để một mặt làm tốt vai trò là một thành viên của hệ thống chính trị, mặt khác thực hiện tốt

chức năng của một Hội đối với các thành viên của mình, khắc phục tình trạng hành chính hóa, công chức hóa trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Những vấn đề trên đây cho thấy hệ thống chính trị nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, có hiệu quả cả về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động.

III. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Về nhận thức

Khái niệm “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” lần đầu tiên được nêu ra tại Hội nghị Trung ương 2 khoá VII (ngày 29/11/1991) và tiếp tục được khẳng định tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (01/1994): “Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng lãnh đạo”¹. Đó là sự khẳng định đầu tiên, xác lập các cơ sở cho việc triển khai các chủ trương, giải pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cương lĩnh năm 2011 đã làm sâu sắc thêm nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với sự bổ sung về kiểm soát quyền lực. Đại hội XI đã xác định: “... Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.53, tr.224.

phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp...”¹. Đại hội cũng xác định nhiệm vụ: “Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung *Hiến pháp năm 1992* (đã bổ sung, sửa đổi năm 2001) phù hợp với tình hình mới”².

Các nghị quyết Trung ương khóa XI tiếp tục cụ thể hóa các quan điểm của Cương lĩnh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, Đại hội XII của Đảng đã xác định 5 nhóm nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa giai đoạn hiện nay, gồm:

- Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị... Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp; đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng đòi hỏi của phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, đẩy mạnh hoàn thiện pháp luật, gắn với tổ chức thi hành pháp luật. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.85, 247.

- Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

- Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.

Như vậy, đến Đại hội XII của Đảng, nhận thức lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được cụ thể hóa một bước cơ bản, nhằm tiếp tục triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được khẳng định bằng Hiến pháp. Nghị quyết số 18-NQ/TW khóa XII đã xác định 6 quan điểm chỉ đạo tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...

Cho đến nay, về nhận thức, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có các đặc điểm cơ bản sau:

Một là, đã xác định bản chất nhân dân và định hướng xã hội chủ nghĩa của Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Đó là “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân” do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây là một trong 8 thành tố đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta xây dựng. Điều này đã khẳng định Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự tiếp thu những thành tựu của nhân loại về Nhà nước pháp quyền, vừa thể hiện bản sắc, đặc điểm riêng của Việt Nam, giúp khắc phục những quan niệm đơn giản khi đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Đó còn là sự thay thế quan niệm, bản chất chuyên chính vô sản của Nhà nước được nêu trước đây bằng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; khẳng định chủ thể của quyền lực Nhà nước là nhân dân. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân, đề cao trách nhiệm pháp lý của Nhà nước trước nhân dân, bảo đảm xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, trong đó người dân thực sự có quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

Hai là, đã phát triển các nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước theo hướng tiệm cận với các giá trị phổ biến trong nguyên tắc tổ chức quyền lực của nhà nước pháp quyền, song phù hợp với thể chế chính trị của Việt Nam.

Nguyên tắc “quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”, đã được khẳng định trong Cương lĩnh năm 2011 và Hiến pháp năm 2013. Các văn kiện của Đảng tiếp sau đã bổ sung thêm nội dung về kiểm soát quyền lực, nhấn mạnh yêu cầu khách quan kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền; bên cạnh cơ chế kiểm soát quyền lực mang tính nội bộ của

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sự kiểm soát quyền lực từ xã hội cũng được ghi nhận và đề cao. Tính thống nhất giữa chính quyền Trung ương và địa phương được nhận thức sâu sắc và nhấn mạnh hơn.

Ba là, đã nhận thức rõ hơn các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: (1) Nhà nước pháp quyền dựa trên nền tảng nhân dân là nguồn gốc, là chủ thể của quyền lực nhà nước. (2) Hiến pháp và luật có vị trí và hiệu lực tối thượng không chỉ đối với xã hội mà còn đối với cả Nhà nước. Pháp luật là cơ sở tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, bảo đảm tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận và được áp dụng công bằng, nhất quán. (3) Quyền lực nhà nước được tổ chức thực hiện theo nguyên tắc thống nhất và có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tòa án - cơ quan thực hiện quyền tư pháp độc lập, nghiêm cấm mọi sự can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án. (4) Nhà nước tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. (5) Nhà nước tôn trọng và tuân thủ các cam kết quốc tế mà mình là thành viên. (6) Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Bốn là, xác định rõ mục tiêu trực tiếp xây dựng Nhà nước pháp quyền là xây dựng một Quốc hội thực quyền, một Chính phủ hiệu quả, một nền tư pháp độc lập, công minh, bảo đảm mối quan hệ thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, năng động, sáng tạo giữa chính quyền Trung ương và địa phương.

Trong hệ thống quyền lực nhà nước, đã nhận thức rõ hơn vị trí, vai trò của *Quốc hội*, xây dựng Quốc hội thực sự là

cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Nhận thức và xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của *Chủ tịch nước* và trong quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xác định rõ hơn vị trí, chức năng của Chính phủ với tư cách là cơ quan hành pháp nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp và là cơ quan chấp hành của Quốc hội; đề cao tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của Chính phủ theo hướng xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả. Xác định yêu cầu và những nội dung tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương; nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp. Nhận thức rõ hơn vị trí, vai trò, chức năng và tính độc lập trong hoạt động của hệ thống tư pháp; định hướng xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân.

Năm là, xác định rõ hơn nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, không chấp nhận chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Sự khẳng định trong Hiến pháp năm 2013 Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, các tổ chức của Đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, là bước chuyển căn bản trong nhận thức, chuyển sang Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội theo nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhận thức rõ hơn sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân thể hiện tập trung ở

Nhà nước, được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động của Nhà nước và Nhà nước pháp quyền giữ vị trí trung tâm trong hệ thống chính trị. Đảng đã xác định rõ quan điểm và các giải pháp chủ yếu để đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII...

Tuy nhiên, nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn những hạn chế, khuyết điểm.

Một là, chưa xây dựng được hệ thống lý luận đầy đủ về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam để luận giải rõ hơn mối quan hệ giữa những giá trị phổ quát và yếu tố đặc thù của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhận thức lý luận về các đặc trưng, cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền và về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ và hệ thống, chưa lý giải và làm sáng tỏ một số vấn đề mới do thực tiễn đặt ra, như tính tối thượng của pháp luật, mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường và xã hội, liên quan đến hoạt động tự quản của các tổ chức, đoàn thể nhân dân...

Hai là, nhận thức chưa đầy đủ về nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất và cơ chế phân công, phối hợp thực hiện quyền lực nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Chưa làm sáng tỏ đầy đủ “tính độc lập tương đối” của mỗi quyền, về sự chế ước lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực. Về quan hệ phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước, nhất là về kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp để bảo đảm quyền lực không bị tha hóa và bị lạm dụng... Tương tự như vậy là về vai trò của cơ quan tư pháp trong việc kiểm soát các cơ quan nhà nước thực hiện quyền lập pháp và

quyền hành pháp. Chưa chế định rõ và đầy đủ một cách hệ thống những tiêu chuẩn, đặc trưng cơ bản của mô hình nhà nước này phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

Ba là, chưa nhận thức và quy định đầy đủ trong mô hình tổ chức và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị các nguyên tắc dân chủ, pháp quyền, tính tối thượng của Hiến pháp.

Đó là vai trò, tiêu chuẩn của pháp luật và hệ thống pháp luật của Nhà nước xã hội chủ nghĩa; tiêu chuẩn, đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa... Chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của pháp luật và hệ thống pháp luật là công cụ để nhân dân thực hiện quyền làm chủ và kiểm soát quyền lực nhà nước.

Hạn chế trong nhận thức về vị trí, vai trò, tính chất của chính quyền địa phương. Định hướng phân cấp, phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương còn những vấn đề chưa rõ. Vai trò kiểm tra, giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; cơ chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước còn hạn chế. Nhiều vấn đề trong các nội dung trên nhận thức chưa sâu sắc và đầy đủ, dẫn đến triển khai thực hiện còn lúng túng, hạn chế, chậm, hiệu quả chưa cao.

Bốn là, còn có những điểm chưa được luận giải thấu đáo và làm rõ về nội dung, phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Nhà nước pháp quyền; thẩm quyền và trách nhiệm giữa Đảng lãnh đạo với Nhà nước quản lý.

Nội hàm “Đảng lãnh đạo Nhà nước” vẫn còn những nội dung chưa được cụ thể hóa ở từng cấp. Nhận thức và định hướng xây dựng cơ chế thực hiện nguyên tắc “các tổ chức đảng và đảng viên... hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp

và pháp luật” (Điều 4 Hiến pháp năm 2013) chưa rõ; còn dừng ở những khái niệm chung, chưa được cụ thể hóa và xác định rõ phương hướng, giải pháp thực hiện.

Năm là, nhận thức về vị trí, vai trò của các tổ chức xã hội trong mối quan hệ với Nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường còn hạn chế, chưa được nghiên cứu, luận giải thấu đáo.

2. Về thực tiễn

Các quan điểm mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện trong Cương lĩnh năm 2011 đã được thể chế hóa một bước quan trọng trong Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật của Nhà nước. Quốc hội đã và đang triển khai sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều bộ luật quan trọng liên quan đến xây dựng Nhà nước pháp quyền theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013¹. Hệ thống pháp luật được đổi mới, sửa đổi, bổ sung và xây dựng ngày càng đầy đủ và phù hợp hơn, từng bước tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, nhất là luật pháp về thể chế kinh tế thị trường. Quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật từng bước được đổi mới và ngày càng hoàn thiện hơn theo hướng công khai, dân chủ, gắn kết chặt chẽ hơn giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

Tổ chức và cơ chế hoạt động của các thiết chế trong bộ máy nhà nước có những đổi mới và từng bước được hoàn thiện.

1. Sau khi có Cương lĩnh năm 2011 và Hiến pháp năm 2013, việc sửa đổi, bổ sung các đạo luật được đẩy mạnh. Số lượng các đạo luật, pháp lệnh được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành trong 30 năm đổi mới gấp 8 lần số lượng luật, pháp lệnh ban hành trong 41 năm trước đổi mới (483/63).

Quốc hội ngày càng được đổi mới phù hợp hơn với tư cách là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Hoạt động của Quốc hội có những đổi mới quan trọng, từ bầu cử đại biểu Quốc hội đến hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động, theo hướng công khai, dân chủ, thiết thực, hiệu quả. Chất lượng, cơ cấu của đại biểu Quốc hội có bước kiện toàn tích cực, tính chuyên nghiệp của Quốc hội từng bước được nâng cao. Quốc hội tập trung làm tốt hơn chức năng lập pháp, công tác giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Dân chủ nghị trường trong các kỳ họp Quốc hội có bước phát triển đáng kể. Niềm tin của nhân dân, của cử tri vào Quốc hội ngày càng cao hơn.

Thiết chế Chủ tịch nước được thể hiện rõ hơn trong Hiến pháp. Quy định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại và thống lĩnh lực lượng vũ trang, cũng như quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, nâng cao hơn năng lực hành pháp của Chính phủ. Chính phủ ngày càng coi trọng và tập trung nhiều hơn vào chức năng quản lý vĩ mô các lĩnh vực của đời sống xã hội, phù hợp với vị trí là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, cơ quan thực hiện quyền hành pháp. Tổ chức, bộ máy của Chính phủ có những đổi mới, sắp xếp lại hợp lý hơn. Các bộ được tổ chức lại một bước phù hợp với các yêu cầu của nền kinh tế thị trường theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Chú trọng thực hiện

các biện pháp tách dần việc quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh. Hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ công từng bước được phân định trong cơ quan quản lý hành chính nhà nước, ban hành chủ trương và giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công. Công tác điều hành, quản lý nhà nước của Chính phủ được đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp có những đổi mới bước đầu. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở địa bàn nông thôn được phân biệt (ở mức độ nhất định) so với ở đô thị, dù về tổ chức chưa có sự khác biệt nhiều. Cải cách hành chính được đẩy mạnh; bước đầu triển khai thực hiện thi tuyển một số chức danh quản lý ở Trung ương và địa phương...

Trong hệ thống các cơ quan tư pháp, đã có những đổi mới và phân định rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động. Tổ chức, bộ máy của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan hỗ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn thêm một bước; chất lượng hoạt động có tiến bộ. Vai trò trung tâm của toà án trong hoạt động xét xử, trong hệ thống tư pháp và hoạt động tư pháp đã từng bước được xác lập. Khâu đột phá của cải cách tư pháp là mở rộng tranh tụng trong hoạt động xét xử bước đầu được chú trọng; nguyên tắc độc lập xét xử có những chuyển biến nhất định với việc tăng cường năng lực của các chức danh thẩm phán, công tố viên và luật sư. Việc thực thi chế độ trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với những thiệt hại do các cơ quan tiến hành tố tụng gây ra đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan này trong việc bảo vệ công lý, công bằng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân đã được xác định hợp lý hơn, nhấn mạnh chức năng hàng đầu là thực hành quyền công tố, thu hẹp chức năng kiểm sát chung thành kiểm sát hoạt động tư pháp. Vai trò chỉ đạo của công tố đối với hoạt động điều tra từng bước được tăng cường.

Hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước từng bước được nâng lên. Tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung, của các cơ quan nhà nước từng bước được đổi mới. Chủ trương cải cách tổng thể bộ máy nhà nước được triển khai và có kết quả bước đầu, đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước từng bước được quy định rõ hơn và triển khai thực hiện trong thực tế. Mức độ tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của các cơ quan và công chức nhà nước từng bước trở thành một trong những tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá kết quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước từng bước được thực hiện cùng với quá trình xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của các thiết chế cơ bản trong tổ chức bộ máy nhà nước. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước đã có những bước tiến nhất định, được tăng cường bằng việc đề cao hiệu quả giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, coi trọng hơn công tác thanh tra, kiểm tra hành chính, phát huy vai trò của thiết chế kiểm toán nhà nước, bước đầu thiết lập được cơ chế

giám sát tư pháp đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Ngoài ra, hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước được triển khai.

Tuy nhiên, thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn những hạn chế, khuyết điểm.

Nhiều chủ trương đổi mới, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chậm được thể chế hóa để triển khai trong thực tiễn. Chậm thể chế hóa đầy đủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước và kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chậm thể chế hóa trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, cũng như trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước...

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về cơ bản chưa đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc thượng tôn pháp luật, hoạt động thực sự dân chủ, chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Cơ chế phân công và phối hợp thực hiện quyền lực nhà nước cũng như tổ chức các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước còn có những điểm chưa hợp lý. Thẩm quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, từng cấp, từng ngành chậm được chế định đồng bộ, chặt chẽ, vừa có tình trạng tập trung quá mức, vừa có những biểu hiện phân tán, cục bộ, làm cho tổ chức, bộ máy công kênh, vận hành kém hiệu lực và hiệu quả.

Việc kiểm soát quyền lực trong hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị, nhất là trong bộ máy nhà

nước chưa được coi trọng đúng mức. Cơ chế và các thiết chế kiểm soát quyền lực chưa được chế định rõ, đồng bộ và thiếu nhất quán; cơ chế bảo vệ pháp luật và tăng cường pháp chế chưa đầy đủ, còn hạn chế. Trên thực tế còn tình trạng cát cứ, biệt lập trong hoạt động của các cơ quan hành pháp và tư pháp, cũng như tình trạng hành chính hóa hoạt động của các cơ quan lập pháp và cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ đối với các thiết chế của bộ máy nhà nước và thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân còn chưa hoàn thiện. Tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước còn nhiều hạn chế.

Công tác lập pháp còn một số bất cập cả về quy trình và nội dung, chưa bảo đảm đầy đủ tính khoa học - thực tiễn. Trong các văn bản pháp luật vẫn còn tình trạng chưa chế định đầy đủ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước đối với xã hội và công dân, thường đặt địa vị của các cơ quan công quyền - vị thế của người quản lý ở vị thế cao hơn. Hệ thống pháp luật còn nhiều tầng nấc, thiếu đồng bộ, thiếu cân đối, chưa đảm bảo đầy đủ tính hệ thống, hiệu lực chưa cao, tính công khai, minh bạch, tính khả thi, ổn định còn hạn chế; nhiều nội dung chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chưa phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tình trạng luật khung, luật ống, luật phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành mới phát huy hiệu lực thực tế còn khá phổ biến, dẫn đến tình trạng “lạm phát và nợ đọng” văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật... chưa được khắc phục.

Thiếu các cơ chế bảo đảm thực thi pháp luật một cách hiệu quả. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, trong thi hành công vụ, trong chấp hành pháp luật còn nhiều yếu kém, thực thi pháp luật không nghiêm. Cải cách hành chính chậm, chưa đạt yêu cầu. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thiếu trách nhiệm giải trình đã và đang nổi lên thành những vấn đề bức xúc, diễn biến phức tạp, có mặt trầm trọng hơn. Thủ tục hành chính rườm rà, gây phiền hà cho nhân dân, hạn chế việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đang là trở lực lớn trong việc xây dựng môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, thúc đẩy đổi mới và phát triển. Thượng tôn pháp luật chưa trở thành một thói quen thường trực của một bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ, công chức và của các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống quyền lực nhà nước vẫn còn những bất cập, chưa hợp lý:

- Tổ chức và hoạt động của *Quốc hội* còn có những mặt hạn chế, hiệu quả hoạt động trên một số mặt, nhất là việc thực hiện chức năng giám sát tối cao, chưa cao. Chất lượng các đại biểu Quốc hội chưa đồng đều, một phần do cơ cấu, có đại biểu chưa đáp ứng vai trò của người đại biểu nhân dân. Số lượng đại biểu không chuyên trách vẫn còn quá lớn. Cơ chế hoạt động của các đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội chưa được quy định thật rõ; việc tổ chức tiếp dân, tiếp xúc cử tri còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao. Hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội còn hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này trong hoạt động của Quốc hội. Bộ máy giúp việc của Quốc hội còn nhiều điểm chưa hợp lý, tính chuyên nghiệp chưa cao.

- Vị trí pháp lý, chức năng, quyền hạn của *Chủ tịch nước* có những điểm chưa được chế định rõ để thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại và thống lĩnh các lực lượng vũ trang cũng như quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của *Chính phủ* còn có những bất cập, chưa thực sự tinh gọn và hiệu quả. Chưa chế định đầy đủ, đồng bộ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để trở thành các thiết chế chủ động, linh hoạt, hiệu lực, hiệu quả cao trong điều hành và giải quyết kịp thời các vấn đề mới đặt ra ngày càng nhiều. Chưa xác định thật rõ nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ với tư cách là người lãnh đạo Chính phủ, của Bộ trưởng với tư cách là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu các cơ quan của Chính phủ. Năng lực quản lý vĩ mô, năng lực quản trị, quy hoạch và quản lý quy hoạch phát triển còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức thi hành các luật, pháp lệnh, văn bản của Chính phủ còn chưa nghiêm. Cơ chế quản lý thống nhất, liên ngành, đa ngành, đa lĩnh vực và quản lý chuyên ngành còn những vấn đề chưa được quy định phù hợp. Giữa các bộ, ngành vẫn còn một số nội dung quản lý trùng lặp hoặc phân công không rõ. Trong một số lĩnh vực, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước theo lãnh thổ chưa được phân định rõ. Cơ chế phân công, phân quyền, phân cấp giữa chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương (giữa bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương) còn có nhiều vấn đề thiếu rõ ràng và hợp lý, chưa được phân định cụ thể.

- Chậm đổi mới mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của chính quyền địa phương. Sự phân biệt mô hình tổ chức chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn chưa rõ, chưa phù hợp, chức năng, nhiệm vụ còn có những nội dung chồng chéo, tổ chức bộ máy công kênh, chia cắt, phân tán, nhiều tầng nấc; biên chế ngày càng phình to; hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn thấp. Phân định nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp chính quyền chưa rõ. Chưa thực sự bảo đảm và đề cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp chưa được quy định phù hợp, nhiều nơi hoạt động còn hình thức, hiệu lực và hiệu quả còn nhiều hạn chế. Trong việc thí điểm mô hình tổ chức chính quyền địa phương, nhất là việc không tổ chức hội đồng nhân dân ở quận, huyện, phường chưa nghiên cứu thấu đáo các kết quả thí điểm, các kết luận mang tính chủ quan, chưa thực sự thuyết phục. Tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương chưa phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm về kinh tế, xã hội của từng địa phương, vẫn mang tính chất bình quân¹. Kết quả và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương ở một số địa bàn chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân.

1. Một ví dụ điển hình là tỉnh Bắc Kạn có trên 30 vạn dân, kém hơn nhiều số dân của một số quận, huyện của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Kạn có số lượng cán bộ gấp 5 lần số cán bộ Ban Tuyên giáo các quận, huyện của Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...

- Chức năng, vai trò, cơ chế hoạt động của các cơ quan nhà nước trong mối quan hệ với kinh tế thị trường và các tổ chức xã hội vẫn còn nhiều điểm chưa được chế định hợp lý, vừa có tình trạng “ôm đồm, làm thay”, can thiệp quá sâu, lại vừa có tình trạng buông lỏng quản lý nhà nước, làm nảy sinh những hiện tượng tiêu cực.

Cải cách tư pháp còn có những vướng mắc, thiếu đồng bộ, còn nhiều nhiệm vụ quan trọng của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 chưa được thực hiện. Hệ thống các cơ quan tư pháp chưa được tổ chức hợp lý; mô hình tổ tụng chưa thực sự dân chủ, còn có sự trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; cơ chế phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan tư pháp chưa rõ ràng và hiệu quả; tổ chức bộ máy chưa phù hợp với thẩm quyền; chưa tách biệt rõ ràng chức năng quản lý hành chính với chức năng tư pháp... Hệ thống pháp luật về hình sự, dân sự, hành chính, tố tụng tư pháp và tổ chức hoạt động của các cơ quan tư pháp chậm được hoàn thiện, còn thiếu đồng bộ. Hoạt động của các cơ quan tư pháp còn nhiều bất cập, chưa thật sự bảo đảm tính độc lập và còn hạn chế trong việc đáp ứng yêu cầu thực hiện quyền tư pháp, thực hiện chức năng bảo vệ công lý. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án còn bất cập. Công tác giám sát của các cơ quan dân cử chưa được đổi mới và tăng cường; thiếu cơ chế để thực hiện có hiệu quả. Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan điều tra còn trùng lặp, vừa thiếu cơ chế phối hợp chặt chẽ, vừa thiếu cơ chế quản lý thống nhất. Một bộ phận cán bộ tư pháp, đặc biệt là cán bộ có chức danh tư pháp (điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, chấp hành viên) còn bất cập cả về trình độ, năng lực, đạo đức nghề nghiệp.

Cải cách hành chính tuy đạt được nhiều kết quả nhưng vẫn còn chậm và có những mặt bất cập. Tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước còn nhiều hạn chế. Chế độ công vụ, chế độ thủ trưởng, quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu, cơ chế giải trình của cơ quan nhà nước... chậm được hoàn thiện và thực hiện nghiêm minh.

Một số hạn chế, bất cập cụ thể khác trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước được phát hiện và nhấn mạnh ở nhiều kỳ đại hội, nhưng cho đến nay vẫn chưa được khắc phục hoặc khắc phục chưa hiệu quả, như: (1) Sự công kênh và kém hiệu lực của bộ máy nhà nước. (2) Việc tinh giản bộ máy quản lý, tinh giản biên chế không đạt được yêu cầu. (3) Tính hình thức trong hoạt động của một số cơ quan dân cử. (4) Tình trạng bao biện, làm thay công việc của chính quyền chưa được khắc phục triệt để. (5) Sự thiếu rõ ràng, chồng chéo về chức năng, thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. (6) Phân định chế độ trách nhiệm không rõ ràng. (7) Nạn họp hành quá nhiều, việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật còn chậm và không ít trường hợp thiếu cơ sở khoa học và chưa phù hợp với thực tiễn. (8) Một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều bất cập về năng lực và phẩm chất đạo đức.

3. Những vấn đề đặt ra

Một là, trong lĩnh vực nhận thức lý luận, cần đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, tạo sự thống nhất nhận thức, phương hướng giải quyết các vấn đề cơ bản về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:

Đó là các vấn đề liên quan đến phương thức lãnh đạo của Đảng với nhà nước pháp quyền. Cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ nội hàm của khái niệm xã hội dân sự cũng như biểu hiện của nó trong thực tiễn, tạo điều kiện để có nhận thức, thống nhất về vấn đề này. Trong nhà nước pháp quyền và thể chế kinh tế thị trường, chúng ta đã thừa nhận mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội, càng cần làm rõ vai trò của các tổ chức xã hội tự quản.

Hai là, trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội cần giải quyết vấn đề Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của quốc gia và là cơ quan cao nhất thực hiện quyền dân chủ đại diện, với các đại biểu của nhân dân của các vùng miền.

Ba là, với Chính phủ, làm rõ hơn chức năng phục vụ của Chính phủ. Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước và người dân bình đẳng với nhau trước pháp luật, nên cần nhấn mạnh vai trò phục vụ của nhà nước, trực tiếp là Chính phủ.

Bốn là, về chính quyền địa phương, cần giải quyết vấn đề về sự thống nhất của quốc gia và quyền tự chủ của các địa phương, thực hiện quyền lực nhà nước ở địa phương. Làm rõ vai trò đại diện của nhà nước Trung ương của chính quyền các tỉnh, thành phố để khắc phục tình trạng cát cứ, địa phương về ban hành chính sách, đầu tư, thu chi ngân sách, “mỗi tỉnh là một nền kinh tế”...

Năm là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với Nhà nước cần phân biệt rõ việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng với việc chấp hành pháp luật trong hoạt động quản lý. Xác định rõ vai trò lãnh đạo, định hướng của bí thư cấp ủy và trách nhiệm quản lý nhà nước của chủ tịch ủy ban nhân dân

ở các địa phương. Nghiên cứu thực hiện “nhất nguyên chế” ở các địa phương.

Sáu là, nghiên cứu nguyên nhân và đề ra giải pháp để giải quyết vấn đề chấp hành pháp luật không nghiêm trong các cơ quan nhà nước và xã hội.

IV. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Về nhận thức

- *Đảng ta xác định rõ hơn, đầy đủ hơn, cụ thể hơn bản chất của Đảng.*

Việc xác định đúng, chính xác bản chất của Đảng là vấn đề cực kỳ quan trọng, chi phối toàn bộ công tác xây dựng Đảng và hoạt động lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình phát triển, dù tên gọi thế nào (Đảng Cộng sản hay Đảng Lao động) thì Đảng ta luôn mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện ở chỗ: mục tiêu, lý tưởng của Đảng là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản; nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nguyên tắc tổ chức của Đảng là tập trung dân chủ; Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển. Tuy nhiên, Đảng ta ra đời ở một nước thuộc địa, nước phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân còn nhỏ bé. Đảng ta ra đời không chỉ là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân mà còn với phong trào yêu nước. Đây là đặc thù Việt Nam, là sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính Người đã nhiều lần nói rằng, Đảng ta không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội II của Đảng đã ghi: Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Kế thừa di sản về Đảng tại Đại hội X, Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động...”¹. Di sản đặt như thế vừa nói lên được bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa nói lên được nét đặc thù của Đảng ta theo sự phát triển sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tế Việt Nam và đáp ứng được nguyện vọng tình cảm của nhân dân. Di sản đặt như thế phản ánh bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, nhuần nhuyễn hơn. Điều đó đòi hỏi Đảng ta chẳng những phải trung thành với giai cấp công nhân, nâng cao lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, mà còn phải học tập, kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tăng cường đoàn kết, tập hợp nhân dân, phấn đấu vì lợi ích của giai cấp và dân tộc. Hiến pháp năm 2013 đã hiến định bản chất của Đảng.

Đại hội XII của Đảng xác định: “... tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng”²; giữ vững

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.88.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.80.

bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

- *Quy định rõ vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng.*

Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”¹.

Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của Đảng đã được hiến định rõ trong khoản 2, 3 Điều 4, Hiến pháp năm 2013: “2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. 3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”².

- *Nhận thức ngày càng rõ hơn yêu cầu đối với Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền.*

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ: “Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.89.

2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sđd*, tr.9-10.

chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”¹.

Đại hội XII của Đảng xác định “*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*”². Việc nhấn mạnh xây dựng Đảng về đạo đức là phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa xuất phát từ thực trạng đạo đức trong Đảng hiện nay, vừa là yêu cầu xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Đây là bước phát triển nhận thức lý luận về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

- *Nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, nội dung, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đảng ta xác định: xây dựng Đảng là then chốt, nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng; Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Đảng ta luôn nhấn mạnh giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng tổ chức và đạo đức; có phương thức lãnh đạo khoa học. Cụ thể trên các lĩnh vực xây dựng Đảng như sau:*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.89-90.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.202.

Một là, xây dựng Đảng về chính trị: Kế thừa các đại hội trước và cụ thể hóa Cương lĩnh năm 2011, Đại hội XII chú trọng xây dựng Đảng về chính trị:

“Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả; giữ vững bản lĩnh chính trị của Đảng, của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên.

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển.

Hoàn thiện cơ chế, quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc tự phê bình, phê bình, chất vấn trong các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng”¹.

Hai là, xây dựng Đảng về tư tưởng: Cụ thể hóa Cương lĩnh năm 2011, một số nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XI

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.199-200.

và khóa XII tiếp tục khẳng định sự cần thiết phải xây dựng Đảng về tư tưởng. Đại hội XII nhấn mạnh đổi mới công tác tư tưởng, lý luận:

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả.

Đổi mới công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch.

Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng; đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những chuyên gia đầu ngành; nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, đáp ứng yêu cầu mới. Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đã nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đề ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Ba là, xây dựng Đảng về tổ chức: Cụ thể hóa Cương lĩnh năm 2011, một số nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XI, Đại hội XII và một số nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XII đã có nhiều bổ sung, phát triển trên lĩnh vực xây dựng Đảng về tổ chức:

(i) Kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị.

Đại hội XII xác định: Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương. Nghiên cứu thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ quan đảng và nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện chủ trương quản lý biên chế thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tinh giản tổ chức, bộ máy gắn với tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các tổ chức; thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh và tinh giản biên chế trong toàn hệ thống chính trị. Cơ bản thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp. Sớm tổng kết mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý,

nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã xác định rõ về quan điểm: Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Về mục tiêu: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

(ii) Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên.

Đại hội XII nhấn mạnh: Kiện toàn tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Tổng kết việc thực hiện Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân và việc thí điểm kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

(iii) Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Đại hội XII xác định: Thể chế hóa, cụ thể hóa các nguyên tắc về: quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong

công tác cán bộ; quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu; giữa đức và tài; giữa kế thừa và phát triển; giữa sự quản lý thống nhất của Đảng với phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị; giữa thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân và tập thể; giữa phân cấp, phân quyền và kiểm tra, giám sát, kiểm soát để thực hiện thống nhất đồng bộ trong Đảng và trong hệ thống chính trị.

Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong giai đoạn hiện nay là bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; bảo vệ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ cán bộ, đảng viên về mặt chính trị. Gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, gây mất đoàn kết trong Đảng. Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm, nhất là phát ngôn, tuyên truyền, tán phát tài liệu trái với Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Đổi mới bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ,... để lựa chọn những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Có cơ chế, chính sách

phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài. Hội nghị Trung ương 8 khóa XII đã ban hành Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018: Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đã đề ra các quan điểm chỉ đạo, trong đó nhấn mạnh cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững. Quán triệt nguyên tắc về quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ. Xử lý hài hòa, hợp lý các mối quan hệ: giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, trong đó tiêu chuẩn là chính; giữa xây và chống, trong đó xây là nhiệm vụ chiến lược, cơ bản, lâu dài, chống là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên; giữa đức và tài, trong đó đức là gốc; giữa tính phổ biến và đặc thù; giữa kế thừa, đổi mới và ổn định, phát triển; giữa thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân và tập thể.

Bốn là, xây dựng Đảng về đạo đức:

(i) Tăng cường tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

Đại hội XII xác định: Đưa việc thường xuyên giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức thành một nội dung quan trọng

trong mục tiêu xây dựng Đảng, “*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*”¹. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm. Xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lễ lối công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức đảng, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

(ii) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Đại hội XI chưa có mục riêng về công tác dân vận. Xuất phát từ vị trí, vai trò của công tác dân vận trong tình hình mới, Đại hội XII có mục riêng về công tác dân vận, trong đó nhấn mạnh: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân.

Kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.202.

ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, nhất là nội dung nhân dân làm chủ và phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”.

Tăng cường và đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước. Thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận.

(iii) **Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.** Trong Văn kiện Đại hội XI, vấn đề đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chỉ được đề cập trong phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong văn kiện Đại hội XII được đề cập cả trong phần về xây dựng Nhà nước và xây dựng Đảng, trong đó xác định: xây dựng cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn quan hệ “lợi ích nhóm”; chống đặc quyền, đặc lợi, khắc phục “tư duy nhiệm kỳ”; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng; cơ chế răn đe, trừng trị để không dám tham nhũng.

Năm là, phương thức lãnh đạo của Đảng: Cụ thể hóa Cương lĩnh năm 2011, Đại hội XII và một số nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, 7 khóa XII đã có những bổ sung, phát triển mới:

Về phương hướng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, Đại hội XII bổ sung, phát triển: Nâng cao hiệu quả thực hiện và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách

lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị xác định: Giữ vững các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu. Thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ xác định: Thực hiện nghiêm, nhất quán Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.

Về nhiệm vụ, giải pháp, Đại hội XII bổ sung, phát triển: Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Quy định rõ hơn Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Quy định rõ hơn thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của Trung ương. Nghị quyết phải thiết thực, ngắn gọn, khả thi; phải tính đến cân đối các nguồn lực và điều kiện bảo đảm triển khai thực hiện có hiệu quả; phân công rõ trách nhiệm tổ chức, cá nhân, thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp được ghi trong nghị quyết.

Đại hội XII xác định rõ hơn nội hàm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong phát triển kinh tế - xã hội: Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; tăng cường lãnh đạo việc thể chế hóa và việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng; lãnh đạo việc bố trí cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện của đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác tham mưu kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành,...

Tuy nhiên, nhận thức về Đảng và công tác xây dựng Đảng thêm một số nội dung chưa đủ rõ.

Cương lĩnh năm 2011 xác định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đến nay, hiểu bản chất giai cấp công nhân chưa thật rõ. Mối quan hệ giữa Đảng - giai cấp - dân tộc - thời đại trong điều kiện mới cũng chưa được xác định rõ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói: Đảng ta là Đảng cầm quyền. Cương lĩnh năm 2011 cũng xác định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền. Nhưng đến nay, lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế chưa đủ rõ về khái niệm, nội dung, mô hình, phương thức cầm quyền. Chưa nhận thức và phân biệt rõ giữa Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền. Chưa xác định rõ quyền lực của Đảng, kiểm soát quyền lực trong Đảng. Nhận thức về quan hệ biện chứng giữa phương thức lãnh đạo của Đảng với xây dựng tổ chức bộ máy và xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa sâu sắc.

Thể chế hóa Cương lĩnh năm 2011, Hiến pháp năm 2013 quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Đến nay, những quy định trên chưa được cụ thể hóa, nhất là vấn đề chịu trách nhiệm trước nhân dân và những quyết định của mình.

Nhận thức về nội dung công tác xây dựng Đảng, nhìn chung mới dừng lại ở mức độ nhận thức chung là Đảng

phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, nhiều vấn đề chưa được cụ thể hóa thành các quy định để thực hiện.

Nhận thức về dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền còn hạn chế. Làm thế nào để thực hiện dân chủ thực sự trong Đảng. Mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ. Đảng hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ hay dân chủ tập trung.

Nhiều vấn đề đặt ra từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, phương thức lãnh đạo của Đảng chưa được giải đáp đầy đủ, sâu sắc...

2. Về thực tiễn

Trong 10 năm qua, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng, tăng cường. Đảng ta đã ban hành một số nghị quyết quan trọng về xây dựng Đảng: Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; và nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thực tiễn công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều thành tựu. Cụ thể như sau:

Một là, xây dựng Đảng về chính trị.

Đảng ta luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối.

Năng lực hoạch định đường lối, chính sách được nâng lên. Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành 21 nghị quyết, kết luận; Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành 10 nghị quyết, 16 chỉ thị; Ban Bí thư khóa XI đã ban hành nhiều kết luận; Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành 16 nghị quyết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ngày càng đúng đắn hơn, phù hợp với thực tiễn và đi vào cuộc sống, nhất là các nghị quyết về xây dựng Đảng và phát triển kinh tế.

Đường lối, chính sách của Đảng đã đi vào cuộc sống. Đất nước tiếp tục phát triển về mọi mặt. Đến năm 2018, GDP của Việt Nam đạt khoảng 240,5 tỷ USD, gấp 1,3 lần năm 2015, gấp gần 2,4 lần so với năm 2010; GDP bình quân đầu người đạt 2.540 USD, tăng 440 USD so với năm 2015, tăng 1.372 USD so với năm 2010. Vị thế của đất nước ngày càng cao trên trường quốc tế.

Hai là, xây dựng Đảng về tư tưởng.

Đã nhận diện rõ hơn, sâu sắc hơn, đầy đủ hơn chín biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, chín biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, chín biểu hiện của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Việc thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng đã bước đầu ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Việc xử lý kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân vi phạm đã góp phần

cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tiêu cực, làm trong sạch một bước đội ngũ cán bộ, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Quá trình thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng đã có tác động góp phần thúc đẩy đất nước vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố nền tảng trong Đảng và nhân dân.

Công tác lý luận đã chủ động nghiên cứu nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới. Trong 10 năm qua, đã tiến hành nhiều cuộc tổng kết lớn: Tổng kết 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992, phục vụ yêu cầu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, ban hành Hiến pháp năm 2013; Tổng kết hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị khóa VII về công tác lý luận; Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016),... Qua tổng kết đã góp phần phát triển tư duy lý luận của Đảng, phát hiện những vấn đề mới đang đặt ra, đề xuất những luận cứ lý luận - thực tiễn, làm cơ sở xác định quan điểm, giải pháp, kiến nghị mới.

Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường hơn, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ động hơn trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”; việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đạt những kết quả tích cực; công tác thông tin, báo chí, xuất bản được quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo.

Ba là, xây dựng Đảng về tổ chức.

Tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công

lập được đẩy mạnh sắp xếp lại theo tinh thần các nghị quyết Trung ương 6 khóa XII: Nghị quyết về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đã kết thúc một số ban chỉ đạo: Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Sắp xếp nhiều tổ chức, tinh giản bộ máy trong toàn bộ hệ thống chính trị được thực hiện rất kiên quyết với quyết tâm chính trị cao (như Bộ Công an,...), tinh giản biên chế. Trong quá trình thực hiện có một số vướng mắc, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: (1) Về thí điểm kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy và cơ quan chuyên môn của chính quyền có chức năng, nhiệm vụ tương đồng cấp tỉnh, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện; (2) Về thí điểm hợp nhất cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn (hoặc tham mưu) thuộc Ủy ban nhân dân có chức năng, nhiệm vụ tương đồng cấp tỉnh, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện; (3) Về thí điểm trưởng ban dân vận cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện; (4) Về tổ chức lại đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh; (5) Về thí điểm hợp nhất các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; (6) Về thực hiện thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng

nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành một văn phòng tham mưu, giúp việc chung ở những nơi có đủ điều kiện.

Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện. Số đảng viên mới kết nạp là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, trí thức, sinh viên, dân tộc thiểu số, tôn giáo, người lao động trong các thành phần kinh tế và chủ doanh nghiệp tư nhân trong 10 năm qua tăng hơn trước.

Đảng đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về xây dựng đội ngũ cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng các quy chế, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn.

Công tác lãnh đạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ có tiến bộ. Lần đầu tiên đã xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước khóa XII và tiếp tục xây dựng quy hoạch cán bộ cho khóa XIII. Ban hành quy định và thực hiện chế độ, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh có tác dụng tốt.

Bốn là, xây dựng Đảng về đạo đức.

Coi trọng rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; chỉ đạo, tổ chức, triển khai đạt kết quả tích cực trong việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 05-CT/TW của

Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm thực hiện có hiệu quả hơn; kỷ cương, kỷ luật được tăng cường. Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã làm rõ nhiều vụ việc, tố chức, cá nhân vi phạm Điều lệ Đảng, có vụ đặc biệt nghiêm trọng, quyết định kỷ luật và đề nghị cấp có thẩm quyền kỷ luật đối với những cán bộ cao cấp và tổ chức đảng vi phạm, trong đó có cả Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị; kỷ luật cả cán bộ đương chức và đã nghỉ hưu, cả trong lực lượng vũ trang. Việc xử lý kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân vi phạm đã góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tiêu cực, làm trong sạch một bước đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Công tác dân vận được quan tâm và có bước đổi mới cùng với việc ban hành, thực hiện những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Áp dụng nhiều hình thức tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Năm là, phương thức lãnh đạo của Đảng.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị từng bước được cụ thể hóa và đổi mới. Trong 10 năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, phát huy tính chủ động, sáng tạo và

trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng trong hệ thống chính trị được coi trọng hơn, đạt những thành quả quan trọng.

Đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo, tiếp tục thực hiện một số thí điểm: đại hội các cấp bầu trực tiếp thường vụ, bí thư, phó bí thư; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã ở những nơi có điều kiện; không tổ chức ban cán sự đảng ở các đơn vị sự nghiệp; hợp nhất một số cơ quan Đảng và Nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ,... Việc thực hiện những thí điểm này đã thu được những kết quả bước đầu, nhất là ở một số địa phương.

Phương thức lãnh đạo thông qua đảng viên được coi trọng hơn. Đa số cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức, vai trò tiên phong, gương mẫu thực hiện chức trách, nhiệm vụ; lãnh đạo, tổ chức, động viên sự tham gia của nhân dân vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Quan tâm đến việc phát huy vai trò của đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, một số hạn chế, khuyết điểm qua các nhiệm kỳ chậm được khắc phục trên các lĩnh vực xây dựng Đảng. Cụ thể như sau:

Một là, xây dựng Đảng về chính trị.

Vẫn còn tình trạng ban hành nhiều nghị quyết trong một nhiệm kỳ và tại mỗi kỳ họp. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng, kể cả nghị quyết khi ban hành được toàn Đảng, toàn dân đồng tình, rất đúng, rất trúng như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4, 6, 7 khóa XII, nhưng chưa đạt được yêu cầu đề ra. Các nguyên tắc xây dựng Đảng như nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, liên hệ mật thiết với nhân dân ở nhiều tổ chức đảng còn bị vi phạm.

Hai là, xây dựng Đảng về tư tưởng.

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận vẫn còn hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn diễn biến nhanh chóng, phức tạp; chưa giải đáp được một số vấn đề do thực tiễn đặt ra; chưa coi trọng đúng mức tổng kết việc thực hiện các thí điểm; công tác dự báo còn hạn chế; chưa làm tốt chức năng định hướng cho hoạt động thực tiễn, chưa có những giải pháp mới, đột phá để cung cấp căn cứ khoa học kịp thời, chính xác cho hoạch định đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, sức thuyết phục chưa cao, tính chiến đấu còn hạn chế; công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương, chính sách, pháp luật chưa kịp thời, thiếu chiều sâu, chưa làm rõ và đáp ứng các vấn đề quan tâm của nhân dân; công tác kiểm soát, đấu tranh phản bác, ngăn chặn các luận điệu thông tin xấu, sai trái, mang tính kích động, xuyên tạc trên mạng xã hội còn nhiều bất cập, hiệu quả hạn chế.

Ba là, xây dựng Đảng về tổ chức.

Công tác tổ chức, cán bộ còn nhiều hạn chế, bất cập. Việc triển khai các Nghị quyết Trung ương 6 và 7 khóa XII mới đạt kết quả bước đầu. Tổ chức của một số cơ quan Đảng, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội chưa tinh gọn, hoạt động

chưa hiệu lực, hiệu quả. Việc chỉ đạo khắc phục có hiệu quả tình trạng yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa quyết liệt; còn lúng túng trong việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc đổi mới công tác cán bộ còn chậm, nhiều cơ chế, chính sách cụ thể chưa được ban hành hoặc đã ban hành theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII còn bất cập. Một bộ phận cán bộ cấp chiến lược chưa đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Chưa quan tâm đầy đủ đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu cấp chiến lược.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi rất thấp; quản lý đảng viên chưa chặt chẽ; quyền hạn và trách nhiệm chưa rõ ràng, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Công tác phát triển đảng viên ở nông thôn, miền núi gặp nhiều khó khăn.

Bốn là, xây dựng Đảng về đạo đức.

Hiệu quả xây dựng Đảng về đạo đức chưa cao. Một bộ phận không nhỏ cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược cả đương chức và đã nghỉ hưu, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, phẩm chất, năng lực chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, còn biểu hiện “đặc quyền, đặc lợi”. Không ít cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tính đảng, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách, pháp luật, cố ý làm trái, trục lợi, làm thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có những chuyển biến tích cực, nhưng chưa nhiều, chưa đều, vẫn còn tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”. Chưa coi trọng kiểm tra nhằm ngăn chặn khuyết điểm, mới nặng về xử lý kỷ luật đảng.

Công tác dân vận còn nhiều hạn chế. Trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có những bất cập, sơ hở, khuyết điểm, chưa thật sự quán triệt quan điểm “dân là gốc”; chưa thật sự lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và giải quyết những bức xúc, tồn đọng kéo dài trong một bộ phận nhân dân đối với các vấn đề xã hội nhạy cảm như đất đai, môi trường; những vụ việc khiếu kiện phức tạp kéo dài trong nhân dân chưa được xử lý triệt để; chưa thường xuyên quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho nhân dân, nhất là công nhân và người lao động.

Năm là, phương thức lãnh đạo của Đảng.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trọng tâm là đối với Nhà nước còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Quan điểm Đảng lãnh đạo chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước chưa được thể chế hóa, cụ thể hóa. Tình trạng cấp ủy bao biện làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị đã và đang diễn ra ở nhiều ngành, địa phương, lĩnh vực.

Thực hiện phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng còn nhiều lúng túng. Chức năng, nhiệm vụ của một số đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy khối,... chưa được xác định rõ ràng, cụ thể, hoạt động thiếu hiệu quả. Tình trạng ở cùng một đơn vị, bộ, ngành còn nhiều tổ chức đảng, thuộc các

đầu mối khác nhau, tổ chức đảng và tổ chức chính trị - xã hội không đồng nhất về đầu mối trực thuộc... chậm được khắc phục, dẫn đến sự chông chéo, hoạt động gặp nhiều vướng mắc, lúng túng.

Phương thức lãnh đạo thông qua đảng viên còn nhiều bất cập. Chưa xác định rõ, cụ thể và thực hiện nghiêm chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị, của cấp ủy viên; chất lượng và vai trò của đảng viên ở nông thôn, ở thành phố, trong các doanh nghiệp, trường học... còn nhiều hạn chế.

3. Những vấn đề đặt ra

Một là, vấn đề xây dựng Đảng nói chung, trong từng lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức nói riêng là công việc hệ trọng liên quan đến uy tín và sự tồn vong của Đảng; hơn nữa, đó là một quá trình liên tục, kéo dài. Do đó, vấn đề đặt ra là cần phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc, cần có chiến lược lâu dài, có quyết tâm chính trị cao và sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị. Cần phải nâng tầm đạo đức, trí tuệ, trách nhiệm của Đảng trước quốc gia - dân tộc và nhân dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực cầm quyền, hiệu quả lãnh đạo của Đảng ngang tầm nhiệm vụ.

Hai là, cần làm rõ những vấn đề cơ bản về Đảng cầm quyền, khắc phục sự tụt hậu về lý luận trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; tiếp tục tìm ra và thực hiện những giải pháp mới, đột phá, khả thi để phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Ba là, vẫn còn tình trạng ban hành nhiều nghị quyết và chậm đưa nghị quyết vào cuộc sống. Tình hình đó đòi hỏi tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc xây dựng, triển khai và đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; khắc phục mạnh mẽ tình trạng ra nhiều nghị quyết. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết.

Bốn là, trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh nói chung, trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói riêng, nội dung làm theo và nêu gương, nhất là các cán bộ chủ chốt, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng, cán bộ cấp chiến lược là vấn đề ưu tiên cốt yếu nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc; nói chưa đi đôi với làm, gây bức xúc trong xã hội và làm giảm niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Chương V

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUA 10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH (BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011); ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT SỰ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN SAU 10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 2011

1. Ưu điểm

Thứ nhất, nhận thức rõ hơn mô hình của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng.

Trước đổi mới, nước ta tiếp thu và áp dụng theo mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết. Đại hội VI của Đảng (1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Đồng thời Đại hội VI chỉ rõ: “Sau Đại hội này, với tinh thần cách mạng và khoa học, tiếp tục phát triển đường lối đã được xác định, Đảng ta cần xúc tiến xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ”¹. Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986-1991), Đại hội VII của Đảng thông qua Cương lĩnh năm 1991.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.47, tr.374.*

Kế thừa quan điểm của các Đại hội VIII, IX, nhất là Đại hội X, Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”¹.

Từ sau Đại hội XI của Đảng đến nay, Đại hội XII và các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị tuy không có nghị quyết chuyên đề nào bàn trực tiếp về các đặc trưng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhưng đã có nhiều nghị quyết tiếp tục cụ thể hóa các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng:

Trong 10 năm qua, Đại hội XII và nhiều nghị quyết Đảng đã tiếp tục cụ thể hóa, phát triển các phương hướng cơ bản được nêu trong Cương lĩnh năm 2011:

(i) Tiếp tục nhận thức công nghiệp hóa, hiện đại hóa là vấn đề cơ bản của việc phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Xem xét công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một cách toàn diện hơn: công nghiệp hóa rút ngắn, công nghiệp hóa gắn với hiện đại

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

hóa; gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức, tức là phù hợp xu thế phát triển của nhân loại; gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường là phù hợp với thực tế Việt Nam và kinh nghiệm của các nước đi trước đã thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là phù hợp thực tế Việt Nam.

(ii) Xác định rõ hơn phương hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xác định: Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

(iii) Phương hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng như mối liên hệ giữa xây dựng văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội được xác định rõ hơn. Bổ sung, làm rõ hơn các đặc trưng của văn hóa Việt Nam: dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Tư duy lý luận về vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững được khẳng định, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu và động lực của phát triển. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là sức mạnh nội sinh của phát triển bền vững; làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội,

đặc biệt là văn hóa nhân cách, văn hóa trong kinh tế, văn hóa trong chính trị; tư duy bước đầu về xây dựng hệ giá trị, chuẩn mực của văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, chủ động hội nhập quốc tế; đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa. Khẳng định sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa là tất yếu chính trị.

(iv) Xác định gắn kết nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia với nhiệm vụ giữ vững chế độ, bảo vệ Đảng, giữ vững trật tự, an toàn xã hội, văn hóa cũng như gắn kết phương hướng bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia với yêu cầu giữ vững trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cuộc sống của nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội luôn gắn với nhiệm vụ đối ngoại. Nhận thức mềm dẻo, linh hoạt phù hợp thực tiễn về “đối tác” và “đối tượng” trong quốc phòng, an ninh được thay thế cho nhận thức cũ, cứng nhắc. Gắn xây dựng đường lối quốc phòng, an ninh nhân dân với kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vùng đất, vùng trời, vùng biển của Tổ quốc.

(v) Đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết trong hoạt động đối ngoại. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế đã được kiên trì, kiên định trong quá trình thực hiện Cương lĩnh. Từ “sẵn sàng là bạn”, “chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” chúng ta đã chuyển thành công sang phương châm “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” và “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” làm cho công tác đối ngoại ngày càng toàn diện hơn. “Đối ngoại nhân dân” đã được thay

bằng “Ngoại giao nhân dân”. Trong hoạt động đối ngoại đã luôn giữ vững nguyên tắc chiến lược, mềm dẻo trong sách lược bằng những biện pháp, hình thức linh hoạt, sáng tạo, tranh thủ điểm tương đồng, hạn chế bất đồng, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình.

(vi) Chuyển “dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới” thành “dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của phát triển đất nước”. Như vậy đầy đủ hơn, đúng đắn hơn, phù hợp với thực tế hơn. Coi dân chủ xã hội chủ nghĩa như một phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội. Gắn xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa với thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất. Đại đoàn kết toàn dân tộc được mở rộng trên cơ sở “cộng đồng Việt Nam” rộng hơn trước kia trên cơ sở các “dân tộc trong nước”. Lấy điểm tương đồng về mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

(vii) Coi xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trên tất cả các mặt lập pháp, hành pháp, tư pháp và xây dựng đội ngũ công chức là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

(viii) Khẳng định và kiên trì, kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động mà còn của cả dân tộc. Cùng với xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức thì Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng xây dựng Đảng về đạo đức. Những luận điểm này phù hợp với thực tiễn Việt Nam và được thực tiễn chứng minh là đúng.

Thứ hai, bổ sung nhận thức các mối quan hệ lớn.

Qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh năm 2011 đã xác định: Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ;...

Mười năm qua, Đại hội XII đã bổ sung mối quan hệ giữa “Nhà nước và thị trường”, đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII đã phát triển thành mối quan hệ “giữa Nhà nước - thị trường và xã hội”; đã điều chỉnh mối quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” thành mối quan hệ “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời cụ thể hóa nội dung các mối quan hệ lớn.

Thứ ba, nhận thức rõ hơn những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được bổ sung, phát triển ngày càng hoàn thiện. Nhận thức về phát triển văn hóa, con người có những đổi mới. Nhận thức rõ hơn về quản lý phát triển xã hội, chính sách xã hội. Nhận thức

về quốc phòng, an ninh có những bước phát triển mới. Nhận thức về đối ngoại có bước phát triển, nhất là nhận thức về vị trí, vai trò của các chủ thể trong hoạt động đối ngoại.

Thứ tư, nhận thức về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng có bước tiến quan trọng.

Nhận thức rõ hơn về dân chủ xã hội chủ nghĩa và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có bước tiến quan trọng, nhất là nhận thức rõ về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực; về tổ chức bộ máy của Nhà nước. Nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn, cụ thể hơn bản chất của Đảng; rõ vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng; về yêu cầu đối với Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền; về vị trí, nội dung, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; về phương thức lãnh đạo của Đảng.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Thứ nhất, nhận thức về phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội còn những điểm chưa rõ.

(i) Tiêu chí của một nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như tiêu chí của nền kinh tế tri thức vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam chưa thống nhất. Từ đó làm cho chúng ta còn lúng túng về biện pháp, con đường, điểm đột phá để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như xây dựng nền kinh tế tri thức. Chúng ta cũng chưa nhận thức rõ vai trò của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển

kinh tế tri thức. Trong công nghiệp thì đột phá ngành gì, ưu tiên ngành gì cũng còn lúng túng. Trong nông nghiệp cũng tương tự như vậy, chưa chọn được khâu đột phá để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

(ii) Vẫn chưa thống nhất trong Đảng, nhất là trong xã hội về những đặc trưng cơ bản của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là việc cụ thể hóa những đặc trưng này trong từng lĩnh vực để bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, còn lúng túng trong tổ chức thực hiện. Do vậy, cơ chế “xin - cho” vẫn còn tồn tại và biểu hiện biến tướng phức tạp.

(iii) Cơ chế, điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa còn chung chung, chưa rõ ràng, chưa cụ thể. Xã hội dân sự chưa được nghiên cứu đầy đủ, nghiêm túc. Chưa đề ra được hệ giá trị chuẩn mực văn hóa Việt Nam; hệ giá trị con người Việt Nam. Chưa có giải pháp đột phá để bứt phá về giáo dục, đào tạo; phát triển khoa học công nghệ; trọng dụng nhân tài. Nhiều chủ trương đúng vẫn dừng ở tư tưởng, quan điểm chưa hoặc chậm triển khai trên thực tế. Chậm ban hành luật về hội.

(iv) Nhận thức lý luận về vấn đề ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh từ xa vẫn còn chung chung, chưa cụ thể. Có những vấn đề liên quan đến nội bộ trong đời sống xã hội của nhân dân gắn với trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cuộc sống của nhân dân như Luật Biểu tình chưa được nhận thức đầy đủ, giải quyết triệt để, còn các ý kiến trái chiều. Đây là một trong những nguyên nhân chưa giải quyết triệt để vấn đề tụ tập đông người, lợi dụng dân chủ, “dân chủ quá trớn” gây mất trật tự, an toàn xã hội cho người dân. Vấn đề an ninh

phi truyền thống chưa được quan tâm đúng mức. Việc nghiên cứu những dự báo chiến lược về lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa theo kịp sự phát triển của tình hình. Đặc biệt là những nhận thức và tư duy chiến lược về vấn đề biển Đông chưa chủ động, còn chậm so với một số nước khác trong khu vực, thậm chí có lúc bị động, còn có biểu hiện chạy theo lợi ích kinh tế mà coi nhẹ chiến lược quốc phòng, an ninh.

(v) Nội hàm của khái niệm lợi ích quốc gia, dân tộc, độc lập, chủ quyền, cũng như thế nào là ưu tiên bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay còn chung chung, chưa rõ.

(vi) Cơ chế, phương thức thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” chưa rõ cho nên việc phát huy vai trò, quyền làm chủ của nhân dân còn hạn chế. Cơ chế, điều kiện thực hiện dân chủ trực tiếp của nhân dân còn hạn chế. Phương thức hoạt động trong điều kiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể nhân dân chưa hiệu quả, còn hình thức. Bệnh hành chính hóa, nguy cơ quan liêu hóa của các cơ quan này được nhận thức từ sớm nhưng chưa có giải pháp hữu hiệu, triệt để khắc phục.

(vii) Chúng ta mới chỉ thấy tính chất pháp quyền trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chưa thấy được đây là phương thức thực hiện quyền lực của nhân dân hiệu quả nhất, cũng như phương thức thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa thực tế nhất trong điều kiện hiện nay. Mô hình, cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn chưa rõ, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Cụ thể, cơ chế “phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan

lập pháp, hành pháp và tư pháp” trong thực hiện quyền lực nhà nước chưa được làm rõ. Do vậy, chưa có cơ chế ngăn chặn sự tha hóa quyền lực trong bộ máy nhà nước.

(viii) Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ được nêu ra từ rất sớm nhưng nội hàm, cơ chế vận hành của mối quan hệ này còn lúng túng, chưa rõ. Quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và công dân cũng chưa được làm rõ. Vấn đề kiểm soát quyền lực trong Đảng cũng chưa được nhận thức và giải quyết một cách quyết liệt. Cơ chế ngăn ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến, tự chuyển hóa” còn chung chung.

Thứ hai, nhận thức về các mối quan hệ lớn chưa đầy đủ.

(i) Việc nhận thức tám mối quan hệ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân còn nhiều hạn chế. Do chưa nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa, vị trí, tầm quan trọng của việc giải quyết tám mối quan hệ này cũng như mối liên hệ hữu cơ của việc giải quyết chúng với tám đặc trưng, tám phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta mà Cương lĩnh năm 2011 nêu ra, nên còn có biểu hiện nhận thức chưa quan tâm giải quyết trên thực tế. Điều này vô hình trung đã cản trở công cuộc đổi mới vì chủ nghĩa xã hội.

(ii) Nhiều nội dung cụ thể của các mối quan hệ chưa được làm rõ hơn, sâu sắc hơn về mặt lý luận, mới dừng ở mức chung chung mang tính phương pháp luận. Do vậy, trong tổ chức thực hiện trên thực tế nhất là ở các bộ, ban, ngành và cấp cơ sở còn lúng túng, bị động, thiếu nhất quán. Nhìn chung, chúng ta vẫn dừng ở tư duy cũ để nhận thức và giải quyết các mối quan hệ này. Do đó, việc giải quyết các mối quan hệ này chưa có tính đột phá.

(iii) Tính quy luật của việc nhận thức và giải quyết các mối quan hệ này cũng chưa được chú ý đúng mức. Do vậy, câu hỏi các mối quan hệ này là các mối quan hệ đặc thù của Việt Nam trong quá trình đổi mới vì chủ nghĩa xã hội hay là những quan hệ mang tính phổ biến ở những nước đi lên chủ nghĩa xã hội có điều kiện tương đồng như Việt Nam còn phải tiếp tục được nghiên cứu, nhận thức rõ hơn. Ngoài các mối quan hệ này còn những mối quan hệ nào nữa?

(iv) Chúng ta chưa cụ thể hóa được những biện pháp, cách thức giải quyết các mối quan hệ này trong mối liên hệ nội tại giữa chúng cũng như trong mối liên hệ với việc nhận thức và thực hiện tám đặc trưng và tám phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ ba, nhận thức những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn có những bất cập.

Nhiều vấn đề về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chưa được xác định rõ. Chưa nhận thức rõ vai trò của văn hóa với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm là động lực của phát triển. Nhận thức về con người còn một số bất cập. Nhận thức về quản lý phát triển xã hội và quản trị xã hội chưa đủ rõ. Nhận thức về quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn có những bất cập.

Thứ tư, nhận thức những vấn đề về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng còn chưa đủ rõ.

Nhận thức về dân chủ còn những hạn chế, bất cập. Nhận thức về bản chất của hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị; về xây dựng Nhà nước pháp quyền chưa đầy đủ và

hệ thống. Nhận thức về Đảng và công tác xây dựng Đảng trên một số nội dung chưa đủ rõ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG CỤ THỂ HÓA, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 2011 TRONG 10 NĂM QUA

1. Ưu điểm

Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đã chỉ rõ: “Nhìn chung, nội dung của Cương lĩnh năm 1991 và các nghị quyết của Đảng đều đã được thể chế hóa và cụ thể hóa để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, mang lại *nhều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*¹”.

Đại hội XII nhìn lại 30 năm đổi mới (1986-2016) đã đánh giá: “Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhìn tổng thể, qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, nhất là qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, đất nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử* trên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Tiểu ban tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991: *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011)*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.141-142.

con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tiềm lực đất nước được tăng cường, vị thế và uy tín đất nước được nâng lên, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện toàn diện.

Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.65-66.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực hiện các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Một số đặc trưng chưa được xác định rõ nội hàm, các nội dung cần triển khai thực hiện, yêu cầu thực hiện đạt được gì, hiệu quả như thế nào. Do đó, có những đặc trưng được thực hiện chưa chặt chẽ về yêu cầu, thậm chí có những lệch lạc nhất định dẫn tới những hệ quả sai lệch trong thực tế. Ví dụ, vấn đề xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, do chưa xác định rõ hệ giá trị văn hóa Việt Nam, hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam nên lúng túng trong triển khai thực hiện, thiếu các giải pháp đầy đủ, hiệu quả. Đó chính là một trong những nguyên nhân căn bản dẫn tới những lệch lạc về đời sống văn hóa của xã hội. Hoặc như vấn đề xây dựng con người gắn liền với trách nhiệm giáo dục, trong khi chủ trương xã hội hóa giáo dục không được nhận thức đầy đủ, nhất quán, nên việc triển khai chạy theo cơ chế thị trường, không coi trọng đúng mức về sự công bằng, ý nghĩa của giáo dục nhân cách, lối sống con người. Việc xã hội hóa giáo dục theo cơ chế thị trường thuần túy đẩy tới sự mất công bằng trong cơ hội tiếp cận giáo dục, ảnh hưởng xấu đến quá trình hình thành nhân cách và lối sống của những lớp người trẻ tuổi.

Cùng với những thành tựu đạt được, việc thực hiện các phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời gian qua vẫn còn những hạn chế. Kinh tế tri thức phát triển còn chậm, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường còn có những hạn chế, bất cập. Một số thị trường chậm hình thành, phát triển; tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ cao còn thấp, tình trạng gia công còn chiếm tỷ lệ lớn trong nền

kinh tế. Khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn về đời sống so với khu vực đồng bằng, đô thị; khoảng cách giàu nghèo có xu hướng ngày càng doãng ra. Có lúc, có nơi còn biểu hiện dân chủ hình thức. Cải cách hành chính còn chậm, có lúc có nơi, còn nhiều thủ tục hành chính phiền hà. Tiêu cực, tham nhũng chưa bị ngăn chặn, đẩy lùi triệt để; có nơi, có lúc, tổ chức Đảng, đảng viên và cán bộ cơ quan nhà nước còn quan liêu, xa dân.

3. Nguyên nhân của ưu điểm và hạn chế, khuyết điểm

3.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011) đã chỉ rõ: Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 bắt nguồn từ đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm; nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được tăng cường, nhân dân ta không ngừng phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù và sáng tạo.

Đại hội XII nhìn lại 30 năm đổi mới (1986-2016), trong đó có 25 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã chỉ rõ: Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn,

sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của lịch sử. Đại hội cũng chỉ ra nguyên nhân của thành tựu đạt được trong 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2016), cũng là 05 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011): Những thành quả đạt được có nhiều nguyên nhân, trong đó quan trọng nhất là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, giải quyết có kết quả nhiều vấn đề mới phát sinh; sự đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội và các cơ quan dân cử; sự quản lý, điều hành năng động, quyết liệt trên nhiều lĩnh vực của Chính phủ, chính quyền các cấp; sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự nỗ lực phấn đấu, sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; hội nhập quốc tế sâu rộng đã đem lại nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đạt được trong 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó có 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) do nhiều nguyên nhân, nổi bật là:

Thứ nhất, đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phù hợp quy luật tiến hóa của lịch sử và thực tiễn Việt Nam.

Thứ hai, thành tựu đạt được qua 20 năm Cương lĩnh (1991-2011) tạo tiền đề, điều kiện để phát triển trong 10 năm qua.

Thứ ba, nhờ có sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, chung sức, chung lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Thứ tư, Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới, phối kết hợp nhịp nhàng, đồng bộ, bài bản trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai Cương lĩnh, tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân, giải quyết kịp thời, đúng đắn, thích hợp và có hiệu quả các vấn đề cuộc sống đặt ra, nhất là các vấn đề quan trọng, nhạy cảm, bức xúc.

Thứ năm, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đã đem lại nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011) đã chỉ rõ: Nguyên nhân của mặt hạn chế, yếu kém là mô hình chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng còn mới mẻ, chưa có tiền lệ; công tác nghiên cứu lý luận, thực tiễn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; việc tổ chức chỉ đạo thực hiện còn có những khuyết điểm.

Nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, những hạn chế, bất cập do 02 loại nguyên nhân chính: Về khách quan: mô hình chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng còn mới mẻ, chưa có tiền lệ. Về chủ quan: công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; việc tổ chức chỉ đạo chưa thật kiên quyết. Cụ thể như sau:

Chưa thống nhất về mặt nhận thức lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, về kinh tế tri thức; còn cầu toàn

quá về nghiên cứu lý luận nên chậm trong triển khai thực tiễn. Hơn nữa, chậm tổng kết thực tiễn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ môi trường trong thời kỳ đổi mới để rút ra những bài học cần thiết cho thực hiện phương hướng này.

Chưa nhận thức rõ và thống nhất về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cho rằng đây là mô hình kinh tế mới ở nước ta, nên không mạnh dạn học hỏi kinh nghiệm các nước khác được.

Còn chủ quan và chưa nhận thức, đánh giá đúng vai trò, vị trí của một số vấn đề văn hóa, xã hội, con người, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong mối quan hệ với kinh tế; chưa nhận thức hết vai trò sức mạnh mềm của văn hóa. Còn có tư tưởng tuyệt đối hóa kinh tế, còn tâm lý chỉ chú ý lo tăng trưởng GDP. Chậm tổng kết thực tiễn việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với xây dựng con người.

Chưa tập trung nghiên cứu những vấn đề mới liên quan đến quốc phòng, an ninh nảy sinh từ thực tế; còn thận trọng quá mức dẫn tới “né tránh” vấn đề.

Chưa xác định thật rõ liên minh hay liên hiệp mà mình phải dựa vào khi tình hình khó khăn, trong khi bối cảnh thế giới biến động khôn lường. Do vậy, chúng ta còn rất cẩn trọng trong xác định từng đối tác cụ thể trong đối ngoại. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về những vấn đề trên còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Chưa quyết liệt giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tế, bằng lòng với kết quả đã có. Chưa tổng kết thực tiễn, xây dựng mô hình thí điểm hoạt động của Mặt trận độc lập thống nhất để tìm ra phương thức hoạt động tối ưu. Chưa quyết liệt

tổng kết thực hiện việc thí điểm nhân dân bầu trực tiếp một số chức danh lãnh đạo ở cấp cơ sở và cấp huyện để tổ chức thực hiện trên cả nước.

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền là vấn đề mới và khó nhưng chưa nghiên cứu về mặt lý luận một cách toàn diện, bài bản. Đã vậy, chưa tổng kết được thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam để rút ra bài học cho việc kiểm soát quyền lực tốt hơn. Chưa quyết liệt trong việc loại bỏ những công chức biến chất, tha hóa ra khỏi bộ máy nhà nước. Việc xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đạt được những kết quả rất hạn chế.

Chậm nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, vai trò của xây dựng Đảng về đạo đức; tổ chức thực hiện trên thực tế công tác xây dựng Đảng về đạo đức chưa tốt. Đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, v.v. trong bộ máy Đảng, chính quyền trong nhiều nhiệm kỳ Đại hội nhưng chưa đáp ứng yêu cầu mong mỏi của nhân dân và yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

III. TÌNH HÌNH MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NHẬN THỨC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH

1. Tình hình mới

Một là, bối cảnh thế giới và khu vực.

Trên thế giới, trong những năm tới tình hình sẽ tiếp tục diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Toàn cầu hóa mà cốt lõi là toàn cầu hóa về kinh tế tiếp tục là xu thế lớn

kéo theo quá trình toàn cầu hóa về mọi mặt đời sống xã hội của thế giới, mặc dù gần đây đang gặp nhiều thách thức, trong đó có trào lưu quay lại bảo hộ.

Trong những năm tới, tiến trình toàn cầu hóa, liên kết, hội nhập vẫn là xu thế phát triển tất yếu, không thể đảo ngược và diễn ra theo các xu hướng: (1) Xu hướng liên kết kinh tế đa tầng nấc phát triển mạnh, gồm: các cơ chế đa phương khu vực phát triển mạnh, như ASEAN, APEC, CPTPP, RCEP, SO, AIIB, Bắc Ngao, Mêkông, EU, MERCOSUR...; các cơ chế đa phương liên khu vực, như ASEM, Liên minh kinh tế Á - Âu...; các diễn đàn, cơ chế toàn cầu có tính linh hoạt cao, như G20, G7, BRICS, WEF...; các định chế toàn cầu có xu hướng cải cách, như Liên hợp quốc, WTO, IMF, WB, WHO...; (2) Sự xuất hiện và đẩy nhanh các sáng kiến liên kết tầm liên khu vực và toàn cầu, như: sáng kiến “Vành đai và con đường” (BRI), sáng kiến “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (IPS), sáng kiến Khu vực mậu dịch tự do châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP), sáng kiến Đại Á - Âu,... cũng như các mâu thuẫn từ thực hiện các sáng kiến này. (3) Hình thức nhóm đa phương phát triển mạnh hơn với biểu hiện là sự nổi lên của các tổ chức khu vực và tiểu vùng, do các cường quốc khu vực dẫn dắt. Xu thế khu vực hóa diễn ra mạnh mẽ trên các cấp độ tiểu vùng, khu vực và liên khu vực, với mức độ và quy mô liên kết sâu rộng hơn, như BRICS, tổ chức Hợp tác Thượng Hải, Liên minh kinh tế Á - Âu, Cộng đồng ASEAN, Liên minh Thái Bình Dương,...

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nhất là Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra những đột phá rất lớn, làm thay đổi bản chất phương thức sản xuất kinh doanh và quản trị ở cả tầm quốc gia và quốc tế, đặt ra yêu cầu đổi mới

và xây dựng luật chơi mới; làm bùng nổ quá trình ứng dụng các thành tựu công nghệ, như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, Internet kết nối vạn vật, công nghệ in 3D... vào phát triển kinh tế, đặc biệt là qua các công cụ kinh tế - tài chính mới, có thể làm đảo ngược chiều dịch chuyển các dòng vốn quốc tế. Theo đó vốn đầu tư chảy ngược về các nước phát triển chiếm ưu thế về công nghệ cao, tự động hóa; đẩy mạnh cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn nhằm giành và giữ ưu thế vượt trội công nghệ lên mức cao chưa từng thấy, thể hiện rõ nhất trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc.

Cục diện chính trị - an ninh thế giới có nhiều chuyển biến lớn, trong đó nổi bật là tương quan lực lượng giữa các nước lớn tiếp tục thay đổi. Bản đồ quyền lực đang được vẽ lại, chuyển dịch quyền lực diễn ra từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông.

Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn có nhiều điều chỉnh quan trọng, tác động sâu sắc, lâu dài đến an ninh và phát triển của thế giới.

Trung Quốc sau Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc cơ bản chuyển từ “lãnh đạo tập thể” sang “lãnh đạo hạt nhân”, quyền lực tập trung vào Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình. Trung Quốc từ bỏ phương châm “giấu mình chờ thời”, công khai xác định lộ trình trở thành cường quốc thế giới vào giữa thế kỷ XXI. Trung Quốc thúc đẩy thực hiện “giấc mơ Trung Hoa” khi đưa ra khái niệm “cộng đồng chung vận mệnh”; triển khai sáng kiến “Vành đai và con đường” phục vụ các mục tiêu địa chiến lược và nhu cầu kinh tế, mở rộng ảnh hưởng từ châu Á đến châu Âu, Trung Đông, châu Phi, châu Đại Dương, thậm chí vươn tới “sân sau” của Mỹ ở khu vực Mỹ Latinh.

Mỹ phục hồi kinh tế, gia tăng sức mạnh quân sự. Với phương châm “nước Mỹ trên hết”, D. Trump điều chỉnh theo hướng thực dụng, coi trọng song phương hơn đa phương, phủ định nhiều di sản của chính quyền Obama; tiếp cận quyết đoán và khó lường hơn trước; hành xử phi truyền thống; chủ động và kiên quyết hơn trong việc gây sức ép với các đối thủ như Trung Quốc, Nga... cũng như các đồng minh, đối tác tăng cường chia sẻ gánh nặng. Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ gây tâm lý bất an, giảm tin cậy của đồng minh và đối tác.

Các nước lớn khác cũng có điều chỉnh lớn. Nhật Bản duy trì đà phục hồi kinh tế, chủ động hơn về chiến lược, đi đầu dẫn dắt tiến trình liên kết kinh tế khu vực (thúc đẩy CPTPP, triển khai Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở...). Sau thời gian suy thoái Nga đã lấy lại đà tăng trưởng về kinh tế; về đối ngoại tập trung phá thế bao vây, cấm vận của phương Tây và bảo vệ ảnh hưởng truyền thống ở các khu vực có lợi ích sát sườn. Ấn Độ đang trỗi dậy nhanh về kinh tế và quân sự, khẳng định vai trò nước lớn, khai thác sự tác động chiến lược, thúc đẩy Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, tranh thủ quan hệ với Trung Quốc. EU phục hồi kinh tế tích cực hơn song vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức gây chia rẽ chính trị trong việc xử lý khủng hoảng di cư, vấn đề Brexit, nguy cơ ly khai ở Tây Ban Nha, Italy... cũng như thách thức bên ngoài từ Nga, nguy cơ khủng hoảng di cư, khủng bố quốc tế... EU tìm cách gia tăng độc lập nhất định với Mỹ, tăng cường quan hệ với Trung Quốc, một số nước khác, như Pháp, Đức chủ động tìm cách cải thiện quan hệ với Nga.

Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, nhất là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương giữa Trung Quốc và Mỹ.

- *Chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ phát triển phức tạp.* Chủ nghĩa dân túy gần đây nổi lên mạnh hơn, mang tính lan tỏa, ảnh hưởng lẫn nhau hơn trước, nhất là ở các nước phát triển phương Tây là các trung tâm chính trị, kinh tế hàng đầu của thế giới. Hệ lụy làm xuất hiện xu hướng chống toàn cầu hóa, giảm ưu tiên, giảm cam kết, thậm chí ly khai khỏi các thể chế đa phương, đồng thời hạn chế và kiểm soát nhập cư, thắt chặt viện trợ quốc tế, áp dụng các biện pháp bảo vệ thương mại cứng rắn. Xu hướng bảo hộ hiện nay xuất hiện chủ yếu ở các nước phát triển vốn trước đây cổ vũ cho mở cửa thị trường, tự do hóa và toàn cầu hóa. Số lượng biện pháp bảo hộ tăng mạnh, lĩnh vực bảo hộ mở rộng với nhiều biện pháp phức tạp, tinh vi hơn. Bảo hộ hiện nay không chỉ giới hạn trong lĩnh vực trao đổi mua bán hàng hóa dịch vụ mà còn bao gồm cả tài chính, bảo hộ đầu tư, sở hữu trí tuệ...

- *Các nước lớn vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và khu vực.* Quan hệ Mỹ - Trung Quốc căng thẳng hơn với việc Mỹ gia tăng sức ép toàn diện cả về kinh tế, chính trị và quân sự đối với Trung Quốc. Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục căng thẳng. Trung Quốc cũng tìm mọi cách để đáp trả. Mỹ không muốn cho Trung Quốc vươn lên nhất thế giới, trong khi Trung Quốc đang nhanh chóng trở thành cường quốc. Quan hệ Mỹ - Nga đang có những cải thiện và bớt căng thẳng hơn trước. Tuy nhiên, quan hệ Mỹ - Nga vấp phải một số trở ngại. Hai bên còn

khác biệt về các vấn đề quốc tế, nhất là các vấn đề liên quan đến lợi ích 2 nước. Tâm lý chống Nga xuất hiện trong dư luận Mỹ. Chính vì thế, quan hệ Mỹ - Nga chưa thể được cải thiện sớm. Quan hệ đồng minh Mỹ - Nhật Bản tiếp tục được củng cố và tăng cường, nhưng về lâu dài, xu hướng “độc lập” hơn với Mỹ có thể mạnh hơn, Nhật Bản có thể tăng cường hơn nữa với các nước khác để bảo vệ lợi ích và củng cố ảnh hưởng của mình trong khu vực Đông Á. Quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản tiếp tục duy trì nguyên trạng và căng thẳng vẫn trong tầm kiểm soát.

- *Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn.* Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt.

- *Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường có nhiều diễn biến phức tạp.* Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn trước các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới.

- *Kinh tế thế giới lâm vào suy thoái trầm trọng, khủng hoảng.* Các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Biến động của giá cả thế giới, sự bất ổn về tài chính, tiền tệ, nền kinh tế ảo tiếp tục gây ra những hiệu ứng bất lợi đối với nền kinh tế thế giới. Tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực

đang có nhiều thay đổi. Các nước trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đẩy mạnh phát triển nền kinh tế số, phát triển trí tuệ nhân tạo, phát triển theo hướng bền vững, bao trùm là một xu thế. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường công nghệ cao, nguồn lực giữa các nước ngày càng gay gắt. Xuất hiện ngày càng nhiều hình thái liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các kinh tế song phương, đa phương thế hệ mới.

- *Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trọng tâm phát triển năng động. Đồng thời đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Mỹ sẽ đẩy mạnh chiến lược “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương bằng Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, tăng cường hiện diện về quân sự, thúc đẩy hình thành một liên minh do Mỹ lãnh đạo để ngăn chặn, kiềm chế Trung Quốc. Trung Quốc sẽ quyết liệt, quyết đoán hơn trong giành giật ảnh hưởng với các nước lớn của khu vực, vừa lôi kéo, vừa sử dụng sức mạnh để gây áp lực với các nước láng giềng bằng sáng kiến “Vành đai và con đường”. Nga sẽ ngày càng quan tâm hơn, tiếp tục chuyển hướng sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương và ngày càng gắn kết với với Trung Quốc nhằm chống lại áp lực từ Mỹ và phương Tây. Nhật Bản sẽ tiếp tục tăng cường đầu tư cho quốc phòng, mở rộng can dự vào các vấn đề khu vực nhằm khẳng định vai trò của một cường quốc toàn diện. Ấn Độ đẩy mạnh thực hiện “Chính sách hành động hướng Đông”, mở rộng quan hệ với các nước, nhất là các nước Đông Nam Á, thực hiện ngăn chặn từ xa ảnh hưởng của*

Trung Quốc ở Nam Á và Ấn Độ Dương. Các nước Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand và ASEAN tăng cường hợp tác với nhau và khai thác thế mạnh của cơ chế đa phương do ASEAN dẫn dắt để qua đó đề cao luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử khu vực, từ đó hạn chế ảnh hưởng của chính trị cường quyền nước lớn.

- *Kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục duy trì đà phát triển nhanh hơn so với các khu vực khác trên thế giới.*

- *Vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ có diễn biến phức tạp hơn, dễ xảy ra va chạm, xung đột, đe dọa ổn định, hòa bình và phát triển của khu vực; nguy cơ mất ổn định, khả năng chạy đua vũ trang gia tăng.* Với những mâu thuẫn, tranh chấp lãnh thổ vốn có giữa các nước (tranh chấp biên giới giữa Trung Quốc và Ấn Độ; tranh chấp giữa Trung Quốc và Nhật Bản trên biển Hoa Đông và một số nước ASEAN ở biển Đông; tranh chấp biên giới, lãnh thổ giữa các nước Đông Nam Á...) thì sự hiện diện và giành giật lợi ích giữa các nước lớn trở thành “ngòi nổ” làm bùng phát vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở khu vực, từ đó dẫn đến nguy cơ va chạm, xung đột giữa các nước, đe dọa đến ổn định, hòa bình và phát triển của khu vực. Cạnh tranh giữa các nước lớn và tranh giành chủ quyền lãnh thổ cũng sẽ kích thích chạy đua vũ trang, gây hao tổn quyền lực, tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của các nước.

Hai là, một số dự báo bối cảnh trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(i) Về kinh tế:

Hiến pháp năm 2013 xác định các mục tiêu chung, tổng quát trong tương lai của Việt Nam là “dân giàu, nước mạnh,

dân chủ, công bằng, văn minh”. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển, có khả năng cạnh tranh, và hội nhập sâu với nền kinh tế toàn cầu. Các thể chế thị trường mạnh mẽ và hiện đại, bảo đảm cạnh tranh công bằng và tự do, bảo đảm tất cả các hình thức sở hữu tư nhân, thị trường vốn, đất đai cạnh tranh và minh bạch, sẽ mang lại nhiều lợi ích cho khu vực tư nhân trong nước. Các doanh nghiệp nhà nước ít về số lượng nhưng có tiềm lực lớn và hoạt động theo cơ chế thị trường tập trung vào hiệu quả tài chính và sản xuất. Tất cả các tập đoàn kinh tế, cho dù là tư nhân hay nhà nước tuân thủ những kinh nghiệm và nguyên tắc có giá trị toàn cầu về quản trị doanh nghiệp khách quan, hoạt động trên một sân chơi bình đẳng với tất cả các bên có liên quan.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ, tập trung vào hoàn thiện mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội theo nguyên tắc “nhà nước mạnh - thị trường hiệu quả - xã hội (doanh nghiệp và người dân) năng động, sáng tạo”. Tháo gỡ những “nút thắt”, những bất cập để phát huy cao nội lực và tiềm năng, sức mạnh của các thành phần kinh tế và của cả xã hội; đồng thời xây dựng thể chế để có thể đón nhận, tận dụng hiệu quả những cơ hội mới, những mô hình mới, xu hướng phát triển mới trong kinh tế và khoa học - công nghệ.

(ii) Về chính trị:

Thể chế chính trị tiếp tục được tập trung đẩy mạnh đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước, lãnh đạo xây dựng thể chế phát triển hiện đại, hiệu quả. Năng lực định hướng và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, năng lực dự báo và điều chỉnh

chiến lược phát triển được nâng cao. Trên cơ sở xác định rõ và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong bộ máy hệ thống chính trị được xây dựng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó Nhà nước pháp quyền - Nhà nước kiến tạo phát triển, theo yêu cầu “liêm chính - kỷ cương - hành động - sáng tạo - hiệu quả”, khâu trung tâm của xây dựng thể chế phát triển, đáp ứng những yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, bao trùm trong giai đoạn mới.

Tập trung xây dựng bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cụ thể sẽ đổi mới chức năng nhà nước phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập. Bảo đảm và thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân và các tổ chức xã hội.

Nhà nước sẽ thực thi và bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình; tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị; đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công.

Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động của chính sách được tham gia thiết thực vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách. Lợi ích nhóm, quan hệ thân hữu, tham nhũng, lãng phí được đẩy lùi một bước.

(iii) Về xã hội:

Đến năm 2030, Việt Nam sẽ đạt được một số mục tiêu:

- (1) Sẽ là một xã hội sáng tạo, trọng tâm là sẽ tạo ra một môi trường cởi mở và tự do, khuyến khích học tập và sáng tạo đối với tất cả các công dân, những người sẽ được tiếp cận bình đẳng đến các cơ hội phát triển và tự do theo đuổi nghề nghiệp của mình, đồng thời hoàn thành trách nhiệm mà không làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia và cộng đồng;
- (2) Sẽ đạt được mục tiêu xã hội “dân chủ, công bằng, văn minh”.

Thể chế xã hội từng bước được hoàn thiện và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, khắc phục phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, sự phát triển mất cân đối giữa các vùng miền được thu hẹp; hình thành và phát triển các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội, đáp ứng yêu cầu và làm động lực nội sinh chủ đạo phát triển nhanh - bền vững đất nước. Thực hiện có hiệu quả dân chủ xã hội, nhất là dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực thi có hiệu quả cơ chế giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt động của các tổ chức Đảng và Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến quốc kế dân sinh, đến quyền và lợi ích của người dân. Nâng cao niềm tin, sự tín nhiệm, hài lòng và sự ủy thác của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Về giáo dục - đào tạo, với mục tiêu là xây dựng nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.

Sự phát triển của Việt Nam được đặt trong tổng hòa của tính bền vững, bao trùm về kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường tự nhiên. Đó là một nền kinh tế dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tăng trưởng xanh và có khả năng chống chịu cao của biến đổi khí hậu, thiên tai, xã hội phát triển hài hòa với các giá trị truyền thống dân tộc và mọi người dân đều được hưởng lợi từ thành quả phát triển; không để ai bỏ lại phía sau.

(iv) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại:

- Tiềm lực kinh tế tăng đã góp phần quan trọng nâng cao năng lực quốc phòng và khả năng răn đe của đất nước, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân tiến lên hiện đại.

- Thể chế hội nhập quốc tế được hoàn thiện góp phần đưa quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu; tận dụng được các cơ hội, tranh thủ ngoại lực, chuyển hóa ngoại lực thành nội lực, “hóa giải” được các thách thức; thực hiện có hiệu quả các hiệp định và cam kết quốc tế. Chủ động điều chỉnh chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế, vừa có tầm nhìn dài hạn, vừa ứng phó có hiệu quả, giảm tác động tiêu cực của các biến động quốc tế và khu vực (như cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đang diễn ra)... Đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Ba là, các thách thức:

(i) Về kinh tế:

Khoảng cách thu nhập của Việt Nam với các quốc gia trong cùng khu vực và thế giới ngày càng rộng.

Dưới tác động của hội nhập quốc tế, đặc biệt khi Việt Nam thực thi các cam kết trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) thì sức ép đối với Việt Nam là rất lớn: (1) Những hạn chế trong năng lực cạnh tranh quốc gia có thể là nhân tố cản trở Việt Nam khai thác những cơ hội mà CPTPP mang lại; (2) Sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp Việt Nam sẽ tăng lên và nguy cơ thất bại của các doanh nghiệp trên chính thị trường nội địa; (3) Có thể khiến Việt Nam giảm nguồn thu ngân sách từ thuế nhập khẩu; (4) Dẫn tới gia tăng chi phí cải cách hành chính của Chính phủ và các chi phí của doanh nghiệp; (5) Có thể dẫn tới những tác động tiêu cực từ việc mở cửa thị trường mua sắm công, ảnh hưởng đến vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động.

CPTPP yêu cầu Việt Nam phải có những bước tiến mới mạnh mẽ hơn về cải cách thể chế kinh tế để tạo ra được động

lực nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đối với Việt Nam, có một số thách thức đáng kể liên quan đến tận dụng các cơ hội mà Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại để thúc đẩy phát triển nông nghiệp: (1) Khả năng ứng dụng, hấp thụ các công nghệ của Việt Nam rất hạn chế; (2) Kể cả khi có thể ứng dụng được các công nghệ này thì cần phải giải quyết thách thức liên quan đến bất bình đẳng, vì nhiều người nông dân có trình độ và năng lực còn hạn chế nên khó được hưởng lợi, thậm chí còn phải đối mặt với sự giảm giá của các sản phẩm mà họ làm ra do phải cạnh tranh với các sản phẩm mới.

(ii) Về chính trị:

Nhìn chung, lý luận chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn, tính dự báo còn thấp. Công tác nghiên cứu lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn vẫn còn bất cập, chưa làm sáng tỏ một cách thuyết phục một số vấn đề đặt ra trên con đường đổi mới để đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hệ thống chính trị tuy được đổi mới nhưng vẫn công kênh, chông chéo, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước chưa cao, chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế và đổi mới các lĩnh vực khác.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tuy có bước phát triển, nhưng chưa đi vào thực chất, vẫn còn biểu hiện hình thức.

(iii) Về xã hội:

Từ nay đến năm 2030, Việt Nam phải đối mặt với cơ cấu dân số biến động rất mạnh. Trong 20 năm qua, Việt Nam đã được hưởng lợi thế từ cơ cấu dân số vàng - tỷ trọng dân số

trong độ tuổi lao động cao đã đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế. Lợi thế đó đến nay đang hết dần. Bên cạnh đó, đa phần người cao tuổi phải đối mặt với gánh nặng “bệnh tật kép”, chủ yếu là các bệnh mãn tính không lây nhiễm phải điều trị suốt đời.

Hệ quả của sự biến đổi dân số này là: (1) Tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động giảm, đồng nghĩa với động lực chính thúc đẩy tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người sẽ yếu đi, khiến cho đầu tư chiều sâu cho vốn con người và các nhân tố đẩy mạnh tăng năng suất khác càng trở nên thiết yếu hơn nếu muốn duy trì tăng trưởng cao; (2) Gánh nặng về chi hưu trí và hệ thống y tế sẽ là những thách thức nghiêm trọng đối với ngân sách nhà nước; (3) Cơ chế, thể chế để bảo đảm chăm sóc người cao tuổi sẽ nhanh chóng trở thành một vấn đề lớn cần quan tâm.

(iv) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại:

- Môi trường đối ngoại sẽ còn phức tạp, khó lường. Các đối tác lớn của Việt Nam đang trong quá trình điều chỉnh chiến lược, bối cảnh thế giới thường xuyên biến động, môi trường chính trị, an ninh, kinh tế khu vực và thế giới đang trở nên bất ổn với các tác động nhanh, mạnh và bất ngờ hơn. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn sẽ quyết liệt, chính trị cường quyền quay trở lại mạnh hơn, nhất là trong khu vực. Việc thực hiện nhiệm vụ bao trùm là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định do đó sẽ gặp nhiều thách thức.

- Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia trên biển sẽ đứng trước một số thách thức mới. Đó là do sự biến động phức tạp của tình hình, sự thay đổi so sánh lực lượng, sự tính toán của các nước có liên quan, sự nổi lên của chủ nghĩa đơn phương, thiếu tôn trọng luật pháp quốc tế.

Các cơ chế kiểm soát bất đồng, khủng hoảng trong khu vực chưa phát huy hiệu lực, hiệu quả; các thể chế đa phương khó đạt được lập trường chung đủ mạnh. Tình hình trên thực địa tiếp tục phức tạp, nguy cơ va chạm, đụng độ chưa được đẩy lùi.

- Chủ nghĩa bảo hộ đang gia tăng ở các thị trường xuất khẩu lớn của nước ta. Chiến tranh thương mại giữa các nước lớn đang hiện hữu. Vai trò của các thể chế đa phương lớn như WTO, APEC đang bị đe dọa. Sự phát triển của khoa học, công nghệ cũng đang đặt ra những vấn đề mới đối với thương mại và đầu tư nước ngoài.

- Công tác đối ngoại đa phương cũng sẽ gặp thách thức hơn. Hiện nay, vai trò của các thể chế đa phương đang có xu hướng giảm đi trước lối hành xử chính trị cường quyền coi trọng song phương. Trong khi đó, một số cơ chế đa phương mới lại có xu hướng phục vụ cạnh tranh nước lớn. Ở trong khu vực, ASEAN vẫn còn nhiều khó khăn trong việc củng cố vai trò trung tâm.

2. Những vấn đề đặt ra

Một là, về mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có một số vấn đề đặt ra về mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu 8 đặc trưng: về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội; về địa vị của nhân dân; về kinh tế; về văn hóa; về con người; về các dân tộc; về Nhà nước; về quan hệ với các nước trên thế giới. Ở đây có một số vấn đề đặt ra:

Thứ nhất, tám đặc trưng nêu trên đã bao quát đầy đủ các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng chưa?

Thứ hai, Cương lĩnh năm 2011 đề cập đến các dân tộc, nhưng vấn đề bao quát hơn là xây dựng quan hệ xã hội hài hòa.

Thứ ba, Cương lĩnh năm 2011 đề cập đến Nhà nước, nhưng vấn đề bao quát hơn là hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội) và Đảng không chỉ lãnh đạo Nhà nước mà còn lãnh đạo toàn xã hội.

Thứ tư, Cương lĩnh năm 2011 xác định đặc trưng về văn hóa và đặc trưng về con người. Về thực chất, nội dung cốt lõi của văn hóa là xây dựng con người. Hai vấn đề này quan hệ chặt chẽ với nhau, có nên chia thành hai đặc trưng không?

Thứ năm, nội hàm của các đặc trưng đó là gì đến nay vẫn chưa được xác định rõ.

Cương lĩnh xác định: Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mới đây, Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII xác định: đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề đặt ra là: (1) Mối quan hệ giữa mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ với mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng như thế nào; (2) Nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội là gì, trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã là nền

tăng kinh tế của chủ nghĩa xã hội chưa? (3) Mục tiêu của từng giai đoạn là gì?

Thứ sáu, các đặc trưng đó thể hiện trong từng giai đoạn để quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn chưa được nghiên cứu hình dung trên những nét tổng quát nhất.

Hai là, về phương hướng cơ bản.

- Cần nghiên cứu làm rõ nội dung, tiêu chí của nền kinh tế tri thức. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải phù hợp với xu thế của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Không nên phát triển những ngành công nghiệp truyền thống tiêu hao nhiều nguyên, nhiên liệu, xả thải nhiều ra môi trường; sử dụng nhiều nhân công giá rẻ. Những ngành này đi ngược xu thế của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đã hết giới hạn phát triển. Thực tế phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cho phép chúng ta dần chuyển sang phát triển những ngành công nghiệp dựa trên khai thác trí tuệ sáng tạo của con người, ít sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

- Tiếp tục giải quyết tốt mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội. Để bảo đảm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì phải giải quyết tốt quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội trên thực tế. Có 4 chủ thể tham gia giải quyết mối quan hệ này là Nhà nước, thị trường, xã hội và doanh nghiệp. Cần giải quyết hài hòa lợi ích của 4 chủ thể này. Đồng thời, cần khắc phục triệt để cơ chế bao cấp, “xin - cho” trá hình, vì còn “xin - cho” thì chưa thể có cơ chế thị trường đúng nghĩa. Đặc biệt, cần chuyển tư duy “xin - cho” sang tư duy phân bổ nguồn lực dựa trên kết quả đầu ra; căn cứ trên các nguyên tắc thị trường để phân bổ nguồn lực; tăng tính tự chủ cho địa phương, doanh nghiệp trong sử dụng nguồn lực.

Cơ chế “xin - cho” là điểm nghẽn cố hữu trong việc giải quyết quan hệ Nhà nước - thị trường ở nước ta hiện nay. Vì vậy, thay vì nhà nước trực tiếp phân bổ, thì nhà nước thực hiện hoàn thiện thể chế để thị trường phân bổ một cách tối ưu các nguồn lực, trước hết là các nguồn lực tài chính, đất đai. Muốn vậy, hệ thống thể chế về thẩm định, phê duyệt dự án, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn lực phải được rà soát tổng thể để bổ sung, chỉnh sửa theo hướng minh bạch hóa, xóa bỏ lợi ích cục bộ ngành, địa phương.

- Ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục sự tha hóa của con người Việt Nam do tác động mặt trái kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế cũng như do quản lý kinh tế - xã hội, quản lý cán bộ chưa hiệu quả của chúng ta. Phải khắc phục cho được tính thực dụng, vụ lợi, cá nhân chủ nghĩa, lợi ích nhóm, vô cảm, thờ ơ với nỗi đau, sự không may mắn của đồng loại, của nhân dân ở đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Khắc phục tính ngoại lai, lai căng, ít hiểu biết lịch sử của cha ông, dân tộc. Đồng thời, phải khắc phục những hạn chế vốn có của con người Việt Nam nói chung như nghiêng về tư duy kinh nghiệm, yếu tư duy chiến lược; ngại thay đổi; tư tưởng gia trưởng; trọng tình hơn lý; nể nang, tùy tiện; lối sống mang nặng tâm lý cộng đồng làng xã, v.v.. Chỉ trên cơ sở khắc phục những hạn chế này chúng ta mới phát huy được tối đa mặt mạnh của con người Việt Nam. Chúng ta phải tạo điều kiện cho mỗi người Việt Nam được nói, được nghe, được phát biểu chính kiến của mình, được hiến kế sáng tạo. Muốn dân chủ thực sự thì phải dân chủ hóa đời sống kinh tế làm cơ sở cho dân chủ hóa đời sống chính trị, lấy dân chủ hóa trong Đảng làm điều kiện, tiền đề để dân chủ hóa đời sống xã hội. Tuy nhiên, thực hành dân chủ phải

theo tinh thần đổi mới. Dân chủ là điều kiện cho đổi mới, không có dân chủ thì không có đổi mới. Có đổi mới thì mới có cơ sở để sáng tạo. Do vậy, đổi mới phải sáng tạo, không sáng tạo thì không thể là đổi mới. Làm được như vậy thì mọi hoạt động mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đồng thời, thực hành dân chủ là thực hiện quyền làm chủ của nhân dân một cách thực sự, giảm bớt dân chủ gián tiếp, tăng cường dân chủ trực tiếp của người dân. Phát huy dân chủ phải đi đôi với giữ gìn kỷ cương, kỷ luật, tránh dân chủ hình thức.

Cần tập trung nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm hình thành 3 trụ cột trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh mang tầm khu vực: (1) phát triển thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên địa bàn biển, đảo mà lực lượng nòng cốt là hải quân mạnh; (2) phát triển kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ quốc phòng, an ninh tiên tiến, hiện đại; (3) xây dựng đội ngũ cán bộ chỉ huy và chuyên gia kỹ thuật quốc phòng, an ninh tinh nhuệ. Đồng thời nghiên cứu, chủ động xây dựng các phương án dự phòng cho việc xử lý những vấn đề an ninh phi truyền thống.

- Nghiên cứu làm rõ hơn nội hàm của khái niệm lợi ích quốc gia, dân tộc; độc lập, chủ quyền; thế nào là ưu tiên bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong hội nhập quốc tế hiện nay. Trên cơ sở đó, cụ thể hóa, thể chế hóa bằng các chính sách phù hợp với tình hình trong nước, khu vực và quốc tế.

- Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn thí điểm, đề xuất cơ chế thực hiện dân chủ trực tiếp cho nhân dân, trước hết là thực hiện nhân dân bầu trực tiếp các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở và cấp huyện, tiến tới thực hiện phổ biến trên cả nước và ở tất cả các cấp.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam để tránh lạm quyền, lộng quyền và buông lỏng quyền lực.

- Tiếp tục kiên định, kiên trì xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, để Đảng thực sự là đạo đức, là văn minh, là lương tâm, trí tuệ của thời đại. Có như vậy mới lấy lại được niềm tin của nhân dân vào Đảng và mới giữ được vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Trong điều kiện hiện nay, “mất dân”, “mất niềm tin” của nhân dân là mất vai trò cầm quyền của Đảng.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ TIẾP TỤC BỔ SUNG, HOÀN THIỆN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 2011

Trên cơ sở tổng kết lý luận, đánh giá tình hình 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, có thể đề xuất một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển trong thời gian tới:

(1) Từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu và Trung Âu sụp đổ, diễn biến của tình hình thế giới rất phức tạp, khó lường. Các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh giữa các cường quốc, các khu vực vận động nhanh chóng. Trong điều kiện đất nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào đời sống thế giới về nhiều mặt, diễn biến tình hình và những mối quan hệ đó có ý nghĩa rất quan trọng. Đó là một trong những cơ sở để xác định phương pháp tiếp cận, điều kiện để quyết định những chủ trương,

đường lối trong xây dựng, phát triển đất nước, chủ động trong dự báo và chuẩn bị các điều kiện cần và đủ để kịp thời ứng phó với những tình huống phức tạp có thể xảy ra. Tiếp tục nghiên cứu, nhận thức sâu sắc và cập nhật về tính chất, đặc điểm của thời đại, bối cảnh và những yếu tố từ bên ngoài tác động đến công cuộc xây dựng và phát triển của nước ta trở thành yêu cầu cấp thiết và thường xuyên. Nghiên cứu về sự phát triển có tính quy luật của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những thay đổi của nó để thích ứng với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học, kỹ thuật và công nghệ, nhất là các điều kiện của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như quá trình xã hội hóa của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế tri thức. Nghiên cứu làm rõ các quá trình liên kết, tập hợp lực lượng của các cường quốc và ảnh hưởng của các quá trình ấy đối với công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. Nghiên cứu quá trình suy giảm các định chế quốc tế cũ, sự hình thành, phát triển các định chế quốc tế mới và vai trò của chúng trong việc giải quyết các vấn đề chung của thế giới. Tiếp tục nghiên cứu để làm rõ tính quy luật, các điều kiện chi phối cuộc đấu tranh vì hòa bình, công bằng và tiến bộ xã hội của nhân dân các dân tộc.

(2) Tiếp tục nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt chú trọng nghiên cứu tổng kết quá trình Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, rút ra những bài học kinh nghiệm, làm rõ những vấn đề còn hạn chế, những vấn đề không còn phù hợp với thực tiễn, những vấn đề cần đổi mới. Nghiên cứu các thành tựu mới về phát triển lý luận chính trị của thế giới, nhất là những thành tựu nghiên cứu về các mô hình, thể chế

chính trị hiện đại, những vấn đề có tính quy luật trong việc giải quyết các quan hệ chính trị, các mâu thuẫn xã hội. Việc nghiên cứu cần được triển khai có kế hoạch, đảm bảo tính chất khách quan, đa dạng. Trên cơ sở nghiên cứu đó, tiếp thu có chọn lọc những giá trị tích cực, mở mang nhận thức lý luận chung của Đảng, của nhân dân ta, tạo thêm cơ sở cho việc củng cố niềm tin của nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã lựa chọn.

(3) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhận thức lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, làm rõ và sâu sắc hơn cơ sở lý luận, cơ sở thực tế và tính quy luật nào chi phối, quyết định thành phần, tính chất của mô hình ấy. Nghiên cứu bổ sung, phát triển, làm rõ nội hàm, sự biểu hiện của các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng. Tiếp tục cụ thể hóa các đặc trưng của mô hình mục tiêu đó trong điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta, lấy đó làm một cơ sở quan trọng cho việc hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội cụ thể. Chú trọng việc nghiên cứu làm rõ hơn cơ sở khoa học, cơ sở thực tế của mô hình đó làm cơ sở cho công tác tư tưởng của Đảng, cơ sở cho việc đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ đường lối chính trị của Đảng.

Nghiên cứu làm rõ hơn các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tổng kết thực tiễn, làm rõ những thành công, hạn chế, các bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết các mối quan hệ đó trong thời gian qua, đề xuất các chủ trương, chính sách nhằm giải quyết tốt nhất các mối quan hệ đó, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thời kỳ mới.

(4) Nghiên cứu để xác định rõ hơn *mục tiêu, phương hướng, mối quan hệ lớn cần giải quyết* trong xây dựng, phát triển đất nước ta từ nay đến giữa thế kỷ XXI và đến kết thúc thời kỳ quá độ. Đặc biệt, cần tiếp tục làm rõ các cơ sở lý luận và thực tiễn, trong đó có những đặc điểm của thời đại, những giá trị chung của nhân loại, của việc xác định các mục tiêu, phương hướng đó, bảo đảm cho mục tiêu, phương hướng xây dựng, phát triển đất nước vừa đúng với định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa hài hòa với những giá trị nhân văn, tiến bộ chung của thế giới.

Tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, các mối quan hệ lớn cần giải quyết nhằm xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ thành các chủ trương, chính sách, giải pháp thực tế. Đồng thời, thúc đẩy nhanh việc xây dựng thể chế, hoàn thành các điều kiện, đảm bảo các nguồn lực cần thiết để tổ chức thực hiện thành công những mục tiêu, phương hướng đó. Nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu, phương hướng đó, giúp cho việc kịp thời đề ra các giải pháp giải quyết nhanh chóng và hữu hiệu. Đặc biệt, cần tiếp tục nghiên cứu, xem xét để bổ sung mối quan hệ lớn “giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”. Đây là mối quan hệ lớn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, 3 yếu tố *Nhà nước, thị trường và xã hội* có quan hệ hữu cơ với nhau, phụ thuộc và quy định lẫn nhau, trở thành mối quan hệ cốt yếu góp phần tạo thành đặc sắc của chế độ. Trên thực tế, nếu không giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, để cho một trong các yếu tố đó có vấn đề, sẽ ảnh hưởng rất tiêu cực đến sự ổn định chính trị - xã hội, chưa nói đến những cản trở, hạn chế cho sự phát triển chung của đất nước.

(5) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhận thức lý luận về kinh tế, xã hội và những vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ tính quy luật của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ, tác động qua lại của nền kinh tế ấy với các lĩnh vực khác của đời sống chính trị - xã hội. Chú ý nghiên cứu tổng kết, đánh giá, rút ra những bài học về vấn đề quản lý, sử dụng, phát huy nguồn lực đất đai, tài nguyên thiên nhiên, tài sản công và các nguồn lực xây dựng đất nước trong thời gian qua. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, đề xuất được những nội dung, giải pháp, điều kiện cần và đủ nhằm khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên của đất nước, nhất là đất đai. Tiếp tục nghiên cứu các vấn đề về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, con đường và các giải pháp để giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nền kinh tế theo những quy luật khách quan của thị trường với đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế của đất nước với đảm bảo sự ổn định về chính trị, xã hội, sự bền vững của chế độ. Nghiên cứu làm rõ vai trò, vị trí, tính chất của các khu vực kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định các chính sách nhằm phát triển mạnh mẽ, hợp lý các khu vực kinh tế, quản lý và phát huy tốt nhất hiệu quả của các khu vực kinh tế trong xây dựng, phát triển đất nước.

(6) Tiếp tục nghiên cứu phát triển nhận thức lý luận về văn hóa và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với văn hóa và môi trường xã hội. Có nghiên cứu

đánh giá về môi trường xã hội, làm rõ các yếu tố tích cực, các yếu tố tiêu cực đối với sự phát triển nhân cách của con người Việt Nam hiện nay, đề xuất các nội dung, giải pháp nhằm xây dựng môi trường sống lành mạnh, nhân văn. Làm rõ hơn vai trò của con người với tính chất vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Nghiên cứu, tổng kết hệ giá trị của nền văn hóa, con người Việt Nam hiện đại, kịp thời đề xuất các chính sách để tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam văn minh, hiện đại, yêu nước, sáng tạo, thấm nhuần các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, có bản lĩnh vững vàng trong môi trường quốc tế phức tạp, nhiều thách thức.

(7) Tiếp tục nghiên cứu phát triển nhận thức lý luận về Đảng Cộng sản, Nhà nước, nhân dân và mối quan hệ giữa các chủ thể quyền lực trong điều kiện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong điều kiện một đảng chính trị duy nhất cầm quyền, cần nghiên cứu và làm rõ một loạt vấn đề đang đặt ra như: vấn đề về dân chủ trong chính trị; vấn đề về nguyên tắc, phương pháp, mô hình xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; vấn đề giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện, quản lý, đánh giá, sử dụng cán bộ, đảng viên; vấn đề về kiểm soát và giám sát quyền lực, ngăn chặn sự tha hóa quyền lực, lợi dụng quyền lực để thăng quan, phát tài, tham nhũng, lãng phí; vấn đề về vai trò, quyền làm chủ, phương thức làm chủ và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân... Nghiên cứu làm rõ tính quy luật trong mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ đó, các nội dung, giải pháp cần làm để không ngừng tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân;

không ngừng củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ; phát huy sức mạnh niềm tin ấy thành sức mạnh sáng tạo trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ. Nghiên cứu để làm rõ hơn mối quan hệ, tính chất đặc thù, tổ chức hệ thống, cơ chế vận hành, tác động qua lại giữa Đảng cầm quyền, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý đất nước và nhân dân thực hiện quyền là chủ, làm chủ xã hội. Cần tiếp tục nghiên cứu và làm rõ vấn đề xây dựng mối quan hệ và ứng xử của Đảng với các tổ chức chính trị quốc tế, các quốc gia, dân tộc trên thế giới...

(8) Nghiên cứu những vấn đề có tính quy luật, những bài học kinh nghiệm quốc tế và trong nước về bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ gìn hòa bình và điều kiện ổn định chính trị - xã hội cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Nghiên cứu nâng cao nhận thức, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chiến lược quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc về các vấn đề: xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh toàn dân; xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, hiện đại và lực lượng dự bị chiến lược hùng hậu; vấn đề kết hợp giữa phát triển kinh tế và quốc phòng; nâng cao năng lực nghiên cứu dự báo về quốc phòng, an ninh, nhất là chủ động dự báo về những nguy cơ bạo loạn, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, gây mất trật tự xã hội; nội dung và giải pháp nhằm kiên quyết, kiên trì và chủ động bảo vệ Tổ quốc; tham gia các cơ chế đa phương, xây dựng lòng tin chiến lược để góp phần bảo vệ hòa bình thế giới và tạo lập các điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, hòa bình, ổn định cho đất nước. Nghiên cứu vấn đề an ninh phi truyền thống, làm rõ

nội dung, giải pháp nhằm chủ động ứng phó, giải quyết kịp thời những tình huống ảnh hưởng đến an ninh đất nước có thể xảy ra; chủ động ứng phó có hiệu quả với tình trạng biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, chủ động cập nhật đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại; coi đối ngoại như một bộ phận không tách rời, có ý nghĩa trọng yếu, thường xuyên của lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Nghiên cứu làm rõ nội dung, giải pháp, các yếu tố cần xây dựng, củng cố, phát huy trong công tác đối ngoại nhằm thực hiện tốt nhất vai trò, trách nhiệm của hoạt động đối ngoại trong việc giữ gìn môi trường hòa bình, củng cố sự tin cậy với các đối tác, thúc đẩy quá trình phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế của đất nước.

KẾT LUẬN

1. Cương lĩnh năm 2011 được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự tổng kết quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, trực tiếp là tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 25 năm thực hiện đường lối đổi mới và những dự báo xu thế phát triển của thế giới, của đất nước. Trên cơ sở kiên định về mục tiêu, Cương lĩnh năm 2011 đã tiếp tục bổ sung, hoàn thiện mô hình, phương hướng và những định hướng phát triển đất nước. Trong 10 năm qua, các văn kiện của Đảng đã quán triệt, nhất quán những vấn đề có tính nguyên tắc, đồng thời không ngừng cụ thể hóa, làm phong phú, sâu sắc hơn nội dung của Cương lĩnh, tiếp tục làm sáng tỏ hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nhận thức về bối cảnh quốc tế trong thế giới đương đại: Từ những dự báo, nhận định tổng quát, được trình bày trong Cương lĩnh, Đảng đã tiếp tục cập nhật những động thái, xu hướng, diễn biến mới ở khu vực, quốc tế, nhất là sự điều chỉnh chiến lược và sự cạnh tranh, đấu tranh quyết liệt giữa các nước lớn; sự trỗi dậy chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ; sự gia tăng các thách thức an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống; sự phát triển như vũ bão của

khoa học - công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...; đồng thời phân tích những tác động thuận, không thuận đến nước ta để chủ động ứng phó.

Về 8 đặc trưng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh năm 2011: Những năm qua, Đảng nhận thức sâu sắc hơn nội hàm của từng đặc trưng và mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các đặc trưng. Nổi bật là nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, về vai trò và quyền làm chủ của nhân dân; về vị trí trung tâm của kinh tế - xã hội, về phát triển kinh tế nhanh, bền vững, chú trọng chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; về vai trò nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh của văn hóa, vai trò chủ thể, động lực phát triển của con người; về vai trò, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; về sự gắn bó dân tộc và nhân loại, quốc gia và quốc tế. Đảng cũng nhận thức sâu sắc hơn thời cơ, thách thức đối với đất nước để tính toán các bước đi, thiết kế các hình thức tổ chức kinh tế - xã hội quá độ phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng giai đoạn, từng thời điểm.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh năm 2011 là định hướng quan trọng. Đại hội XI, XII và các hội nghị Trung ương (đặc biệt là các hội nghị Trung ương 5, 7, 8 khoá XII) đã cụ thể hóa mục tiêu, tiêu chí, chỉ tiêu phấn đấu qua chiến lược phát triển 10 năm, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, với tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI.

Về các phương hướng cơ bản: Trong 10 năm qua, bám sát 8 phương hướng cơ bản nêu trong Cương lĩnh năm 2011,

Đảng đã cụ thể hóa, bổ sung, làm sáng tỏ hơn phương hướng phát triển đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tiếp cận theo tư duy mới gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; nhấn mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; chú trọng chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; phát triển nhanh, bền vững. Nhận thức về kinh tế thị trường, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn theo hướng xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập, bảo đảm độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Phương hướng xây dựng văn hóa, con người; phát triển xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng và chỉnh đốn Đảng... được cụ thể hóa, bổ sung về nhận thức, ngày càng hoàn thiện, phong phú hơn. Đặc biệt, quan hệ gắn bó giữa 8 phương hướng cơ bản đã được Đảng nhận thức một cách khoa học theo tư duy tổng thể: “Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”¹.

Về các mối quan hệ lớn: Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh, trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.17.

phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt 8 mối quan hệ lớn: giữa đổi mới, ổn định và phát triển; đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Đây là sự khái quát ở tầm lý luận những vấn đề cốt lõi phản ánh quy luật vận động của cách mạng Việt Nam thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh năm 2011, trên cơ sở bám sát thực tiễn đổi mới, Đảng nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn ý nghĩa đặc biệt quan trọng của việc nhận thức, giải quyết các mối quan hệ lớn, đồng thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu mới. Văn kiện Đại hội XII của Đảng điều chỉnh quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” thành “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa”, bổ sung mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường. Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII phát triển mối quan hệ “giữa nhà nước và thị trường” thành “giữa nhà nước, thị trường và xã hội”. Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được xác định rõ hơn, có nhiều nhận thức mới. Nhận thức về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng có những bước tiến quan trọng.

2. *Về thực tiễn*, trong 10 năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn, nhưng kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, toàn diện trên hầu

hết các lĩnh vực. Sau thời kỳ suy giảm do những yếu tố quốc tế và trong nước, tốc độ tăng trưởng kinh tế được phục hồi và liên tục duy trì ở mức độ cao. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược có bước chuyển biến tích cực, đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được xác lập đầy đủ theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kết cấu hạ tầng được xây dựng ngày càng đồng bộ, với một số công trình hiện đại.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Tỷ lệ giảm nghèo ấn tượng. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội từng bước được nâng cao. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao, tạo môi trường hòa bình, thuận lợi để phát triển đất nước.

Hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng được tăng cường. Vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững.

Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh

năm 2011, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng rõ hơn và từng bước được hiện thực hóa; đất nước phát triển mạnh mẽ, toàn diện và đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*. Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt, trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là sản phẩm sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, Cương lĩnh tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu vì một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

3. Tuy nhiên, Cương lĩnh năm 2011 đưa ra những tư tưởng chỉ đạo lớn, những định hướng tổng quát, cơ bản nhất với tầm nhìn rất xa. Để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, nhiều đột biến, tình hình đất nước đang và sẽ xuất hiện nhiều vấn đề rất mới về lý luận, thực tiễn phải giải đáp, một mặt chúng ta phải kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc đã được nêu trong Cương lĩnh, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không đi chệch hướng. Mặt khác phải không ngừng sáng tạo, dự báo đúng đắn,

nắm bắt kịp thời những xu thế phát triển mới của thời đại, nhận thức đúng những chuyển biến mới, những yêu cầu mới của thực tiễn đất nước để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nội dung của Cương lĩnh và sáng tạo trong tổ chức thực hiện để tinh thần, tư tưởng của Cương lĩnh đi vào đời sống. Kiên định và đổi mới sáng tạo chính là phương pháp biện chứng mácxít, là phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh. Chỉ có suy nghĩ và hành động theo phép biện chứng đó thì Cương lĩnh mới không trở thành những tín điều khô cứng mà thật sự là ngọn cờ tư tưởng, lý luận, kim chỉ nam hành động có giá trị bền vững, lâu dài đối với toàn Đảng, toàn dân ta trên con đường đi tới một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.19.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyển tập* (6 tập), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971.
4. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1979, t.12.
5. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1981, t.30.
6. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1976, t.33.
7. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1976, t.34.
8. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.36.
9. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.38.
10. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.41.
11. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.43.

12. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.44.
13. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.45.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V* (tập 1, tập 2, tập 3), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội, tháng 01/1994.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

34. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018.
39. Đảng Lao động Việt Nam: *Văn kiện toàn quốc đại biểu Đại hội lần thứ hai của Đảng*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1965 - *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
40. Đảng Lao động Việt Nam: *Văn kiện Đại hội*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xuất bản, tháng 9/1960.
41. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1992.
42. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
43. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.

44. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1-15.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
47. Báo cáo chính trị Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Thông tấn xã Việt Nam, tháng 10/2017.
48. Nữu Tiên Chung: *Dự báo chiến lược thế kỷ XXI*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2012.
49. Cục Lý luận Ban Tuyên truyền Đảng Cộng sản Trung Quốc: *25 vấn đề lý luận trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
50. Nguyễn Khoa Điềm (Chủ biên): *20 năm đổi mới thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và phát triển văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
51. Thomas L. Friedman: *Thế giới phẳng - Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.
52. Eagleton: *Tại sao Mác đúng?*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012.
53. Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2009.
54. *Giác mộng Trung Hoa*, Thông tấn xã Việt Nam, Công ty xuất bản hữu nghị Trung Quốc, Bắc Kinh, 2010.

55. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
56. Geogre Friedman: *100 năm tới, dự báo cho thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
57. Geogre Friedman: *Thập niên tiếp theo - Đế quốc và nền cộng hòa trong một thế giới đang thay đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
58. PGS.TS. Trần Đình Hoan (Chủ biên): *Quan điểm và nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam giai đoạn 2005-2020*.
59. GS.TS. Vũ Văn Hiền: *Việt Nam và thế giới đương đại*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
60. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ 1986 đến nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
61. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2014.
62. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Những tranh luận mới của các học giả Nga về chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
63. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, GS.TS. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên): *Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận từ công cuộc đổi mới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2015.
64. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Phát triển khoa học, hài hòa trong xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa - lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

65. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Vững bước trên con đường đã chọn*, tái bản lần thứ nhất, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
66. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập I, 2008.
67. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập II, 2010.
68. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập III, 2014.
69. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
70. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Xây dựng Đảng cầm quyền - Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
71. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Chủ nghĩa xã hội - Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
72. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
73. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Dân chủ nhân quyền - giá trị toàn cầu và đặc thù quốc gia*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

74. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
75. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế ở Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
76. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Đảng Cộng sản lãnh đạo quá trình đổi mới tại Việt Nam, cập nhật hóa mô hình phát triển kinh tế - xã hội tại Cu Ba - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
77. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
78. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
79. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những thách thức và giải pháp đối với chính sách an sinh xã hội bền vững cho tất cả mọi người tại Việt Nam và Đức*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
80. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn chủ yếu trong quá trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở Việt Nam và Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.

81. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
82. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Luận cứ phê phán các quan điểm sai trái*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
83. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
84. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Vai trò của Đảng trong cập nhật hóa mô hình kinh tế - xã hội tại Cu Ba và đổi mới tại Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
85. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Phát triển và sáng tạo quản trị xã hội - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
86. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Hội nhập quốc tế và phát triển bền vững - Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Dân chủ xã hội Đức*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
87. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Niên giám khoa học năm 2017 (4 tập)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.
88. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Niên giám khoa học năm 2018 (4 tập)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.

89. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Niên giám khoa học năm 2019 (4 tập)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
90. Samuel P. Huntington: *Sự va chạm của các nền văn minh (tái bản lần thứ 3)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016.
91. TS. Nguyễn Mạnh Hùng: *Phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
92. TS. Phan Văn Hùng (Chủ biên): *Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
93. GS.TS. Nguyễn Văn Huyền (Chủ biên): *Giải phóng, đổi mới, phát triển vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
94. Nguyễn Văn Huyền: *Đảng Cộng sản cầm quyền - Nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
95. TS. Đinh Thế Huynh, GS.TS. Phùng Hữu Phú, GS.TS. Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Vũ Văn Hiền, PGS.TS. Nguyễn Viết Thông: *30 năm đổi mới và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
96. GS.TS. Ngô Thắng Lợi - TS. Vũ Thành Hưởng (Đồng chủ biên): *Phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
97. PGS.TSKH. Võ Đại Lộc: *Những vấn đề kinh tế Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.

98. Phạm Bình Minh (Chủ biên): *Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
99. TS. Lê Đình Mùi - ThS. Phạm Đức Toàn: *Vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 12/2014.
100. GS.TS. Lê Hữu Nghĩa (Chủ biên): *Những bài học của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
101. GS.TS. Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Hoàng Chí Bảo, PGS.TS. Bùi Đình Bôn (Đồng chủ biên): *Đổi mới quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
102. GS.TS. Lê Hữu Nghĩa, PGS.TS. Bùi Đình Bôn (Đồng chủ biên): *Thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng cầm quyền và Nhà nước trong việc thực hiện quyền lực của nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
103. GS.TS. Lê Hữu Nghĩa: *Tổ chức, triển khai nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
104. GS.TS. Phùng Hữu Phú: *Bí quyết thành công Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
105. GS.TS. Phùng Hữu Phú - GS.TS. Đinh Xuân Dũng (Đồng chủ biên): *Văn hóa - sức mạnh nội sinh của phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
106. GS.TS. Phùng Hữu Phú, GS.TS. Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Vũ Văn Hiền, PGS.TS. Nguyễn Việt Thông (Đồng chủ biên): *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa*

- xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
107. PGS.TS. Phạm Thái Quốc (Chủ biên): *Sở hữu trong nền kinh tế thị trường hiện đại: Lý luận, thực tiễn thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam*, Nxb. Lao động - xã hội, Hà Nội, 2015.
108. PGS.TS. Tô Huy Rúa (Chủ biên): *Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
109. Tô Huy Rúa - Trần Khắc Việt: *Làm người cộng sản trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
110. PGS.TS. Tô Huy Rúa, GS.TS. Hoàng Chí Bảo, PGS.TS. Trần Khắc Việt, PGS.TS. Lê Ngọc Tông (Đồng chủ biên): *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
111. PGS.TS. Tô Huy Rúa, GS.TS. Hoàng Chí Bảo (Đồng chủ biên): *Nghiên cứu thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.
112. Konrad Seitz: *Cuộc chạy đua vào thế kỷ XXI (tái bản lần thứ 2)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
113. Hernando De Soto: *Bí ẩn của vốn - Vì sao chủ nghĩa tư bản thành công ở phương Tây và thất bại ở mọi nơi khác*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
114. GS.TS. Lưu Văn Sùng: “Hoàn thiện thể chế bảo đảm kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 12/2014.

115. PGS.TS. Trịnh Đức Thảo: “Mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 8/2014.
116. GS.TS. Mạch Quang Thắng: “Về vấn đề năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam”, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 2/2014.
117. PGS.TS. Bùi Tất Thắng (Chủ biên): *Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam (thời kỳ 2011-2020)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.
118. TS. Nguyễn Đức Thành và TS. Phạm Văn Đại (Đồng chủ biên): *Thiết lập nền tảng mới cho tăng trưởng (Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2016)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
119. TS. Phạm Sỹ Thành (Chủ biên): *Kinh tế Trung Quốc - những rủi ro trung hạn*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014.
120. *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu tổng kết 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
121. Tài liệu tham khảo đặc biệt: *Nhìn lại 30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc*, Thông tấn xã Việt Nam.
122. Trần Văn Thọ: *Cú sốc thời gian và kinh tế Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2016.
123. PGS.TS. Nguyễn Việt Thông, TS. Đinh Quang Ty, TS. Lê Minh Nghĩa (Đồng chủ biên): *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.
124. PGS.TS. Lê Văn Toàn: “Sự đổi mới, hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 12/2013.

125. Nguyễn Phú Trọng: *Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tái bản, năm 2005.
126. Nguyễn Phú Trọng (Chủ biên): *Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
127. GS.TS. Nguyễn Phú Trọng - PGS.TS. Tô Huy Rúa - PGS.TS. Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên): *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
128. GS.TS. Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng chính đốn Đảng - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
129. GS.TS. Nguyễn Phú Trọng (Chủ biên): *Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
130. GS.TS. Nguyễn Phú Trọng: *Cương lĩnh chính trị - Ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
131. GS.TS. Nguyễn Phú Trọng (Chủ biên): *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
132. GS.TS. Nguyễn Phú Trọng: *Vững bước trên con đường đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.
133. GS.TS. Nguyễn Phú Trọng: *Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.
134. GS.TS. Phạm Quang Trung (Chủ biên): *Mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước ở Việt Nam đến năm 2020*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.

135. GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn (Chủ biên): *Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
136. PGS.TS. Nguyễn Thanh Tuấn (Chủ biên): *Quyền con người trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2014.

Tiếng Anh

137. Eric Hershberg and Christy: *The Development Imperative: Toward a People - Centered Approach*, Social Science Research Council, 810 Seventh Avenue, New York, NY. 10019.
138. Rod Hague and Martin Harrop: *Comparative government and politics: An introduction*, Palgrave; 2001.
139. David Held: *Models of Democracy*, Polity Press Ltd, 2006.
140. Andrew Heywood: *Politics*, 2002. Susan Scarrow: *Political parties and democracy in theoretical and practical perspectives - Implementing intra-party democracy*, 2005.
141. Fareedzakaria: *The Future of Freedom*, Pulish of W. W. Norton and Company New York-London, 2004.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Chương I</i>	
GIÁ TRỊ VÀ SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM LỚN CỦA CƯƠNG LĨNH NĂM 2011	7
I. Cương lĩnh, giá trị Cương lĩnh năm 2011	7
II. Vận dụng và phát triển những bài học kinh nghiệm lớn được đúc kết trong Cương lĩnh năm 2011	31
<i>Chương II</i>	
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	54
I. Nhận thức của Đảng ta về thời đại và thời kỳ quá độ	54
II. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	59
<i>Chương III</i>	
NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI	116
I. Về phát triển kinh tế	116

II. Về xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam	140
III. Về xã hội	163
IV. Về quốc phòng, an ninh	180
V. Về đối ngoại	198

Chương IV

**NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG** 217

I. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa	217
II. Đổi mới hệ thống chính trị	239
III. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	259
IV. Đảng Cộng sản Việt Nam và công tác xây dựng Đảng	279

Chương V

**ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ NHẬN THỨC
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUA 10 NĂM
THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH (BỔ SUNG,
PHÁT TRIỂN NĂM 2011); ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ** 306

I. Đánh giá tổng quát sự phát triển lý luận sau 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011	306
II. Đánh giá chung về thực trạng cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Cương lĩnh năm 2011 trong 10 năm qua	317
III. Tình hình mới và những vấn đề đặt ra đối với nhận thức và tổ chức thực hiện Cương lĩnh	324
IV. Đề xuất, kiến nghị về tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nhận thức lý luận và thực hiện Cương lĩnh năm 2011	343
<i>Kết luận</i>	351
<i>Tài liệu tham khảo</i>	358

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII
BÁO CÁO 10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH 2011

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG
**NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH
HIỆN ĐẠI HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

NGUYỄN PHÚ TRỌNG
**XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG LÀ NHIỆM VỤ THEN CHỐT
ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**



Giá: 175.000đ